

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2564



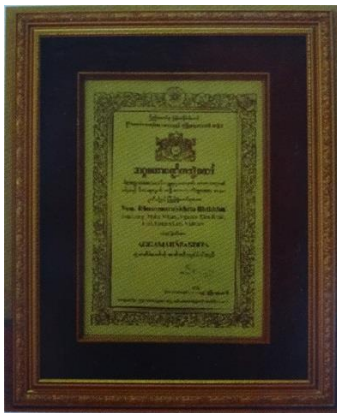
TÌM HIỂU
PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ
(DĀNAKUSALA)

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỶ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAĪĀPAṆḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2020



BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU
dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita
tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011
(Rằm tháng 2 P.L.2554)

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti”.
Pháp thí là cao thượng hơn các loại thí.

TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỒ-THÍ

Dhammapaṇṇākāra

Món Quà Pháp



Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THUYẾT
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2564

**TÌM HIỂU
PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ
(DĀNAKUSALA)**

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

*TỶ-KHUU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṄḌITA)*



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2020

Phật ngôn:

*“Vời thiện tâm hoan-hỷ,
Bố-thí vật hài lòng,
Thường được vật hài lòng.
Bố-thí vật quý báu,
Thường được vật quý báu.
Bố-thí vật tốt lành,
Thường được vật tốt lành.
Bố-thí vật quý nhất,
Thường được vật quý nhất.
Người bố-thí các vật,
Hài lòng hoặc cao quý,
Tốt lành hoặc quý nhất.
Họ sinh ở nơi nào,
Thường được sự sống lâu,
An-lạc và cao quý.”⁽¹⁾*

*Con đem hết lòng thành kính,
Đảnh lễ ân-đức tam-bảo.
Con xin biên soạn quyển sách,
“Tìm Hiểu Phước-Thiện Bố-Thí”,
Tùy theo khả năng của con.*

¹ Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, kinh Manāpadāyīsutta.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

*Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ

*Soạn-giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

Lời Nói Đầu

Đức-Phật dạy bài kinh Dadasutta: ⁽¹⁾

Kiṃ dado balado hoti, kiṃ dado hoti vaṇṇado.

Kiṃ dado sukhado hoti, kiṃ dado hoti cakkhudo.

Ko ca sabbado hoti, taṃ me akkhāhi pucchito 'ti.

Annado balado hoti, vatthado hoti vaṇṇado.

Yānado sukhado hoti, dīpado hoti cakkhudo.

So ca sabbadado hoti, yo dadāti upassayaṃ.

Amataṃdado ca so hoti, yo dhammamanusāsātīti.

*Vị thiên-nam hiện xuống hầu kính lễ Đức-Phật, rồi
bạch hỏi Đức-Phật 5 câu hỏi rằng:*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn,

*1- Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí vật gì thì gọi là cho
sức lực?*

¹ Sam. Sagāthāvaggasamyutta, Devatāsamyutta. Kiṃ dadasutta.

2- *Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí vật gì thì gọi là cho cho sắc đẹp?*

3- *Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí vật gì thì gọi là cho sự an-lạc?*

4- *Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí vật gì thì gọi là cho mắt sáng?*

5- *Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cách nào thì gọi là cho mọi thứ?*

Đức-Phật giải đáp 5 câu hỏi của vị thiên-nam như sau:

- *Này thiên-nam! Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí vật-thực thì gọi là cho sức lực.*

- *Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí y phục thì gọi là cho sắc đẹp.*

- *Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí phương tiện đi lại thì gọi là cho sự an-lạc.*

- *Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí các thứ đèn dùng để thắp sáng thì gọi là cho mắt sáng.*

- *Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí chỗ ăn ở, sinh sống thì gọi là cho mọi thứ.*

- *Này thiên-nam! Người nào thuyết dạy chánh-pháp, thuyết giảng Tam-tạng Pāli, Chú-giải Pāli, truyền dạy pháp-hành thiên-tuệ, người ấy bố-thí pháp bất tử mà bậc thiện-trí gọi là pháp-thí cao quý hơn tất cả mọi sự bố-thí khác.*

Trong Ādittajātaka ⁽¹⁾ tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-vua Roruva, ngự tại kinh thành Roruva, trị vì đất nước Sivi được tóm lược như sau:

Đức-vua Roruva là Đấng Minh-quân hoan-hỷ tạo phước-thiện bố-thí, nên truyền lệnh cho lập nhiều trại

¹ Jātakatthakathā, Aṭṭhakanipāta, tích Ādittajātaka.

bồ-thí phân phát những thứ nhu cầu cần thiết cho những người nghèo khổ, ... Đức-vua Roruva có Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddavijayā có trí-tuệ tuyệt vời.

Một hôm, Đức-vua Roruva ngự đi đến các trại bồ-thí, nhìn thấy những người thọ thí ấy đều là người không có giới trong sạch, không làm phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhiều, nên Đức-vua có ý muốn tạo phước-thiện cúng dường đến chư Phật Độc-Giác cao thượng là Bạc đàng cúng dường. Chư Phật Độc-Giác thường ngự ở tại dãy núi rừng Himavanta (Hi-mã-lạp-son) rộng lớn mênh mông. Đức-vua tự hỏi: Ai có khả năng đi kính thỉnh quý Đức-Phật Độc-Giác ấy được?

Đức-vua Roruva truyền bảo với Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddavijayā điều mong muốn của mình như vậy.

Nghe Đức-vua truyền bảo như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu tâu với Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng yên tâm, Hoàng-thượng vốn là Đức-vua hoan-hỷ trong phước-thiện bồ-thí, kính xin Hoàng-thượng thọ trì bát-giới uposathasīla, rồi nguyện rải gởi những đóa hoa lài nhờ đi tìm thỉnh chư Phật Độc-Giác ngự đến cung điện để Hoàng-thượng cúng dường vật thực và các thứ vật dụng cần thiết đến chư Phật Độc-Giác.

Do năng lực lời chân thật của Hoàng-thượng, Chư Phật Độc-Giác nghe biết sẽ ngự đến.

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu tâu như vậy, Đức-vua truyền bảo rằng: Sādhu! Sādhu! Lành thay!

Đức-vua Roruva thọ-trì bát-giới uposathasīla, truyền bảo quan cận thân đi tìm những đóa hoa lài đựng đầy trong cái mâm bằng vàng, đem đến dâng.

- Đức-vua Roruva tay cầm cái mâm bằng vàng đựng đầy hoa lài từ trên lầu đài ngự đi xuống ra đứng trước sân cung điện, ngồi quay mặt về hướng Đông, đánh lễ đủ 5 chi (2 cùi tay, 2 đầu gối, 1 cái trán) sát mặt đất, rồi ngồi chồm hồm chấp 2 cùi tay trên trán nói lên lời chân thật rằng:

“Con hết lòng thành kính đánh lễ chư Phật Độc-Giác đang ngự ở tại hướng Đông, nếu con có đủ duyên nên tế độ thì kính mong chư Phật Độc-Giác có tâm đại-bi tế độ, con kính thỉnh quý Ngài ngự đến cung điện này thọ nhận vật thực và các thứ vật dụng của chúng con trong ngày mai.”

Nói lời chân thật xong, Đức-vua Roruva rải tung 7 nắm hoa lài về hướng Đông kính thỉnh chư Phật Độc-Giác. Ngày hôm sau không có Đức-Phật Độc-Giác nào ngự đến, bởi vì trong hướng Đông không có Đức-Phật Độc-Giác.

- Vào ngày thứ nhì, Đức-vua Roruva ngồi quay mặt về hướng Nam, đánh lễ đủ 5 chi (2 cùi tay, 2 đầu gối, 1 cái trán) sát mặt đất, rồi ngồi chồm hồm chấp 2 cùi tay trên trán nói lên lời chân thật tương tự như ngày thứ nhất. Đức-vua Roruva rải tung 7 nắm hoa lài về hướng Nam kính thỉnh chư Phật Độc-Giác. Ngày hôm sau không có Đức-Phật Độc-Giác nào ngự đến, bởi vì trong hướng Nam không có Đức-Phật Độc-Giác.

- Vào ngày thứ ba, Đức-vua Roruva ngồi quay mặt về hướng Tây, đánh lễ đủ 5 chi (2 cùi tay, 2 đầu gối, 1 cái trán) sát mặt đất, rồi ngồi chồm hồm chấp 2 cùi tay trên trán nói lên lời chân thật tương tự như ngày thứ nhất. Đức-vua Roruva rải tung 7 nắm hoa lài về hướng Tây kính thỉnh chư Phật Độc-Giác. Ngày hôm sau không có

Đức-Phật Độc-Giác nào ngự đến, bởi vì trong hướng Tây không có Đức-Phật Độc-Giác.

- Vào ngày thứ tư, Đức-vua Roruva ngồi quay mặt về hướng Bắc, đánh lễ đủ 5 chi (2 cùi tay, 2 đầu gối, 1 cái trán) sát mặt đất, rồi ngồi chồm hổm chấp 2 cùi tay trên trán nói lên lời chân thật rằng:

“Con hết lòng thành kính đánh lễ chư Phật Độc-Giác đang ngự ở tại hướng Bắc, nếu con có đủ duyên nên tế độ thì kính mong chư Phật Độc-Giác có tâm đại-bi tế độ, con kính thỉnh quý Ngài ngự đến cung điện này thọ nhận vật thực và các thứ vật dụng của chúng con trong ngày mai.”

Nói lời chân thật xong, Đức-vua Roruva rải tung 7 nắm hoa lài về hướng Bắc kính thỉnh chư Phật Độc-Giác. Những đóa hoa lài bay đến rơi trước 500 Đức-Phật Độc-Giác đang ngự ở tại núi rừng Nandamūlaka. Chư Phật Độc-Giác suy xét thấy rõ, biết rõ Đức-vua Roruva rải những đóa hoa lài đến kính thỉnh quý Ngài ngự đi đến cung điện để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường.

Sáng ngày hôm sau, Đức-Phật Độc-Giác trưởng lão truyền gọi 7 Đức-Phật Độc-Giác đến, truyền bảo rằng:

- Nay chư Phật Độc-Giác, Đức-vua Roruva ngự tại kinh-thành Roruva rải những đóa hoa lài đến kính thỉnh chư Phật Độc-Giác, xin quý Ngài có tâm đại-bi ngự đến cung điện tế độ Đức-vua Roruva.

Bảy Đức-Phật Độc-Giác bay đến đáp xuống trước cửa cung điện, Đức-vua Roruva nhìn thấy 7 Đức-Phật Độc-Giác thì phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, đến cung kính đánh lễ 7 Đức-Phật Độc-Giác, rồi kính thỉnh 7 Đức-Phật Độc-Giác ngự đi lên lầu đài, kính thỉnh ngự ngồi trên chỗ cao quý, cung kính đánh lễ, rồi

cung kính cúng dường những thứ vật thực ngon lành đến 7 Đức-Phật Độc-Giác.

Sau khi 7 Đức-Phật Độc-Giác thọ thực xong, Đức-vua Roruva cung kính đánh lễ, rồi kính thỉnh 7 Đức-Phật Độc-Giác có tâm bi tế độ ngự đến liên tục thêm 6 ngày nữa.

Vào ngày thứ 7, sau khi 7 Đức-Phật Độc-Giác thọ thực xong, Đức-vua Roruva kính dâng cúng dường đồ dùng như giường nằm, chỗ ngồi, và các thứ vật dụng cần thiết tam y, v.v ... đến 7 Đức-Phật Độc-Giác.

Khi ấy, Đức-Phật Độc-Giác thuyết dạy Đức-vua Roruva và Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddavijayā bài kệ rằng:

- Nay Đức-vua, Chánh-cung Hoàng-hậu!

Khi ngôi nhà bị cháy, chủ nhân của ngôi nhà đem được thứ của cải nào ra khỏi nhà thì thứ của cải ấy có lợi ích đối với chủ nhân, những thứ của cải còn lại trong nhà đều bị lửa cháy thiêu hủy không có lợi ích đối với chủ nhân cả.

*Cũng như vậy, **thân tâm** này bị lửa già, lửa chết thiêu đốt ngày đêm, người nào có trí-tuệ biết đem thứ của cải nào của họ dù ít dù nhiều tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Phật có giới-đức trong sạch xứng đáng cúng dường thì thứ của cải ấy có lợi ích đối với người có trí-tuệ ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị lai, gọi là biết sử dụng của cải một cách tốt nhất.*

Những thứ của cải của họ còn lại không có lợi ích gì trong kiếp vị-lai đối với chủ nhân cả.

Sau khi Đức-Phật Độc-Giác thuyết dạy Đức-vua Roruva và Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddavijayā xong, 7 Đức-Phật Độc-Giác ngự bay trở về núi rừng

Nandamūlaka cùng với tất cả các thứ vật dụng cũng đều bay theo 7 Đức-Phật Độc-Giác.

Đức-Phật dạy nghiệp và quả của nghiệp rằng:

“Kammassako ’mhi kammadāyādo kammayoni, kamma-bandhu, kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi.”⁽¹⁾

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp’ ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

*Như vậy, trong đời này, chỉ có thiện-nghiệp và ác-nghiệp là của riêng mình mà thôi, ngoài nghiệp ra, không có thứ của cải tài sản nào trong đời này thật sự là **của riêng mình** cả, tất cả đều là **của chung** của tất cả mọi người.*

*Nếu người nào trong tiền-kiếp quá-khứ đã từng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến các bậc có giới-đức trong sạch, thì nay kiếp hiện-tại của người ấy, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả-báo, nên người ấy có quyền sở hữu **tạm thời** phần của cải tài sản lâu hoặc mau tùy theo quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy, đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy thì phần của cải tài sản ấy thuộc về của người khác, cho nên không có ai có quyền sở hữu **vĩnh viễn** phần của cải tài sản nào thật sự trong đời này được.*

*Tuy nhiên, bậc thiện-trí nào có trí-tuệ sáng suốt nếu biết sử dụng phần của cải tài sản nào thuộc về **của chung** mà bậc thiện-trí đang có quyền sở hữu **tạm thời**,*

¹ Ang. Pañcakanipāta, Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭṭhānasutta.

đem phần của cái ấy tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến các bậc có giới-đức trong sạch, trở thành đại-thiện-nghiệp bố-thí thuộc về **của riêng** vĩnh viễn của bậc thiện-trí ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Thật ra, **phước-thiện bố-thí** chỉ có thuận lợi đối với **loài người** trong cõi Nam-thiện-bộ-châu là trái đất mà chúng ta đang sinh sống mà thôi, bởi vì con người trong đời có số người này dư thừa vật dụng này, có số người kia thiếu thừa vật dụng kia, nên thường có sự trao đổi lẫn nhau trong cuộc sống hằng ngày của mỗi người. Vì vậy, người nào muốn tạo **phước-thiện bố-thí** thì rất thuận lợi hơn các chúng-sinh trong các cõi-giới khác trong tam-giới gồm có 31 cõi.

Thật vậy, các chúng-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp nên không thể tạo phước-thiện bố-thí.

- Mỗi vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới đang hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của mỗi vị, không nương nhờ nơi vị thiên-nam, vị thiên-nữ nào khác nên không có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí.

Nếu vị thiên-nam, vị thiên-nữ nào muốn tạo phước-thiện bố-thí thì vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy hiện xuống cõi người, hóa ra thành người để tạo phước-thiện bố-thí, rồi trở về cõi trời của mình.

- Mỗi vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên hưởng quả an-lạc vi-tế của sắc-giới thiện-nghiệp của mỗi vị, nên không có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí.

- Mỗi vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên hưởng quả an-lạc rất vi-tế của vô-sắc-giới thiện-nghiệp của mỗi vị nên không có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí.

*** Loài người trong 4 châu:**

- Loài người trong cõi Bắc-cưu-lưu-châu có tuổi thọ 1000 năm.

- Loài người trong cõi Đông-thắng-thần-châu có tuổi thọ 700 năm.

- Loài người trong cõi Tây-ngưu-hóa-châu có tuổi thọ 500 năm.

- Loài người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có tuổi thọ không nhất định.

Trong 4 châu này, thì loài người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có nhiều cơ hội thuận lợi tạo phước-thiện bố-thí đến những người khác hơn 3 châu còn lại.

Tính chất loài người trong cõi Nam-thiện bộ-châu

Loài người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu, là trái đất mà chúng ta đang sinh sống, có nhiều tính chất đặc biệt hơn các cõi-giới khác như sau:

- Có cơ hội tạo 10 phước-thiện nhất là phước-thien bố-thí cúng dường đến những Bậc có giới-đức trong sạch đáng được cúng dường.

- Chư Đức-Bồ-tát có cơ hội thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật mà pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật là một pháp-hạnh ba-la-mật hỗ trợ cho chư Đức-Bồ-tát thực-hành 9 pháp-hạnh ba-la-mật còn lại cho được thuận lợi.

- Chư Đức-Bồ-tát có cơ hội phát nguyện trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, nhị vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác, chư vị Đại-thanh-văn-giác là những đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Như vậy, loài người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có tính chất ưu việt, nhất là có nhiều cơ hội thuận lợi tạo

10 phước-thiện nhất là phước-thiện bố-thí hơn các loài chúng-sinh khác trong tam-giới.

Như thế nào gọi là phước-thiện bố-thí?

Phước-thiện bố-thí là 1 trong 10 pháp trong puññakriyāvattu⁽¹⁾, bố-thí là nhân sinh phước-thiện.

Bố-thí là một việc rất dễ dàng, nếu người nào có tiền của thì người ấy có thể đem tiền của ra bố-thí đến người khác, nhưng mà **bố-thí là nhân sinh phước-thiện** thì đó là điều không phải dễ dàng.

Thật vậy, **phước-thiện bố-thí** được thành tựu cần phải hội đủ 3 chi-pháp:

1- **Thí-chủ** là người có trí-tuệ hiểu biết 3 thời-kỳ tác-ý:

- **Pubbacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy.

- **Muñcetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm đang khi tạo phước-thiện bố-thí ấy.

- **Aparacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi.

2- **Vật thí** được phát sinh hợp pháp trong sạch.

3- **Người thọ thí** là Bậc có giới-đức trong sạch đáng được cúng dường.

Khi hội đủ 3 chi-pháp ấy mới thành tựu phước-thiện bố-thí thanh cao.

Ví dụ: Tuy mọi thí-chủ đồng tâm cùng nhau trong buổi lễ tạo **phước-thiện bố-thí** nào giống nhau, nhưng

¹ Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển V: Phước-Thiện, cùng soạn giả.

mà sau khi số thí-chủ ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người thì số người ấy có sự khác nhau do quả-báu của phước-thiện bố-thí trong kiếp trước như sau:

- Có số người thuộc về hạng **người tam-nhân**, nếu người tam-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiền-định thì có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Hoặc nếu người tam-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

- Có số người thuộc về hạng **người nhị-nhân**, nếu người nhị-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiền-định thì không có khả năng chứng đắc bậc thiền nào. Hoặc nếu người nhị-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì cũng không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

- Có số người thuộc về hạng **người vô-nhân cõi dục-giới** đui mù, câm điếc, tật nguyên từ khi đầu thai trong lòng mẹ. Khi sinh ra đời số người ấy biết tầm thường.

Sở dĩ kiếp hiện-tại của số người ấy có sự khác nhau là vì trong tiền-kiếp của số người ấy có tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí trong 3 thời-kỳ không giống nhau, tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao, bậc thấp khác nhau. Cho nên, quả-báu của phước-thiện bố-thí ấy của số thí-chủ khác nhau như vậy.

Vậy, tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong 3 thời-kỳ thế nào khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, để sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí cho quả tái-sinh kiếp sau làm **người tam-nhân**?

Quyển sách nhỏ “**Tìm Hiểu Phước-Thiện Bố-Thí**” này giải đáp cho quý độc-giả về vấn đề tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong 3 thời-kỳ như thế nào khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, để sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao, bậc thấp cho quả tái-sinh kiếp sau làm **người tam-nhân**, hoặc **người nhị-nhân**, hoặc **người vô-nhân cõi thiện-dục-giới**.

Quyển sách nhỏ “**Tìm Hiểu Phước-Thiện Bố-Thí**” này, bản sư đã cố gắng sưu tầm, gom nhặt các nguồn tài liệu có liên quan về phước-thiện bố-thí, từ Tam-tạng Pāli, Chú-giải Pāli, các bộ sách khác chỉ được bày nhiều thôi!

Tuy bản sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về phước-thiện bố-thí, song vì khả năng có hạn nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bốn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung cho phần đông chúng ta.

Bản sư kính cảm đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.

Quyển sách nhỏ “**Tìm Hiểu Phước-Thiện Bố-Thí**” này được hoàn thành do nhờ nhiều người giúp đỡ như là

Dhammavara Sāmaṇera xem kỹ bản thảo, *Dhammanandā upāsikā* đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách, lo việc ấn hành và được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành.

Bản sư vô cùng hoan hỷ biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là *Dhammarakkhita Bhikkhu* (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông *Vamsarakkhitamahāthera* là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiên-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão, đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (*Theravāda*) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh; và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục-giới... mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-

la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hy lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu dâng lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tân thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo** và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti), hưởng được mọi sự an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti), hưởng được mọi an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi người

*Chúng con chỉ có mong sớm được thành tựu quả báu
chúng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để
mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*Ichchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.*

*Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Mong cầu sớm được thành tựu như ý.*

*Phật-Lịch 2564 / DL. 2020
Rừng Núi Viên-Không
xã Tóc-Tiên, thị xã Phú Mỹ
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*

*Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO

LỜI NÓI ĐẦU

TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ

Phước-Thiện Bố-Thí (Dānakusala)	2
* Thành tựu phước-thiện bố-thí cần hội đủ 3 chi-pháp	3
1- Cetanādāna: Tác-ý đại-thiện-tâm bố-thí	3
2- Vatthudāna: Vật bố-thí	4
3- Paṭiggāhaka: Người thọ-thí.....	6
- Pāṭipuggalikadāna: Cá-nhân thọ-thí	6
- Saṃghikadāna: Chư tỳ-khuru-Tăng-thí.....	8
• Kinh Chaḷaṅgadānasutta	9
• Kinh Sappurisadānasutta.....	11
Phước-thiện bố-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng	12
1- Phước-thiện bố-thí cúng-dường y phục	12
1.1- Tích Bà-la-môn Cūlekasāṭaka.....	12
1.2- Tích tiền-kiếp của Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā	20
2- Phước-thiện bố-thí vật thực: Tích Bhikkhādāyakavimāna	30
3- Phước-thiện bố-thí cúng-dường chỗ ở	32
3.1- Tích Nandiyavatthu	32
3.2- Tích Ambavimāna	37
3.3- Phước-thiện bố-thí cột lá: Tích Ngài Trưởng lão Kuṭṭidāyakatthera ...	40
4- Phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh: Tích Ngài Trưởng lão Bākula.....	41

- Phước-thiện bổ-thí cho quả ngay hiện-tại	54
* Sampadā: Pháp thành-tựu có 4 pháp	54
Giảng giải về tác-ý trong 3 thời-kỳ	55
- Tính chất đặc biệt của cetanācetasika	56
- Năng lực của cetanādāna trong 3 thời-kỳ	59
1- Năng lực của pubbacetanā	60
• Tích Pañcapāpī	60
• Tích Kusajātaka	68
2- Năng lực của muñcacetanā	113
• Năng lực của pubbacetanā, aparacetanā	114
3- Năng lực của aparacetanā	116
Phân loại đại-thiện-nghiệp	117
- Thời-kỳ paṭisandhikāla và thời-kỳ pavattikāla	118
1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	119
2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp	122
3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	122
4- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp	125
- Đại-thiện-nghiệp khác nhau, quả khác nhau	126
Phước-thiện bổ-thí trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo ...	128
- Tích thiên-nam Aṅkura và thiên-nam Indaka	128
- Cúng-dường đến bậc Thánh-nhân có quả báu nhiều... ..	131
- Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp	133
- Tiền-kiếp của nhóm 500 vị tỳ-khưu	135
- Đức-Phật Gotama trở về cõi người	137
- Đức-Phật mở trống trái toàn cõi-giới	139
- Nhận xét về 2 vị thiên-nam Aṅkura và Indaka	141
- Tích bà-la-môn Velāma tạo phước-thiện bổ-thí	143
- Vua-trời Sakka tạo phước-thiện bổ-thí	147
- Tích Mahākassapaṭṭheraṇḍapātadinnavatthu	148
- Chu-thiên thấy 5 hiện-tượng báo trước sự chết	151
- Vua-trời Sakka thấy 5 hiện-tượng báo trước	152
- Vua-trời Sakka bạch hỏi 14 câu hỏi	153
- Vua-trời Sakka và các hậu-kiếp	154

Nhận xét về phước-thiện bố-thí	156
- Phước-thiện bố-thí cho quả liền kiếp hiện-tại	157
- Tích Mahāduggata.....	157
- Tích gia đình ông Puṇṇa	169
- Tích bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mallikā.....	174
- Phước-thiện bố-thí cho quả kiếp hiện-tại	183
Phân loại các phước-thiện bố-thí	184
- Phước-thiện bố-thí có 2 loại.....	184
• Āmisadāna và dhammadāna	184
• Vaṭṭanissitadāna và vivatṭanissitadāna	185
• Sāhatthikadāna và āṇattikadāna.....	187
• Sakkaccadāna và asakkaccadāna	188
• Ñāṇasampāyuttadāna và ñāṇavippayuttadāna	189
• Asaṅkhārikadāna và asaṅkhārikadāna	190
• Kāladāna và akāladāna	191
• Sappurisdāna và asappurisdāna.....	193
• Hai loại bố-thí: Kinh Dakkhiṇavibhaṅgasutta.....	196
• Thí-chủ với người thọ-thí: có 4 trường hợp	202
- Phước-thiện bố-thí có ba loại.....	205
• Dānadāsi, dānasahāya, dānasāmi.....	205
- Năm loại bố-thí gọi là đại-thí: Kinh Abhisandasutta	206
- Trường-cửu-thí (Thāvaradāna).....	210
Quả báu của phước-thiện bố-thí	211
- Quả báu phước-thiện bố-thí vạt thực:	
• Kinh Bhojanadānasutta	211
- Quả báu của phước-thiện bố-thí trong kiếp hiện-tại	212
• Kinh Sīhasenāpatisutta	212
Ba Đại Thí-Chủ Trong Phật-Giáo	214
* Tích ông phú hộ Anāthapiṇḍika	214
- Phú hộ Anāthapiṇḍika xây dựng ngôi chùa Jetavana ..	223
- Bố-thí cúng-dường của phú hộ Anāthapiṇḍika.....	226
- Ngày cuối cùng của ông phú hộ Anāthapiṇḍika.....	227

- Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika hiện xuống.....	230
- Tử sinh luân-hồi của vị thiên-nam Anāthapiṇḍika	232
* Tích cận-sự-nữ đại thí-chủ Visākhā	236
- Cận-sự-nữ đại thí-chủ Visākhā	239
- Bà Visākhā mua lại tám choàng, lấy tiền tạo ngôi chùa	269
- Bà Visākhā làm lễ khánh thành và lễ kính dâng ngôi chùa Pubbārāma	272
- Ngày cuối của cuộc đời bà Visākhā Migāramātā	273
* Đức-vua Asoka	277
- Đức-vua Asoka hằng ngày cúng-dường đến 600 ngàn chư tỳ-khuru-Tăng	280
- Đức-vua Asoka xây cất 84.000 ngôi chùa, bảo tháp ...	282
- Lễ khánh thành 84.000 ngôi chùa và bảo tháp	283
- Đức-vua Asoka trở thành thân quyến kế thừa của Phật-giáo	288
- Đức-vua Asoka giúp chấn hưng Phật-giáo	290
- Đức-vua Asoka thanh lọc tỳ-khuru giả tà-kiến.....	295
- Kết tập Tam-tạng lần thứ ba	295
- Đức-vua Asoka gửi phái đoàn chư tỳ-khuru-Tăng sang các nước láng giềng....	297
Những tích bố-thí	299
- Tích Pilindavacchatthervatthu.....	299
- Tích Phaladāyakavimāna: Lâu đài của người bố-thí 4 quả xoài	301
- Tích Ācāmadāyikāvimāna: Lâu đài của người bố-thí cơm cháy	304
- Bhikkhadāyikāvimāna dâng vật thực đến Đức-Phật.....	306
- Tích Ekapiṇḍapātadāyikātherī cúng-dường cơm sữa một lần	307
- Manāpadāyīsutta: Kinh người bố-thí vật vừa lòng thường được vật vừa lòng.....	311
- Sumanāsutta: Kinh công-chúa Sumanā.....	314

- Jāṇussoṇīutta: Kinh ông bà-la-môn Jāṇussoṇī	317
- Cūḷasetṭhipetavattu: Tích nga-quỷ Cūḷasetṭhi	324
- Tích Tirokuḍḍapetavattu	329
- Tích Sāriputtattheramātupeta	337
• Hồi-hương thành tựu	340
- Tích ông tỉnh trưởng Pāyāsi sai bảo người khác tạo phước-thiện bố-thí.....	341
- Kinh Dānūpapattisutta	345
- Nhận xét bài kinh Dānūpapattisutta	350
- Những tính chất của phước-thiện bố-thí.....	352
- Quả báu của phước-thiện bố-thí vật thực	353
- Quả báu riêng biệt của mỗi vật-thí	354
- Dhammika upāsakavattu: Tích cận-sự-nam Dhammika ...	356
- Tìm hiểu về đối-tượng lúc lâm chung	363
- Đối-tượng của cận-tử lộ-trình-tâm.....	364
- Giảng giải kamma, kammanimitta, gatinimitta.....	364
- Tích phú hộ Ānanda	368
- Kinh Kāmabhogīsutta.....	373
- Bố-thí có phước	378
- Bố-thí không có phước.....	379
- Xét về vật bố-thí như vàng, bạc, tiền bạc.....	380
- Biết cách tạo phước-thiện bố-thí	382
- Phước-thiện bố-thí nguyện giải thoát khổ	383
Lễ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng	385
- Lễ tạo phước-thiện bố-thí dâng những bộ y thường	385
- Lễ tạo phước-thiện bố-thí dâng y tắm mưa.....	388
- Lễ tạo phước-thiện bố-thí dâng y kathina	390
- Lễ cúng-dường vật thực đến chư tỳ-khuru-Tăng	394
- Lễ dâng các thứ vật dụng đến chư tỳ-khuru-Tăng	396
- Lễ dâng chỗ ở đến chư tỳ-khuru-Tăng.....	398
- Lễ dâng thuốc trị bệnh	400
Quả của 8 đại-thiện-tâm trong cõi thiện-dục-giới	403

- Tái-sinh-tâm trong 7 cõi thiện-dục-giới	405
- Ba hạng người trong đời.....	405
- Phước-thiện bố-thí và quả của phước-thiện bố-thí.....	407
- Năng lực muñcetanā.....	407
- Năng lực pubbacetanā và aparacetanā	408
1- Đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?.....	408
2- Đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?.....	409
- Phân loại đại-thiện-nghiệp theo akkatthakusalakamma và omakakusalakamma	411
1- Hạng người tam-nhân (Tihetukapuggala).....	413
• Tiền-kiếp của người tam-nhân.....	413
• Kiếp hiện-tại của người tam-nhân phạm-nhân	418
2- Hạng người nhị-nhân (Dvihetukapuggala)	423
• Tiền-kiếp của người nhị-nhân	423
• Kiếp hiện-tại của người nhị-nhân	427
3- Hạng người vô-nhân cõi thiện-giới	428
• Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới.....	428
• Kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới.....	431
Cơ hội đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả.....	433
- Nghiệp cho quả theo 4 sampatti, 4 vipatti.....	434
- Giảng giải 16 trường-hợp.....	437
- Ác-nghiệp và thiện-nghiệp cho quả trong các cõi-giới..	441

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỒ THÍ (DĀNAKUSALA)

Phước dịch từ danh từ Pāli: **Puñña**.

Thiện dịch từ danh từ Pāli: **Kusala**.

- Định nghĩa danh từ **puñña**:

Attano santānaṃ punāti sodhetīti puññaṃ.

Trạng-thái làm cho đại-thiện-tâm của mình trong sạch gọi là phước.

Phước trái nghĩa với **tội**.

Tội danh từ Pāli gọi là **pāpa**.

- Định nghĩa danh từ **pāpa**:

Apāyaṃ pāpenantīti pāpāni.

Những ác-nghiệp trong 12 ác-tâm (bất-thiện-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh gọi là tội.

- Định nghĩa danh từ **kusala**:

Kucchite pāpadhamme salayantīti kusalāni.

Các tâm nào có khả năng diệt những ác-pháp làm ô-nhiễm trong tâm, các tâm ấy gọi là các thiện-tâm.

Thiện-tâm trái nghĩa với **bất-thiện-tâm**.

Kusalā anavajjasukhavipākalakkhaṇā.

Thiện-nghiệp trong thiện-tâm có trạng-thái không có tội-lỗi, cho quả an-lạc.

Phước đồng nghĩa với **thiện**.

Tội đồng nghĩa với **bất-thiện** hoặc **ác**.

* **Phước-thiện**: Có 10 pháp làm nhân phát sinh 10 **phước-thiện** gọi là **puññakriyāvattu** đó là:

- 1- *Dānakusala*: Phước-thiện bố-thí.
- 2- *Sīlakusala*: Phước-thiện giữ-giới.
- 3- *Bhāvanākusala*: Phước-thiện hành-thiền.
- 4- *Apacāyanakusala*: Phước-thiện cung-kính.
- 5- *Veyyāvaccakusala*: Phước-thiện hỗ-trợ.
- 6- *Pattidānakusala*: Phước-thiện hồi-hương.
- 7- *Pattānumodanakusala*: Phước-thiện hoan-hỷ.
- 8- *Dhammassavanakusala*: Phước-thiện nghe pháp.
- 9- *Dhammadesanākusala*: Phước-thiện thuyết-pháp.
- 10- *Diṭṭhijukammakusala*: Phước-thiện chánh-kiến.

Mười pháp là **bố-thí, giữ-giới, hành-thiền, cung-kính, hỗ-trợ, hồi-hương, hoan-hỷ, nghe pháp, thuyết-pháp, chánh-kiến** đó là 10 pháp làm nhân sinh 10 **phước-thiện**.

Trong quyển sách nhỏ này chỉ giảng giải về **dānakusala: phước-thiện bố-thí** mà thôi.⁽¹⁾

Phước-Thiện Bố-Thí (Dānakusala)

Phước-thiện thuộc về **dục-giới thiện-nghiệp** hoặc **đại-thiện-nghiệp** trong 8 **dục-giới thiện-tâm** hoặc 8 **đại-thiện-tâm** mà thôi.

Bố-thí đó là các **vật-thí** làm nhân sinh phước-thiện bố-thí.

Định-nghĩa **dāna**:

¹ Tìm hiểu trong bộ **Nền-Tảng-Phật-Giáo**, quyển V: **Phước-Thiện**, cùng soạn giả.

Dīyati etenāti dānaṃ:

Thí-chủ bồ-thí với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bồ-thí gọi là dānakusala: phước-thiện bồ-thí.

Đề thành tựu *phước-thiện bồ-thí* cần hội đủ 3 chi-pháp:

1- *Cetanādāna*: Tác-ý đại-thiện-tâm bồ-thí.

Người thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo *phước-thiện bồ-thí* đến cho người thọ-thí.

2- *Vatthudāna*: Vật bồ-thí. Các vật-thí của người thí-chủ.

3- *Paṭiggāhaka*: Người thọ-thí nhận vật-thí của thí-chủ.

Giải thích:

1- *Cetanādāna*: Tác-ý tâm-sở trong đại-thiện-tâm bồ-thí trải qua 3 thời-kỳ:

a- *Pubbacetanādāna*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo *phước-thiện bồ-thí*.

Người thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ trước khi tạo *phước-thiện bồ-thí* (thời gian chuẩn bị tạo *phước-thiện bồ-thí*).

Thời-kỳ trước khi tạo *phước-thiện bồ-thí* lâu hoặc mau tùy thuộc vào thí-chủ và ngày, giờ làm lễ *phước-thiện bồ-thí* ấy.

b- *Muñcacetanādāna*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo *phước-thiện bồ-thí*.

Người thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ khi đang tạo *phước-thiện bồ-thí* với vật-thí ấy, và đồng thời người thọ-thí đang nhận vật-thí ấy của thí-chủ (thời gian hiện tại khi đang tạo *phước-thiện bồ-thí* đến cho người thọ-thí đang nhận vật-thí).

c- Aparacetanādāna: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bổ-thí xong.

Người thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bổ-thí xong. Thời gian sau khi đã tạo phước-thiện bổ-thí ấy không có hạn định thời gian, có thể sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm. Nếu mỗi khi thí-chủ niệm tưởng đến phước-thiện bổ-thí ấy thì lại phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ trong phước-thiện bổ-thí ấy.

Khi thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bổ-thí đầy đủ cả 3 thời-kỳ tác-ý như vậy thì phước-thiện bổ-thí ấy đó là đại-thiện-nghiệp bổ-thí có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho đến kiếp chót trở thành bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, mỗi kiếp được hưởng quả báu trong 3 thời: thời ấu-niên, thời trung-niên và thời lão-niên đối với thí-chủ ấy.

2- Vatthudāna: Vật bổ-thí

* *Vật bổ-thí* theo Tạng Luật có 4 thứ vật dụng cần thiết đối với tỳ-khưu, sa-di là:

- *Cīvaradāna: Bổ-thí cúng-dường y phục.*
- *Piṇḍapātadāna: Bổ-thí cúng-dường vật thực.*
- *Senāsanadāna: Bổ-thí cúng-dường chỗ ở.*
- *Bhesajjadāna: Bổ-thí cúng-dường thuốc trị bệnh đến tỳ-khưu, sa-di bệnh.*

* *Vật bổ-thí* theo Tạng Kinh có 10 thứ cần thiết trong cuộc sống như:

- *Annadāna: Bổ-thí cơm.*
- *Pānadāna: Bổ-thí nước.*
- *Vatthadāna: Bổ-thí vải, quần áo, ...*
- *Yānadāna: Bổ-thí xe cộ, phương tiện đi lại, giày dép.*

- *Mālādāna*: Bồ-thí hoa, vòng hoa.
- *Gandhadāna*: Bồ-thí vật thơm.
- *Vilepana*: Bồ-thí vật thoa.
- *Seyyādāna*: Bồ-thí giường, chỗ nằm.
- *Āvasathagharadāna*: Bồ-thí chỗ ở, nơi trú ngụ.
- *Padīpeyyadāna*: Bồ-thí đèn cây, đèn dầu, đèn điện thấp sáng.

* Vật bồ-thí theo Tạng Vi-diệu-pháp có 6 loại:

- *Rūpadāna*: Bồ-thí cúng-dường đối-tượng sắc.
- *Saddadāna*: Bồ-thí cúng-dường đối-tượng thanh (âm thanh).
- *Gandhadāna*: Bồ-thí cúng-dường đối-tượng hương (các mùi thơm).
- *Rasadāna*: Bồ-thí cúng-dường đối-tượng vị.
- *Phoṭṭhabbadāna*: Bồ-thí cúng-dường đối-tượng xúc.
- *Dhammadāna*: Bồ-thí cúng-dường đối-tượng pháp.

* 4 vật-thí theo Tạng Luật là 4 thứ vật dụng cần thiết đối với những bậc xuất-gia tỳ-khuru, sa-di.

* 10 vật-thí theo Tạng Kinh là những thứ cần thiết sử dụng trong cuộc sống hằng ngày của tất cả mọi người tại gia cư-sĩ.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí các vật-thí ấy đến người tại gia cư-sĩ thì được phước-thiện bình thường, và có được quả báu bình thường.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng cần thiết ấy đến chư tỳ-khuru-Tăng thì được nhiều phước-thiện cao quý vô lượng, và có được quả báu cao quý lớn lao vô lượng.

* 6 vật-thí theo Tạng Vi-diệu-pháp là 6 đối-tượng thuộc chân-ngĩa-pháp (*paramatthadhamma*) vô cùng vi-tế.

Nếu muốn cúng-dường 6 đối-tượng này thì thí-chủ hưởng đại-thiện-tâm đến đối-tượng nào cúng-dường đến *Tam-bảo*: *Đức-Phật-bảo*, *Đức-Pháp-bảo* *Đức-Tăng-bảo* gọi là sự cúng-dường vật-thí theo *Tạng Vi-diệu-pháp* thật là vô cùng vi-tế.

3- Paṭiggāhaka: Người thọ-thí nhận vật-thí của thí-chủ có 2 hạng:

- *Pāṭipuggalikadāna*: *Cá-nhân thọ-thí*, có 14 hạng.

- *Samghikadāna*: *Chư tỳ-khuru-Tăng thọ-thí*, có 7 trường hợp.

* **Cá-nhân thọ-thí** (Pāṭipuggalikadāna) có 14 hạng:⁽¹⁾

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến *cá-nhân thọ-thí* (*pāṭipuggalikadāna*) có 14 hạng từ bậc thấp cho đến bậc cao và hưởng được quả báu như sau:

1- *Tạo phước-thiện bố-thí đến loài súc-sinh như chim, chó, mèo, ...)* hưởng được 5 quả báu (sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, sức mạnh, trí-tuệ) 100 kiếp.

2- *Tạo phước-thiện bố-thí đến hạng phàm nhân không có giới, hưởng được 5 quả báu 1000 kiếp.*

3- *Tạo phước-thiện bố-thí đến hạng phàm nhân có giới, hưởng được 5 quả báu 100 ngàn kiếp.*

4- *Tạo phước-thiện bố-thí đến hành-giả chứng đắc các bậc thiền và ngũ-thông, hưởng được 5 quả báu 100 ngàn tỉ kiếp.*

5- *Tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến hành-giả thiện-trí phàm nhân đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp.*

¹ Dựa theo bài Kinh Dakkhināvivhaṅgasutta.

6- Tào phước-thiện bồ-thị cúng-dường đến bậc Thánh Nhập-lưu, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến hành-giả thiện-trí phạm nhân đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ ...

7- Tào phước-thiện bồ-thị cúng-dường đến bậc Thánh Nhập-lưu đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến bậc Thánh Nhập-lưu.

8- Tào phước-thiện bồ-thị cúng-dường đến bậc Thánh Nhất-lai, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến bậc Thánh Nhập-lưu đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ ...

9- Tào phước-thiện bồ-thị cúng-dường đến bậc Thánh Nhất-lai đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến bậc Thánh Nhất-lai.

10- Tào phước-thiện bồ-thị cúng-dường đến bậc Thánh Bất-lai, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến bậc Thánh Nhất-lai đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ ...

11- Tào phước-thiện bồ-thị cúng-dường đến bậc Thánh Bất-lai đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến bậc Thánh Bất-lai.

12- Tào phước-thiện bồ-thị cúng-dường đến bậc Thánh A-ra-hán, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến bậc Thánh-Bất-lai đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ ...

13- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến bậc Thánh A-ra-hán.

14- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác.

*** Chư tỳ-khuru-Tăng-thí (Saṃghikadāna) ⁽¹⁾**

Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí đến *chư tỳ-khuru-Tăng thọ-thí (saṃghikadāna)* có 7 trường-hợp, có quả báu từ cao đến thấp theo tuần tự như sau:

1- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến *chư tỳ-khuru-Tăng* và *chư tỳ-khuru-ni-Tăng* có Đức-Phật chủ trì.

2- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến *chư tỳ-khuru-Tăng* và *chư tỳ-khuru-ni-Tăng*, sau khi Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn.

3- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến *chư tỳ-khuru-Tăng*.

4- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến *chư tỳ-khuru-ni-Tăng*.

5- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến một số *tỳ-khuru-Tăng* và một số *tỳ-khuru-ni-Tăng*.

6- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến một số *tỳ-khuru-Tăng*.

7- Tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến một số *tỳ-khuru-ni-Tăng*.

Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến *chư tỳ-khuru-Tăng* chắc chắn có phước-thiện bồ-thí cao quý vô lượng, có quả báu cao quý vô lượng trong kiếp hiện-

¹ M. Uparipaṇṇāsapāli, kinh Dakkhināvibhaṅgasutta.

tại và vô số kiếp vị-lai đặc biệt làm nhân-duyên hỗ trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật được thuận lợi sớm được thành tựu đầy đủ trọn vẹn, có duyên lành lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Ví dụ: Kinh *Chalaṅgadānasutta* ⁽¹⁾ được tóm lược những điểm chính như sau:

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvattī. Khi ấy, *cận-sự-nữ Nandāmātā* là người dân xứ Velukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna chủ trì.

Đức-Thế-Tôn biết rõ bằng *nhãn thông* thấy *cận-sự-nữ Nandāmātā* là người dân xứ Velukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna chủ trì, *hợp đủ 6 chi-pháp*, nên *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- “*Này chư tỳ-khuru! Cận-sự-nữ Nandāmātā* là người dân xứ Velukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna chủ trì, *hợp đủ 6 chi-pháp*.”

Phước-thiện bố-thí cúng-dường hợp đủ 6 chi-pháp như thế nào?

¹ Bộ Aṅguttaranikāya, chattanipātapāli, kinh Chalaṅgadānasutta.

Người thí-chủ có đủ 3 chi-pháp và Bạc thọ-thí có đủ 3 chi-pháp.

Người thí-chủ có đủ 3 chi-pháp

1- *Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí.*

2- *Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí, cúng-dường đến chư Đại-đức-Tăng thọ-thí.*

3- *Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng xong rồi. Và sau khi niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy, thí-chủ lại phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nữa.*

Bạc thọ-thí có đủ 3 chi-pháp

1- *Trong Phật-giáo này, bạc thọ-thí là Bạc không còn tâm tham-ái, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm tham-ái.*

2- *Bạc thọ-thí là bạc không còn tâm sân-hận, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm sân-hận.*

3- *Bạc thọ-thí là bạc không còn tâm si-mê, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm si-mê.*

Phước-thiện bố-thí cúng-dường hợp với 6 chi-pháp này là dòng phước, dòng thiện vô lượng, có quả báu lớn lao vô lượng, có sự an-lạc vô lượng không sao kể được.

Đó là trường hợp tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường mà 2 bên thí-chủ và Bạc thọ-thí đều trong sạch: người thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trong 3 thời-kỳ, và Bạc thọ-thí là chư Thánh-Tăng là bạc Thánh A-ra-hán trong sạch thanh-tịnh.

Trong kinh *Sappurisdānasutta* ⁽¹⁾ Đức-Phật dạy người thiện-trí tạo phước-thiện **bồ-thị** có 5 chi-pháp, được tóm lược như sau:

- *Này chư tỳ-khuru!*

1- Người thiện-trí tạo phước-thiện **bồ-thị** với **đức-tin trong sạch** nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, người ấy sẽ được quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là người có sắc thân rất xinh đẹp, có màu da mịn màng trắng trẻo, đáng được mọi người ngưỡng mộ.

2- Người thiện-trí tạo phước-thiện **bồ-thị** với **đại-thiện-tâm cung-kính** người thọ-thí, vật-thí được phát sinh một cách hợp pháp và trong sạch, người ấy sẽ được quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là trong gia đình vợ, các con, các cháu, bạn bè, các thuộc hạ, những người làm và những người thân đều cung-kính nghe lời dạy bảo của người thiện-trí ấy.

3- Người thiện-trí tạo phước-thiện **bồ-thị** **hợp thời, đúng lúc** (như bồ-thị đến tỳ-khuru khách, tỳ-khuru sắp đi xa, tỳ-khuru bệnh, sa-di hoặc tỳ-khuru nuôi tỳ-khuru bệnh, người đang đói khát, hoặc trong buổi lễ dâng y kathina, v.v...), người ấy sẽ được quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là có thứ của cải mà người khác khó có, được thứ của cải mà người khác khó được, khi cần thứ của cải nào thì sẽ được thứ ấy như ý.

4- Người thiện-trí tạo phước-thiện **bồ-thị** với **đại-thiện-tâm tế độ** những người thọ-thí, người ấy sẽ được quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn

¹ *Anguttaranikāya, Pañcakanipātapāli, Sappurisdānasutta.*

có quả báu đặc biệt đó là người thiện-trí ấy hướng tâm đến hưởng sự an-lạc trong của cải của mình.

*5- Người thiện-trí tạo phước-thiện **bổ-thí không tự làm khổ mình và không làm khổ mọi người**, người ấy sẽ được quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là mọi thứ của cải tài sản không bị lửa thiêu cháy, không bị nước lụt cuốn trôi, không bị kẻ trộm cướp chiếm đoạt, không bị nhà nước tịch thu, không bị người không ưa thích làm chủ.*

- Nay chư tỳ-khuru! Đó là 5 cách tạo phước-thiện bổ-thí của người thiện-trí và quả báu của mỗi cách bổ-thí.

Phước-thiện bổ-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng

Thí-chủ tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khuru-Tăng.

1- Phước-thiện bổ-thí cúng-dường y phục

1.1- Tích Bà-la-môn Cūlekasāṭaka ⁽¹⁾

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattī, đề cập đến tích Bà-la-môn tên Cūlekasāṭaka. Tích này được tóm lược như sau:

* Trong quá khứ, thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian, có một Bà-la-môn tên là Mahā Ekaśāṭaka.

* Trong thời hiện-tại, thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, có một vị Bà-la-môn khác tên là **Cūlekasāṭaka** sống tại kinh-thành Sāvattī.

Sở dĩ ông Bà-la-môn có tên Cūlekasāṭaka là vì 2 vợ chồng Bà-la-môn chỉ có một tấm choàng trên người duy nhất mà thôi. Hằng ngày, nếu khi ông chồng đi ra ngoài

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Pāpavagga, Cūlekasāṭakabrāhmaṇavatthu.

thì ông mặc tấm choàng này, bà vợ phải ở trong nhà. Và nếu khi bà vợ đi ra ngoài thì bà mặc tấm choàng này, ông chồng phải ở trong nhà.

Một hôm, nghe thông báo dân chúng trong kinh-thành Sāvattthī đi nghe Đức-Phật thuyết-pháp tại ngôi chùa Jetavana, ông Bà-la-môn bảo với người vợ rằng:

- Nay em! Họ thông báo dân chúng đi nghe-pháp. Hai vợ chồng chúng ta chỉ có một tấm choàng trên người duy nhất, nên không thể cùng đi chung với nhau được. Vậy, em đi nghe-pháp ban ngày hay ban đêm?

Nghe chồng hỏi vậy, nên bà vợ thưa rằng:

- Thưa anh, em xin đi nghe-pháp ban ngày, còn anh nên đi nghe-pháp ban đêm.

Bà vợ mặc tấm choàng đi đến ngôi chùa Jetavana, nghe Đức-Phật thuyết-pháp ban ngày.

Ông chồng ở lại trong nhà cả ngày. Buổi chiều, sau khi nghe-pháp xong, bà vợ trở về nhà.

Ông Bà-la-môn muốn cúng-dường tấm choàng

Ông Bà-la-môn mặc tấm choàng trên người đi đến ngôi chùa Jetavana ban đêm. Đến ngôi gần Đức-Phật, ông Bà-la-môn chú tâm lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

Khi ấy, 5 pháp hy-lạc⁽¹⁾ phát sinh làm cho toàn thân tâm của ông Bà-la-môn có cảm giác an-lạc chưa từng có bao giờ. Ông Bà-la-môn phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, ông muốn cúng-dường lên Đức-Phật tấm choàng đang mặc trên mình, nhưng tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng phát sinh, bởi vì ông Bà-la-môn nghĩ lại rằng:

¹ Năm pháp Pīti: Khuddakāpīti, khanīkāpīti, okkantikāpīti, ubheṅgāpīti, pharaṇāpīti.

“*Nếu bây giờ ta cúng-dường tám choàng này lên Đức-Phật thì vợ ta sẽ không có mặc và ta cũng không có mặc.*”

Khi ấy, *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tám choàng phát sinh trong tâm của ông Bà-la-môn; rồi *đại-thiện-tâm phát sinh có đức-tin trong sạch* nơi Đức-Phật, ông Bà-la-môn lại muốn cúng-dường tám choàng này lên Đức-Phật; rồi *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tám choàng phát sinh trở lại làm cản trở *đức-tin trong sạch* muốn cúng-dường tám choàng lên Đức-Phật.

Vì vậy, khi thì *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch* phát sinh muốn cúng-dường tám choàng lên Đức-Phật, khi thì *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tám choàng phát sinh không muốn cúng-dường tám choàng lên Đức-Phật.

Như vậy, *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch* muốn cúng-dường tám choàng lên Đức-Phật với *tham-tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tám choàng phát sinh ngăn cản.

Giữa *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch* với *tham-tâm bủn xỉn keo kiệt* giằng co kéo dài trải qua canh đầu đêm, đến canh giữa đêm, cuộc chiến đấu giằng co giữa 2 tâm là *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch* với *tham-tâm bủn xỉn keo kiệt* ấy vẫn chưa phân thắng bại.

Thắng tâm keo kiệt bằng đức-tin trong sạch

Đến canh chót đêm, ông Bà-la-môn suy xét rằng:

“*Cuộc chiến giằng co giữa **đại-thiện-tâm** có đức-tin trong sạch* nơi Đức-Phật với ***tham-tâm** bủn xỉn keo kiệt trong tám choàng* đã kéo dài trải qua 2 canh rồi. *Nếu ta không thắng được tham-tâm bủn xỉn keo kiệt trong tám choàng này thì kiếp sống của ta không thể thoát khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới.*

Vậy, ta phải quyết tâm chiến thắng tham-tâm bần xin keo kiệt trong tám choàng này!”

Sau khi quyết tâm như vậy, nên chế ngự được tham-tâm bần xin keo kiệt trong tám choàng, làm cho phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nhiều năng lực nơi Đức-Phật, nên ông Bà-la-môn liền cởi tám choàng trên người, hai tay nâng tám choàng cung-kính đến cúng-dường lên Đức-Phật, ông đặt gần dưới hai bàn chân của Đức-Phật, rồi ông sung sướng reo lên 3 lần rằng:

“Jitam me! Jitam me! Jitam me!”

Tôi đã thắng rồi! Tôi đã thắng rồi! Tôi đã thắng rồi!

Phước-thiện bồ-thí cho quả hiện-tại

Đức-vua Pasenadi Kosala đang ngồi nghe-pháp, nghe ông Bà-la-môn reo lên 3 lần như vậy, nên truyền bảo vị quan đến hỏi ông Bà-la-môn ấy rằng:

“Ông đã thắng ai vậy?”

Tuân lệnh Đức-vua, vị quan đến hỏi ông Bà-la-môn rằng:

- Nay ông Bà-la-môn! Ông đã thắng ai vậy?

Ông Bà-la-môn thưa với vị quan đầy đủ sự việc xảy ra diễn tiến suốt 3 canh theo tuần tự như vậy. Vị quan đến tâu lên Đức-vua Pasenadi Kosala đầy đủ về sự việc xảy ra đối với ông Bà-la-môn như vậy.

Nghe vị quan tâu, Đức-vua Pasenadi Kosala nghĩ rằng: *“Ông Bà-la-môn ấy đã làm điều mà người khác khó làm được. Vậy, ta nên tế độ ông Bà-la-môn ấy.”*

Đức-vua truyền bảo vị quan đem 2 tám choàng mới ban cho ông Bà-la-môn ấy.

Sau khi nhận được 2 tám choàng mới của Đức-vua ban, ông Bà-la-môn đem 2 tám choàng mới ấy cúng-dường lên Đức-Phật.

Thấy ông Bà-la-môn cúng-dường 2 tấm choàng mới lên Đức-Phật như vậy, nên Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo vị quan đem ban cho ông Bà-la-môn ấy 4 tấm choàng mới khác.

Sau khi nhận được 4 tấm choàng mới của Đức-vua ban, ông Bà-la-môn đem 4 tấm choàng mới ấy cúng-dường lên Đức-Phật.

Thấy ông Bà-la-môn cúng-dường 4 tấm choàng mới lên Đức-Phật như vậy, nên Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo vị quan đem ban cho ông Bà-la-môn ấy 8 tấm choàng mới khác.

Cứ mỗi lần Đức-vua ban tấm choàng mới đều tăng gấp đôi, và sau khi ông Bà-la-môn nhận được 16 tấm choàng mới, 32 tấm choàng mới, ông Bà-la-môn đem 32 tấm choàng mới ấy cúng-dường lên Đức-Phật.

Đức-vua truyền bảo vị quan đem 64 tấm choàng ban cho ông Bà-la-môn ấy nữa.

Ông Bà-la-môn muốn tránh tiếng rằng:

“Ông Bà-la-môn có được bao nhiêu tấm choàng của Đức-vua ban đều tạo phước-thiện bố-thí đến Đức-Phật cả thấy, không để lại cho phần của mình.”

Vì vậy, ông Bà-la-môn lấy riêng ra 4 tấm choàng: Phần của mình 2 tấm choàng và vợ 2 tấm choàng. Còn lại 60 tấm choàng, ông Bà-la-môn đem cúng-dường đến Đức-Phật.

* Trong thời quá khứ, ông Bà-la-môn *Mahā-Ekasāṭaka* cúng-dường đến Đức-Phật quá khứ 5 lần, lấy 4 tấm choàng trong 128 tấm choàng.

* Trong thời hiện-tại, ông Bà-la-môn tên *Cūle-kasāṭaka* cúng-dường đến Đức-Phật 6 lần, lấy 4 tấm choàng trong 64 tấm choàng.

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo các quan rằng:

- *Này các khanh! Ông Bà-la-môn này đã làm những điều mà người khác khó làm được. Vậy, các khanh hãy đem 2 tấm kambala dệt bằng các lông thú trong cung điện của Trẫm đến đây.*

Tuân theo lệnh của Đức-vua, các quan đem 2 tấm kambala có giá 100 ngàn kahāpaṇa, ban cho ông Bà-la-môn ấy.

Sau khi nhận 2 tấm kambala ấy, ông Bà-la-môn nghĩ rằng: *“Hai tấm kambala này thật là vô giá chỉ có xứng đáng với Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác và chư Đại-đức-Tăng mà thôi. Vậy, ta nên đem cúng-dường đến Đức-Phật.”*

Ông Bà-la-môn đem 1 tấm kambala đến Gandhakuṭi, làm trần che phía trên chỗ giường nằm cúng-dường đến Đức-Phật. Còn lại 1 tấm kambala, ông làm trần che phía trên chỗ vị tỳ-khưu ngồi độ vật thực trong nhà của ông.

Buổi chiều hôm ấy, Đức-vua Pasenadi Kosala ngự đến hầu đánh lễ Đức-Phật tại Gandhakuṭi, nhìn lên trần, thấy tấm kambala, Đức-vua nhớ tấm kambala ấy, nên bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ai là người làm trần nhà bằng tấm kambala này cúng-dường đến Ngài?*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- *Này Đại-vương! Bà-la-môn Cūlekasāṭaka làm trần nhà cúng-dường đến Như-Lai.*

Đức-vua Pasenadi Kosala nghĩ rằng:

“Ông Bà-la-môn này tôn kính Đức-Thế-Tôn giống như ta tôn kính.”

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền lệnh ban cho ông Bà-la-môn 100 loại khác nhau mà mỗi loại có 4 như sau:

4 con voi, 4 con ngựa, 4 người đàn bà, 4 người đàn ông, 4 tớ trai, 4 tớ gái, 4 xóm làng để trâu thuê, 4.000 kahāṇa.

Phước-thiện làm mau có quả hơn làm chậm

Chư tỳ-khuru đàm đạo tại hội trường rằng:

“Phước-thiện của ông Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka thật là phi thường! Chỉ có trong thời gian ngắn, phước-thiện ấy cho quả 100 loại mà mỗi loại có 4. Phước-thiện của ông cúng-dường đến Đức-Thế-Tôn nên cho quả báu ngay trong ngày hôm ấy.”

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến hội trường, truyền hỏi chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Các con đang ngồi đàm đạo về chuyện gì vậy?*

Chư tỳ-khuru bạch với Đức-Thế-Tôn về chuyện ông Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka tạo phước-thiện bố-thí và quả báu của phước-thiện như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Nếu Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka ấy có khả năng cúng-dường đến Như-Lai trong canh đầu đêm thì ông sẽ được 100 loại mà mỗi loại có 16.*

Nếu Bà-la-môn ấy có khả năng cúng-dường đến Như-Lai trong canh giữa đêm thì ông sẽ được 100 loại mà mỗi loại có 8.

Nhưng hai canh đã trải qua, ông Bà-la-môn ấy không có khả năng cúng-dường được, mãi cho đến canh chót, ông mới cúng-dường đến Như-Lai nên ông được 100 loại mà mỗi loại chỉ có 4 mà thôi.

Thật vậy, khi nào đại-thiện-tâm phát sinh muốn tạo phước-thiện thì thí-chủ nên **làm ngay khi ấy**, không nên để đại-thiện-tâm ấy diệt mất.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí chậm chạp thì có được **quả báu chậm chạp và bị giảm sút**.

Cho nên, nếu thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm muốn tạo phước-thiện bồ-thí thì nên làm ngay tức khắc, nếu để chậm chạp thì tham-tâm bủn xỉn keo kiệt dễ phát sinh làm ngăn cản việc tạo phước-thiện bồ-thí ấy.

Đức-Phật thuyết Dhammapadagāthā thứ 116:

“Abhittharetha kalyāṇe, pāpā cittaṃ nivāraye.

Dandhaṃ hi karato puññaṃ, pāpasmim ramatī mano.”

Các con nên mau chóng tạo phước-thiện,

mới ngăn cản được ác-tâm tội lỗi.

Khi các con chậm chạp tạo phước-thiện,

thì ác-tâm có cơ hội phát sinh.

Ác-tâm thường thích trong tội lỗi.

Để mọi phước-thiện tăng trưởng nhiều, quả báu của phước-thiện vô lượng, khi thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch trong mỗi phước-thiện nên mau lẹ tạo phước-thiện, không nên chần chừ, do dự, không để cho ác-tâm có cơ hội phát sinh làm cản trở phước-thiện ấy, thí-chủ nên nghĩ rằng:

“Ahaṃ pure! Ahaṃ pure!”

- Ta là người trước tiên! Ta là người trước tiên!

Sau khi thuyết pháp xong, Đức-Thế-Tôn thuyết về tứ Thánh-đế tế độ chư tỳ-khưu. Khi ấy, có nhiều vị tỳ-khưu chúng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chúng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân tùy theo các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị thanh-văn đệ-tử.

Sự thật, nếu thí-chủ nào là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có cơ

hội tạo phước-thiện bố-thí, thì đó là dịp may đối với thí-chủ ấy, bởi vì thí-chủ có nhận thức đúng đắn rằng:

“Tiền của chỉ là của chung thật sự mà thôi, nay ta đang có quyền sở hữu tạm thời tiền của ấy, nếu ta biết sử dụng tiền của tạm thời ấy đem tạo phước-thiện bố-thí, thì chính phước-thiện ấy thuộc về đại-thiện-nghiệp trở thành của riêng ta, có tính chất vĩnh cửu đối với ta. Chính đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy sẽ cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho đến kiếp chót trở thành bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam-giới.”

1.2- Tích tiền-kiếp của Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Uppalavanna tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường tám vải mới

Trong thời-kỳ Đức-Phật Kasapa, tiền-kiếp của Ngài Đại-đức Uppalavanna sinh làm con gái trong gia đình nghèo nàn trong kinh-thành Bārāṇasī.⁽¹⁾

Vào ngày lễ hội hằng năm, cô bé nhìn thấy những bé gái cùng trang lứa mặc tấm choàng màu hoa hồng xinh đẹp, trang sức đẹp đẽ đang chơi đùa vui vẻ, nên cô bé muốn mặc tấm choàng màu hoa hồng xinh đẹp như vậy chơi đùa với bọn chúng.

Cô bé chạy trở về nhà năn nỉ xin mẹ cha một tấm choàng màu hoa hồng xinh đẹp như những bé gái ấy.

Nghe đứa con gái năn nỉ xin như vậy, mẹ cha âu yếm bảo ban cô bé rằng:

- Nay con yêu quý! Gia đình mình nghèo nàn đủ sống qua ngày, làm sao mua sắm nổi tấm choàng màu hoa hồng xinh đẹp như vậy hỡi con!

Nghe mẹ cha nói như vậy, cô bé thưa với mẹ cha:

¹ Trích từ tích Ummānantijātakavaṇṇanā, Jātakatṭhakathā, Paṇṇāsanipāta.

- *Kính thưa mẹ cha kính yêu, nếu như vậy thì kính xin mẹ cha cho phép con đi ở mướn cho một nhà giàu có trong kinh-thành, người chủ nhà thấy con làm việc nhà tốt, nên họ hài lòng sẽ cho con cái tắm choàng màu hoa hồng xinh đẹp.*

Được mẹ cha cho phép, cô bé tìm đến một ngôi nhà giàu có trong kinh-thành, kính thưa với người chủ nhà rằng:

- *Kính thưa ông bà chủ, xin ông bà chủ cho con ở mướn làm việc trong nhà, con muốn có được cái tắm choàng màu hoa hồng xinh đẹp.*

Nghe cô bé thưa như vậy, người chủ nhà bảo rằng:

- *Này con gái nhỏ! Nếu con làm việc nhà suốt 3 năm, chúng ta thấy con làm việc tốt, sẽ cho con tắm choàng màu hoa hồng xinh đẹp ấy.*

Nghe người chủ nhà bảo như vậy, cô bé chấp nhận lời của người chủ.

Hằng ngày, cô bé siêng năng làm việc nhà chu đáo, ban đêm làm việc xong ngủ trề, sáng thức dậy sớm lo phục vụ ông bà chủ và các con ông bà chủ, làm mọi việc gọn gàng sạch sẽ trong nhà, ngoài vườn, làm cho những người trong gia đình đều hài lòng, đều thương yêu như đứa con gái nhỏ của mình.

Vì vậy, tuy cô bé ở mướn làm việc nhà chưa đủ 3 năm, một hôm ông bà chủ gọi cô bé đến bảo rằng:

- *Này con gái nhỏ đáng thương! Chúng ta ban cho con tắm choàng màu hoa hồng xinh đẹp và các tắm vải nhỏ khác. Con nên đi tắm với các bạn của con, rồi mặc tắm choàng màu hoa hồng xinh đẹp ấy.*

Cô bé đi với các bạn đến bờ sông, để tắm choàng màu hoa hồng xinh đẹp trên bờ sông rồi cùng với các bạn xuống sông tắm.

Cô bé tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường

Khi ấy, vị tỳ-khuru thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Kassapa có các tấm y bị mất trộm, nên mặc tấm y làm bằng cành cây, lá cây đi ngang qua nơi ấy, cô bé nhìn thấy vị tỳ-khuru ấy nên nghĩ rằng:

“Ngài Trưởng-lão tỳ-khuru này bị mất trộm các y, kiếp hiện-tại của ta khó có được y phục tốt, bởi vì kiếp quá-khứ của ta không tạo phước-thiện bổ-thí y phục tốt.

Vậy, ta nên chia đôi tấm choàng ấy ra làm 2 phần, đem một phần làm phước-thiện bổ-thí cúng-dường đến Ngài Đại-đức tỳ-khuru ấy.”

Nghĩ như vậy, nên cô bé leo lên bờ mặc bộ y phục cũ của mình, gọi lớn lên rằng:

- Kính thỉnh Ngài Trưởng-lão xin dừng lại.

Cô bé ⁽¹⁾ đi đến đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài, rồi chia đôi tấm choàng ấy ra làm 2 phần, đem một phần tạo phước-thiện bổ-thí cúng-kính cúng-dường một nửa tấm vải choàng màu hoa hồng xinh đẹp đến Ngài Trưởng-lão tỳ-khuru.

Ngài Trưởng-lão đi đến chỗ vắng cõi bỏ y làm bằng cành cây, lá cây, thay bằng tấm vải y mà thí-chủ đã cúng-kính cúng-dường.

Ngài Trưởng-lão mặc bộ y mới đi ra, ánh sáng tỏa ra toàn thân của Ngài Trưởng-lão. Cô bé nhìn thấy Ngài Trưởng-lão, rồi nghĩ rằng:

“Trước đây, ta nhìn thấy Ngài Trưởng-lão mặc bộ y làm bằng cành cây, lá cây không đẹp. Bây giờ, Ngài Trưởng-lão mặc bộ y mới bằng tấm vải của ta nên có ánh sáng tỏa ra toàn thân, đáng chiêm ngưỡng thật sự.

¹ Cô bé là tiền-kiếp Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā.

Vậy, ta nên tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường một nửa tấm vải choàng thứ nhì.”

Nghĩ xong, cô bé đến cung-kính đánh lễ Ngài Trưởng-lão, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-kính cúng-dường một nửa tấm vải choàng thứ nhì, rồi chắp 2 tay lên trán phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, do năng lực phước-thiện bồ-thí cúng-kính cúng-dường tấm vải choàng này, con còn tử sinh luân-hồi, kiếp nào con cũng là người con gái xinh đẹp tuyệt trần, không có người con gái nào sánh được, nếu những người con trai nào nhìn thấy sắc đẹp tuyệt trần của con với tâm tham-ái, thì những người con trai ấy đều say mê như người điên.

Ngài Trưởng-lão chúc phúc cho cô bé, rồi từ giã đi về chỗ ở của Ngài.

Từ đó về sau, do nhờ năng lực của phước-thiện bồ-thí cúng-dường tấm vải ấy cho quả trong kiếp hiện-tại cuộc sống của cô bé lúc trưởng thành được hạnh phúc an-lạc.

Sau khi người con gái ấy chết, đại-thiện-nghiệp cúng-dường tấm vải choàng ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nữ xinh đẹp tuyệt trần trên cõi trời dục-giới không có vị thiên-nữ nào sánh được.

Một kiếp nọ, sau khi vị thiên-nữ hết tuổi thọ trên cõi trời (chết), đại-thiện-nghiệp cúng-dường tấm vải ấy cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong gia đình ông phú hộ Tiritivaccha trong kinh-thành Aritthapura, khi đưa bé gái sinh ra đời được đặt tên là **Ummādanī**.⁽¹⁾

Khi tiểu-thư Ummādanī trưởng thành có sắc đẹp tuyệt trần, không có tiểu-thư nào sánh được.

¹ Ummādanī nghĩa là người làm cho người khác phát điên.

Năm *tiểu-thư Ummānantī* lên 16 tuổi xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, ông phú hộ *Tiriṭivaccha* đi đến châu *Đức-vua Sivi* ⁽¹⁾ ngụ tại kinh-thành *Ariṭṭhapura*, tâu lên *Đức-vua* rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, itthīratanā: người nữ-báu xứng đáng với Hoàng-thượng đã sinh ra trong tư gia của thần dân. Kính xin Hoàng-thượng truyền bảo nhóm Bà-la-môn xem tướng đến xem xét người nữ-báu ấy.*

Nghe ông phú hộ *Tiriṭivaccha* tâu như vậy, *Đức-vua* truyền lệnh nhóm *Bà-la-môn* xem tướng đến tư gia của ông phú hộ *Tiriṭivaccha*.

Tuân theo lệnh của *Đức-vua*, nhóm *Bà-la-môn* đến tư gia của ông phú hộ, nhóm *Bà-la-môn* được đón rước trọng thể, tiếp đãi món ăn đặc biệt cơm sữa *pāyāsa*.

Khi ấy, *tiểu-thư Ummānantī* trang điểm những đồ trang sức lộng lẫy ra chào đón nhóm *Bà-la-môn* ấy. Nhóm *Bà-la-môn* ấy vừa mới nhìn thấy *tiểu-thư Ummānantī*, đều mất trí, say mê với tâm tham-ái như người mất hồn, không còn biết mình đang dùng vật thực, có người bốc nắm cơm bỏ trên đầu, có người bốc nắm cơm bỏ vào lỗ tai, có người đập bàn, đập vách tường, ... tất cả nhóm *Bà-la-môn* làm như người điên.

Tiểu-thư Ummānantī thấy nhóm *Bà-la-môn* ấy như vậy, nên truyền bảo các gia nhân rằng:

- *Ta nghe tin rằng: Nhóm Bà-la-môn ấy đến xem tướng của ta, mà sự-thật chúng làm như người điên.*

Vậy, các người hãy dắt nhóm Bà-la-môn ra khỏi nhà.

Vâng theo lời *tiểu-thư*, các gia nhân dắt nhóm *Bà-la-môn* ấy ra khỏi tư gia, một lát sau nhóm *Bà-la-môn* ấy

¹ *Đức-vua Sivi* là tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*.

mới hoàn hồn, cảm thấy hổ-thẹn trở về kinh-thành Aritthapura. Nhóm Bà-la-môn ấy hận thù *tiểu-thư Ummādanṭī*, nên tâu dối lên Đức-vua Sivi rằng:

- *Muôn tâu Bệ-hạ, người nữ ấy là nữ kālakaṇṇī (nữ xúi quẩy) không xứng đáng với Bệ-hạ.*

Nghe nhóm Bà-la-môn tâu như vậy, nên Đức-vua Sivi không truyền lệnh làm lễ đón rước *tiểu-thư Ummādanṭī* vào cung.

Tiểu-thư Ummādanṭī biết tin Đức-vua Sivi không rước nàng vào cung, bởi vì nghe nhóm Bà-la-môn tâu dối rằng:

“*Nàng là người nữ kālakaṇṇī (nữ xúi quẩy) không xứng đáng với Đức-vua.*”

Sau đó, ông *phủ hộ Tiriṭivaccha* thân phụ của *tiểu-thư Ummādanṭī*, biết rõ Đức-vua Sivi không rước *tiểu-thư Ummādanṭī* vào cung, nên đến gặp *vị quan tể tướng Abhipāraka* là vị quan cận thân với Đức-vua Sivi, thưa với *vị quan tể tướng* biết rằng:

- *Kính thưa quan tể tướng Abhipāraka, tôi xin gả tiểu-thư Ummādanṭī nhà tôi cho quan tể tướng, Ngài nên làm lễ đón rước tiểu-thư về làm vị phu-nhân của Ngài.*

Nghe ông *phủ hộ Tiriṭivaccha* thưa như vậy, *vị quan tể tướng Abhipāraka* vô cùng hoan-hỷ làm lễ trọng thể đón rước *tiểu-thư Ummādanṭī* về làm vị phu-nhân của mình.

Phu-nhân Ummādanṭī được *vị quan tể tướng Abhipāraka* yêu quý tha thiết, nên *phu-nhân Ummādanṭī* được hạnh phúc an-lạc.

Cuộc đời của *phu-nhân Ummādanṭī* được hạnh phúc an-lạc trong kiếp hiện-tại, sau khi *phu-nhân Ummādanṭī* chết, đại-thiện-nghiệp cúng-dường tám vải choàng cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nữ xinh đẹp*

tuyệt trần trên cõi trời dục-giới mà không có vị thiên-nữ nào sánh được.

Trong vòng tử sinh luân-hồi trong mỗi kiếp, khi thì đại-thiện-nghiệp cúng-dường tám vải choàng ấy cho quả tái-sinh làm người nữ xinh đẹp tuyệt trần trong cõi người mà không có người nữ nào sánh được. Khi thì đại-thiện-nghiệp cúng-dường tám vải choàng ấy cho quả tái-sinh làm vị thiên-nữ xinh đẹp tuyệt trần trên cõi trời dục-giới mà không có vị thiên-nữ nào sánh được.

Đó là quả báu của đại-thiện-nghiệp cúng-dường tám vải choàng đến Ngài Trưởng-lão tỳ-khưu và lời phát nguyện của cô bé trong kiếp quá-khứ.

Trong **thời-kỳ Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, *hậu-kiếp của cô bé* tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường tám vải choàng trong tiền-kiếp quá-khứ xa xưa ấy, **đại-thiện-nghiệp** ấy cho quả tái-sinh **đầu thai kiếp chót làm đứa bé gái** trong gia đình ông phú hộ tại kinh-thành Sāvattthī. Khi sinh ra đời, ông phú hộ đặt tên đứa bé gái là **Uppalavaṇṇā**, bởi vì màu da của đứa bé gái xinh đẹp giống như màu đóa hoa sen hồng (uppala).

Khi **tiểu-thư Uppalavaṇṇā** lớn khôn trưởng thành *rất xinh đẹp tuyệt trần* nổi tiếng gần xa mà không có người con gái nào sánh được. Cho nên, các Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bộ-châu đều gửi các quan khâm sai đến tư gia gặp ông phú hộ, xin đón rước **cô Uppalavaṇṇā** đem về cung.

Ông phú hộ thân phụ của **tiểu-thư Uppalavaṇṇā** nghĩ rằng:

“*Ta không thể nào làm hài lòng tất cả các Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này được. Ta nên tìm một phương kế hay vẹn toàn để các Đức-vua thông*

cảm với ta”, nên cho truyền gọi tiểu-thư Uppalavaṇṇā đến bảo rằng:

- *Này con gái yêu quý của cha! Con muốn xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni hay không?*

Nghe lời dạy bảo của thân phụ thật là vô cùng quý giá hơn tất cả mọi thứ châu ngọc trong đời, bởi vì kiếp này là kiếp chót của *tiểu-thư Uppalavaṇṇā* nên tiểu-thư vô cùng hoan-hỷ thưa với thân phụ rằng:

- *Kính thưa thân phụ thân kính yêu, con rất tha thiết muốn xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni. Thưa thân phụ thân.*

Nghe *đứa con yêu quý* thưa rõ như vậy, ông phú hộ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ với *đứa con gái yêu quý* của mình.

Ông phú hộ thông báo với các quan khâm sai của mỗi Đức-vua rằng:

- *Kính thưa quý quan khâm sai, tiểu-thư Uppalavaṇṇā nhà tôi muốn xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni. Vậy, kính xin quý Ngài trở về tâu lên Đức-vua đúng theo sự-thật như vậy. Tôi xin cảm tạ ơn đức của quý Ngài.*

Tiểu-thư Uppalavaṇṇā xuất gia tỳ-khuru-ni

Ông bà phú hộ dẫn *tiểu-thư Uppalavaṇṇā* đến ngôi chùa chư Đại-đức tỳ-khuru-ni, kính xin quý Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni làm lễ xuất gia cho *tiểu-thư Uppalavaṇṇā* trở thành tỳ-khuru-ni.

Sau khi trở thành *tỳ-khuru-ni* 15 ngày, đến phiên làm phận-sự lau quét chánh-điện, ban đêm, *tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā* đốt đèn thấp sáng chánh-điện.

Hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ

Khi ấy, *tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā* thực-hành *pháp-hành*

thiền-định, đứng mở mắt nhìn ánh sáng đèn làm *đề-mục thiền-định lửa (tejokasīṇa)* dẫn đến chứng đắc 5 *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, rồi sử dụng bậc thiền làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cùng với *tứ tuệ-phân-tích* và đặc biệt chứng đắc **lục-thông (chaḷabhiññā)**.

Chaḷabhiññā: Lục-thông

- 1- *Iddhividhañāṇa*: Đa-dạng thần-thông.
- 2- *Dibbacakkhuñāṇa*: Thiên-nhãn-thông.
- 3- *Dibbasotañāṇa*: Thiên-nhĩ-thông.
- 4- *Cetapariyañāṇa*: Tha-tâm-thông.
- 5- *Pubbenivāsānussatiñāṇa*: Tiên-kiếp-thông.
- 6- *Āsavakkhayañāṇa*: Trầm-luân tận-thông.

Tiên-kiếp của Ngài *Đại-đức tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇātherī*⁽¹⁾ được tóm lược những điểm chính như sau:

* Trong thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara*⁽²⁾ xuất hiện trên thế gian, tiên-kiếp của Ngài *Đại-đức tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā* sinh làm **tiểu-thư** trong gia đình phú hộ trong kinh-thành Hamsavatī, đi đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, rồi lắng nghe Ngài thuyết-pháp. Khi ấy, *Đức-Phật* tuyên dương một Ngài *Đại-đức tỳ-khuru-ni* xuất sắc đệ nhất về *phép-thần-thông (abhiññā)* trong tất cả chư *Đại-đức tỳ-khuru-ni* thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật*.

¹ Trong các bộ Chú-giải *Anguttaranikāya*, *Ekakanipāta*, *Etadagga*, *Uppalavaṇṇātherīgathā*, *Uppalavaṇṇātherī apadāna*.

² Từ thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* có khoảng cách thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất, có 16 *Đức-Phật* tuần tự xuất hiện trên thế gian.

Thấy Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni ấy như vậy, tiểu-thư muốn được ngôi vị như Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni ấy, nên kính thỉnh Đức-Phật Padumuttara cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng và tỳ-khuru-ni-Tăng đến tư gia, để tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường suốt 7 ngày. Đến ngày thứ 7, tiểu-thư kính dâng bộ y lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, đặc biệt dâng vòng hoa có mùi thơm như đóa hoa sen màu hồng đặt dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, cung-kính đánh lễ Đức-Phật, rồi kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, những phước-thiện mà con đã tạo trong suốt 7 ngày qua, con chỉ có ý nguyện muốn được ngôi vị Đại-đức tỳ-khuru-ni xuất sắc đệ nhất về phép-thần-thông (abhiññā) trong thời vị-lai mà thôi. Bạch Ngài.

Khi ấy, Đức-Phật Padumuttara truyền dạy rằng:

- Này tiểu-thư! Kể từ đại-kiếp trái đất này còn lại 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, đến kiếp trái đất gọi là Bhaddakappa, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, con sẽ là tiểu-thư xinh đẹp nhất có tên Uppalavaṇṇā xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, con thực-hành pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ-phân-tích, đặc biệt chứng đắc chalaḥhiññā: 6 phép-thần-thông.

Đức-Phật Gotama sẽ tuyên dương con là vị Thánh-nữ thanh-văn xuất sắc đệ nhất về phép-thần-thông (abhiññā) trong tất cả chư Thánh-nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Tiền-kiếp của Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trong suốt

khoảng thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất, cho đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật để trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong mọi kiếp tử sinh luân-hồi, tiền-kiếp của Ngài *Đại-đức tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā*, đại-thiện-nghiệp cho quả, khi thì tái-sinh làm vị thiên-nữ xinh đẹp tuyệt trần trên cõi trời dục-giới, khi thì tái-sinh làm người nữ xinh đẹp tuyệt trần trong cõi người.

Đến kiếp chót của tiêu thơ đã được thành tựu như ý nguyện đúng như Đức-Phật Padumuttara đã thọ ký.

Tuyên dương tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā

Trong dịp đại hội chư tỳ-khuru-tăng, chư tỳ-khuru-ni-tăng, Đức-Phật Gotama tuyên dương *tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā* rằng:

“*Bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ iddhimantīnaṃ yadidaṃ Uppalavaṇṇā.*”

- “*Này chư tỳ-khuru! Trong chư Thánh tỳ-khuru-ni thanh-văn đệ-tử của Như-lai, Uppalavaṇṇā là tỳ-khuru-ni có phép-thần-thông xuất sắc đệ nhất (abhiññā).*”

Như vậy, đúng như Đức-Phật Padumuttara quá khứ đã thọ ký tiền-kiếp của Ngài *Đại-đức tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā*.⁽¹⁾

2- Phước-thiện bố-thí vật thực Tích Bhikkhādāyakavimāna

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veluvana gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, một vị tỳ-khuru đi đường xa vất vả, đang đói, đi vào khát thực trong một xóm nhà, đến đứng trước cổng một ngôi nhà.

¹ Bộ Chú-giải Vimānavatthu, tích Bhikkhādāyakavimāna.

Trong nhà ấy, một người đàn ông đã rửa tay sạch sẽ rồi ngồi xuống chỗ ngồi để chuẩn bị dùng cơm. Khi các thức ăn đã bỏ vào trong đĩa xong, người đàn ông ấy nhìn ra trước cổng, thấy vị tỳ-khuru đứng khát thực, ông vô cùng hoan-hỷ đem đĩa cơm gồm có các thức ăn đi ra trước cổng, hoan-hỷ cung-kính cúng-dường đặt hết đĩa cơm cùng các thức ăn vào trong bình bát của vị tỳ-khuru ấy.

Mặc dù vị tỳ-khuru ấy bảo cận-sự-nam để trong bát của Ngài một phần, phần còn lại để ông dùng, nhưng ông cận-sự-nam vẫn đặt hết phần ăn của mình vào trong bát của Ngài. Vị tỳ-khuru tụng kinh chúc phúc lành đến cận-sự-nam, rồi từ giả.

Người thí-chủ vô cùng hoan-hỷ niệm tưởng rằng:

“Hôm nay, ta thật vô cùng hạnh phúc có được một vị tỳ-khuru đến nhà khát thực. Ta không dùng phần ăn của ta mà đã đem tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến vị tỳ-khuru đang đói, rất cần vật thực.”

Sau khi niệm tưởng như vậy, thí-chủ phát sinh hỷ lạc chưa từng có.

Về sau, sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến vị tỳ-khuru ấy cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài bằng vàng cao 12 do tuần trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Một hôm, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bay lên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, gặp vị thiên nam có nhiều oai lực ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão bèn hỏi rằng:

- Nay vị thiên-nam! Ngươi có lâu đài bằng vàng cao 12 do tuần, có 700 phòng lớn, các cột toàn bằng ngọc bích quý, lót bằng tám thảm lông lầy. Ngươi có phép thần-thông, có nhiều oai lực, các thiên-nữ xinh đẹp đờn ca múa hát quanh ngươi.

- *Này vị thiên-nam! Tiền-kiếp của người sinh cõi người đã tạo phước-thiện gì mà kiếp hiện-tại sinh làm thiên-nam có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang tỏa khắp mọi phương hướng như vậy.*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmogallāna hỏi như vậy, vị thiên-nam vô cùng hoan-hỷ bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão về phước-thiện và quả của phước-thiện của mình rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con sinh làm người thấy một vị tỳ-khuru đang đói đến đứng khát thực trước cổng nhà con. Khi ấy, con vô cùng hoan-hỷ đem phần ăn của con tạo phước-thiện bố-thí cúng-kính cúng-dường đặt bát đến vị tỳ-khuru ấy.*

Sau khi con chết, nhờ đại-thiện-nghiệp phước-thiện bố-thí cúng-kính cúng-dường vật thực đến vị tỳ-khuru ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên này, con hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời, có hào quang sáng ngời tỏa ra mọi phương hướng như Ngài Đại-Trưởng-lão đã thấy.

Nghe vị thiên-nam bạch như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmogallāna thuyết-pháp tế độ vị thiên-nam ấy cùng với nhóm thiên-nữ thuộc hạ của y. Ngài Đại-Trưởng-lão trở về cõi người.

3- Phước-thiện bố-thí cúng-dường chỗ ở

3.1- Tích Nandiyavatthu ⁽¹⁾

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại khu rừng Isipatana gần kinh-thành Bārāṇasī, đề cập đến cận-sự-nam Nandiya được tóm lược như sau:

¹ Bộ Dhammapadattakathā, Piyavagga, tích Nandiyavatthu.

Trong kinh-thành Bārāṇasī, có một gia đình có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tận tâm phụng sự chư tỳ-khuru-Tăng, có người con trai tên là *Nandiya*. Cậu *Nandiya* là đứa con ngoan ngoãn biết vâng lời dạy dỗ của mẹ cha, nên từ nhỏ rất hiếu thảo với mẹ cha và biết phục vụ chư tỳ-khuru-Tăng.

Khi cậu *Nandiya* trưởng thành, người mẹ muốn đem đứa cháu gái con của người em trai tên là *Revatī* về nhà để làm vợ của *Nandiya*. Cô *Revatī* không có đức-tin nơi Tam-bảo, tuy cậu *Nandiya* không thích cô nhưng mà phải miễn cưỡng vâng lời chiều theo ý của mẹ.

Mẫu thân của cậu dạy dỗ cô *Revatī* rằng:

- *Này con! Nhà chúng ta thường tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng. Con nên lau chỗ ngồi cho sạch sẽ, trải lót sẵn chỗ ngồi, đặt chân bát. Khi chư tỳ-khuru-Tăng đến, con ra tiếp nhận bát, thỉnh mời chư tỳ-khuru vào nhà ngồi, đem nước rửa tay, nước uống, đem vật thực để bát cúng-dường mỗi vị. Khi mỗi vị tỳ-khuru độ vật thực xong, con xin cái bát đem đi rửa sạch, lau khô, đem đến dâng lại cho mỗi vị tỳ-khuru.*

Trong nhà, con nên làm phận-sự chiều chuộng mẹ cha chồng và chồng, con nên siêng năng lo làm mọi việc trong nhà cho được gọn gàng sạch sẽ.

Nếu con ngoan ngoãn biết vâng lời làm mọi phận-sự chu đáo được như vậy thì con sẽ là người làm hài lòng đứa con trai của mẹ.

Cô *Revatī* hứa sẽ là người con ngoan ngoãn biết vâng lời dạy dỗ của mẹ như vậy.

Sau đó, mẹ cha nói cho cậu *Nandiya* biết về tính nết của cô *Revatī* rằng:

- *Này Nandiya yêu quý! Cô Revatī là người con gái ngoan ngoãn biết vâng lời.*

Nghe mẹ cha nói như vậy, nên cậu Nandiya chấp thuận vâng theo lời của mẹ cha.

Sau đó, mẹ cha cậu Nandiya định ngày làm lễ thành hôn cậu với cô Revatī.

Cậu Nandiya bảo cô Revatī rằng:

- *Này Revatī! Nếu cô ngoan ngoãn biết vâng lời phụng dưỡng mẹ cha, biết phục vụ chu đáo chư tỳ-khuru-Tăng như vậy, thì cô sẽ có được địa vị trong nhà này. Cô chớ nên để đuôi nhé!*

Cô Revatī hứa cố gắng làm tròn bổn phận của mình. Cô Revatī cố gắng làm giống như người có đức-tin nơi Tam-bảo, lo phục vụ chư tỳ-khuru-Tăng, biết lo phụng sự mẹ cha và chồng. Cho đến khi cô Revatī sinh ra được 2 đứa con, dần dần cô lộ rõ là người không có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo. Khi mẹ cha của Nandiya đều qua đời, cô Revatī trở thành người có địa vị lớn trong gia đình.

Nandiya trở thành thí-chủ

Sau khi mẹ cha qua đời, cận-sự-nam Nandiya có phận-sự bảo tồn truyền thống của gia đình, tạo mọi phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, phước-thiện bố-thí đến những người nghèo khổ, người qua đường, v.v...

Một hôm, cận-sự-nam Nandiya nghe Đức-Phật thuyết-pháp giảng dạy về quả báu cao quý của thí-chủ tạo *phước-thiện bố-thí cúng-dường* **chỗ ở** đến chư tỳ-khuru-Tăng, cận-sự-nam Nandiya vô cùng hoan-hỷ muốn *cúng-dường* **chỗ ở** đến chư tỳ-khuru-Tăng, nên kính bạch với Đức-Phật xin phép xây dựng chỗ ở để cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng.

Được Đức-Phật cho phép, tại khu rừng phóng sinh nai gọi là *Isipatana*, cận-sự-nam Nandiya thuê thợ xây dựng một chỗ ở lớn có 4 mặt, bên trong có 4 căn phòng lớn được trang hoàng đầy đủ các thứ vật dụng cần thiết.

Cúng-dường chỗ ở cõi người, lâu đài phát sinh trên cõi trời dục-giới

Trong *buổi lễ cúng-dường chỗ ở ấy* đến chư tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì, tại *khu rừng phóng sinh nai Isipatana*. Khi thí-chủ Nandiya cầm bình nước *dakkhiṇodaka* rót nước kính dâng *cúng-dường chỗ ở ấy* đến chư tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì, và hồi hướng phần phước-thiện bồ-thí cúng-dường chỗ ở đến tất cả mọi chúng-sinh, thì ngay khi ấy, tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, *một lâu đài bằng thất báu to lớn 12 do-tuần, chiều cao 100 do-tuần phát sinh, có nhiều vị thiên-nữ hầu hạ trông chờ vị thiên-nam chủ nhân của lâu đài.*

Hôm sau, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đi du hành trên cung trời Tam-thập-tam-thiên, đứng không xa lâu đài ấy, hỏi các vị thiên-nam rằng:

- *Này quý vị thiên-nam! Lâu đài bằng thất báu ấy có nhiều vị thiên-nữ hầu hạ phát sinh để cho vị thiên-nam nào vậy?*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna truyền hỏi như vậy, vị thiên-nam kính bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, lâu đài bằng thất báu ấy phát sinh dành cho thí-chủ Nandiya.*

Cận-sự-nam thí-chủ Nandiya đã xây dựng một chỗ ở lớn, rồi làm lễ kính dâng cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì tại khu rừng Isipatana.

Các vị thiên-nữ hầu hạ chờ đợi trên lầu đài nhìn thấy Ngài Đại-Trưởng-lão, liền kéo nhau xuống đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, chúng con là các vị thiên-nữ sinh ra trong lầu đài này, trông mong chờ đợi hầu hạ vị thiên-nam chủ Nandiya.*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài nói cho ông chủ Nandiya của chúng con biết rằng:*

“Từ bỏ thân thể và tài sản ở cõi người rồi nhận lấy thân thể và tài sản trên cõi trời dục-giới, ví như bỏ đồ dùng bằng đất để vỡ rồi nhận lấy đồ dùng bằng vàng quý giá vậy.”

Tài sản trời phát sinh chờ người có phước-thiện

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna từ cõi trời Tam-thập tam-thiên trở về cõi người, đến hầu đánh lễ Đức-Phật bạch hỏi rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tài sản trời phát sinh dành cho người tạo mọi phước-thiện còn hiện hữu ở tại cõi người có hay không? Bạch Ngài.*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bạch hỏi như vậy, Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- *Này Mahāmoggallāna! Lầu đài bằng thất báu đã phát sinh dành cho cận-sự-nam thí-chủ Nandiya trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên mà chính con đã nhìn thấy rồi không phải sao? Tại sao con còn hỏi Như-lai nữa.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sự-thật chính con đã nhìn thấy lầu đài bằng thất báu đã phát sinh dành cho cận-sự-nam thí-chủ Nandiya trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.*

Như vậy, thí-chủ nào có đức-tin nơi Tam-bảo, có giới-hạnh trong sạch làm lễ bồ-thí cúng-dường chỗ ở đến

chư tỳ-khuru-Tăng tại cõi người, thì ngay khi ấy, lâu đài bằng thất báu phát sinh dành sẵn cho thí-chủ ấy trên cõi trời dục-giới.

Cho nên, sau khi những thí-chủ ấy chết tại cõi người, thì *đại-thiện-nghiệp cúng-dường chỗ ở* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trong lâu đài bằng thất báu trên cõi trời dục-giới ấy, hưởng an-lạc 10 quả báu trời là *āyu: tuổi thọ, vanṇa: sắc đẹp, sukha: an-lạc, yasa: nhiều thuộc hạ, adhipateyya: làm lớn, rūpa: sắc, sadda: thanh, gandha: hương, rasa: vị, phoṭṭhabba: xúc* tại cõi trời dục-giới ấy.

3.2- Tích Ambavimāna ⁽¹⁾

Một thờ nợ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, một cận-sự-nữ trong kinh-thành Sāvattthī nghe pháp rằng:

Phước-thiện bồ-thí cúng-dường chỗ ở có phước-thiện vô lượng, có quả báu nhiều vô lượng.

Người cận-sự-nữ phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch muốn cúng-dường chỗ ở đến chư tỳ-khuru-Tăng, nên đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con có nguyện vọng muốn xây dựng một ngôi chùa, để cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng. Kính xin Đức-Thế-Tôn chỉ chỗ cho con.

Nghe người cận-sự-nữ bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền bảo tỳ-khuru chỉ chỗ thích hợp cho cận-sự-nữ ấy.

Được chư tỳ-khuru chỉ chỗ, người cận-sự-nữ thuê thợ xây dựng một ngôi chùa rất xinh đẹp, rồi cho người trồng các cây xoài xung quanh ngôi chùa ấy.

¹ Bộ Vimānavatthu, tích Ambavimānavatthu.

Sau khi xây dựng ngôi chùa, trồng các cây xoài xung quanh chùa cho bóng mát và cho quả, người cận-sự-nữ cho người trang hoàng ngôi chùa rất lộng lẫy, lấy những tấm vải mới bao quanh các gốc cây xoài, làm nền sạch sẽ xung quanh ngôi chùa để chuẩn bị làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng-dường ngôi chùa ấy.

Mọi công việc được chuẩn bị sẵn sàng, người cận-sự-nữ vô cùng hoan-hỷ kính thỉnh chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đến để làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng-dường ngôi chùa ấy một cách rất trọng thể đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương.

Sau khi làm đại lễ cúng-dường ngôi chùa xong, người cận-sự-nữ vô cùng hoan-hỷ vì đã thành tựu được nguyện vọng của mình.

Về sau, sau khi người cận-sự-nữ chết, đại-thiện-nghiệp phước-thiện bố-thí cúng-dường ngôi chùa ấy cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, trong lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, nằm giữa vườn xoài, có nhóm đông thiên-nữ hầu hạ đờn ca múa hát. Vị thiên-nữ có nhiều oai lực, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy.

Một hôm, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bay lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, gặp vị thiên-nữ ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão bèn hỏi rằng:

- Nay thiên-nữ! Vườn xoài trời của cô thật là ngoạn mục, trong vườn xoài có lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, có các tiếng đàn phát ra du dương, từng đoàn thiên-nữ ca hát nhảy múa. Trong lâu đài có ngọn đèn lớn bằng ngọc phát ra ánh sáng sáng ngời, xung quanh lâu đài của cô có nhiều loại cây luôn luôn cho quả thơm ngon.

- Nay thiên nữ! Tiền-kiếp của cô sinh làm người, cô đã tạo phước-thiện như thế nào mà nay kiếp hiện tại

sinh làm vị thiên-nữ có nhiều oai lực, có thân hình xinh đẹp có đầy đủ mọi thứ quý giá, có hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng như vậy?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna hỏi như vậy, vị thiên-nữ vô cùng hoan-hỷ bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão về phước-thiện bồ-thí của mình như sau:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con sinh làm người trong cõi người, con có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, cho xây dựng một ngôi chùa, có trồng các cây xoài xung quanh chùa.

Sau khi xây dựng ngôi chùa xong, để chuẩn bị khánh thành ngôi chùa, và làm đại lễ dâng cúng-dường ngôi chùa đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Con bảo mọi người lấy vải mới bao xung quanh các gốc cây xoài, đốt đèn sáng xung quanh chùa.

Con kính thỉnh chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đến ngôi chùa, con tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường vật thực đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Sau đó, con vô cùng hoan-hỷ làm đại lễ phước-thiện bồ-thí cúng-dường ngôi chùa đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng tứ phương.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con đã tạo phước-thiện bồ-thí như vậy, nên kiếp hiện-tại này con có vườn xoài rất ngoạn mục, trong vườn xoài có lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, có các tiếng đàn phát ra du dương, có từng đoàn thiên-nữ ca hát nhảy múa.

Trong lâu đài có ngọn đèn lớn bằng ngọc phát ra ánh sáng sáng ngời, xung quanh lâu đài có nhiều loại cây luôn luôn cho quả thơm ngon.

Đó là quả báu của phước-thiện bồ-thí ấy. Con có được sắc đẹp như thế này, có hào quang sáng ngời tỏa

ra khắp mọi nơi, có đầy đủ mọi sự an-lạc như thế này cũng đều do quả của phước-thiện bố-thí ấy.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con ở cõi người đã tạo phước-thiện bố-thí như vậy, nên kiếp hiện-tại này con là thiên-nữ có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên này.

3.3- Phước-thiện bố-thí cốc lá

Tích Ngài Trưởng-lão Kuṭidāyakatthera

Ngài Trưởng-lão Kuṭidāyaka ⁽¹⁾ thuật lại chuyện tiền-kiếp của Ngài tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường cốc lá đến Đức-Phật Vipassī được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Phật Vipassī ⁽²⁾ ngụ vào trong rừng ngồi dưới cội cây. Khi ấy, tôi làm một cốc lá xong, rồi làm lễ cúng-dường cốc lá ấy đến Đức-Phật Vipassī.

Thời-kỳ Đức-Phật Vipassī trong kiếp trái đất thứ 91 kể từ kiếp trái đất này, do năng lực phước-thiện bố-thí cúng-dường cốc lá ấy đến Đức-Phật Vipassī mà những tiền-kiếp tử sinh luân-hồi của tôi không hề sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), chính nhờ đại-thiện-nghiệp ấy chỉ cho quả tái-sinh trong các cõi thiện-giới là cõi người và cõi trời dục-giới mà thôi.

Trong kiếp trái đất thứ 38 kể từ kiếp trái đất này, tôi làm Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương 16 lần có danh hiệu là *Sabbattha Abhivassī*.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, tôi đã xuất gia trở thành tỳ-khưu tên là Kuṭidāyaka,

¹ Bộ Thera Apadāna, tích Kuṭidāyakatthera apadāna.

² Từ thời-kỳ Đức-Phật Vipassī cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian có khoảng cách thời gian 91 đại kiếp trái đất.

tôi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ-phân-tích, bát-pháp giải-thoát, lục-thông. Tôi đã thực-hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật, đã hoàn thành xong phận sự của bậc xuất-gia trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

4- Phước-thiện bồ-thí thuốc trị bệnh Tích Ngài Trưởng-lão Bākula⁽¹⁾

Ngài Trưởng-lão có tên **Bākula** bởi Ngài trưởng thành trong 2 gia đình phú hộ. Tích này được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula sinh trong gia đình thuộc dòng dõi Bà-la-môn, trước khi Đức-Phật Anomadassī xuất hiện trên thế gian.

Khi trưởng thành, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão theo học các bộ môn truyền thống Bà-la-môn, nhưng Ngài nhận xét thấy không có lợi ích gì trong những bộ môn ấy, nên Ngài từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiên-định, dẫn đến chứng đắc 8 bậc thiên là 4 bậc thiên sắc-giới và 4 bậc thiên vô-sắc-giới, và chứng đắc 5 phép-thần-thông tam-giới.

Về sau, nghe tin Đức-Phật Anomadassī⁽²⁾ đã xuất hiện trên thế gian, đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Anomadassī, rồi nghe Đức-Phật thuyết-pháp. Sau khi nghe pháp xong, đạo-sĩ

¹ Bộ Chú-giải Ānguttaranikāya, tích Ngài Trưởng-lão Bākula.

² Từ thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 1 a-tăng-kỳ với 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

vô cùng hoan-hỷ *xin quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* cho đến trọn đời trọn kiếp. Ngài vẫn giữ hình thức đạo-sĩ của mình và thường đến hầu đánh lễ Đức-Phật Anomadassī, rồi nghe chánh-pháp của Đức-Phật.

Dâng thuốc trị bệnh đến Đức-Phật Anomadassī

Một thuở nọ, *Đức-Phật Anomadassī* bị lâm bệnh gió trong bụng. Khi ấy, vị đạo-sĩ đến hầu *Đức-Phật Anomadassī*, gặp vị tỳ-khuru cho biết *Đức-Phật* bị lâm bệnh gió trong bụng nên vị đạo-sĩ nghĩ rằng: “*Đây là cơ hội tốt cho ta tạo phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh đến Đức-Phật Anomadassī.*”

Vị đạo-sĩ bay đến sườn núi tìm những cây thuốc đem về dâng vị tỳ-khuru thường phụng sự Đức-Phật, vị đạo-sĩ dặn dò vị tỳ-khuru cách nấu thuốc như vậy, rồi kính dâng đến *Đức-Phật Anomadassī* dùng thuốc này, sẽ khỏi bệnh.

Thật vậy, sau khi dùng thuốc của vị đạo-sĩ, *Đức-Phật Anomadassī* khỏi bệnh gió trong bụng, sức khỏe trở lại bình thường. Khi ấy, vị đạo-sĩ đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Anomadassī*, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường thuốc trị bệnh đến Đức-Thế-Tôn khỏi bệnh. Do nhờ phước-thiện bố-thí cúng-dường thuốc trị bệnh này, cầu mong cho con là người ít bệnh hoạn ốm đau suốt trong mọi kiếp còn tử sinh luân-hồi.*

Sau khi vị đạo-sĩ chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh hóa-sinh làm phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Sau khi hết tuổi thọ trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, tử sinh luân-hồi trong cõi người và các cõi trời trải qua suốt 1 a-tăng-kỳ.

Phát nguyện trở thành tỳ-khưu ít bệnh nhất

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* ⁽¹⁾ xuất hiện trên thế gian, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* sinh trong một gia đình tại kinh-thành Hamsavatī. Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Bākula* đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, rồi ngồi lắng nghe *Đức-Phật* thuyết-pháp.

Khi ấy, *Đức-Phật Padumuttara* tuyên dương một tỳ-khưu có ít bệnh nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật*.

Thấy vị tỳ-khưu ấy như vậy, nên *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* phát nguyện muốn trở thành vị tỳ-khưu có ít bệnh nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật* trong thời vị-lai, và được *Đức-Phật Padumuttara* thọ ký xác định thời gian còn lại 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* sẽ xuất hiện trên thế gian, khi ấy, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* sẽ được thành tựu như ý.

Sau khi được *Đức-Phật Padumuttara* đã thọ ký, những tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Bākula* tử sinh luân-hồi trong cõi người và các cõi trời, cố gắng tinh-tấn không ngừng tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc hạ cho sớm được đầy đủ trọn vẹn.

* Trước khi *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* sinh trong gia đình Bà-la-môn trong kinh-thành Bandhumatī. Khi trưởng thành, *Ngài* từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ trú tại chân núi, thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và các phép-thần-thông trong thế gian.

¹ Từ thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* có khoảng cách thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Đến khi Đức-Phật Vipassī⁽¹⁾ đã xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật Vipassī ngự cùng với nhóm 6.800.000 vị Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đến kinh-thành Bandhumatī để tế độ Đức-Phụ-vương. Đức-Phật Vipassī ngự tại vườn phóng sinh nai Khema cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng ấy.

Nghe tin Đức-Phật Vipassī đã xuất hiện trên thế gian và đang ngự tại vườn phóng sinh nai Khema, vị đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đánh lễ Đức-Phật Vipassī, rồi nghe thuyết-pháp. Vị đạo-sĩ phát sinh đức-tin trong sạch xin quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, vẫn giữ hình thức đạo-sĩ của mình, thường đến hầu đánh lễ Đức-Phật và nghe-pháp.

Dâng thuốc trị bệnh đến chư tỳ-khuru

Một thời nọ, ngoài Đức-Phật Vipassī và 2 Ngài Tối-thượng thanh-văn ra, còn lại tất cả chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đều bị mắc bệnh nhức đầu, bởi vì hít mùi hoa độc của những cây trong rừng núi Himavanta đang nở rộ.

Khi ấy, vị đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đánh lễ Đức-Phật Vipassī, biết chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng bị mắc bệnh đau đầu như vậy, nên nghĩ rằng: “*Đây là cơ hội tốt của ta tạo phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.*”

Vị đạo-sĩ dùng oai lực phép-thần-thông bay đi tìm các thứ cây thuốc đem về làm thành thuốc, rồi đem đến tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường thuốc trị bệnh đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Sau khi dùng thuốc, tất cả chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đều khỏi bệnh ngay.

¹ Từ thời-kỳ Đức-Phật Vipassī đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 91 đại-kiếp trái đất.

Sau khi vị *đạo-sĩ tiên-kiếp* của Ngài *Trưởng-lão Bākula* chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên. Khi hết tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh trong cõi người và các cõi trời, trải qua 91 đại-kiếp trái đất.

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, khi ấy, *tiên-kiếp* của Ngài *Trưởng-lão Bākula* là người dân sinh sống trong căn nhà cũ tại kinh-thành *Bārāṇasī*.

Một hôm, ông nghĩ rằng: “*Căn nhà của ta đã cũ, bị hư hỏng không ở được nữa. Vậy, ta nên gọi nhóm thợ cùng ta đi vào rừng sâu tìm cây gỗ, lá, v.v... đem về làm lại căn nhà mới.*”

Sau khi nghĩ như vậy, ông dẫn nhóm thợ vào rừng. Trên đường đi, ông nhìn thấy ngôi chánh-điện *Sīmā* nơi hành các tầng sự *Samghakamma* của chư *Đại-đức tỳ-khuru-Tăng* đã bị hư hỏng, dột nát, và các chỗ ở của chư *Đại-đức tỳ-khuru-Tăng* cũng bị hư hỏng nhiều, nên ông nghĩ rằng: “*Việc làm căn nhà mới của ta chưa cần thiết, bởi vì căn nhà không thể đi theo ta được mà chỉ có phước-thiện mới có thể theo ta được mà thôi.*”

Vậy, ta nên trùng tu lại ngôi chánh-điện Sīmā, và các chỗ ở, nhà ăn, ... để cúng-dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng trước.”

Ông dẫn nhóm thợ vào rừng sâu tìm cây gỗ, lá, v.v... đem về trùng tu lại ngôi chánh-điện *Sīmā*, nhà ăn, các chỗ ở của chư *Đại-đức tỳ-khuru*, nhà xông hơi cho *tỳ-khuru bệnh*, đặc biệt nhà thương dành cho những *tỳ-khuru bệnh*, và chuẩn bị các thứ thuốc trị bệnh dành cho chư *tỳ-khuru bệnh*, các nhà vệ sinh, v.v...

Sau khi xây dựng xong, ông làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng-dường dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*.

Tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula cố gắng tinh-tần tạo 10 pháp hạnh Ba-la-mật cho sớm được đầy đủ cho đến trọn đời. Cho nên, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong các cõi trời, cõi người, trải qua khoảng thời gian từ *Đức-Phật Kassapa* đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thời gian.

Kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Bākula

Sau khi *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng bà vợ ông phú hộ tại kinh-thành Kosambī, trước thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian.

Từ khi đầu thai vào lòng mẹ suốt 10 tháng, gia đình phú hộ phát sinh của cải quý báu nhiều vô kể, được Đức-vua ban thưởng chức tước cao quý.

Khi tròn đủ 10 tháng, lúc sinh ra đời, người mẹ của công-tử nghĩ rằng: “*Công-tử của ta là một đứa con có phước lớn, ta muốn con của ta được khỏe mạnh, không có bệnh, được sống lâu.*”

Vậy, ta nên bảo các nữ mẫu ẵm con của ta đem xuống sông Yamunā làm lễ tắm gội đầu sau ngày sinh thì con của ta sau này được khỏe mạnh, không có bệnh hoạn ốm đau, được sống lâu.”

Đứa trẻ bị con cá lớn nuốt vào bụng

Các bà nữ mẫu ẵm đứa trẻ đem xuống sông Yamunā để làm lễ tắm gội đầu đứa trẻ ⁽¹⁾. Lúc đang làm lễ, *một con cá lớn* nhìn thấy đứa trẻ ấy, tưởng là miếng mồi, nó

¹ Bộ Majjhimanikāya, lễ tắm đứa con sau khi sinh được 5 ngày.

há mồm ra ngậm đũa trẻ nuốt vào bụng bơi đi nơi khác, mà các bà nữ mẫu không sao cứu được.

Đũa trẻ là **bực đại-phước kiếp chót**, nên dù nằm trong bụng con cá cũng như nằm trong phòng ngủ sang trọng, không cảm thấy khổ chút nào cả.

Do oai lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật kiếp chót của đũa trẻ, nên con cá như nuốt phải một vật nóng, làm cho nó nóng nảy bơi nhanh như điên suốt 30 do tuần, rồi bị dính lưới của nhóm dân chài trong kinh-thành Bārāṇasī.

Thông thường, con cá lớn như thế này khi mắc lưới thì chết ngay, nhưng do oai lực phước-thiện của đũa trẻ, con cá vẫn còn sống cho đến khi bị bắt ra khỏi lưới. Những người dân chài cột dây khiêng con cá đi quanh kinh-thành Bārāṇasī, để bán với chừng ấy kahāpaṇa, nhưng không có một ai mua con cá ấy.

Khi khiêng con cá đến trước cổng nhà phú hộ có của cải tài sản đến 800 triệu, trong kinh-thành Bārāṇasī, bà phú hộ hỏi họ rằng:

- *Này các người, các người bán con cá ấy bao nhiêu Kahāpaṇa?*

Những người dân chài thưa rằng:

- *Kính thưa Bà, xin Bà cho chừng ấy kahāpaṇa.*

Bà phú hộ trả chừng ấy kahāpaṇa cho những người dân chài, rồi bà cho người đem con cá vào nhà.

Bà phú hộ được đũa trẻ làm con

Hằng ngày, bà phú hộ không bao giờ tự tay làm cá hoặc làm đồ ăn, nhưng hôm ấy, bà phú hộ đặt con cá trên tấm ván lớn, rồi tự tay mình làm thịt con cá này. Thông thường, người ta mổ cá trước bụng, nhưng bà phú hộ mổ con cá này ở phía sau, khi đỡ lên bà nhìn thấy

đứa trẻ có màu da như màu vàng ròng nằm trong bụng con cá, bà phú hộ rất vui mừng reo lên rằng:

“Ta được đứa trẻ trong bụng con cá.”

Bà phú hộ ẵm đứa trẻ đến trình ông phú hộ. Gia đình phú hộ vốn không có con, nay bỗng dung được **đứa trẻ có nét mặt sáng sủa, màu da như màu vàng ròng**, nên ông vô cùng sung sướng bảo gia nhân đánh chuông thông báo cho mọi người biết như vậy.

Ông bà phú hộ ẵm đứa trẻ lên xe đi vào cung điện châu Đức-vua Bārāṇasī tâu rằng:

*- Muôn tâu Hoàng-Thượng, vợ chồng tôi được **đứa trẻ trong bụng cá**. Vậy, nay vợ chồng tôi phải làm thế nào?*

Đức-vua truyền bảo rằng:

*- Nay ông bà phú hộ! **Đứa trẻ** này có phước lớn, dù nó nằm trong bụng con cá mà sinh mạng vẫn được an toàn. Vậy, hai ông bà phú hộ nên nuôi dưỡng đứa trẻ này xem như là con của mình.*

Đứa trẻ tên là Bākula

Gia đình ông bà phú hộ là cha mẹ của đứa trẻ ở kinh-thành Kosambī nghe tin gia đình ông bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī được một **đứa trẻ trong bụng con cá**.

Bà phú hộ là mẹ đẻ của đứa trẻ cùng nhóm gia nhân đi xe lên đường đến kinh-thành Bārāṇasī, tìm đến nhà gia đình phú hộ kinh-thành Bārāṇasī.

Nhìn thấy bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī đang chơi đùa với đứa trẻ, bà phú hộ kinh-thành Kosambī khen ngợi đứa trẻ rằng:

“Đứa trẻ thật là đáng yêu quá!”

Khi ấy, bà phú hộ kinh-thành Kosambī mẹ sinh thừa với bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī rằng:

- *Thưa bà, đứa trẻ này là con của tôi.*

Bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī mẹ nuôi thưa rằng:

- *Thưa bà, đứa trẻ này là con của tôi, không phải con của bà đâu!*

Ms⁽¹⁾: - *Thưa bà, bà được đứa trẻ này từ đâu?*

Mn: - *Thưa bà, tôi được đứa trẻ này từ trong bụng con cá.*

Ms: - *Thưa bà, nếu như vậy, thì chắc chắn đứa trẻ này không phải là con của bà, nó chính là con của tôi.*

Mn: - *Thưa bà, con của bà ở đâu?*

Ms: - *Thưa bà, tôi mang thai 10 tháng, khi đứa trẻ này sinh ra được đem xuống sông Yamunā để làm lễ tắm gội đầu thì con cá há mồm ra ngậm đứa trẻ nuốt vào bụng bơi đi đến nơi này.*

Mn: - *Thưa bà, con của bà bị con cá khác nuốt bơi đi nơi khác rồi, còn đứa trẻ này nằm trong bụng con cá mà tôi đã mua.*

Như vậy, bà phú hộ kinh-thành Kosambī là mẹ sinh và bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī là mẹ nuôi tranh chấp với nhau về đứa trẻ, không thuộc về bên nào nên hai người mẹ ãm đứa trẻ cùng nhau đến châu Đức-vua Bārāṇasī để Đức-vua phán xét.

Đức-vua phán xét rằng:

“Bà phú hộ kinh-thành Kosambī mang thai 10 tháng sinh ra đứa trẻ này nên bà phú hộ không phải là mẹ sinh thì không thể được. Và bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī đã mua con cá thì tất cả những thứ gì trong con cá đều thuộc quyền sở hữu của bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī.

¹ Ms: Mẹ sinh, Mn: Mẹ nuôi.

Cho nên, đứa trẻ nằm trong bụng con cá thuộc về của bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī, nếu bà không phải là mẹ nuôi thì cũng không thể được.

*Vì vậy, đứa trẻ này là người thừa kế (dāyāda) của 2 gia đình phú hộ. Kể từ nay, đứa trẻ này thuộc về 2 gia đình phú hộ, nên đặt tên là **Bākulakumāra: Công-tử Bākula**” (Bākula nghĩa là 2 gia đình, 2 dòng họ).*

Công-tử Bākula của hai gia đình phú hộ

Khi công-tử Bākula trưởng thành được hưởng mọi sự an-lạc trong 2 gia đình phú hộ tại kinh-thành Bārāṇasī và kinh-thành Kosambī. Mỗi gia đình phú hộ xây dựng 3 tòa lâu đài thích hợp trong 3 mùa, gồm có đầy đủ mọi thứ để hưởng mọi sự an-lạc trong đời, như các đoàn ca hát, nhảy múa, những món ngon vật lạ, một chiếc thuyền lớn, những xe cộ đi du ngoạn ngắm cảnh, v.v...

Công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong mỗi gia đình phú hộ của mỗi kinh-thành 4 tháng (2 tháng tại kinh-thành và 2 tháng trên chiếc thuyền).

Thật vậy, công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong gia đình phú hộ tại kinh-thành bên này suốt 2 tháng, rồi bước xuống chiếc thuyền lớn có đầy đủ mọi thứ như các đoàn ca hát, nhảy múa, các món ăn vật lạ, v.v... để cho công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Chiếc thuyền lớn di chuyển từ kinh-thành này đến nửa đường, chỗ hẹn trên dòng sông suốt thời gian 2 tháng.

Một chiếc thuyền lớn của gia đình phú hộ kinh-thành bên kia chờ nửa đường chỗ hẹn trên dòng sông, để đón rước công-tử Bākula bước sang chiếc thuyền lớn bên kia cũng có đầy đủ mọi thứ trên chiếc thuyền, để cho công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Chiếc thuyền lớn di chuyển suốt 2 tháng mới đến kinh-thành bên kia,

rồi công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong gia đình phú hộ tại kinh-thành bên kia suốt 2 tháng.

Công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong mỗi gia đình phú hộ của mỗi kinh-thành luân phiên nhau như vậy, suốt thời gian tròn 80 năm.

Công-tử Bākula trở thành tỳ-khuru

Công-tử Bākula sống tại-gia tròn 80 năm. Vào thời ấy, Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian.

Khi ấy, nghe tin Đức-Phật Gotama ngự đến kinh-thành Kosambī, công-tử Bākula là vị thanh-văn đệ-tử kiếp chót, đi đến hầu đảnh lễ, cúng-dường những phẩm vật đến Đức-Phật, rồi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

Công-tử Bākula phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru trong giáo-pháp của Ngài.

Sau khi công-tử Bākula trở thành tỳ-khuru được 7 ngày, tỳ-khuru Bākula vẫn còn là tỳ-khuru phàm-nhân. Đến sáng sớm ngày thứ 8, tỳ-khuru Bākula thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ-phân-tích, lục-thông trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Sau khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, tất cả các người bạn thân, các đoàn ca hát, nhảy múa, các nhạc công, các nhóm tùy tùng thuộc hạ là những người trong kinh-thành Bārāṇasī và trong kinh-thành Kosambī của công-tử Bākula khi còn sống tại-gia, mỗi người đều nhận được nhiều của cải đem về sinh sống trong gia đình của mình.

Khi sống trong gia đình, họ thường nhớ ơn của Ngài

Trưởng-lão Bākula, nên họ dệt, may thành bộ y, rồi đem kính dâng đến Ngài *Trưởng-lão Bākula*.

Hằng nửa tháng trước, người thân trong kinh-thành Kosambī dâng một bộ y đến Ngài *Trưởng-lão Bākula*. Nửa tháng sau, người thân trong kinh-thành Bārāṇasī dâng một bộ y đến Ngài *Trưởng-lão Bākula*, cứ thay phiên nhau dâng bộ y như vậy.

Ngoài ra, các thứ vật dụng khác cũng được người thân thay phiên nhau dâng cúng-dường đến Ngài *Trưởng-lão Bākula* như vậy. Cho nên, tứ vật dụng của Ngài *Trưởng-lão* nhiều vô kể.

Ngài *Trưởng-lão Bākula* thường cho người đem tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu khác.

Tuyên dương Ngài Trưởng-Lão Bākula ít bệnh đệ nhất

* *Công-tử Bākula từ nhỏ sống tại gia đến lúc tròn 80 tuổi, công-tử không hề bị bệnh hoạn, ốm đau, dù chỉ là sổ mũi, nhức đầu nhẹ cũng không từng phát sinh đối với công-tử Bākula.*

* *Công-tử Bākula xuất gia trở thành tỳ-khưu Bākula lúc tròn 80 tuổi.*

Từ khi trở thành tỳ-khưu *Bākula* đến ngày thứ 8 trở thành bậc Thánh A-ra-hán cho đến lúc Ngài *Trưởng-lão Bākula* có 80 tuổi hạ, trong suốt khoảng thời gian ấy, Ngài *Trưởng-lão Bākula* cũng không hề có bệnh hoạn, ốm đau gì cả, và 4 thứ vật dụng luôn luôn phát sinh đầy đủ đối với Ngài *Trưởng-lão Bākula*.

Một hôm, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana giữa chư Đại-đức Thánh-tăng, Đức-Thế-Tôn tuyên dương Ngài *Trưởng-lão Bākula* rằng:

“*Bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ appābādhānaṃ yadidaṃ Bākulo.*”

“- *Này chư tỳ-khuru! Trong hàng tỳ-khuru thanh-văn đệ-tử của Như-lai, Bākula là vị tỳ-khuru có ít bệnh đệ nhất.*”

Ngài Trưởng-lão Bākula đã thành-tựu được như ý nguyện đúng như Đức-Phật Padumuttara đã thọ ký trong thời quá-khứ.

Ngài Trưởng-lão Bākula tịch diệt Niết-bàn

Ngài Trưởng-lão Bākula khi còn là *công-tử Bākula* sống tại-gia hưởng mọi sự an-lạc trong đời suốt 80 năm, không hề có thứ bệnh gì, dù chỉ là bệnh sổ mũi. Đến 80 tuổi, *công-tử Bākula* xuất gia trở thành *tỳ-khuru*.

Sau khi trở thành *tỳ-khuru Bākula* được 7 ngày, đến sáng ngày thứ 8, *tỳ-khuru Bākula* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, Ngài Trưởng-lão Bākula có 80 tuổi hạ.

Ngài Trưởng-lão Bākula sống trong suốt 80 tuổi hạ cũng không hề có thứ bệnh nào cả.

Đó là *quả báu của phước-thiện bồ-thí thuộc trị bệnh* mà tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đã tạo trong thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī, và tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đã phát nguyện muốn trở thành vị *tỳ-khuru có ít bệnh nhất*, đã được Đức-Phật Padumuttara quá-khứ thọ ký cũng được thành tựu như ý nguyện.

Công-tử Bākula sống tại gia tròn 80 tuổi và xuất gia trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, Ngài Trưởng-lão có 80 tuổi hạ. Như vậy, *tuổi thọ của Ngài Trưởng-lão Bākula có tròn 160 năm*.

Một hôm, Ngài Trưởng-lão Bākula thưa với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng rằng:

“*Hôm nay, tôi sẽ tịch diệt Niết-bàn.*”

Để chư tỳ-khuru không phải lo công việc hỏa-táng thi thể của Ngài, cho nên, Ngài Trưởng-lão Bākula ngồi kiết

già giữa *chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng* và phát nguyện, rồi *nhập thiền đề-mục lửa (tejokasiṇa)*, cuối *lộ-trình-tâm “cuti” tịch diệt Niết-bàn*.

Sau khi *Ngài Trưởng-lão Bākula tịch diệt Niết-bàn*, *giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, hỏa-đại bốc lên thiêu đốt thân xác của Ngài Trưởng-lão chỉ còn những viên Xá-lợi màu trắng như màu hoa lài mà thôi*.

Chư tỳ-khuru xây ngôi tháp tôn thờ Xá-lợi của Ngài Trưởng-lão Bākula.

Phước-thiện bố-thí cho quả ngay hiện-tại

Phước-thiện bố-thí thuộc về *dục-giới thiện-nghiệp* gọi là *đại-thiện-nghiệp* nếu có cơ hội thì *cho quả tốt, quả an-lạc ngay hiện-tại, cho quả tái-sinh kiếp sau, và cho quả tốt, quả an-lạc từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán*, trước khi tịch diệt Niết-bàn, *giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới*.

Phước-thiện bố-thí cho quả ngay hiện-tại thì thí-chủ phải hội đầy đủ 4 pháp sampadā⁽¹⁾ thành-tựu.

Sampadā: Pháp thành-tựu, có 4 pháp:

1- *Paccayadhammika:* *Vật-thí hợp pháp*, đó là vật-thí dù ít dù nhiều cũng được phát sinh một cách hợp pháp và hoàn toàn trong sạch, không làm khổ mình, không làm khổ chúng-sinh khác.

2- *Cetanāmahatta:* *Tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch đầy đủ trọn vẹn trong 3 thời pubbacetanā, muñcacetanā, aparacetanā đầy đủ và có nhiều năng lực*.

3- *Guṇātirekā:* *Bậc thọ-thí có ân-đức cao thượng đó là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, bậc Thánh A-ra-hán*.

¹ Trong các Bộ M. U. Atṭhakathā, Aṅguttaranikāya, Dhammapadaṭṭhakathā, v.v...

4-*Vatthusampatti*: Bậc Thánh A-ra-hán vừa xả diệt-thọ-tưởng rồi đi khát thực nhận vật-thí ấy của thí-chủ.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí hợp đủ 4 pháp *sampadā*: thành-tựu như vậy thì chắc chắn phước-thiện bồ-thí ấy sẽ cho quả ngay kiếp hiện-tại không lâu.

Giảng giải về tác-ý trong 3 thời kỳ trong phước-thiện bồ-thí

1- ***Pubbacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bồ-thí ấy có thời gian lâu hoặc mau tùy theo thí-chủ và công việc chuẩn bị trước khi tạo phước-thiện bồ-thí ấy (thời kỳ quá-khứ).

2- ***Muñcacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bồ-thí ấy (thời kỳ hiện-tại).

3- ***Aparacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bồ-thí ấy (thời kỳ vị-lai).

Trong 3 thời-kỳ này, thời-kỳ ***aparacetanā***: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bồ-thí ấy xong rồi, thời gian không hạn định sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, nếu mỗi khi thí-chủ niệm tưởng đến phước-thiện bồ-thí ấy rồi phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ thì phước-thiện bồ-thí ấy lại càng tăng trưởng.

Cho nên, trong 40 đề-mục thiền-định, có đề-mục *cāgānussati*: đề-mục thiền-định niệm-niệm phước-thiện bồ-thí của mình.

Đức-Phật dạy về ***cetanā*** rằng:

“*Cetanā*’ham bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā.”⁽¹⁾

¹ *Anguttaranikāya*, Chakkanipāta, kinh Nibbedhikasutta.

- *Này chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.*

Vì vậy, Như-lai dạy rằng: “Tác-ý gọi là nghiệp.”

Cetanā: Tác-ý đó là **tác-ý tâm-sở** (*cetanācetasika*) là 1 tâm-sở (*cetasika*) trong 52 loại tâm-sở đồng sinh với tất cả mọi tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.

Cetanācetasika: Tác-ý tâm-sở gọi là **kamma: nghiệp** chỉ có đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) và 21 hoặc 37 thiện-tâm như sau:

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) gọi là bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp).

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm gọi là dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp).

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm gọi là sắc-giới thiện-nghiệp.

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là vô-sắc-giới thiện-nghiệp.

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm gọi là 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-nghiệp.

Nếu *cetanācetasika:* Tác-ý tâm-sở khi đồng sinh với 36 hoặc 52 quả-tâm ⁽¹⁾ và 20 duy-tác-tâm ⁽²⁾ thì không gọi là **nghiệp**.

Tính chất đặc biệt của *cetanācetasika*

Cetanācetasika: Tác-ý tâm-sở là 1 trong 52 *cetasika:* tâm-sở gọi là **kamma: nghiệp** có tính chất đặc biệt hơn 51 tâm-sở khác như sau:

¹ 36 hoặc 52 quả-tâm đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 đại-quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.

² 20 duy-tác-tâm đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.

Các tâm-sở nào đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm và 17 tam-giới thiện-tâm sinh rồi diệt, các tâm-sở ấy không có cơ hội sinh trở lại nữa, nhưng chỉ có **cetanācetasika**: tác-ý tâm-sở nào gọi là **ngiệp** dù đã diệt rồi, **tác-ý tâm-sở** ấy vẫn còn có cơ hội sinh trở lại trong trường-hợp như sau:

* Người thiện nào có tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm tạo **đục-giới thiện-ngiệp** (đại-thiện-ngiệp), **đại-thiện-ngiệp** ấy nếu có cơ hội thì cho quả trong **kiếp hiện-tại** (kiếp thứ nhất) có **8 thiện-quả vô-nhân-tâm** tiếp xúc các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống hiện-tại của người ấy.

- Sau khi người ấy chết, **đục-giới thiện-ngiệp** (đại-thiện-ngiệp) ấy nếu có cơ hội thì cho quả tái-sinh **kiếp sau** (kiếp thứ nhì) đầu thai sinh làm người trong cõi người, hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời đục-giới, hưởng mọi quả an-lạc của đục-giới thiện-ngiệp ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đục-giới thiện-tâm nào tạo đục-giới thiện-ngiệp (đại-thiện-ngiệp), đại-thiện-ngiệp ấy nếu có cơ hội thì cho quả từ **kiếp thứ ba** cho đến **kiếp chót** của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Sau khi bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, thì tất cả mọi đại-thiện-ngiệp và mọi ác-ngiệp được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong tâm sinh rồi diệt từ vô thủy trải qua vô số kiếp, từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài đều trở thành vô-hiệu quả-ngiệp (ahosikamma), không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Đó là tính chất đặc biệt của cetanācetasika: tác-ý tâm-

sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm) gọi là **8 dục-giới thiện-nghiệp**.

* Hành-giả nào thuộc về hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala) thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng chứng đắc bậc thiền 5 sắc-giới thiện-tâm giữ gìn cho đến lúc lâm chung.

Sau khi hành-giả phàm-nhân ấy chết, chắc chắn **sắc-giới thiện-nghiệp** trong đệ-ngũ-thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên Quảng-quả-thiên. Chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Bốn thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

Đó là tính chất đặc biệt của cetanācetasika: tác-y tâm-sở đồng sinh với 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm gọi là **5 sắc-giới thiện-nghiệp**.

* Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm đến lúc lâm chung.

Sau khi hành-giả phàm-nhân ấy chết, chắc chắn **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong đệ-tứ-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao gọi là Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiền thiện-tâm có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên. Chư phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh này có tuổi thọ lâu nhất 84.000 đại-kiếp trái đất.

Năm bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 3 thiên vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

Đó là tính chất đặc biệt của *cetanācetasika*: tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp**.

Cho nên, *cetanācetasika*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm và 17 tam-giới thiện-tâm gọi là **kamma**: nghiệp có tính chất rất đặc biệt hơn các *cetasika*: tâm-sở khác và các *citta*: tâm khác, bởi vì các tâm-sở khác và các tâm khác sinh rồi diệt thời hiện-tại, không còn liên quan đến thời vị-lai.

Năng lực của *cetanādāna* trong 3 thời-kỳ

Trong 10 phước-thiện *puññakriyāvattu*⁽¹⁾, người thiện tạo mỗi phước-thiện đều phải trải qua 3 thời-kỳ tác-ý. Ví dụ: *Phước-thiện bố-thí* như sau:

- ***Pubbacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy (có thời gian không nhất định).

- ***Muñcacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện bố-thí ấy (thời gian lúc hiện-tại).

- ***Aparacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy (thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm không có hạn).

Mỗi thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí ấy có năng lực cho quả khác nhau như sau:

¹ Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển V: Phước-Thiện, cùng soạn giả.

1- Năng lực của pubbacetanā

Pubbacetanā: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí.

* Nếu thí-chủ nào có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **hoan-hỷ** trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí, thì đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả tốt trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ, và tiếp theo cho quả trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, có 8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm trong **thời ấu-niên**, tùy theo năng lực quả tốt của đại-thiện-nghiệp ấy.

* Nếu thí-chủ nào có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không hoan-hỷ** trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí, dù có ác-tâm xen lẫn mà vẫn tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí, thì đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ, và tiếp theo cho quả trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, có 8 đại-quả-tâm, thiện-quả vô-nhân-tâm và bất-thiện quả vô-nhân-tâm trong thời ấu-niên, tùy theo năng lực quả của đại-thiện-nghiệp ấy và quả của ác-nghiệp ấy.

Ví dụ: **Tích Pañcapāpī** ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Cô **Pañcapāpī** là con gái của một gia đình nghèo khổ, nhà ở gần cửa phía Đông trong kinh-thành Bārāṇasī.

¹ Jātakatṭhakathā, Asītinipāta, trong tích Kuṇāljātakavaṇṇanā.

Sở dĩ người ta gọi cô là **Pañcapāpī** (*Pañca + pāpī*) *Pañca* là 5, *pāpī* là bộ phận xấu, bởi vì thân hình của cô có 5 bộ phận xấu là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi*.

Do nguyên nhân nào thân hình của cô có 5 bộ phận xấu như vậy?

Tiền-kiếp của cô là con gái của gia đình nghèo khổ, chuyên nhồi đất cho nhuyễn để bán cho người ta trát vách nhà.

Một hôm, Đức-Phật Độc-Giác cần đất nhuyễn để trát vách chỗ ở của Ngài, nên Ngài mặc y, mang bát ngự vào cửa thành phía Đông kinh-thành Bārāṇasī, đến đứng trước nhà cô gái đang ngồi nhồi đất.

Nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác đứng trước nhà, cô gái phát sinh **sân-tâm** bực mình nói rằng:

“Mattikampi bhikkhati!”

Đất mà Sa-môn này cũng đi xin!

Cô phát sinh **sân-tâm** nói với giọng bực mình như vậy. Đó là **thời-kỳ pubbacetanā**: *tác-y tâm-sở đồng sinh với sân-tâm trước khi tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đất nhuyễn rất đặc biệt đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Phước-thiện bồ-thí đất nhuyễn đặc biệt

Nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác vẫn đứng tự nhiên, nên cô phát sinh **đại-thiện-tâm** có **đức-tin** trong sạch nơi Đức-Phật Độc-Giác, rồi cô kính bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Sa-môn, Ngài muốn được đất nhuyễn để trát vách phải không? Kính thỉnh Ngài đợi con một lát.*

Bạch xong, cô hoan-hỷ nhồi đất thật nhuyễn rất đặc biệt, rồi cô phát sinh **đại-thiện-tâm** trong sạch **cung-kính** tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đất nhuyễn rất đặc

biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác. Đó là **thời-kỳ muñca-cetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đất nhuyển rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.

Đức-Phật Độc-Giác nhận đất thật nhuyển rất đặc biệt ấy đem về trát vách chỗ ở của Đức-Phật.

Sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đất nhuyển rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác, cô phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ phước-thiện bố-thí cúng-dường đất nhuyển rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.

Đó là **thời-kỳ aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đất nhuyển rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.

Sự diễn tiến trải qua 3 thời-kỳ tác-ý trong đại-thiện-tâm.

Kiếp sau của cô gái nghèo

Về sau, sau khi cô gái nghèo ấy chết, **đại-thiện-nghiệp bố-thí đất nhuyển ấy trong đại-thiện-tâm** có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh đầu thai vào lòng người đàn bà nghèo, nhà ở gần cửa thành Bārāṇasī.

Khi sinh ra đời, thân hình của đứa bé gái có 5 bộ phận xấu xí là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi*, nên người ta gọi cô là *Pañcapāpī* (có 5 bộ phận xấu). Đó là **quả ác-nghiệp sân-tâm** bực mình với tác-ý tâm-sở đồng sinh với sân-tâm trong tiền-kiếp của cô trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đất nhuyển đặc biệt đến Đức-Phật Độc-Giác.

Khi cô trưởng thành, hễ ai tiếp xúc, đụng đến thân thể của cô, đều có *cảm giác như tiếp xúc với đối-tượng xúc của cõi trời (như tiếp xúc với thân thể của vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới)* có cảm giác sung sướng say mê chưa từng có. Đó là quả tốt của đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ bố-thí cúng-dường đất nhuyễn đặc biệt đền Đức-Phật Độc-Giác trong tiền-kiếp của cô.

Thật vậy, một đêm nọ Đức-vua Bārāṇasī tên là Baka giả dạng dân thường ngự đi xem xét sinh hoạt của dân chúng trong kinh-thành, khi Đức-vua Baka đến chỗ cô Pañcapāpī đang chơi trò bịt mắt bắt nhau với các cô bạn gái trong xóm, bởi vì không biết Đức-vua Baka, nên cô đưa tay bắt nhầm tay của Đức-vua.

Khi bàn tay của cô Pañcapāpī tiếp xúc với bàn tay của Đức-vua Baka, Đức-vua có cảm giác say mê không còn biết mình, như tiếp xúc với đối-tượng xúc trên cõi trời, phát sinh tâm tham-ái say mê trong đối tượng xúc ấy.

Đức-vua Baka đưa tay nắm lấy tay của cô Pañcapāpī truyền hỏi rằng:

- *Này cô em! Cô là con gái của ai? Có chồng hay chưa?*

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, cô thưa rằng:

- *Thưa ông, tôi là con gái của cha mẹ nhà nghèo ở gần cửa thành, chưa có chồng.*

Đức-vua truyền bảo rằng:

- *Này cô em! Ta sẽ là người chồng của cô. Vậy, cô nên trở về xin phép cha mẹ.*

Cô Pañcapāpī trở về thưa với cha mẹ rằng:

- *Kính thưa cha mẹ, có một người đàn ông muốn lấy con làm vợ.*

Nghe cô Pañcapāpī thưa như vậy, cha mẹ của cô nghĩ rằng: “Người đàn ông ấy chắc không phải là người nghèo khổ” nên bảo rằng:

- *Này con gái yêu quý! Nếu người đàn ông ấy muốn lấy con làm vợ thì may mắn cho đời con biết dường nào!*

Cô Pañcapāpī trở lại báo cho Đức-vua Baka biết rằng: “Cha mẹ của tôi đã cho phép rồi.”

Ngay đêm hôm ấy, Đức-vua Baka sống chung với cô Pañcapāpī tại nhà cô, đến cuối canh chót đêm mới ngự trở về cung điện.

Từ đó về sau, mỗi đêm Đức-vua Baka thường giả dạng dân thường ngự đến gặp cô Pañcapāpī, không còn quan tâm đến Chánh-cung Hoàng-hậu, các hoàng-hậu và các thứ-phi khác trong cung điện của Đức-vua nữa.

Về sau, Đức-vua Baka bày ra mưu kế để rước cô Pañcapāpī vào cung điện, rồi tán phong cô Pañcapāpī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu.

Cha mẹ của cô Pañcapāpī được Đức-vua ban cho nhiều của cải, nên cuộc sống được đầy đủ hạnh phúc an-lạc.

Đức-vua Baka chỉ say mê đắm đuối với Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī mà thôi, bỏ bê việc triều chính, các quan trong triều tỏ ra thái độ bất bình.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī nằm mộng

Một đêm nọ, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī nằm mộng, qua giấc mộng ấy thấy mình sẽ là Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua. Bà tâu giấc mộng lên Đức-vua Baka.

Đức-vua Baka truyền lệnh cho mời các vị thầy bà-la-môn đoán mộng vào châu, Đức-vua kể lại giấc mộng của Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī.

Các vị thầy bà-la-môn bị các quan mua chuộc, nên đoán theo ý của các quan rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, Chánh-cung Hoàng-hậu nằm mộng thấy ngôi trên cổ con bạch tượng. Đó là điều báo trước sự băng hà đến Đại-vương.*

- *Muôn tâu Đại-vương, Chánh-cung Hoàng-hậu nằm mộng thấy ngôi trên cổ con bạch tượng, rồi sờ tay lên mặt trắng vuốt ve chơi. Đó là điều báo trước sẽ đem Đức-vua là kẻ thù đến với Đại-vương.*

Thuyền chở Chánh-cung Hoàng-hậu thả trôi sông

Nghe vị thầy bà-la-môn đoán mộng như vậy, nên Đức-vua Baka truyền hỏi rằng:

- *Này các người! Nếu như vậy thì Trẫm phải làm thế nào? Xin các người tâu cho Trẫm rõ.*

Các vị thầy Bà-la-môn tâu với Đức-vua Baka nên đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* xuống chiếc thuyền, rồi thả trôi theo dòng nước.

Nghe theo lời tâu của vị các thầy Bà-la-môn, *Đức-vua Baka* chuẩn tâu, rồi tiễn đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* xuống chiếc thuyền có đầy đủ các món vật thực, nước uống, các đồ trang sức quý giá của Bà.

Đến ban đêm, *Đức-vua Baka* truyền lệnh thả chiếc thuyền trôi xuôi theo dòng nước trên con sông lớn.

Chiếc thuyền ấy chở *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* trôi đến chỗ bến nước nơi *Đức-vua Bāvarika* đang ngự trên thuyền đi chơi trên sông. Nhìn thấy chiếc thuyền lạ từ xa trôi đến, *Đức-vua Bāvarika* truyền bảo rằng:

“*Người trên thuyền thuộc về của Trẫm.*”

Chiếc thuyền vừa đến gần, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī*, *Đức-vua Bāvarika* truyền hỏi rằng:

- *Này cô tên gì? Sao thân hình xấu xí đáng ghê như vậy!*

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, *Cô Pañcapāpī* vui cười, rồi tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-Thượng, tiện nữ là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Baka ở tại kinh-thành Bārāṇasī, tên là Pañcapāpī.*

Cô Pañcapāpī tâu trình mọi sự việc xảy ra, Đức-vua *Bāvarika* biết Chánh-cung Hoàng-hậu *Pañcapāpī* nổi tiếng khắp cõi Nam-thiện-bộ-châu, nên Đức-vua *Bāvarika* đưa tay nắm tay của cô *Pañcapāpī* đưa lên chiếc thuyền rồng. Vừa tiếp xúc bàn tay của cô *Pañcapāpī*, Đức-vua phát sinh tâm tham-ái say mê đối-tượng xúc trong thân cô như đối-tượng xúc trên cõi trời, chưa từng có nơi người nữ nào như vậy.

Đức-vua *Bāvarika* đưa cô về cung điện, làm lễ tấn phong cô *Pañcapāpī* lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu.

Từ đó, Đức-vua *Bāvarika* chỉ say mê Chánh-cung Hoàng-hậu *Pañcapāpī* mà thôi, không còn quan tâm đến Chánh-cung Hoàng-hậu, các hoàng-hậu, các thứ-phi nào khác nữa.

Pañcapāpī là Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua

Hay tin Đức-vua *Bāvarika* tấn phong cô *Pañcapāpī* lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu nên Đức-vua *Baka* nổi cơn ghen tức nghĩ rằng:

“Ta không thể chịu để Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī của ta trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bāvarika được!”

Đức-vua *Baka* kinh-thành Bārāṇasī thân chinh dẫn đầu các đoàn binh tiến quân đến đóng quân bên bờ sông, rồi gửi tối hậu thư đến Đức-vua *Bāvarika* rằng:

“Đức-vua Bāvarika hãy trả Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī lại cho bốn-vương hoặc chiến tranh.”

Đức-vua Bāvarika phúc đáp rằng:

“Bốn-vương chấp nhận chiến tranh, chứ không chịu giao trả Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī.”

Như vậy, cuộc chiến tranh sẽ xảy ra giữa Đức-vua Bāvarika với Đức-vua Baka. Khi ấy, các vị quan của 2 nước hội họp, để bàn thảo với nhau tìm ra kế sách dung hòa rằng:

“Nếu có cuộc chiến xảy ra thì ắt gây chết chóc đau khổ, chỉ vì nguyên nhân một người đàn bà. Đó là điều không hợp lý chút nào cả.

Vậy, cô Pañcapāpī nên thuộc về của Đức-vua Baka, bởi vì Đức-vua Baka đã từng là Đức-phu-quân của cô. Và cô Pañcapāpī cũng nên thuộc về của Đức-vua Bāvarika, bởi vì Đức-vua Bāvarika được cô từ trên chiếc thuyền trôi dạt đến địa phận của Đức-vua Bāvarika.

Cho nên, cô Pañcapāpī nên trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của cả 2 Đức-vua là Đức-vua Baka và Đức-vua Bāvarika.”

Sau khi bàn thảo kế sách dung hòa xong, mỗi nhóm quan trở về tâu trình lên Đức-vua của mình, hai Đức-vua cũng đều chuẩn tấu như vậy.

Mỗi Đức-vua đều xây dựng một cung điện tại 2 bên bờ sông, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī sống chung với Đức-vua Bāvarika 7 ngày xong, rồi lên chiếc thuyền rồng sang sông chung với Đức-vua Baka.

Cứ như vậy, mỗi Đức-vua sống chung với Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī 7 ngày.

Cho nên cô Pañcapāpī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua.

* **Tích Kusajātaka** ⁽¹⁾ được tóm lược những điểm chính như sau:

Trong tích *Kusajātaka* này **Đức-Bồ-tát Kusa** là tiên-kiếp của **Đức-Phật Gotama**, là *Đức-vua* ngự tại kinh-thành Kusāvātī trị vì đất nước Malla. *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, nhưng có thân hình và gương mặt rất xấu xí đáng ghê sợ (*Đó là quả xấu của ác-nghiệp trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác*).

Đức-Bồ-tát Kusa là *Thái-tử* của *Đức-vua Okkāka* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī*. *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* còn có *Hoàng-đệ* là *Jayampati*.

Khi *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* trưởng thành, năm 16 tuổi, *Đức-Phụ-vương* và *Mẫu-hậu* muốn truyền ngôi báu cho *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* lên ngôi làm vua, ngự tại kinh-thành Kusāvātī, trị vì đất nước Malla. Nhưng *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* không muốn lên ngôi vua, bởi vì nghĩ rằng:

“*Ta có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như thế này, nếu các công chúa chê cười ta thì đáng xấu hổ lắm. Vì vậy, ta không muốn ngôi vua, và không muốn thành hôn với công-chúa nào mà ta muốn sống như vậy, để phụng dưỡng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu cho đến khi hai người băng hà, ta sẽ từ bỏ cung điện, ngự đi vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ sống trong rừng núi ấy.*”

Tượng hình công-chúa xinh đẹp bằng vàng ròng

Dù đã nhiều lần *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* khước từ lời tha thiết khẩn khoản của *Đức Phụ-vương* và *Mẫu-hậu*

¹ Bộ Chú-giải Jātaka, phần Sattatinipāta, tích Kusajātaka.

nhưng vẫn không được, nên Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa bày ra kế tự mình khắc một *tượng hình một công-chúa xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ bằng vàng ròng*. Nếu có được công-chúa xinh đẹp giống như vậy thì mới chịu lên ngôi vua và làm lễ thành hôn với công-chúa ấy.

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī truyền lệnh các quan làm sứ giả chở tượng hình ấy trên xe đi tìm khắp các nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, nếu có công-chúa của Đức-vua nào xinh đẹp như tượng hình này thì dâng tượng hình bằng vàng ròng này đến Đức-vua ấy gọi là đồ sính lễ đám hỏi.

Công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần

Đức-vua Madda ngự tại kinh-thành Sāgala trị vì đất nước Madda, Đức-vua có 8 cô công-chúa, mà cô công-chúa trưởng tên *Pabhāvatī* có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, đặc biệt có ánh sáng tỏa ra từ thân hình như ánh sáng mặt trăng mát dịu suốt ngày đêm xung quanh rộng 4 cùi tay, nên ban đêm trong phòng không cần dùng đèn mà vẫn sáng như ban ngày (*Đó là quả báu của phước-thiện bồ-thí cúng-dường bơ lòng trong sạch đến Đức-Phật Đệ-Đệ-Giác*).

Các quan sứ giả của Đức-vua Okkāka đến kinh-thành Sāgala nghe tin *Đức-vua Madda* có công-chúa trưởng tên *Pabhāvatī* rất xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, nên xin phép vào châu đánh lễ *Đức-vua Madda*, tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, Đức-vua Okkāka của chúng thần ngự tại kinh-thành Kusāvātī, trị vì đất nước Malla, có ý định truyền ngôi báu cho Thái-tử Kusa có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, nên gửi chúng thần đến châu Đại-vương, xin Đại-vương ban công-chúa Pabhāvatī cho Thái-tử Kusa để làm Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa.*

- *Muôn tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương nhận tượng hình công-chúa bằng vàng ròng cùng các phẩm vật quý báu này.*

Nghe các sứ giả tâu như vậy, *Đức-vua Madda* vô cùng hoan-hỷ nhận lễ vật ấy, bởi vì, công-chúa của *Đức-vua* sẽ trở thành *Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua* trong một đất nước lớn có nhiều thế lực trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Sau đó, các sứ giả đánh lễ *Đức-vua Madda*, rồi xin phép bái biệt, vội trở về kinh-thành *Kusāvati*.

Khi về đến kinh-thành *Kusāvati*, các quan đến châu *Đức-vua Okkāka* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tâu trình rõ mọi điều.

Đức-vua Okkāka và *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* vô cùng hoan-hỷ ban thưởng các quan, rồi truyền lệnh làm lễ đón rước *Công-chúa Pabhāvati*.

Đức-vua Okkāka và *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* ngồi trên voi báu dẫn đầu đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo, ngự ra khỏi kinh-thành *Kusāvati* lên đường đi đến kinh-thành *Sāgala*.

Đức-vua Madda ngự cùng các quan ra tận bên ngoài kinh-thành để đón rước *Đức-vua Okkāka* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* cùng đoàn hộ giá ngự vào kinh-thành *Sāgala*, thỉnh mời đoàn vào cung điện tiếp đãi rất long trọng.

Đức-vua Okkāka và *Đức-vua Madda* rất hài lòng mỗi giao hảo giữa hai nước với nhau.

Qua 2-3 ngày sau, *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tâu với *Đức-vua Madda* rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, xin Đại-vương cho phép bổn thiếp gặp công-chúa Pabhāvati.*

Đức-vua Madda đáp rằng:

- *Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, tốt lắm!*

Đức-vua Madda truyền bảo các quan mời công-chúa Pabhāvātī ra mắt Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī.

Công-chúa Pabhāvātī trang điểm các thứ nữ trang quý giá vô cùng lộng lẫy ngự ra cùng với đoàn thị nữ theo hầu đến cung-kính đánh lễ dưới hai bàn chân của Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī, Mẫu-hậu tương lai.

Nhìn thấy công-chúa Pabhāvātī xinh đẹp tuyệt trần như vị thiên nữ nên Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī nghĩ rằng:

“Công-chúa Pabhāvātī có sắc đẹp tuyệt trần đến như thế này, còn Thái-tử Kusa của ta có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ đến như thế kia.

Nếu công-chúa nhìn thấy Thái-tử Kusa của ta thì chắc chắn phát sinh tâm kinh sợ, dù trong chốc lát cũng không thể sống chung với nhau được, chắc chắn công-chúa Pabhāvātī sẽ bỏ Thái-tử trở lại kinh-thành Sāgala ngay khi ấy. Ta nên bày ra diệu kế vậy.”

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī truyền thỉnh Đức-vua Madda đến, Bà tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, công-chúa Pabhāvātī xinh đẹp tuyệt trần thật là xứng đáng với Thái-tử Kusa của bôn thiếp. Trong hoàng gia của bôn thiếp vừa đặt ra một điều lệ, nếu công-chúa thực-hành theo điều lệ ấy được thì bôn thiếp xin đón rước công-chúa ngự trở về kinh-thành Kusāvātī.*

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī tâu như vậy, Đức-vua Madda truyền hỏi rằng:

- *Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, trong hoàng gia của Bà có điều lệ như thế nào?*

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, trong hoàng gia của bốn thiếp có một điều lệ là “Chánh-cung Hoàng-hậu không gặp mặt Đức-vua lúc ban ngày cho đến khi mang thai”.*

Nếu công-chúa Pabhāvatī thực-hành theo điều lệ ấy được thì bốn thiếp xin đón rước công-chúa về kinh-thành Kusāvati. Trong ngày đại lễ đăng quang Thái-tử Kusa lên ngôi Vua, đồng thời làm lễ tấn phong công-chúa Pabhāvatī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa.

Nghe tâu như vậy, Đức-vua Madda truyền hỏi Công-chúa Pabhāvatī rằng:

- *Này con gái yêu quý! Con có thể thực-hành theo điều lệ ấy được hay không?*

Công chúa Pabhāvatī tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức-Phụ-vương, con có thể thực-hành theo điều lệ ấy được.*

Khi ấy, Đức-vua Okkāka làm lễ ban nhiều phẩm vật quý báu của hoàng gia đến Đức-vua Madda, rồi Đức-vua Okkāka làm lễ đón rước Công-chúa Pabhāvatī, ngự trở về kinh-thành Kusāvati. Đức-vua Madda cùng đoàn tùy tùng đông đảo theo tiễn đưa công-chúa Pabhāvatī một đoạn đường xa.

Công-chúa Pabhāvatī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bồ-Tát Kusa

Khi ngự về đến kinh-thành Kusāvati, Đức-vua Okkāka truyền lệnh trang hoàng kinh-thành thật lộng lẫy, rồi tổ chức đại lễ đăng quang cho Thái-tử Kusa lên ngôi vua, và tấn phong công-chúa Pabhāvatī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa (lời phát nguyện của tiền-kiếp Đức-vua Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý).

Đức Thái-Thượng-hoàng Okkāka truyền lệnh cho các quan thông báo các Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu rằng:

“*Nay toàn đất nước Malla là của Đức-vua Kusa, Đức-vua nào có công-chúa thì hãy dâng công-chúa đến Đức-vua Kusa, có thái-tử, hoàng-tử thì hãy đến xin kết tình thân thiện với Đức-vua Kusa.*”

Cho nên, Đức-vua Bồ-tát Kusa có nhiều công-chúa đến hầu hạ, có nhiều thái-tử, hoàng-tử là thuộc hạ.

Đức-vua Bồ-tát Kusa có oai lực phi thường, uy thế của Đức-vua Bồ-tát khiến cho các nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu đều phải kính phục.

Ban ngày, Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī không có cơ hội nhìn thấy Đức-vua Bồ-tát Kusa xấu xí đáng ghê sợ, và Đức-vua Bồ-tát Kusa cũng không có cơ hội nhìn thấy Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, bởi vì Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī chỉ gặp nhau ban đêm mà thôi.

Ban đêm, trong phòng của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī có ánh sáng mát tỏa ra từ thân hình của nàng như ban ngày, nên không cần đốt đèn, nhưng đến khi Đức-vua Bồ-tát Kusa ngự vào phòng của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, do oai lực của Đức-vua Bồ-tát Kusa, ánh sáng ấy biến mất nên không nhìn thấy nhau được; cho đến khi Đức-vua Bồ-tát Kusa ngự ra khỏi phòng lúc ban đêm thì ánh sáng lại tỏa ra như trước.

Trải qua 2-3 ngày sau, muốn nhìn thấy gương mặt xinh đẹp của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī như thế nào, nên Đức-vua Bồ-tát Kusa đến châu Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu giúp cho có cơ hội nhìn thấy Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī.

Mẫu-hậu khuyên Đức-vua Bồ-tát Kusa không nên vội vã, chờ đến khi nào có được một Thái-tử sinh ra đời, khi ấy, nhìn thấy Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī cũng không muộn.

Đức-vua Bồ-tát Kusa không thể chờ đợi, nóng lòng muốn được nhìn thấy gương mặt Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, nên lại đến chào Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu giúp cho cơ hội để nhìn thấy Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī của mình. Mẫu-hậu của Đức-vua Bồ-tát không khuyên được nên bày ra diệu kế rằng:

- *Này Hoàng nhi yêu quý! Nếu con muốn vậy thì con đứng đóng vai người giữ chuồng voi báu, Mẫu-hậu dẫn Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī đến xem voi báu, khi ấy, con sẽ nhìn thấy rõ Chánh-cung Hoàng-hậu của con, nhưng con chớ nên để cho nàng nghi ngờ.*

Đức-vua Bồ-tát Kusa vâng theo lời dạy của Mẫu-hậu.

Mẫu-hậu của Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh trang hoàng chuồng voi, Bà khuyên bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī rằng:

- *Này con dâu yêu quý! Mẫu-hậu và con ngự đi xem voi báu của Đức-vua Kusa, Đức Phu-quân của con.*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự theo sau Mẫu-hậu đến chuồng voi, Mẫu-hậu chỉ cho nàng biết tên của mỗi con voi báu. Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Kusa đóng vai người nài voi báu, nhìn thấy Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, liền đưa tay lấy phân voi ném sau lưng của nàng.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ truyền bảo rằng:

“*Ta sẽ tâu với Đức-vua Kusa truyền lệnh chặt tay của người.*”

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tâu với Mẫu-hậu xử phạt tên giữ voi vô lễ ấy, nhưng Mẫu-hậu khuyên nàng nên tha tội cho người nài voi.

Một lần khác, Mẫu-hậu dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự đi xem ngựa báu tại chuồng ngựa, *Đức-vua Bô-tát Kusa* đóng vai người giữ ngựa báu, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, cũng đưa tay lấy phân ngựa ném sau lưng của nàng.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ truyền bảo rằng: “*Ta sẽ tâu với Đức-vua Kusa truyền lệnh chặt tay của ngươi.*”

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tâu với Mẫu-hậu xử phạt tên giữ ngựa vô lễ ấy, nhưng Mẫu-hậu khuyên nàng nên tha tội cho người giữ ngựa.

Một hôm, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* muốn nhìn thấy *Đức-vua Kusa*, nên tâu với Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu giúp cho cơ hội nhìn thấy *Đức-vua Kusa*, *Đức-Phu-quân* của mình là người như thế nào.

Mẫu-hậu chiều ý nên truyền bảo rằng:

- *Này con dâu yêu quý! Nếu con muốn như vậy, thì sáng ngày mai Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu đi kinh lý trong kinh-thành, con đứng trên lầu đài mở cửa sổ nhìn Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu.*

Mẫu-hậu truyền bảo trang hoàng kinh-thành, sắp đặt *Hoàng-tử Jayampati* (*Hoàng-đệ của Đức-vua Kusa*), mặc triều phục *Đức-vua* ngự phía trước voi báu, còn *Đức-vua Bô-tát Kusa* như quan nài voi báu ngự phía sau đi xem kinh-thành.

Khi ấy, Mẫu-hậu dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đến đứng trên lầu đài nhìn xuống. *Chánh-*

cung Hoàng-hậu Pabhāvatī thấy *Hoàng-tử Jayampati* tưởng là *Đức-vua Kusa*, nên nghĩ rằng:

“*Ta có được Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân thật xứng đáng với ta.*”

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī rất hài lòng vô cùng hoan-hỷ.

Hôm ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đóng vai vị quan nài voi báu ngự phía sau, biết phía trên lầu đài có *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đứng nhìn nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngoảnh đầu lên nhìn nàng, đưa tay vẫy, có cử chỉ kém lịch sự.

Khi voi báu đi qua khỏi, *Mẫu-hậu* truyền hỏi *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rằng:

- *Này con dâu yêu quý! Con đã nhìn thấy Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân của con rồi phải không?*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī trả lời rằng:

- *Muôn tâu Mẫu-hậu, con đã nhìn thấy Đức-vua Kusa Đức-Phu-quân của con rồi, nhưng vị quan nài voi báu ngồi phía sau Đức-vua Kusa, mặt mày xấu xí đáng ghê sợ, có cử chỉ kém lịch sự như đưa tay vẫy con.*

- *Muôn tâu Mẫu-hậu, tại sao để cho người xấu xí đáng ghê sợ như vậy ngồi phía sau Đức-vua Kusa được.*

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* trả lời như vậy, *Mẫu-hậu* khuyên bảo rằng:

- *Này con yêu quý! Người ấy có tài bảo vệ hộ giá Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân của con được.*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī suy nghĩ rằng: “*Người nài voi này sao được đặc ân tha lỗi đặc biệt quá! Ông không biết tôn trọng Đức-vua Kusa hay người nài voi này chính là Đức-vua Kusa phải không?*”

Để giải đáp điều hoài nghi này, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati* gọi bà *Khujjā* nữ hầu thân cận đến truyền bảo rằng:

- *Này bà Khujjā! Khi voi báu trở về cung điện, bà nên theo dõi Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu phía trước hay phía sau?*

- *Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, làm sao kẻ nô tỳ biết Đức-vua Kusa được?*

- *Này bà Khujjā! Khi voi báu trở về cung điện, bà nên theo dõi, vị nào từ trên lưng voi báu ngự xuống trước vị đó là Đức-vua Kusa.*

Khi voi báu hồi cung, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* từ trên lưng voi báu phía sau ngự xuống trước, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* nhìn xung quanh, thấy bà *Khujjā* nữ hầu thân cận của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati* đứng lén nhìn nơi ấy, nên gọi bà lại mà bảo rằng:

- *Này bà Khujjā! Bà chớ nên tâu sự thật với Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati, mà bà phải tâu khác đi!*

Tuân lệnh *Đức-vua Bồ-tát Kusa*, bà *Khujjā* đến hầu *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati* tâu khác rằng:

- *Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Đức-vua Kusa từ trên lưng voi báu phía trước ngự xuống trước.*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati tin theo lời tâu của bà *Khujjā* nữ hầu của mình.

Một hôm, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* muốn đến gần *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati* để có thể nhìn thấy rõ gương mặt xinh đẹp của nàng, nên đến châu đánh lễ Mẫu-hậu, xin Mẫu-hậu giúp cho có cơ hội. Mẫu-hậu của *Đức-vua Bồ-tát* không thể ngăn cản được, nên truyền bảo rằng:

- *Này Hoàng-nhi yêu quý! Nếu vậy thì con giả dạng không để ai biết, rồi con ngự đến vườn thượng uyển,*

đứng dưới hồ nước đến cỏ, lấy lá sen che đầu, lấy hoa sen che mặt lại.

Hôm ấy, *Mẫu-hậu Sīlavatī* dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự đi cùng đoàn thị nữ du lãm vườn thượng uyển, đi xem các đàn chim đủ loài, các đàn nai, v.v... đi đến hồ nước lớn có nhiều loại hoa sen, hoa súng đủ màu rất xinh đẹp. *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* nhìn thấy hồ nước trong, nhiều hoa sen đẹp, nên xin *Mẫu-hậu* cho phép xuống hồ tắm, hái hoa sen.

Được *Mẫu-hậu* cho phép, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cùng các thị nữ xuống hồ tắm. Khi ấy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* nhìn thấy đóa hoa sen nở đẹp, đưa cánh tay định hái hoa sen ấy thì *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đưa tay nắm cánh tay của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rồi reo lên rằng:

“*Ta là Đức-vua Kusa!*”

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nhìn thấy gương mặt của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* xấu xí đáng ghê sợ, rồi kêu thất thanh rằng: “*Dạ-xoa bắt tôi!*”

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngã xuống nước chết giắc. *Đức-vua Bồ-tát Kusa* buông tay của nàng ra, các thị nữ đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* lên bờ nằm cấp cứu cho tỉnh lại.

Khi ấy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* hỏi tường lại những việc đã xảy ra rằng:

“*Người kia nắm tay ta mà reo lên rằng: “Ta là Đức-vua Kusa!”*”

Trước đây, tại chuồng voi, ta đã bị chính người ấy ném phân voi; tại chuồng ngựa, ta cũng đã bị chính người ấy ném phân ngựa; nay ta lại bị chính người ấy nắm tay ta, rồi tự xưng là Đức-vua Kusa.”

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī quyết định rằng: Ta không thể có Đức-phu-quân là Đức-vua Kusa có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như thế này. Ta phải bỏ Đức-vua Kusa, rồi ngự trở về kinh-thành Sāgala của ta mà thôi.

Sau khi quyết định, Công-chúa Pabhāvatī truyền gọi các quan theo hầu đến truyền bảo rằng:

- *Này các khanh! Các khanh hãy chuẩn bị xe cộ sẵn sàng, ta sẽ ngự trở về kinh-thành Sāgala, đất nước Madda ngay hôm nay.*

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī truyền lệnh như vậy, các quan đến châu Đức-vua Bồ-tát Kusa, rồi tâu ý định của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī cho Đức-vua Bồ-tát Kusa biết.

Đức-vua Bồ-tát Kusa suy xét rằng: “*Nếu Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī không được ngự trở về kinh-thành Sāgala thì trái tim của nàng sẽ bị vỡ ra.*

Vậy, ta nên chấp thuận cho phép Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở về kinh-thành Sāgala trước, rồi sau đó ta sẽ cố gắng đón rước Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở lại bằng oai lực của ta.”

Suy xét như vậy, nên cho phép Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở về kinh-thành Sāgala.

Sau khi Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự đi rồi, Đức-vua Bồ-tát Kusa cũng rời khỏi vườn thượng uyển, hồi cung ngự trở về cung điện, ngự lên lầu đài với nỗi khổ tâm cùng cực.

Vấn: - *Do nguyên nhân nào mà Thái-tử Bồ-tát Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ, nhưng mà được thành hôn với công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần như vậy?*

- Do nguyên nhân nào mà Công-chúa Pabhāvātī có sắc đẹp tuyệt trần, đặc biệt có ánh sáng tỏa ra từ thân hình công-chúa suốt ngày đêm xung quanh khoảng 4 cùi tay như vậy?

- Tại sao Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvātī không ưa thích Đức-vua Bồ-tát Kusa, sau đó trở về kinh-thành Sāgala?

- Do oai lực nào mà Đức-vua Bồ-tát Kusa đón rước Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvātī trở lại kinh-thành Kusāvātī?

Để giải đáp các vấn đề này, cần phải tìm hiểu về tiền-kiếp của Thái-tử Bồ-tát Kusa và tiền-kiếp của công-chúa Pabhāvātī.

Tiền-kiếp của Thái-tử Bồ-tát Kusa và tiền-kiếp của Công-chúa Pabhāvātī

Thời quá khứ, trong xóm nhà có 2 gia đình ở gần cửa thành Bārāṇasī, một gia đình này có 2 người con trai: người anh trưởng và **người em thứ là Đức-Bồ-tát** (là tiền-kiếp Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa, cũng là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama).

Và một gia đình kia có **1 người con gái** (là tiền-kiếp của công-chúa Pabhāvātī).

* Gia đình bên này làm lễ cưới **người con gái** của gia đình bên kia đem về làm vợ của **người con trưởng. Đức-Bồ-tát là con thứ** chưa có vợ nên còn ở chung với vợ chồng người anh trưởng.

Một hôm, người chị dâu làm bánh chiên thật ngon, nhưng Đức-Bồ-tát em chồng đi làm trong rừng từ sáng sớm nên người chị dâu để dành một phần bánh cho Đức-Bồ-tát em chồng, phần bánh còn lại đem chia cho các người trong gia đình dùng hết sạch.

Nhìn ra trước cửa, thấy Đức-Phật Độc-Giác ngự đi khất thực đến đứng trước cửa nhà. Khi ấy, người chị dâu của Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:

“Ta sẽ làm bánh chiên mới khác cho em chồng.”

Do nghĩ như vậy, nên người chị dâu lấy phần bánh chiên dành cho người em chồng đem ra cung-kính hoan-hỷ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường để bát đến Đức-Phật Độc-Giác. Ngay khi ấy, vừa đúng lúc Đức-Bồ-tát em chồng từ rừng trở về, người chị dâu nói với người em chồng rằng:

- Này em trai! Chị đã lấy phần bánh chiên dành cho em đem tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác rồi. Xin em nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ phần phước-thiện bồ-thí cúng-dường thanh cao này. Chị sẽ làm ngay bánh chiên mới khác cho em dùng.

Nghe người chị dâu nói như vậy, Đức-Bồ-tát em chồng đã không phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ, trái lại phát sinh sân-tâm giận dữ nói với người chị dâu rằng:

“Các người ăn phần bánh chiên của mình hết rồi, lại lấy phần bánh chiên của tôi đem tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác nữa!

Vậy, tôi lấy gì để ăn bây giờ!”

Nói bằng giọng hằn học như vậy, rồi Đức-Bồ-tát em chồng vội lấy lại phần bánh chiên từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.

Nhìn thấy người em chồng làm như vậy, người chị dâu đành lễ Đức-Phật Độc-Giác thỉnh Ngài chờ một lát, nàng vội đi về nhà cha mẹ mình lấy bơ lỏng mới và trong chảo có màu giống màu hoa lan, đem về cung-kính tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đầy bát của Đức-Phật Độc-Giác, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Nhìn thấy bơ lông tỏa ra ánh sáng, nàng phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch phát nguyện rằng:

- *Kính bạch Ngài, do phước-thiện bồ-thí cúng-dường bơ lông mới trong chảo này, xin cho quả báu của đại-thiện-nghiệp bồ-thí cúng-dường thanh cao này cho quả tái-sinh kiếp sau của con có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, thân hình của con có ánh sáng tỏa ra suốt ngày đêm.*

Và xin kiếp sau của con không sống chung cùng một nhà với người như em trai chồng này.

Khi nghe lời phát nguyện của người chị dâu như vậy, Đức-Bồ-tát em chồng vội đem phần bánh chiên của mình đến cung-kính xin tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đặt trong bát đầy bơ lông của Đức-Phật Độc-Giác, rồi xin phát nguyện rằng:

- *Kính bạch Ngài, kiếp sau của người chị dâu này, dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần, xin cho kiếp sau của con cũng có khả năng rước về làm vợ của con cho được.*

* *Người em trai chồng là tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa.*

* *Người chị dâu là vợ của người anh trưởng là tiền-kiếp của Công-chúa Pabhāvati.*

Mỗi người đã tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác với lời phát nguyện của mỗi người khác nhau như vậy.

Kiếp sau của mỗi người

* Sau khi *người em trai chồng* là Đức-Bồ-tát chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm Đức-Bồ-tát Kusa là Thái-tử của Đức-vua Okkāka và Chánh-

cung Hoàng-hậu Sīlavatī tại kinh-thành Kusāvātī của đất nước Malla.

* Sau khi **người chị dâu**, vợ của người anh trưởng chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *công-chúa trưởng của Đức-vua Madda* ngự tại kinh-thành Sāgala đất nước Madda.

* *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ đó là *quả của ác-nghiệp sân-tâm giận dữ trong tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.*

Và *phước-thiện bồ-thí cúng-dường đặt bát lại phần bánh chiên của mình đến Đức-Phật Độc-Giác, rồi phát nguyện rằng:*

“- Kính bạch Ngài, kiếp sau của người chị dâu này, dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần, xin cho kiếp sau của con cũng có khả năng rước về làm vợ của con cho được.”

Kiếp hiện-tại *Đức-vua Bồ-tát Kusa* làm lễ thành hôn với *công-chúa Pabhāvātī*, rồi tấn phong lên ngôi *Chánh-cung Hoàng-hậu*, do năng lực lời phát nguyện trong tiền-kiếp của *Đức-Bồ-tát.*

* *Công-chúa Pabhāvātī* có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, có ánh sáng tỏa ra từ thân hình của cô suốt ngày đêm xung quanh khoảng 4 cùi tay, đó là *quả báu của phước-thiện bồ-thí cúng-dường bơ lỏng mới trong chảo đến Đức-Phật Độc-Giác, với đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ.*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvātī khi biết *Đức-vua Kusa* có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ nên Bà bỏ *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự trở về lại kinh-thành Sāgala, do lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Bà.

Sau khi *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự trở về kinh-thành Sāgala. Còn *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự tại kinh-thành Kusāvati, tuy có nhiều công-chúa xinh đẹp, nhưng *Đức-vua Bồ-tát Kusa* không quan tâm đến người nào cả, *suốt đêm chỉ nhớ tưởng đến Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* mà thôi.

Sáng ngày hôm sau, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đến châu đánh lễ Mẫu-hậu, rồi tâu rằng:

- *Muôn tâu Mẫu-hậu, con xin giao ngại vàng lại cho Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, con xin rời khỏi kinh-thành Kusāvati, ngự đi đến kinh-thành Sāgala tìm gặp lại Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī của con.*

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu như vậy, Mẫu-hậu của *Đức-Bồ-tát* vô cùng khổ tâm truyền bảo rằng:

- *Này Hoàng nhi yêu quý! Con hãy nên bảo trọng!*

Mẫu-hậu chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho *Đức-vua Bồ-tát Kusa*. Nhận mọi thứ cần thiết ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đánh lễ Mẫu-hậu rồi tâu rằng:

- *Muôn tâu Mẫu hậu, nếu con còn sống trên đời thì con sẽ ngự trở về châu Mẫu-hậu.*

Đức-vua Bồ-tát Kusa xin phép bái biệt Mẫu-hậu.

Đức-vua Bồ-tát Kusa trở về phòng lấy 5 loại khí giới đeo bên mình và mang theo một chiếc đàn, giả dạng như người bình thường rời khỏi kinh-thành Kusāvati, lên đường hướng về kinh-thành Sāgala.

Đức-Bồ-tát Kusa có sức mạnh phi thường ngự đi đến kinh-thành Sāgala khoảng cách hơn 100 do tuần do oai lực của *Đức-Bồ-tát*.

Khi đến kinh-thành Sāgala, *Đức-Bồ-tát Kusa* xin nghỉ nhờ đêm chỗ người nuôi voi báu của *Đức-vua Madda*.

Do oai lực của *Đức-Bồ-tát Kusa*, nên *Công-chúa Pabhāvātī* không thể nằm trên giường ngủ, mà phải xuống nằm dưới nền để ngủ.

Ngủ nghỉ khỏe xong, *Đức-Bồ-tát Kusa* thức dậy, đem chiếc đàn ra gảy, vừa gảy đàn vừa ca hát, tiếng đàn du dương, lời ca tha thiết làm xúc động lòng người, với ý nghĩ cho *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvātī*, những người trong cung điện và dân chúng trong kinh-thành đều nghe rõ tiếng đàn và lời ca này của mình.

Công-chúa Pabhāvātī nằm ngủ trên nền nghe tiếng đàn và lời ca liền biết ngay đó là tiếng đàn và lời ca của *Đức-vua Kusa*. Còn *Đức-vua Madda* nghe tiếng đàn và lời ca hay chưa từng nghe bao giờ nên nghĩ rằng:

“*Ai gảy đàn và ca nghe hay quá! Ngày mai mời người ấy vào cung điện trình diễn cho ta và hoàng gia nghe.*”

Đức-Bồ-tát Kusa nghĩ rằng:

“*Ta ở chỗ này không thể nhìn thấy Công-chúa Pabhāvātī.*”

Sáng sớm, *Đức-Bồ-tát Kusa* di chuyển sang chỗ khác.

* *Tìm đến chỗ làm các đồ gốm cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và các công-chúa dùng, Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò cốt để làm những món đồ gốm đẹp đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvātī* dùng, nhưng khi nhận các món đồ gốm xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvātī* biết các món đồ ấy là do bàn tay của *Đức-vua Kusa* làm ra nên *Công-chúa Pabhāvātī* không dùng món đồ ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* *Tìm đến chỗ làm các đồ đàn cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô Công-chúa dùng, Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò cốt để làm những món

đồ đan xinh đẹp đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvati* dùng, nhưng khi nhận các món đồ đan xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvati* biết các món đồ ấy là do bàn tay của *Đức-vua Kusa* làm ra nên *Công-chúa* không dùng món đồ đan ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* Tìm đến chỗ kết vòng hoa cho *Đức-vua Madda*, *Chánh-cung Hoàng-hậu* và các *Công-chúa trang sức*, *Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò cốt để làm những vòng hoa xinh đẹp cho *Công-chúa Pabhāvati* trang sức, nhưng khi nhận các vòng hoa xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvati* biết các vòng hoa ấy là do bàn tay của *Đức-vua Kusa* kết ra nên *Công-chúa Pabhāvati* không chịu dùng trang sức ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* Tìm đến chỗ nấu nướng đồ ăn cho *Đức-vua Madda*, *Chánh-cung Hoàng-hậu* và các *Công-chúa dùng*, *Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm phụ bếp cốt để làm những món đồ ăn ngon đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvati* dùng.

Đức-vua Madda biết có một người phụ đầu bếp mới tài giỏi, nên truyền bảo với người trưởng bếp rằng:

- *Này người trưởng bếp! Hằng ngày người mang đồ ăn dâng đến Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu, còn người phụ đầu bếp mới tài giỏi ấy mang đồ ăn dâng đến 8 cô Công-chúa của Trẫm.*

Nghe *Đức-vua* truyền bảo như vậy, người trưởng bếp về nói lại với *Đức-Bồ-tát Kusa* theo lệnh *Đức-vua*.

Nghe *Đức-vua Madda* truyền bảo như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* cảm thấy vô cùng hoan-hỷ, bởi vì ước nguyện gặp lại *Công-chúa Pabhāvati* chắc chắn sẽ được như ý vào ngày hôm sau.

Đức-Bồ-tát Kusa gặp Công-chúa Pabhāvati

Sáng hôm ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* nấu nướng đồ ăn dành cho *Đức-vua Madda* và *Chánh-cung Hoàng-hậu*, giao cho người trưởng bếp đem đi dâng lên *Đức-vua Madda* và *Chánh-cung Hoàng-hậu*, còn các phần ăn của 8 cô Công-chúa thì đặt cẩn thận vào 2 bên làn bằng mây đựng đồ ăn (*bhatakāja*), *Đức-Bồ-tát Kusa* hơn hờ gánh 2 chiếc làn đựng đầy đồ ăn ngự bước lên lầu đài của Công-chúa *Pabhāvati*.

Nhìn thấy *Đức-vua Kusa* đang gánh các phần ăn ngự bước lên lầu đài, Công-chúa *Pabhāvati* nghĩ rằng:

“*Đức-vua Kusa* ngự đến cung điện này làm các công việc của những người tôi tớ, người làm công, thật không thích hợp với *Đức-vua Kusa* có oai lực phi thường, là *Đức-vua* của đất nước lớn, cũng là *Đức-vua* cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Nếu ta làm thỉnh không nói 2-3 ngày thì *Đức-vua Kusa* tưởng rằng: Nay Công-chúa *Pabhāvati* có cảm tình, thương yêu ta rồi!

Đức-vua Kusa sẽ ở lại đây, không chịu ngự trở về kinh-thành *Kusāvati*. Vậy, ta nên chê trách *Đức-vua* một cách thậm tệ, làm cho *Đức-vua* thất vọng, khổ tâm vì hổ thẹn mà mau rời khỏi nơi này.”

Công-chúa *Pabhāvati* mở hé cánh cửa, tay vẫn giữ cánh cửa, đứng bên trong thấu với *Đức-vua Kusa* rằng:

- Muôn tâu *Đại-vương*, *Đại-vương* có oai lực phi thường, là *Đức-vua* của đất nước lớn, cũng là *Đức-vua* cao cả nhất trong toàn cõi cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Đại-vương ngự đến cung điện này làm người phụ đầu bếp, gánh đồ ăn ngự đến đây với tâm không trong sáng, *Đại-vương* chịu bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm suốt

ngày đêm, Đại-vương sẽ được sự lợi ích gì với công việc vất vả khổ cực như vậy?

Xin thỉnh Đại-vương ngự trở về kinh-thành Kusāvati của Đại-vương, rồi tấn phong nàng Dạ-xoa xấu xí đáng ghê sợ như Đại-vương lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu, an hưởng trên ngai vàng.

Còn tiện thiếp hoàn toàn không ưa thích Đại-vương, người có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như vậy!

Xin thỉnh Đại-vương mau ngự ra khỏi kinh-thành Sāgala này.

Hôm nay, Đức-Bồ-tát Kusa vô cùng hoan-hỷ được nghe tiếng nói của Công-chúa Pabhāvati, nên vui mừng hơn hờ truyền bảo rằng:

- *Này ái-khanh Pabhāvati yêu quý! Quả-nhân yêu tha thiết ái-khanh, nên không thể ngự trở về kinh-thành Kusāvati được. Quả-nhân rất hài lòng được nhìn thấy ái-khanh, nên đã từ bỏ ngai vàng, kinh-thành Kusāvati, cả đất nước Malla rộng lớn, ngự đến kinh-thành Sāgala, ở trong cung điện của Đức-vua Madda này.*

- *Này ái-khanh Pabhāvati yêu quý! Quả-nhân yêu thương ái-khanh, nên không còn biết phương hướng nữa. Quả-nhân chỉ cần có ái-khanh mà thôi, không cần ngai vàng ngôi vị Đế-vương.*

Nghe Đức-vua Kusa truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvati nghĩ rằng:

“*Ta chê trách Đức-vua Kusa một cách thậm tệ như vậy, với hy vọng làm cho Đức-vua Kusa thất vọng, khổ tâm vì hổ thẹn mà mau rời khỏi kinh-thành Sāgala này, nhưng trái lại Đức-vua Kusa truyền bảo lời yêu thương tha thiết với ta.*

Nếu Người truyền bảo rằng:

“Ta là Đức-vua Kusa đây!” Rồi ngự đến nắm tay của ta thì ai dám ngăn cản Người được.”

Nghĩ vậy, nên Công-chúa Pabhāvati lúi vào bên trong, đóng cánh cửa, cài chốt lại rồi ngồi yên trong phòng.

Thấy Công-chúa Pabhāvati đóng cánh cửa, Đức-Bồ-tát Kusa gánh các phần ăn ngự đến dâng 7 công-chúa khác.

Công-chúa Pabhāvati truyền gọi bà Khujjā nữ hầu thân cận đến bảo rằng:

- *Này bà Khujjā! Bà hãy đi lấy phần ăn của ta đến đây.*

Vâng lệnh Công-chúa Pabhāvati, bà Khujjā đem phần ăn lại, rồi tâu rằng:

- *Tâu Công-chúa, xin mời Công-chúa dùng bữa.*

Công-chúa Pabhāvati truyền bảo rằng:

- *Này bà Khujjā! Ta không dùng các món ăn mà chính bàn tay của Đức-vua Kusa nấu nướng.*

Vậy, bà hãy dùng phần ăn ấy, còn phần ăn của bà đem dâng cho ta dùng.

- *Này bà Khujjā! Bà không được nói cho một ai biết Đức-vua Kusa đang hiện diện tại nơi đây.*

Từ đó về sau, bà Khujjā dùng phần ăn của Công-chúa Pabhāvati, đem phần ăn của bà dâng đến Công-chúa Pabhāvati dùng. Và cũng bắt đầu từ ngày đó, Đức-Bồ-tát Kusa không còn nhìn thấy Công-chúa Pabhāvati.

Đức-Bồ-tát Kusa suy nghĩ rằng: *“Không biết Công-chúa Pabhāvati có còn thương nhớ đến ta nữa hay không?”* Ta nên thử xem cho biết.

Một hôm, sau khi đã đem dâng các phần ăn đến 7 công-chúa xong, Đức-Bồ-tát Kusa gánh đôi làn không ngự xuống lầu đài, vừa đến gần cửa phòng của Công-chúa Pabhāvati, giả bị vấp ngã nằm trên nền làm như bất tỉnh.

Nghe có tiếng người vấp ngã, đồ đồ vỡ, Công-chúa Pabhāvati biết là Đức-vua Kusa bị vấp ngã, nên mở cửa ra nhìn, thấy Đức-vua Kusa nằm trên nền, cây đòn gánh đè ngang trên cổ, Công-chúa Pabhāvati suy nghĩ rằng:

“Đức-vua Kusa là Đức-vua cao cả nhất trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, ngự đến đây không ai hay biết, chịu bao nỗi khổ thân, khổ tâm chỉ vì ta mà thôi.

Đức-vua Kusa là người an hưởng mọi sự an-lạc trong đời, không quen vất vả khổ cực. Nay, hằng ngày Đức-vua Kusa phải nấu nướng, làm các món ăn, rồi gánh các phần ăn đem dâng đến ta và bầy hoàng muội.

Bây giờ, Đức-vua Kusa bị vấp ngã nằm bất tỉnh, sinh mạng của Người hiện nay như thế nào?

Suy nghĩ như vậy, nên Công-chúa Pabhāvati ngự ra khỏi phòng đến cúi đầu xuống gần sát gương mặt để xem hơi thở nơi 2 lỗ mũi của Đức-vua Kusa. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Kusa ngậm đầy nước miếng trong miệng phun ra trên mặt của Công-chúa Pabhāvati.

Công-chúa Pabhāvati nổi cơn thịnh nộ trách Đức-vua Kusa, rồi ngự vào phòng đóng cửa để hờ, đứng bên trong tâm với Đức-vua Kusa rằng:

- Tâu Đại-vương, người nào yêu thương người khác mà người khác không yêu thương đáp lại, người ấy chỉ có sự thất vọng mà thôi.

Tiện nữ không yêu thương Đại-vương, mà Đại-vương muốn làm cho tiện nữ yêu thương Đại-vương sao được!

Nghe Công-chúa Pabhāvati tâm như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát Kusa không phát sinh cơn thịnh nộ, bởi vì Đức-Bồ-tát Kusa yêu say đắm Công chúa Pabhāvati, nên truyền bảo với Công-chúa Pabhāvati rằng:

- Nay Công-chúa Pabhāvati! Người nào không được người khác yêu, mà người ấy thuyết phục được người

không yêu trở thành người yêu của mình. Ta tán dương ca tụng người ấy. Nếu thuyết phục không được thì chỉ là người tâm thường mà thôi.

Nghe Đức-vua Kusa truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvātī tâu với lời lẽ đanh thép để cho Đức-vua Kusa không còn hy vọng gì nữa mà ngự ra khỏi kinh-thành Sāgala này, nên tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương yêu thương tiện nữ mà tiện nữ chẳng hề yêu thương Đại-vương chút nào, ví như Đại-vương dùng cành cây khô mục mà phá đá để lấy viên ngọc quý, hoặc lấy lưới sưa đặt ngăn gió vậy!

Nghe Công-chúa Pabhāvātī tâu như vậy, Đức-Bồ-tát Kusa truyền bảo rằng:

- Nay Công-chúa Pabhāvātī! Đá đã được chôn trong trái tim của Công-chúa xinh đẹp dịu dàng có phải vậy không? Bởi vì từ khi quả-nhân rời khỏi kinh-thành Kusāvātī ngự đến kinh-thành Sāgala, làm việc nấu nướng đồ ăn cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công-chúa, quả nhân chưa nhận được sự đón tiếp niềm nở của ái-khanh, chưa được nghe lời yêu thương của ái-khanh.

- Nay ái-khanh! Nếu ái-khanh còn có thái độ thờ ơ, lãnh đạm với Trẫm thì Trẫm vẫn còn là người phụ bếp trong cung điện của Đức-vua Madda.

Nếu khi nào, ái-khanh đón tiếp Trẫm một cách niềm nở, hớn hở vui mừng chuyện trò thân mật với Trẫm thì khi ấy Trẫm sẽ bỏ công việc phụ bếp, Trẫm cùng ái-khanh ngự trở về kinh-thành Kusāvātī lên ngôi vua như trước.

- Nay ái-khanh! Tại sao ái-khanh đối xử với Trẫm như vậy? Từ nay, xin ái-khanh đừng có thái độ lãnh đạm với Trẫm như vậy nữa.

Nghe Đức-vua Kusa truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvātī nghĩ rằng:

“Càng truyền bảo Đức-vua Kusa lại càng ràng buộc khẳng khít nơi ta. Như vậy, ta nên tâu dối để Đức-vua Kusa không còn hy vọng nơi ta nữa, mà ngự trở về kinh-thành Kusāvātī.” Công-chúa Pabhāvātī tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, tiệp nữ đã từng hỏi nhóm thầy đoán số rằng:

“Đức-vua Kusa là Đức-phu quân của ta có phải hay không?”

Họ đều đoán rằng:

“Đức-vua Kusa không phải là Đức-phu quân của Bà.”

Nếu lời đoán số của các thầy ấy là đúng thì Đại-vương chắc chắn không phải là Đức-phu quân của tiệp nữ.

Nghe Công-chúa Pabhāvātī tâu như vậy, Đức-Bồ-tát Kusa truyền bảo rằng:

- Nay ái-khanh! Nếu quả-nhân hỏi các thầy đoán số trong đất nước của Trẫm thì họ chắc chắn đoán rằng:

“Đức-Phu quân của Công-chúa Pabhāvātī chỉ có Đức-vua Kusa có giọng nói như sư tử rống mà thôi.

Ngoài Đức-vua Kusa ra, chẳng còn ai khác.”

Nghe Đức-vua Kusa truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvātī nghĩ rằng:

“Ta không còn cách nào để cho Đức-vua Kusa rời khỏi kinh-thành Sāgala, ngự trở về kinh-thành Kusāvātī được. Đức-vua Kusa không phải là gì đối với ta nữa.”

Nghĩ vậy, Công-chúa Pabhāvātī đóng kín cánh cửa phòng không cho Đức-vua Kusa thấy nàng nữa.

Đức-Bồ-tát Kusa gánh những thứ đựng đồ ăn bước xuống lâu đài. Từ đó không còn nhìn thấy Công-chúa Pabhāvātī nữa.

Hằng ngày đêm, *Đức-Bồ-tát Kusa* làm mọi công việc vô cùng vất vả. Ban đêm *Đức-Bồ-tát Kusa* nằm ngủ tại nhà bếp, thức dậy sớm, nấu cháo, nấu các món ăn sáng để dâng đến *Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu* và 8 *cô công chúa* xong, rồi trở lại nhà bếp, bổ củi, gánh nước, rửa nồi niêu, bát đĩa, nấu nướng các món ăn để dâng lên *Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu* và 8 *cô công chúa* vào bữa ăn trưa và bữa ăn tối.

Sở dĩ, *Đức-Bồ-tát Kusa* chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ thân, khổ tâm vất vả suốt ngày đêm như vậy là vì quá yêu say đắm *Công-chúa Pabhāvatī*.

Một hôm, nhìn thấy bà *Khujjā*, người hầu thân cận của *Công chúa Pabhāvatī*, *Đức-Bồ-tát Kusa* ngự đến gặp bà, nhờ bà tâm với *Công-chúa Pabhāvatī* đến gặp *Đức-vua Kusa* và nói chuyện thân mật với *Đức-vua Kusa*.

Nếu bà có khả năng làm được như vậy, *Đức-vua Kusa* sẽ ban thưởng xứng đáng cho bà.

Bà *Khujjā* hứa với *Đức-Bồ-tát Kusa*, bà sẽ cố gắng tâm với *Công-chúa Pabhāvatī*.

Một hôm, bà *Khujjā* có cơ hội tâm với *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- *Tâu Công-chúa, xin Công-chúa không nên thấy mình xinh đẹp tuyệt trần mà coi thường Đức-vua Kusa xấu xí đáng ghê sợ.*

Thật ra, Công-chúa biết rõ trong tâm rằng:

- *Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, không có Đức-vua nào địch nổi.*

- *Đức-vua Kusa là Thái-tử của Đức-vua Okkāka, là Đại-vương ngự tại kinh-thành Kusāvati, trị vì đất nước Malla rộng lớn,...*

- *Đức-vua Kusa là Đại-vương cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu,...*

- *Đức-vua Kusa có giọng nói như sư tử rống, giọng nói hùng dũng, giọng nói trầm hùng, khiến cho những kẻ thù đều khiếp sợ.*

- *Đức-vua Kusa cũng có giọng nói ngọt ngào,...*

Bà Khujjā đã cố gắng diễn tả các tài đức của *Đức-vua Kusa* lớn lao không có *Đức-vua* nào trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có thể sánh được. Còn gương mặt xấu xí chỉ là bên ngoài thân thể không đáng kể, để cho *Công-chúa Pabhāvati* không nên ỷ lại vào sắc đẹp tuyệt trần của mình mà coi thường *Đức-vua Kusa* xấu xí.

Nếu *Công-chúa Pabhāvati* nhận thức rõ những điều ấy thì phát sinh tâm yêu thương *Đức-vua Kusa*, nên đến hầu chuyện thân mật với *Đức-vua Kusa cao quý*.

Nghe bà Khujjā, người hầu thân cận của mình tán dương ca tụng tài đức của *Đức-vua Kusa* mà chê trách mình, nên *Công-chúa Pabhāvati* nổi cơn thịnh nộ quở trách bà Khujjā, nhưng bà Khujjā không sợ lại còn hăm dọa *Công-chúa Pabhāvati* rằng:

- *Tâu Công-chúa, nếu Công-chúa không đến hầu Đức-vua Kusa, không hầu chuyện thân mật với Đức-vua Kusa thì con sẽ tâu lên Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của Công-chúa về sự hiện diện của Đức-vua Kusa tại trong cung điện này.*

Nghe bà Khujjā tâu như vậy, *Công-chúa Pabhāvati* hoảng sợ năn nỉ khẩn khoản bà Khujjā xin đừng tâu chuyện này lên *Đức-Phụ-vương* và *Mẫu-hậu*.

Đức-Bồ-tát Kusa thất vọng

Đức-Bồ-tát Kusa chịu bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm, vất vả suốt ngày đêm lo việc nấu nướng các món đồ

ăn để dâng lên Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công chúa, với hy vọng mong gặp được Công-chúa Pabhāvātī để chuyện trò thân mật, nhưng chờ đợi suốt 7 tháng qua mà vẫn chưa được như ý, nên Đức-Bồ-tát Kusa nghĩ rằng:

“Bà Khujjā đã hứa giúp đỡ ta gặp được Công-chúa Pabhāvātī, nhưng mãi đến nay vẫn không có tin gì cả. Cuộc sống của ta tại nơi này chỉ là vô vọng mà thôi.

Vậy, ta nên ngự trở về kinh-thành Kusāvātī để thăm viếng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta là hơn.

Đức-vua Trời Sakka giúp Đức-Bồ-tát Kusa

Khi ấy, trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, Vua-trời Sakka thấy và biết nỗi khổ tâm thất vọng của Đức-Bồ-tát Kusa, nên nghĩ rằng:

“Ta nên giúp Đức-Bồ-tát Kusa gặp được Công-chúa Pabhāvātī để mọi nguyện vọng của Đức-Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý.”

Vua-trời Sakka truyền lệnh 7 vị thiên-nam hóa thành 7 sứ giả của Đức-vua Madda đến châu 7 Đức-vua tại 7 kinh-thành đều tâu giống nhau rằng:

-“Muôn tâu Đại-vương, Công-chúa Pabhāvātī xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, đã bỏ Đức-vua Kusa tại kinh-thành Kusāvātī, ngự trở về kinh-thành Sāgala rồi.

Nếu Đại-vương có nguyện vọng muốn được Công-chúa thì xin Đại-vương ngự đến kinh-thành Sāgala, xin làm lễ đón rước Công-chúa Pabhāvātī ngự trở về kinh-thành, rồi tấn phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đại-vương.”

Nghe mỗi sứ giả tâu như vậy, mỗi Đức-vua vô cùng hoan-hỷ liền truyền lệnh chuẩn bị các đoàn binh sẵn sàng, rồi dẫn đầu các đoàn binh ngự đến kinh-thành Sāgala.

Bảy Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước gặp nhau vấn an lẫn nhau, rồi hỏi ý định ngự đến kinh-thành Sāgala này, thì được biết 7 Đức-vua đều có một ý định giống nhau. Mỗi Đức-vua đều nổi cơn thịnh nộ Đức-vua Madda rằng:

“Đức-vua Madda có một Công-chúa Pabhāvātī mà đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước. Đức-vua Madda đã làm một việc không hợp pháp. Vậy, chúng ta nên bắt Đức-vua Madda đem ra hỏi tội.”

Bảy Đức-vua dẫn đầu các đoàn binh tiến vào sát kinh-thành Sāgala chờ lệnh. Mỗi Đức-vua truyền lệnh cho sứ giả đem tâu hậu thư đến trình lên Đức-vua Madda với lời lẽ giống nhau rằng:

“Tâu Đức-vua Madda, xin Đức-vua ban Công-chúa Pabhāvātī cho bốn vương hay chiến tranh.”

Đức-vua Madda cùng một lúc tiếp kiến 7 sứ giả của 7 kinh-thành của 7 nước và nhận 7 **tâu hậu thư** với lời lẽ giống nhau. Đức-vua Madda vô cùng hoảng sợ truyền lệnh các quan văn võ hội triều gấp, Đức-vua trình bày sự việc xảy ra như vậy, nên truyền hỏi các quan rằng:

- Nay các khanh! Sự việc xảy ra như vậy, Trẫm nên làm thế nào, xin các quan tâu trình cho Trẫm rõ.

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, vị quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ hạ, 7 Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước ngự đến vây bên ngoài kinh-thành của chúng ta chỉ vì muốn được Công-chúa Pabhāvātī. Nếu không được như ý thì 7 Đức-vua truyền lệnh phá thành tiến vào bắt Bệ-hạ và Công-chúa Pabhāvātī.

Vậy, Bệ-hạ nên ban Công-chúa Pabhāvātī cho các Đức-vua trước, để tránh cửa thành bị phá và Bệ-hạ bị bắt trị tội.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua Madda truyền bảo rằng:

- Nay các khanh! Nếu Trẫm ban Công-chúa Pabhāvātī đến một Đức-vua của kinh-thành này thì 6 Đức-vua của 6 kinh-thành kia sẽ gây chiến với chúng ta.

Cho nên, Trẫm không thể ban Công-chúa Pabhāvātī đến một Đức-vua nào được. Sự thật, nguyên nhân xảy ra hôm nay là do Công-chúa Pabhāvātī của Trẫm, bởi vì Công-chúa Pabhāvātī có tính ngã mạn ý lại vào sắc đẹp tuyệt trần của mình mà chê Đức-vua Kusa xấu xí, rồi đã bỏ Đức-vua Kusa là một Đức-vua có oai lực phi thường, là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này. Cho nên, chính Công-chúa Pabhāvātī của Trẫm phải chịu hậu quả của nghiệp mà mình đã tạo.

Trẫm sẽ truyền lệnh cho đao phủ giết Công-chúa Pabhāvātī, chặt thân hình Công-chúa ra làm 7 phần, rồi đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, để tránh khỏi tai họa chiến tranh phá thành, tránh khỏi sự chết chóc thê thảm.

Đức-vua Madda truyền bảo như vậy, trong cung điện đều hay biết, các nữ tỳ của Công-chúa Pabhāvātī đến tâu lệnh truyền của Đức-vua cho Công-chúa Pabhāvātī biết.

Công-chúa Pabhāvātī vô cùng kinh sợ, trên gương mặt đầy nước mắt, vội đến lâu đài châu Mẫu-hậu, tâu với Mẫu-hậu với lời than vãn rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, Đức-Phụ-vương truyền lệnh cho đao phủ giết con, chặt thân hình của con ra làm 7 phần, rồi đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành.

- Muôn tâu Mẫu-hậu, 7 Đức-vua ấy sẽ ném phần thân thể của con cho các con chim kên kên, điều hâu, ... cắn xé ăn thịt, hoặc các loài thú rừng tranh giành nhau ăn thịt.

- *Muôn tâu Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu truyền lệnh cho lính gom nhặt các xương ấy lại, rồi thiêu ra tro, rải trên mặt đất, Mẫu-hậu truyền lệnh làm vườn hoa, trồng cây hoa kaṇikā. Khi nào đến mùa kaṇikā nở rộ, khi ấy, Mẫu-hậu nhớ đến con rằng:*

“Công-chúa Pabhāvātī của ta có màu da giống như hoa kaṇikā như thế này.”

Công-chúa Pabhāvātī bị sự chết hãm dọa, nên than vãn, trần trối với Mẫu-hậu của mình như vậy.

Còn Đức-vua Madda truyền lệnh gọi tên đao phủ mang thanh đao bén đến, đặt thanh đao phía trước Đức-vua, đứng chờ lệnh.

Khi ấy, Mẫu-hậu của Công-chúa Pabhāvātī có vẻ mặt sầu thảm, khóc than, ngự đến châu Đức-vua Madda, nhìn thấy thanh đao và tên đao phủ đứng châu chờ lệnh, Chánh-cung Hoàng-hậu khóc than thảm thiết tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-Thượng, Hoàng-Thượng sẽ truyền lệnh giết Công-chúa Pabhāvātī của thân thiếp bằng thanh đao này, chặt thi thể ra làm 7 phần rồi ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành thật vậy hay sao?

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu tâu như vậy, Đức-vua Madda truyền bảo cho Chánh-cung Hoàng-hậu hiểu rằng:

- Nay ái-khanh! Công-chúa Pabhāvātī của ái-khanh xinh đẹp tuyệt trần có tính tự cao, chê Đức-vua Kusa xấu xí, rồi bỏ Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Như vậy, Công-chúa Pabhāvātī của ái-khanh đã chuốc lấy cái chết cho mình, nên ngày nay phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình. Trẫm đành phải truyền lệnh như vậy, để tránh khỏi tai họa chiến tranh xảy ra, tránh khỏi cảnh chết chóc thê thảm.

Nghe Đức-vua Madda truyền bảo như vậy, nên Chánh-cung Hoàng-hậu đánh lễ Đức-vua, xin phép ngự đến lâu đài Công-chúa Pabhāvātī, than vãn rằng:

- *Này Pabhāvātī yêu quý! Mẫu-hậu đành bất lực không thể cứu sống con được, Đức-Phụ-vương của con không chịu làm theo lời khẩn khoản của Mẫu-hậu. Hôm nay, thân hình của con sẽ bị chặt ra làm 7 phần, con sẽ gặp tử thân một cách rất thê thảm.*

- *Này Pabhāvātī yêu quý! Nếu người con nào không vâng lời cha mẹ là người mà luôn luôn mong muốn những sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho con mình, thì người con ấy phải chịu quả khổ như vậy.*

Nếu ngày trước con có được một Đức-vua Kusa khô ngô tuấn tú thì con sẽ được hạnh phúc an-lạc trong hoàng gia biết dường nào!

Ngày nay con đâu phải chịu cảnh khốn khổ, chịu chết thê thảm như thế này.

Mẫu-hậu của Công-chúa Pabhāvātī than vãn như vậy, rồi Bà thốt lên rằng:

- *Nếu hôm nay, giả sử có Đức-vua Kusa oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, có thể cầm quân xuất trận đánh đuổi 7 Đức-vua của 7 kinh-thành hoảng sợ bỏ chạy thoát thân, cứu sống Công-chúa Pabhāvātī của ta thì hay biết chừng nào!*

Không biết hiện giờ, Đức-vua Kusa đang ngự nơi nào?

Nghe Mẫu-hậu tán dương ca tụng Đức-vua Kusa như vậy, Công-chúa Pabhāvātī nghĩ rằng:

“Đức-vua Kusa đang ngự trong cung điện, hằng ngày lo công việc nấu nướng, làm các món ăn dâng Đức-Phụ-vương, Mẫu-hậu, ta và bảy hoàng muội. Vậy, bây giờ ta nên tâu cho Mẫu-hậu của ta biết:

- *Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu! Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, có thể cầm quân xuất trận đánh đuổi 7 Đức-vua của 7 kinh-thành hoảng sợ bỏ chạy thoát thân. Đức-vua Kusa đang hiện diện tại nơi cung điện này. Tâu Mẫu-hậu.*

Nghe Công-chúa Pabhāvatī tâu như vậy, Mẫu-hậu của Công-chúa nghĩ rằng:

“Công-chúa Pabhāvatī của ta quá sợ chết nên nói xàm như vậy.”

Mẫu hậu của Công chúa truyền bảo rằng:

- *Này Pabhāvatī! Con điên rồi hay sao mà nói xàm như vậy, hay con là đứa con vô giáo dục mới có thể nói như vậy. Nếu Đức-vua Kusa ngự đến kinh-thành Sāgala thì tại sao Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu không hề hay biết?*

Con quá sợ chết rồi nói xàm có phải vậy không?

Khi Mẫu-hậu truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvatī nghĩ rằng:

“Mẫu hậu không tin lời của ta và không biết Đức-vua Kusa đã ngự đến đây suốt 7 tháng qua.

Vậy, ta sẽ chỉ Đức-vua Kusa cho Mẫu-hậu của ta thấy.”

Công-chúa Pabhāvatī liền nắm tay của Mẫu-hậu đến mở cánh cửa sổ, đưa tay chỉ về phía nhà bếp, để cho Mẫu-hậu nhìn xuống, rồi tâu rằng:

- *Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu! Đức-vua Kusa giả dạng làm người đầu bếp đang đứng rửa các nồi niêu, bát đĩa tại nhà bếp gần lầu đài của các con.*

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Kusa nghĩ rằng:

“Hôm nay, nguyện vọng của ta chắc chắn sẽ được thành tựu như ý, bởi vì Công-chúa Pabhāvatī quá sợ chết, nên tâu với Mẫu-hậu và Đức-Phụ-vương biết rằng ta đang hiện diện ngự trong cung điện này.”

Đức-Bồ-tát Kusa ngự đi lấy nước về tiếp tục rửa các bát đĩa còn lại, rồi dọn dẹp gọn gàng sạch sẽ.

Nghe Công-chúa Pabhāvātī tâu như vậy, Mẫu-hậu quở mắng Công-chúa Pabhāvātī rằng:

- *Này Pabhāvātī! Con là đứa con hư đốn! Con đã làm hại hoàng gia rồi!*

Con là Công-chúa của Đức-vua Madda, là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa, tại sao con để Đức-vua Kusa, Phu-quân của con làm người tôi tớ như vậy?

Công-chúa Pabhāvātī bị Mẫu-hậu quở mắng, nên tâu cho Mẫu-hậu rõ rằng:

- *Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu, con đâu phải là gái hư đốn, con không làm hại hoàng gia.*

Người đứng kia là Đức-vua Kusa, Thái-tử của Đức-Thái-Thượng-hoàng Okkāka và Hoàng-thái-hậu Sīlavatī ngự tại kinh-thành Kusāvātī, trị vì đất nước Malla rộng lớn.

- *Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu, Mẫu-hậu không nên nghĩ Đức-vua là người tôi tớ.*

Nghe Công-chúa Pabhāvātī tâu khẳng định như vậy, Mẫu-hậu tin đó là sự thật, nên Bà ngự đến châu Đức-vua Madda tâu trình rõ sự thật như vậy.

Đức-vua Madda liền ngự đến lầu đài của Công-chúa Pabhāvātī truyền hỏi rằng:

- *Này Pabhāvātī! Nghe Mẫu-hậu của con tâu với Phụ-vương rằng:*

“Đức-vua Kusa đang hiện diện ngự tại cung điện có thật như vậy hay không?”

Công-chúa Pabhāvātī tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức-Phụ-vương kính yêu, Đức-vua Kusa đang hiện diện ngự tại cung điện này, đúng là sự thật như vậy.*

Đức-vua Madda liền quở mắng *Công-chúa Pabhāvātī*:

- *Này Pabhāvātī! Con là đứa con hư đốn! Con đã phạm trọng tội nặng nề!*

Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, là *Đức-vua* cao cả nhất trong toàn cõi *Nam-thiện-bộ-châu*, như con bạch tượng chúa quý báu. Vậy mà con dám xem thường *Đức-vua Kusa* ngự đến đây như một con ếch đước hay sao?

Sau khi quở mắng *Công-chúa Pabhāvātī*, rồi *Đức-vua Madda* vội ngự đến châu *Đức-Bồ-tát Kusa*, vẫn an sức khỏe, rồi chấp hai tay tâu lời xin lỗi rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương cao cả, xin Đại-vương có tâm đại bi tha thứ những tội lỗi của bốn vương, bởi vì không biết Đại-vương đã ngự đến nơi đây với hình thức mà không một ai biết đước.*

Nghe *Đức-vua Madda* tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* tâu đề cho *Đức-vua Madda* an tâm rằng:

- *Tâu Đại-vương, bốn vương là người đầu bếp phụ mà Đại-vương kính trọng.*

- *Tâu Đại-vương cao quý, Đại-vương không có lỗi nào khiến cho bốn vương phải tha thứ.*

Sau khi tâu chuyện với *Đức-Bồ-tát Kusa*, *Đức-vua Madda* xin phép ngự trở lại lâu đài *Công-chúa Pabhāvātī*, truyền bảo rằng:

- *Này Pabhāvātī hư đốn! Con hãy mau đi châu đánh lễ Đức-vua Kusa, rồi cúi xin Người có tâm đại bi tha thứ tội lỗi, may ra sinh mạng của con sẽ đước cứu sống trong ngày hôm nay.*

Công chúa Pabhāvātī châu Đức-vua Bồ-tát Kusa

Tuân theo lệnh *Đức-Phụ-vương*, *Công-chúa Pabhāvātī* và 7 hoàng muội ngự đi cùng với đoàn thị nữ đông đảo đến châu *Đức-Bồ-tát Kusa* tại nơi nhà bếp.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đang đứng rửa nồi niêu, bát đĩa. Nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvati* dẫn đầu đoàn tùy tùng thuộc hạ đang ngự đến, *Đức-Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

“*Hôm nay, ta sẽ làm cho Công-chúa Pabhāvati không còn ngã mạn nữa, mà phải chịu cúi lạy dưới hai bàn chân của ta trên vũng bùn lầy này.*”

Đức-Bồ-tát Kusa đổ hết nước xuống nền đất, rồi lấy hai bàn chân đạp, để bùn lầy nổi lên xung quanh chỗ đứng. *Công-chúa Pabhāvati* ngự đến gần *Đức-Bồ-tát Kusa*, cúi xuống đánh lễ dưới đôi bàn chân, rồi nắm chặt đôi bàn chân của *Đức-Bồ-tát Kusa* mà tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-Thượng cao cả, thần thiếp là Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati, thần thiếp thành kính đánh lễ dưới đôi bàn chân của Hoàng-Thượng, kính xin Hoàng-Thượng có tâm đại bi thương xót mà tha thứ mọi tội lỗi của thần thiếp, xin đừng nổi cơn thịnh nộ đối với thần thiếp nữa. Thần thiếp hứa với lời chân thật rằng: “Từ nay về sau, thần thiếp không còn ghét Hoàng-Thượng nữa, chỉ có một lòng yêu thương tha thiết Hoàng-Thượng mà thôi.”*

Nếu Hoàng-Thượng không có tâm đại bi thương xót tế độ thần thiếp đang khẩn khoản cầu xin, thì Đức-Phụ-vương chắc chắn truyền lệnh tên đao phủ giết thần thiếp, rồi chặt ra làm 7 phần, đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, ngay trong ngày hôm nay.

Nghe lời tha thiết khẩn khoản của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati*, *Đức-Bồ-tát Kusa* truyền bảo để *Chánh-cung Hoàng-hậu* an tâm rằng:

- *Này ái-khanh Pabhāvati! Khi ái-khanh tha thiết khẩn khoản như vậy, không lẽ Trẫm không làm theo lời khẩn khoản cầu xin của ái-khanh được hay sao?*

- *Này ái-khanh Pabhāvati! Trẫm không còn giận hờn ái-khanh nữa đâu. Ái-khanh không nên sợ hãi gì cả.*

- *Này ái-khanh Pabhāvati! Thật ra, Trẫm có thừa khả năng đánh chiếm kinh-thành Sāgala, tàn sát hoàng gia Đức-vua Madda, bắt ái-khanh đem trở về kinh-thành Kusāvati, nhưng vì quá yêu thương tha thiết ái-khanh, nên Trẫm nhẫn nại chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm cho đến ngày nay.*

- *Này ái-khanh Pabhāvati! Trẫm cũng hứa với Ái-khanh với lời chân thật rằng:*

“Trẫm không còn giận hờn Ái-khanh nữa! Trẫm rất yêu thương tha thiết Ái-khanh.”

Đức-vua Bồ-tát Kusa nhìn thấy Công-chúa Pabhāvati của mình xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ hầu hạ Đức-vua trời Sakka, nên Đức-vua Bồ-tát Kusa phát sinh tâm ngã-mạn vua chúa nghĩ rằng:

“Khi ta đang còn hiện diện trên đời này thì không một Đức-vua nào có khả năng chiếm đoạt Chánh-cung Hoàng-hậu của ta được!”

Đức-vua Bồ-tát Kusa muốn chứng tỏ oai lực phi thường để cho mọi người biết, nên ngự đến sân trước cung điện, tuyên bố cho toàn thể hoàng gia cùng dân chúng trong kinh-thành Sāgala bằng giọng như sư tử rống rằng:

“Ta là Đức-vua Kusa, đã ngự đến rồi! Ta sẽ bắt sống 7 Đức-vua của 7 kinh-thành. Các ngươi hãy chuẩn bị voi báu và các đoàn binh cho ta.”

Đức-vua Bồ-tát Kusa tâu với Đức-vua Madda rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, việc bắt sống 7 Đức-vua của 7 kinh-thành là phận sự của bốn vương.*

Kính thỉnh Đại-vương an hưởng sự an-lạc trên lâu đài.

Đức-vua Madda truyền lệnh các quan gọi thợ đến cắt tóc sửa râu cho *Đức-vua Bồ-tát Kusa* xong, rồi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tắm rửa và mặc trang phục vương phục đầy đủ, ngự bước lên lầu đài cao, nhìn khắp mọi hướng, rồi truyền lệnh rằng:

- *Này quý vị! Xin quý vị hãy xem Trẫm cầm quân xuất trận chiến đấu với các kẻ thù.*

Những hoàng thân của *Đức-vua Madda* ở trên lầu đài trong cung điện mở cửa sổ nhìn theo dõi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* cầm quân xuất trận.

Khi ấy, *Đức-vua Madda* truyền lệnh quan nài voi dẫn con bạch tượng quý báu với trang sức đầy đủ, đem đến dâng *Đức-vua Bồ-tát Kusa*.

Đức-vua Bồ-tát Kusa ngự lên ngôi trên cổ voi báu, phía trên có che chiếc lọng trắng, rồi truyền lệnh rằng:

- *Này các khanh! Các khanh hãy mời Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvātī đến.*

Đức-vua Bồ-tát Kusa truyền bảo *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvātī* ngự lên voi báu ngồi phía sau *Đức-vua*.

Chiến thắng 7 Đức-vua của 7 kinh-thành

Đức-vua Bồ-tát Kusa dẫn đầu 4 đoàn binh xuất trận ngự ra cửa thành hướng Đông, nhìn thấy các đoàn binh của kẻ thù, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tuyên bố bằng giọng sư tử rống 3 lần rằng:

“Ta là Đức-vua Kusa! Ai muốn sống thì hãy đến khuất phục dưới chân ta.”

Nghe giọng sư tử rống của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* làm cho 7 *Đức-vua* của 7 kinh-thành đều mất trí điên loạn, kinh hồn bạt vía, không biết đường chạy thoát thân.

Nghe giọng sư tử rống của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* các

đoàn binh như đoàn tượng binh, đoàn mã binh, đoàn quân xa, đoàn bộ binh vô cùng khiếp vía kinh hồn chạy tán loạn.

Đức-vua trời *Sakka* trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Kusa* chiến thắng 7 *Đức-vua* của 7 kinh-thành nơi trận địa, nên *Đức-vua* trời *Sakka* vô cùng hoan-hỷ dâng viên ngọc mañi *Verocana* xán lạn đến *Đức-vua Bồ-tát Kusa*.

Đức-vua Bồ-tát Kusa có tướng tốt của bậc-đại-nhân

Do oai lực viên ngọc mañi tên *Verocana* xán lạn của *Đức-vua* trời *Sakka* nên thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* bị biến mất. Ngay khi ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có các tướng tốt của bậc-đại-nhân thật đáng tôn kính.

Sau khi chiến thắng, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* truyền lệnh bắt 7 *Đức-vua* của 7 kinh-thành, trói 2 tay ra sau lưng dẫn đi theo *Đức-vua* cùng với *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngồi trên voi báu ngự trở vào kinh-thành.

Đức-vua Bồ-tát Kusa dẫn 7 *Đức-vua* của 7 kinh-thành đến kính dâng lên *Đức-vua Madda* và tâu rằng:

- *Tâu nhạc Phụ-vương, 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này là kẻ thù của nhạc Phụ-vương, không phải kẻ thù của bốn vương.*

Nay, 7 Đức-vua đã bị bắt nằm trong quyền sinh sát của nhạc Phụ-vương, kính thỉnh nhạc Phụ-vương phán xét họ tùy ý.

Nhạc Phụ-vương muốn 7 Đức-vua này trở thành kẻ tội tử hoặc giết chết tất cả, hoặc tha bổng để 7 Đức-vua ngự trở về kinh-thành của mỗi Đức-vua, tùy theo ý của nhạc Phụ-vương.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Kusa tâm như vậy, Đức-vua Madda tâm rằng:

- *Muôn tâm Đại-vương cao quý, Đại-vương là Đức-vua cao cả hơn bốn vương. Vậy, chính Đại-vương muốn giết 7 Đức-vua này thì giết, hoặc muốn tha bổng thì tha để 7 Đức-vua ngự trở về kinh-thành của mỗi Đức-vua.*

Nghe Đức-vua Madda tâm như vậy, Đức-vua Bồ-tát Kusa nghĩ rằng:

“Ích lợi gì ta giết 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này. Đức-vua Madda có 7 cô công-chúa rất xinh đẹp như thiên-nữ là hoàng muội của Công-chúa Pabhāvātī.

Vậy, để 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này đã ngự đến đây không mất sự lợi ích, ta nên tâm với Đức-vua Madda ban 7 cô công-chúa đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành.

Đó là điều hạnh phúc biết dường nào!”

Nghĩ vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Kusa tâm với Đức-vua Madda rằng:

- *Tâm nhạc Phụ-vương, nhạc Phụ-vương có 7 cô công-chúa rất xinh đẹp như thiên-nữ, kính xin nhạc Phụ-vương ban 7 cô công-chúa ấy đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, để 7 cô công-chúa ấy trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của 7 Đức-vua ấy, và 7 Đức-vua ấy trở thành phò-mã của nhạc Phụ-vương.*

Đó là điều hạnh phúc biết dường nào!

Nghe Đức-vua Bồ-tát Kusa tâm như vậy, Đức-vua Madda vô cùng hoan-hỷ ban 7 cô công-chúa của mình đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, nên tâm rằng:

- *Tâm Đại-vương cao quý, Đại-vương là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, gồm cả 7 Đức-vua của 7 kinh-thành và bốn vương cùng các cô công-chúa của bốn vương nữa.*

Vậy, chỉ có Đại-vương cao quý mới có quyền ban 7 cô công-chúa đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành mà thôi.

Kính xin Đại-vương anh minh nhận xét thấy công-chúa nào xứng đáng với Đức-vua nào thì Đại-vương ban công chúa ấy đến Đức-vua ấy, tùy theo ý của Đại-vương.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Kusa truyền bảo các quan cho người trang sức đầy đủ 7 cô công-chúa của Đức-vua Madda thật xinh đẹp lộng lẫy, rồi Đức-vua Bồ-tát Kusa ban mỗi cô công-chúa xứng đáng đến mỗi Đức-vua.

Cho nên, 7 cô công-chúa và 7 Đức-vua rất hài lòng vô cùng hoan-hỷ hợp với ý của mình.

Khi ấy, 7 Đức-vua và 7 cô công-chúa đánh lễ Đức-vua Bồ-tát Kusa, nhạc-Phụ-vương và nhạc Mẫu-hậu, rồi xin phép hồi cung, mỗi Đức-vua và công-chúa dẫn đầu các đoàn binh ngự trở về kinh-thành của mình.

Hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvati

Nghỉ lại 2-3 ngày sau, Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati đánh lễ Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, xin phép hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvati.

Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati cùng ngồi chung trên chiếc long xa sang trọng rất xứng đôi, bởi vì Đức-vua Bồ-tát Kusa có các tướng tốt của bậc đại-nhân cùng với Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ.

Nghe tin báo Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvati, Mẫu-hậu và Đức-Phụ-hoàng truyền lệnh các quan thông báo dân chúng trang hoàng kinh-thành lộng lẫy, để làm lễ đón rước Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvati.

Mẫu-hậu Sīlavatī và Hoàng-đệ Jayampati của Đức-vua Bô-tát Kusa ngự cùng các quan, các đoàn binh ra ngoài kinh-thành chờ đón rước *Đức-vua Bô-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, thỉnh ngự vào kinh-thành Kusāvātī.

Sau khi ngự vào cung điện được trang hoàng lộng lẫy, *Đức-vua Bô-tát Kusa* truyền lệnh cho dân chúng tổ chức ca hát nhảy múa vui chơi suốt 7 ngày đêm.

Từ đó về sau, *Đức-vua Bô-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* sống hòa hợp, yêu thương lẫn nhau, ngự tại kinh-thành Kusāvātī, trị vì đất nước Malla được thanh bình thịnh vượng, dân chúng được sống an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Bô-tát Kusa và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* thực-hành bồi bổ các pháp hạnh ba-la-mật cho đến suốt đời.

Sau khi thuyết tích Kusajātaka xong, Đức-Thế-Tôn thuyết giảng chân-lý tứ Thánh-đế, chư tỳ-khuru chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, tùy theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị tỳ-khuru.

Tích Kusajātaka liên quan đến kiếp hiện tại

Trong tích ***Kusajātaka*** này *Đức-Bô-tát* là tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* sinh làm *Thái-tử Kusa* trong thời quá khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích *Kusajātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức-Phụ-vương Okkāka* và *Mẫu-hậu Sīlavatī*, nay

kiếp hiện tại là *Đức-Phụ-vương Suddhodana* và *Mẫu-hậu Mahāmāyādevī*.

- *Hoàng-đệ Jayampati*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda*.

- *Bà Khujjā*, nay kiếp hiện-tại là *bà Khujjuttarā upāsikā*.

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Yasodharā*.

- *Nhóm tùy tùng thuộc hạ*, nay kiếp hiện-tại là *tứ chúng: tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ*.

- *Đức-vua Bồ-tát Kusa*, nay kiếp hiện-tại là **Đức-Phật Gotama**.

Nhận xét về tích Pañcapāpī và tích Kusajātaka

* *Tích Pañcapāpī*: Tiên-kiếp của cô là con gái của gia đình nghèo, ngồi nhồi đất để bán cho người ta trát vách nhà; *Đức-Phật Độc-Giác* cần đất để trát vách chỗ ở nên đứng trước nhà cô gái đang nhồi đất. Tác-ý ban đầu (pubbacetanā) cô không có đức-tin, cô tỏ vẻ bực bội nhưng sau đó cô phát sinh đức-tin cô hoan hỷ cố gắng nhồi đất cho nhuyễn rồi cung kính cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác, sau khi cúng dường xong cô càng có thêm đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Độc-Giác.

- Khi sinh ra đời, đứa bé gái có 5 bộ phận trong thân thể xấu xí là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi*.

Đó là quả xấu của *ác-nghiệp sân-tâm trước khi tạo phước-thiện cúng-dường đất nhuyễn* đến Đức-Phật Độc-Giác trong tiên-kiếp của cô.

- Khi cô trưởng thành, hễ ai đụng đến thân thể của cô, đều có *cảm giác như tiếp xúc với đối-tượng xúc đặc biệt của cõi trời, cảm giác sung sướng say đắm chưa từng có*.

Đó là quả tốt của *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ đang khi cúng-dường đất thật nhuyễn rất đặc biệt đến Đức-Phật Độc-Giác* trong tiền-kiếp của cô.

- Khi trưởng thành, cô *Pañcapāpī* trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua là Đức-vua Baka và Đức-vua Bāvarika.

Đó là quả tốt của *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ sau khi đã cúng-dường đất thật nhuyễn đặc biệt đến Đức-Phật Độc-Giác* trong tiền-kiếp của cô.

* Về tích **Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa** là hậu-kiếp của người em trai chồng của tiền-kiếp Công chúa Pabhāvātī.

Tiền-kiếp của Công chúa Pabhāvātī là người chị dâu của Đức-Bồ-tát. Một hôm, người chị dâu (tiền-kiếp của Công-chúa Pabhāvātī) đem phần bánh chiên của Đức-Bồ-tát em chồng, tạo phước-thiện bồ-thí, cúng-dường đặt bát đến Đức-Phật Độc-Giác. Ngay khi ấy, Đức-Bồ-tát em chồng từ rừng trở về, biết người chị dâu đem phần bánh chiên của mình cúng-dường đặt bát đến Đức-Phật Độc-Giác, nên Đức-Bồ-tát em chồng phát sinh sân-tâm giận dữ, đến lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.

Người chị dâu cung-kính tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường bơ lỏng mới và trong treo có màu giống màu hoa lan đê đầy bát của Đức-Phật Độc-Giác, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, rồi phát nguyện xin cho đại-thiện-nghiệp bồ-thí cúng-dường thanh cao này cho quả tái-sinh kiếp sau có sắc đẹp tuyệt trần như thiên nữ, thân hình có ánh sáng tỏa ra suốt ngày đêm, và xin cho kiếp sau không sống chung cùng một nhà với hậu-kiếp của em trai chồng.

Khi nghe lời phát nguyện của người chị dâu như vậy, Đức-Bồ-tát em chồng vội đem phần bánh chiên của

mình đến kính xin tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đặt trong bát đầy bơ lỏng của Đức-Phật Độc-Giác, rồi phát nguyện, *kiếp sau của người chị dâu này dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần cũng có khả năng đón rước về làm vợ cho được.*

* Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ.

Đó là quả xấu của ác-nghiệp sân giận dữ lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.

* Đức-vua Bồ-tát Kusa thành hôn với Công-chúa Pabhāvatī, rồi tấn phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của mình.

Đó là quả tốt của đại-thiện-nghiệp bồ-thí cúng-kính cúng-dường phần bánh chiên của mình đặt trong bát đầy bơ lỏng của Đức-Phật Độc-Giác, và lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Đức-vua Bồ-tát Kusa.

* Công-chúa Pabhāvatī có sắc đẹp tuyệt trần như thiên nữ, thân hình có ánh sáng tỏa ra suốt ngày đêm, khi nhìn thấy Đức-vua Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ, nên bỏ Đức-vua Kusa ngự trở về kinh-thành Sāgala của mình.

Đó là quả của đại-thiện-nghiệp cúng-kính bồ-thí cúng-dường bơ lỏng mới trong chảo, và lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī.

* Đức-vua Bồ-tát Kusa đón rước Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở lại kinh-thành Kusāvātī.

Đó là quả đại-thiện-nghiệp và lời phát nguyện của người em trai chồng tiền-kiếp của Đức-vua Bồ-tát Kusa có nhiều năng lực hơn lời phát nguyện của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, khiến Vua-trời Sakka trên cõi

trời Tam-thập-tam-thiên trợ duyên giúp cho Đức-vua Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý.

Nghiệp và quả của nghiệp thật là công bằng không hề thiên vị một ai cả. Nếu ác-nghiệp nào gặp *ngịch-duyen*⁽¹⁾ thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Nếu đại-thiện-nghiệp nào gặp *thuận-duyen*⁽²⁾ thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

Đức-Phật dạy về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

“Kammassako’ mhi kammadāyādo kammayoni, kammabandhu, kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi.”⁽³⁾

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp’ ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

2- Năng lực của *muñcacetanā*

Năng lực của *muñcacetanā*: *Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện bồ-thí, để phước-thiện bồ-thí ấy trở thành tam-nhân đại-thiện-nghiệp hoặc nhị-nhân đại-thiện-nghiệp như sau:*

¹ Ngịch-duyen (vipatti) có 4 trường hợp: gativipatti, kālavipatti, upadhivipatti, payogavipatti.

² Thuận-duyen (sampatti) có 4 trường hợp: gatisampatti, kāla-sampatti, upadhisampatti, payogasampatti (Xem phần giảng giải trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV: *Nghiệp Và Quả Của Nghiệp* phần đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả của nghiệp, cùng soạn giả).

³ Áng. Pañcakanipāta, Abhiñhapaccavekkhitabbāṭṭhanasutta.

- Người thiện nào, khi đang tạo phước-thiện bố-thí nào nếu có **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ kammassakatāñña: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình, thì phước-thiện bố-thí ấy có **đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ** có đủ tam-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ), nên phước-thiện bố-thí ấy trở thành **tīhetukakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.

- Người thiện nào, khi đang tạo phước-thiện bố-thí nào nếu có **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ kammassakatāñña: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình, thì phước-thiện bố-thí ấy có **đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ** chỉ có nhị-nhân là vô-tham, vô-sân mà thôi, không có vô-si nên phước-thiện bố-thí ấy trở thành **dvīhetukakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.

* Năng lực của pubbacetanā, aparacetanā

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp và **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** phân-loại theo năng lực trong 2 thời-kỳ tác-ý: thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, được phân loại mỗi loại đại-thiện-nghiệp có 2 bậc:

- **Ukkatṭhakusala**: Đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- **Omakakusala**: Đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

1- **Ukkatṭhakusalakamma**: Đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?

Nếu người thiện nào tạo phước-thiện bố-thí nào trong thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-

*thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bồ-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn; và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bồ-thí ấy theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, với đại-thiện-tâm trong sạch hoàn-hỷ phước-thiện bồ-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn; thì phước-thiện bồ-thí ấy trở thành **ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao, nên phân loại có 2 loại đại-thiện-nghiệp bậc cao là:*

- *Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- **Omakakusalakamma**: Đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?

Nếu người thiện nào tạo phước-thiện bồ-thí nào trong thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không** trong sạch trước khi tạo phước-thiện bồ-thí ấy, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm; và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không** trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bồ-thí ấy theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, với đại-thiện-tâm không trong sạch trong phước-thiện bồ-thí ấy, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn; làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bồ-thí ấy trở thành **omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nên phân loại có 2 loại đại-thiện-nghiệp bậc thấp là:

- *Tihetuka-omakakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

- *Dvihetuka-omakakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

3- Năng lực của *aparacetanā*

Trong 2 thời-kỳ tác-y: thời-kỳ *pubbacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí nào và thời-kỳ *aparacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí nào theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, để quyết định phước-thiện bố-thí ấy trở thành tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp, thì thời-kỳ *aparacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi có vai trò quan trọng hơn là thời-kỳ *pubbacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì chưa thành-tựu phước-thiện ấy.

Thật vậy, * dù cho thời-kỳ *pubbacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí nào, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nhưng nếu thời-kỳ *aparacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bố-thí ấy vẫn trở thành *ukkaṭṭhakusalakamma*: đại-thiện-nghiệp bậc cao.

* Dù cho thời-kỳ *pubbacetanā* tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện

bố-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, nhưng nếu thời-kỳ **aparacetanā** tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không** trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm **không** trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bố-thí ấy trở thành **omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Cho nên, thời-kỳ **aparacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm có tầm quan trọng quyết-định phước-thiện ấy trở thành **ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc **omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Phân loại đại-thiện-nghiệp theo ukkaṭṭhakusalakamma và omakakusalakamma

Phân loại *tihetukakusalakamma* và *dvihetukakusalakamma* theo *ukkaṭṭhakusalakamma* và *omakakusalakamma* có 4 bậc như sau:

* **Tihetukakusalakamma** có 2 bậc:

- *Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- *Tihetuka-omakakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

* **Dvihetukakusalakamma** có 2 bậc:

- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện nghiệp bậc cao.

- *Dvihetuka-omakakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, mỗi đại-thiện-nghiệp có tầm quan trọng cho quả trong **thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhikāla*) làm người hoặc làm vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới và cho quả trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, của người hoặc của chư vị thiên-nam, vị thiên nữ.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp và *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp* gồm có 4 bậc như sau:

- *Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: *Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

- *Tihetuka-omakakusalakamma*: *Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: *Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

- *Dvihetuka-omakakusalakamma*: *Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Thời-kỳ paṭisandhikāla và thời-kỳ pavattikāla

Đại-thiện-nghiệp có 4 loại là *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* và *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* và *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, mỗi bậc đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*).

- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh* (*pavattikāla*), *kiếp hiện-tại.*

Đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-*

sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) đầu thai làm người có **3 hạng người** trong đời này, hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam, vị thiên-nữ* trên 6 cõi trời dục-giới cũng có **3 hạng chư-thiên**.

Mỗi hạng người, mỗi hạng thiên-nam, hạng thiên-nữ có khả năng khác nhau do quả của mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

1- **Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao:

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao (Tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) trong *4 đại-thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (Paṭisandhikāla)**

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí* nào, sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp*** với *trí-tuệ* gọi là ***tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)*** cùng với **3 sắc-pháp** (*kāyarūpa: sắc-thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính, hadayavatthurūpa: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân*** ⁽¹⁾ (*tihetukapuggala*) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy vốn có trí-tuệ*.

¹ Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm dù 3 thiện-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ).

- Nếu người *tam-nhân* ấy là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-định* thì có khả năng chứng đắc 5 *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm*, chứng đắc 4 *bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm*, và chứng đắc 5 *phép-thần-thông (lokiya abhiññā)*.⁽¹⁾

- Nếu người *tam-nhân* ấy là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* thì có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong *Phật-giáo*.

Hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam tam-nhân* hoặc *vị thiên-nữ tam-nhân* trên cõi trời dục-giới. Nếu *vị thiên-nam tam-nhân*, *vị thiên-nữ tam-nhân* có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì *vị thiên-nam tam-nhân*, *vị thiên-nữ tam-nhân* có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo*, *Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong *Phật-giáo*.

b- **Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (Pavattikāla)**, kiếp hiện-tại

Trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong 4 *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)* kiếp hiện-tại, có 16 quả-tâm là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm* có 8 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

* **Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm**

Hữu-nhân đại-quả-tâm đó là *đại-quả-tâm* có 8 tâm mà mỗi tâm tương xứng với mỗi tâm trong 8 *đại-thiện-tâm* như sau:

¹ Xem bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IX: *Pháp-Hành Thiên-Định* và quyển X: *Pháp-Hành Thiên-Tuệ*, cùng soạn giả.

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

* **Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm**

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm:

1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt đáng hài lòng.

2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay đáng hài lòng.

3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm đáng hài lòng.

4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon đáng hài lòng.

5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc đáng hài lòng.

6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

Như vậy, **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người tam-nhân** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân** trên 6 cõi trời dục-giới.

Và **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, gồm có **16 quả-tâm** là 8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân ấy trong cõi trời dục-giới ấy.

2- **Tihetuka-omakakusalakamma**: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với

3- **Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- *Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* (*tihetuka-omakakusalakamma*) trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (*dvihetuka-*

ukkaṭṭhakusalakamma) trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (*Paṭisandhikāla*)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí* nào, sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ (2 loại đại-thiện-nghiệp này) có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** (*paṭisandhicitta*) cùng với 3 ***sắc-pháp*** (*kāyarūpa*: sắc-thân, *bhāvarūpa*: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính, *hadayavatthurūpa*: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người nhị-nhân*** ⁽¹⁾ (*dvihetukapuggala*) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, người *nhị-nhân* ấy vốn không có trí-tuệ.

- Nếu người *nhị-nhân* ấy thực-hành pháp-hành thiên-định thì không có khả năng chứng đắc bậc thiên nào cả.

- Nếu người *nhị-nhân* ấy thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*.

Hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** có cơ hội đến

¹ Người *nhị-nhân* là người có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân (không có vô-si).

hầu đánh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật thì *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân* không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

b- **Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (Pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla), *kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* trong 4 *đại-thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* với *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong 4 *đại-thiện-tâm không hợp* với *trí-tuệ*, 2 loại *đại-thiện-nghiệp* này cho quả tương đương với nhau trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla), *kiếp hiện-tại*, có 12 *quả-tâm* đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp* với *trí-tuệ* có 4 *quả-tâm*.

- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 *quả-tâm*.

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong 4 *đại-thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* tuốt xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong 4 *đại-thiện-tâm không hợp* với *trí-tuệ* cho quả trong **thời-kỳ tái-sinh** *kiếp sau* (paṭisandhikāla) có 4 ***đại-quả-tâm không hợp*** với *trí-tuệ* gọi là ***tái-sinh-tâm*** (paṭisandhiccitta) làm phận sự tái-sinh *kiếp sau* đầu thai làm **người *nhị-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên 6 cõi trời dục-giới.

Và ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong 4 *đại-thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* tuốt xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong 4 *đại-thiện-tâm không hợp* với *trí-tuệ* cho quả trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla), *kiếp hiện-tại* gồm có 12 ***quả-tâm*** là 4 *đại-quả-tâm không hợp* với *trí-tuệ* và 8 *thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng không tốt không xấu trong cuộc sống *kiếp hiện-tại* của người *nhị-*

nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân ấy trên cõi trời dục-giới ấy.

Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma

Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp **bậc thấp** trong 4 đại-thiện-tâm **hợp với trí-tuệ**, không đủ năng lực cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ**, nên bị tuột xuống tương đương với *dvihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma* là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp **bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm **không hợp với trí-tuệ** cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người thuộc về hạng người ***dvihetukapuggala*: hạng người nhị-nhân** từ khi tái-sinh đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân trên cõi trời dục-giới.

4- **Dvihetuka-omakakusalakamma** là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp

Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp (*dvihetuka-omakakusalakamma*) trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (*Paṭisandhikāla*)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí* nào, sau khi người thiện ấy chết, nếu **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về

thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhi-citta*) cùng với **3 sắc-pháp** (*kāyarūpa*: sắc-thân, *bhāvārūpa*: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính, *hadayavattthurūpa*: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **hạng người vô-nhân cõi thiện-giới** ⁽¹⁾ (*sugati ahetukapuggala*) là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người vô-nhân ấy vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... chỉ biết thông thường trong cuộc sống hằng ngày mà thôi.*

Hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam vô-nhân** hoặc **vị thiên-nữ vô-nhân** trong nhóm *bhummatṭhadevatā*: *chư-thiên bậc thấp ở trên mặt đất thuộc về cõi trời tứ Đại-Thiên-vương.*

b- **Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (*Pavattikāla*) kiếp hiện-tại

Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong 4 *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả chỉ có **8 thiện-quả vô-nhân-tâm** mà thôi, tiếp xúc với các đối-tượng tâm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Tuy nhiên, nếu đứa trẻ *ấy bị đui mù, câm điếc, tật nguyền* trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, do ác-nghiệp nào cho quả thì không thể gọi là *người vô-nhân cõi thiện-giới*, bởi vì đứa bé *ấy* có thể có năng khiếu đặc biệt.

Đại-thiện-nghiệp khác nhau, quả khác nhau

Trong một buổi lễ **tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng**, những thí-chủ đều là người có ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, cùng nhau tạo

¹ Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân nào.

*phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng. Do trình độ hiểu biết về pháp-học Phật-giáo khác nhau, hiểu biết về 3 thời-kỳ tác-y khác nhau, nên mỗi thí-chủ có 3 thời-kỳ tác-y: thời-kỳ pubbacetanā, thời-kỳ muñca-cetanā, thời-kỳ aparacetanā khác nhau, đã tạo **đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng-dường** khác nhau như sau:*

- *Có số thí-chủ tạo tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao.*

- *Có số thí-chủ tạo tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp.*

- *Có số thí-chủ tạo nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao.*

- *Có số thí-chủ tạo nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp.*

Sau khi số thí-chủ chết, nếu **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người tam-nhân** trong lòng mẹ.

Sau khi số thí-chủ chết, nếu **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ và **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người nhị-nhân** trong lòng mẹ.

Sau khi số thí-chủ chết, nếu **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có **suy-xét-tâm** đồng sinh với

thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp bồ-thí bậc thấp gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người vô-nhân cõi thiện-giới** đui mù, câm điếc, tật nguyên, ... từ trong lòng mẹ.

Phước-thiện bồ-thí trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo

Tích thiên-nam Aṅkura và thiên-nam Indaka

Vị thiên-nam Aṅkura và vị thiên-nam Indaka trong tích *Devorohaṇavatthu*⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, Đức-Phật Gotama biểu diễn *phép-thần-thông yamakapāṭihāriya*: *phép-thần-thông có 2 dòng nước và lửa song song thoát ra từ kim thân của Đức-Phật giữa tứ chúng thanh-văn đệ-tử tại cây xoài gần kinh-thành Sāvattthī.*

Đức-Phật suy xét chư Phật quá-khứ *sau khi biểu diễn phép-thần-thông yamakapāṭihāriya rồi sẽ an cư nhập hạ tại nơi nào?*

Đức-Phật thấy rõ, biết rõ rằng:

Chư Phật quá-khứ, sau khi biểu diễn phép-thần-thông yamakapāṭihāriya rồi sẽ an cư nhập hạ tại cung trời Tam-thập-tam-thiên thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp để tế độ thân-mẫu (Tāvatisabhavane vassam upagantvā mātu Abhidhammapīṭakam desenti).

Đức-Phật ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên an cư nhập hạ thứ 7 của Đức-Phật tại tâm đá Paṇḍukambalasila suốt 3 tháng mùa mưa tính theo thời gian cõi người.

Đức-Phật ngự tại tầng đá Paṇḍukambalasila, chư thiên phạm-thiên khắp 10 ngàn cõi-giới tụ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama.

¹ Bộ Dhammapadattakathā, Buddhavagga, Devorohaṇavatthu.

Trong toàn thể chư-thiên phạm-thiên ấy, Đức-Phật Gotama có hào quang sáng ngời nhất. Khi ấy, **thân-mẫu** (*kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita*) từ cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên (Tusitā) ngự xuống ngồi bên phải của Đức-Phật Gotama, **vị thiên-nam Indaka** cũng ngồi bên phải, còn **vị thiên-nam Āṅkura** ngồi bên trái của Đức-Phật Gotama.

* Mỗi khi có vị thiên-nam nào, vị phạm-thiên nào có oai-đức lớn hơn đến thì vị thiên-nam Āṅkura phải lùi lại sau, nhường chỗ cho vị thiên-nam ấy, vị phạm-thiên ấy. Cứ như vậy, vị thiên-nam Āṅkura phải lùi lại sau cách xa Đức-Phật Gotama khoảng 12 do-tuần (1 do-tuần khoảng 20 cây số).

* **Vị thiên-nam Indaka** vẫn ngồi yên chỗ cũ ban đầu, không thay đổi.

Nhìn thấy vị thiên-nam **Indaka** và vị thiên-nam **Āṅkura** ấy, Đức-Phật có tác-ý muốn cho các hàng thanh-văn đệ-tử biết rằng:

“Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có giới-đức trong sạch, có được nhiều phước-thiện cao quý, tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có nhiều quả báu cao quý.”

Vì vậy, Đức-Phật truyền hỏi vị thiên-nam Āṅkura rằng:

- *Này Āṅkura! Con đã lập trại để tạo phước-thiện bố-thí trên quãng đường dài 12 do-tuần suốt thời gian lâu dài 10 ngàn năm. Nay, kiếp hiện-tại hóa-sinh làm thiên-nam đến tụ hội trong đoàn chư-thiên, phạm-thiên này, con phải lùi lại sau chư-thiên, phạm-thiên cách xa khoảng 12 do-tuần.*

- *Này Āṅkura! Do nhân nào vậy con?*

Giọng hỏi của Đức-Phật Gotama vang rộng đến cõi người cũng đều nghe rõ.

Nghe Đức-Phật truyền hỏi như vậy, vị thiên-nam Ankura cung-kính bạch với Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do con đã tạo phước-thiện bố-thí đến những người không có giới-đức trong sạch, trong thời-kỳ không có bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch.

Dù con có tạo phước-thiện bố-thí trong thời gian lâu dài bao nhiêu cũng không sánh bằng thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, như vị thiên-nam Indaka tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường ít đến bậc Thánh-nhân mà quả báu hơn con gấp bội, như ánh sáng mặt trăng so với ánh sáng chòm sao bé nhỏ. Bạch Ngài.

Nghe vị thiên-nam Ankura bạch như vậy, Đức-Phật truyền hỏi vị thiên-nam Indaka rằng:

- Này Indaka! Con ngồi bên phải của Như-lai, do nhân nào mà con vẫn ngồi yên một chỗ, không phải lùi lại sau vậy con?

Nghe Đức-Phật truyền hỏi như vậy, vị thiên-nam Indaka cung-kính bạch với Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do con đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân, như người nông dân gieo hạt giống tốt trong thửa ruộng màu mỡ. Bạch Ngài.

Sau khi kính bạch Đức-Thế-Tôn như vậy, vị thiên-nam Indaka tán dương ca tụng phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân có giới-đức bằng câu kệ:

Người nông dân dù gieo nhiều hạt giống trong thửa ruộng cằn cỗi, cũng không thu hoạch được nhiều thóc lúa, không làm cho người nông dân mừng vui hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí đến người phá giới, không có giới-đức, dù có nhiều đến bao nhiêu cũng không có quả báu nhiều, không làm cho thí-chủ mừng vui hoan-hỷ như thế ấy.

Người nông dân dù gieo ít hạt giống trong thửa ruộng màu mỡ, gặp mưa thuận gió hòa, nên thu hoạch được nhiều thóc lúa, làm cho người nông dân mừng vui hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch, có pháp cao thượng, dù có ít cũng được quả báu nhiều, làm cho thí-chủ mừng vui hoan-hỷ như thế ấy.

Cúng-dường đến bậc Thánh-nhân có quả báu nhiều

Tiền-kiếp của vị thiên-nam Indaka đã tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến vị nào, mà kiếp hiện-tại có được quả báu của phước-thiện bồ-thí nhiều như vậy?

Tiền-kiếp của vị thiên-nam Indaka là người nghèo khổ có được một phần cơm ít ỏi, nhìn thấy Ngài Trưởng-lão Anuruddha đi khát thực đến đứng trước cổng nhà, người nghèo khổ (tiền-kiếp của vị thiên-nam Indaka) đem phần cơm của mình tạo phước-thiện bồ-thí cúng-kính cúng-dường chỉ một vá cơm (kaṭacchubhikkhaṃ dāpesi) đến Ngài Trưởng-lão Anuruddha.

Sau khi người nghèo khổ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam tam-nhân tên là Indaka trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, hưởng được quả báu của phước-thiện bồ-thí cúng-dường chỉ một vá cơm ấy nhiều gấp bội lần hơn quả báu của tiền-kiếp vị thiên-nam Anikura đã tạo

phước-thiện bố-thí đến những người không có giới trong sạch, không phải là bậc Thánh-nhân, trên quãng đường dài 12 do-tuần, suốt thời gian 10 ngàn năm.

Cho nên, vị *thiên-nam Indaka* kính bạch với Đức-Phật như vậy.

Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy câu kệ có ý nghĩa rằng:

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có tâm tham-dục sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng-dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm tham-dục nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có tâm sân hận sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng-dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm sân hận nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có tâm si-mê sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng-dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm si-mê nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có tâm tham-ái nhiều, sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người *thí-chủ* tạo *phước-thiện* *bồ-thị*, *cung-kính* *cúng-dường* đến *bậc Thánh A-ra-hán* không còn *tâm tham-ái* nên được *quả báu an-lạc* nhiều.

Sau khi Đức-Phật thuyết giảng những câu kệ như vậy, *vị thiên-nam Indaka* và *vị thiên-nam Añkura* đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, *chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và đồng thời số đông chúng-sinh cũng được sự lợi ích, sự an-lạc, sự tiến hóa, trở thành *bậc Thánh-nhân* tùy theo năng lực của *các pháp-hạnh ba-la-mật* và *5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp

Trong mùa hạ thứ 7, Đức-Phật Gotama ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, ngồi tại *tầng đá Pañdu-kambasilā* giữa đại chúng chư-thiên, chư phạm-thiên, để tế độ Phật-mẫu (*kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita*) thuyết giảng *Abhidhammapīṭakapāli: Tạng Vi-diệu-pháp Pāli* gồm có 7 bộ lớn là:

- 1- Bộ *Dhammasaṅganīpāli: Bộ Pháp-hội-tụ.*
- 2- Bộ *Vibhaṅgapāli: Bộ Pháp-phân-tích.*
- 3- Bộ *Dhātukathāpāli: Bộ Pháp-phân-loại.*
- 4- Bộ *Puggalapaññattipāli: Bộ chúng-sinh chế-định.*
- 5- Bộ *Kathāvatthupāli: Bộ Pháp-luận-đề.*
- 6- Bộ *Yamakaṇṭhapāli: Bộ Pháp-song-đối.*
- 7- Bộ *Paṭṭhānapāli: Bộ Pháp-duyên-hệ.*

Đức-Phật Gotama thuyết giảng *bộ thứ nhất là bộ Dhammasaṅganīpāli: Bộ Pháp-hội-tụ* rồi theo tuần tự đến *bộ thứ 7: bộ Paṭṭhānapāli: Bộ Pháp-duyên-hệ* cuối cùng, suốt 3 tháng mùa mưa tại cõi người (so với thời gian tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên chỉ có 3 phút 36

giây, bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 100 năm tại cõi người).

Đức-Phật thuyết giảng *Tạng Vi-diệu-pháp Pāli* tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên này, đến giờ khất thực, Đức-Phật hóa ra *Nimmitabuddha* (Đức-Phật hóa), rồi phát nguyện rằng:

“Đức-Phật hóa này tiếp tục ngồi thuyết phân pháp này cho đến khi Như-lai trở về.”

Khi ấy, Đức-Phật thật hiện xuống rừng núi Himavanta, rửa mặt tại hồ Anotatta xong, rồi bay đến *Uttarakurudīpa* (Bắc-cưu-lưu-châu) nằm ở phía Bắc núi Sineru, để đi khất thực.

Đức-Phật đem vật thực ngự trở về rừng trầm, gần hồ Anotatta ven khu rừng Himavanta, ngồi độ vật thực. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão *Sāriputta* đến hầu phục vụ Đức-Phật.

Sau khi thọ thực xong, Đức-Phật thuyết giảng tóm lược lại các pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, rồi truyền dạy Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

- *Này Sāriputta! Hôm nay Như-lai đã thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp Pāli, bộ thứ nhất phần đầu các pháp như vậy, khi trở về con nên khai triển dạy lại nhóm 500 đệ-tử của con.*

Nhóm 500 đệ-tử này vốn là những người cận-sự-nam (*upāsaka*) cùng nhau đến xem Đức-Phật biểu diễn phép thân-thông *yamakapāṭihāriya*, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, cùng dẫn nhau đến xuất gia trở thành tỳ-khưu nơi Ngài Đại-Trưởng-lão *Sāriputta*.

Sau khi truyền dạy Ngài Đại-Trưởng-lão như vậy, Đức-Phật ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên thay thế

Đức-Phật Nimmitabuddha, rồi tiếp tục thuyết giảng các pháp tiếp theo.

Vâng theo lời dạy của Đức-Phật, mỗi ngày sau khi trở về, Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* truyền dạy lại khai triển đầy đủ các pháp ấy đến nhóm 500 đệ-tử.

Cho nên, mãi mùa hạ suốt 3 tháng mùa mưa ấy, *nhóm 500 đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* thông thuộc, thấu suốt ***Abhidhammapīṭakapāli***: *Tạng Vi-diệu-pháp Pāli* gồm có 7 bộ lớn trước tiên trong cõi người.

* **Tiền-kiếp của nhóm 500 vị tỳ-khuru**

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, *tiền-kiếp của nhóm 500 tỳ-khuru này là 500 con dơi đeo trong một cái động*.

Mỗi ngày, 2 Ngài *Trưởng-lão* vừa đi kinh hành ở trong động vừa tụng ôn ***Abhidhammapīṭakapāli***: *Tạng Vi-diệu-pháp Pāli* gồm có 7 bộ lớn. Khi ấy, ***nhóm 500 con dơi*** đeo trong động *cung-kính lắng nghe âm thanh Pāli* từ 2 Ngài *Trưởng-lão* đang tụng ôn ***Abhidhammapīṭakapāli***: *Tạng Vi-diệu-pháp Pāli*. ***Nhóm 500 con dơi*** không hiểu biết rằng:

“*Kusalā dhammā (các thiện-pháp), akusalā dhammā (các bất-thiện-pháp), abyākatā dhammā (các pháp không thiện không bất-thiện), khandha (ngũ-uẩn), āyatana (12 xứ), dhātu (18 tự-tánh), sacca (tứ-đế), v.v...*” mà chỉ *cung-kính lắng nghe âm thanh Pāli* mà thôi.

Sau khi *nhóm 500 con dơi ấy* chết, *đại-thiện-nghiệp cung-kính lắng nghe âm thanh Pāli ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa sinh làm *500 vị thiên-nam* trên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy suốt thời gian từ thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, *500 vị thiên-nam cùng chuyển kiếp (cuti: chết)* từ cõi trời dục-giới, *đại-thiện-*

ngiệp ấy trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** hợp với trí-tuệ gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai làm **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) trong kinh-thành Sāvattthī.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *người tam-nhân* đều trở thành những cận-sự-nam (*upāsaka*) trong kinh-thành Sāvattthī.

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, Đức-Phật Gotama biểu diễn phép-thần-thông *yamakapāṭihāriya* tại cây xoài gần kinh-thành Sāvattthī, nhóm 500 người cận-sự-nam (*upāsaka*) ấy cùng nhau đến xem Đức-Phật biểu diễn phép-thần-thông *yamakapāṭihāriya*, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Sau khi biểu diễn phép thần-thông *yamakapāṭihāriya* xong, Đức-Phật ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên nhập hạ thứ 7, thuyết giảng *Abhidhammapiṭakapāli: Tạng Vi-diệu-pháp Pāli*.

Nhóm 500 người cận-sự-nam cùng dẫn nhau đến hầu đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, xin xuất gia trở thành 500 vị tỳ-khưu là đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Mỗi ngày, Đức-Phật ngự đi khất thực ở Bắc-cưu-lưu-châu, đem vật thực ngự trở về rừng tràm, gần hồ Anotatta ven khu rừng Himavanta, ngồi độ vật thực. Mỗi ngày, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đến hầu phục vụ Đức-Phật. Sau khi thọ thực xong, Đức-Phật thuyết giảng tóm lược theo cách *saṅkhepa* các pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng ngày hôm ấy cho Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, rồi truyền dạy Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trở về dạy nhóm 500 đệ-tử bằng cách khai triển đầy đủ các pháp ấy.

Cho nên, nhóm 500 đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thông thuộc, thấu suốt **Abhidhammaṭṭakapāli**: Tạng Vi-diệu-pháp Pāli gồm có 7 bộ trước mọi tỳ-khuru trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, tại cõi người.

Đức-Phật Gotama thuyết giảng xong trọn bộ **Abhidhammaṭṭakapāli**: Tạng Vi-diệu-pháp Pāli gồm có 7 bộ lớn tại cung trời Tam-thập-tam-thiên (suốt 3 tháng mùa mưa tại cõi người). **Phật-mẫu** (kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita) chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, cùng với **800 tỷ chư-thiên**, chư phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh-nhân** thấp hoặc cao tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị chư-thiên, chư phạm-thiên.

Đức-Phật Gotama trở về cõi người

Đức-Phật Gotama ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên nhập hạ thứ 7 suốt 3 tháng mùa mưa, các hàng tứ chúng tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ là nhóm thanh-văn đệ-tử đông đảo ngày đêm trông mong đến hầu đánh lễ Đức-Phật, nghe pháp. Các hàng tứ chúng đã kể tháng, đếm ngày thì chỉ còn 7 ngày nữa sẽ đến ngày rằm tháng 9 âm lịch là ngày *đại-lễ mahāpavarāṇā của chư tỳ-khuru-Tăng*, sáng ngày 16 tháng 9 là ngày mãn 3 tháng hạ mùa mưa, nên tất cả tứ chúng muốn biết Đức-Phật sẽ ngự trở về cõi người vào ngày nào, tại nơi nào, để chờ đón Đức-Phật.

Tứ chúng đến hầu đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, cầu xin Ngài Đại-Trưởng-lão bay lên

cung trời Tam-thập-tam-thiên, đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch hỏi Đức-Phật vào ngày nào sẽ ngự trở về cõi người và tại nơi nào, để cho tứ chúng thanh-văn đệ-tử chờ đón rước Đức-Phật.

Nghe lời cầu xin của tứ chúng như vậy, Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahāmoggallāna nhận lời, nên Ngài Đại-Trưởng-lão bay lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tứ chúng thanh-văn đệ-tử trông mong đánh lễ Đức-Thế-Tôn và nghe pháp, rồi mới trở về chỗ ở của mình. Đức-Thế-Tôn sẽ ngự trở về cõi người vào ngày nào? Bạch Ngài. Và Đức-Thế-Tôn sẽ ngự xuống cõi người tại nơi nào? Bạch Ngài.

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão bạch hỏi như vậy, Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- Này Moggallāna! Sāriputta là sư huynh của con nhập hạ tại nơi nào vậy con?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Sư huynh Sāriputta nhập hạ trong kinh-thành Saṅkassa. Bạch Ngài.

- Này Moggallāna! Kể từ hôm nay, còn 7 ngày nữa vào ngày rằm tháng 9, ngày đại-lễ mahāpavaraṇā của chư tỳ-khuru-Tăng, Như-lai sẽ ngự trở về cõi người tại cửa kinh-thành Saṅkassa, các hàng tứ chúng tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên chờ đón rước Như-lai tại nơi cửa kinh-thành ấy.

- Này Moggallāna! Con khuyên các cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên thọ-trì bát-giới uposathasīla trong ngày hôm ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna trở về cõi người báo cho các hàng tứ chúng biết rõ ngày và nơi ngự xuống của Đức-Phật.

Đức-Phật mở trống trái toàn cõi-giới

Đức-Phật truyền bảo với vua-trời Sakka rằng:

- *Này vua-trời Sakka! Nhập hạ suốt 3 tháng xong rồi, Như-lai sẽ ngự trở về cõi người.*

Nghe Đức-Phật truyền bảo như vậy, vua-trời Sakka hóa ra 3 cái thang 3 loại:

Một cầu thang bằng vàng, một cầu thang bằng ngọc mani, một cầu thang bằng bạc, chân cầu thang đặt tại cửa kinh-thành Saṅkassa, đầu cầu thang đặt trên đỉnh núi Sineru.

* Cầu thang bằng vàng nằm bên phải dành cho chư-thiên 6 cõi trời dục-giới.

* Cầu thang bằng bạc nằm bên trái dành cho chư-phạm-thiên các cõi trời sắc-giới.

* *Cầu thang bằng ngọc mani* nằm giữa kính thỉnh **Đức-Phật** ngự từ cung trời Tam-thập-tam-thiên xuống cõi người. Khi đứng trên đỉnh núi Sineru, *Đức-Phật hóa phép-thần-thông yamakapāṭihāriya* trong khi đang ngự đi từ cõi trời xuống cõi người.

* *Đức-Phật* khi nhìn lên phía trên thấu đến tầng trời sắc-giới tột đỉnh như một mặt bằng (ekaṅgana), khi nhìn xuống phía dưới thấu đến tận cõi đại-địa-ngục Avīci như một mặt bằng, khi nhìn ngang 8 hướng: hướng Đông, hướng Đông-nam, hướng Nam, hướng Tây-nam, hướng Tây, hướng Tây-bắc, hướng Bắc, hướng Đông-bắc như một mặt bằng, khi nhìn 100 ngàn cõi-giới chúng-sinh (cakkavāḷa) như một mặt bằng. Cho nên, chư-thiên, phạm-thiên nhìn thấy loài người, loài người cũng nhìn thấy chư-thiên, phạm-thiên, tất cả mọi chúng-sinh cũng đều nhìn thấy lẫn nhau như thấy nhau trước mặt.

Đức-Phật cho tỏa hào quang 6 màu tỏa rộng ra khắp

chu vi 36 do-tuần bao trùm loài người. Trong ngày hôm ấy, mỗi người đều nhìn thấy kim thân của Đức-Phật có oai lực phi thường, nên có người phát nguyện muốn trở thành một **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác**.

* Đoàn chư-thiên các tầng trời dục-giới theo tiền đưa Đức-Phật theo cầu thang bằng vàng, phía bên phải của Đức-Phật.

* Đoàn chư phạm-thiên các tầng trời sắc-giới phạm-thiên theo tiền đưa Đức-Phật theo cầu thang bằng bạc, phía bên trái của Đức-Phật.

* *Đức-Phật* ngự đi cầu thang bằng ngọc mañi ở giữa, bên phải có vị thiên-nam Pañcasikha đánh đàn cúng-dường Đức-Phật, bên trái có vị thiên-nam Mātali cúng-dường nước hoa thơm cõi trời, Đại-phạm-thiên cầm chiếc lọng che, Đức-Thiên-vương Suyāma cầm chiếc quạt.

Đức-Phật ngự từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên xuống cõi người có các đoàn chư-thiên, chư phạm-thiên tiền đưa, *Đức-Phật* dừng lại tại cửa kinh-thành Sankassa.

Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu cung-kính đảnh lễ *Đức-Phật* với đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ, bởi vì, Ngài chưa từng thấy Đức-Phật mở trống trái toàn cõi-giới chúng-sinh. Nên chư-thiên, phạm-thiên nhìn thấy loài người, và loài người cũng nhìn thấy chư-thiên, chư phạm-thiên, tất cả chúng-sinh nhìn thấy lẫn nhau vô cùng hoan-hỷ. Cho nên, chư-thiên, chư phạm-thiên, nhân loại kính yêu Đức-Phật biết dường nào!

Khi ấy, *Đức-Phật* thuyết-pháp tế độ tứ chúng thanh-văn đệ-tử. Sau khi lắng nghe *Đức-Phật* thuyết-pháp, chư tỳ-khuru, chư tỳ-khuru-ni, các cận-sự-nam, các cận-sự-nữ phát sinh đức-tin vô cùng hoan-hỷ theo lời giáo huấn của *Đức-Thế-Tôn*, **nhóm 500 tỳ-khuru** đệ-tử của Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đều chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-

đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, cùng với **300 triệu chúng-sinh khác** cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh-nhân thấp hoặc cao* tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: *tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh.

Nhận xét về 2 vị thiên-nam *Aṅkura* và *Indaka*

* Tiền-kiếp của vị *thiên-nam Aṅkura* ở cõi người đã từng làm trại phước-thiện bồ-thí trong quãng đường dài 12 do-tuần suốt thời gian 10 ngàn năm, đến nhiều hạng người không phải là *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo*.

* Tiền-kiếp của vị *thiên-nam Indaka* ở cõi người tạo phước-thiện bồ-thí cung-kính cúng-dường chỉ có **một vá com** đến Ngài Trưởng-lão *Anuruddha* mà thôi.

Khi Đức-Phật *Gotama* thuyết *Abhidhammapiṭakapāli*: *Tạng Vi-diệu-pháp Pāli* tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, ban đầu vị *thiên-nam Indaka* ngồi bên phải của Đức-Phật, còn vị *thiên-nam Aṅkura* ngồi bên trái của Đức-Phật.

Dù có các vị *thiên-nam*, các vị *phạm-thiên* có nhiều năng lực của phước-thiện hiện đến, vị *thiên-nam Indaka* vẫn ngồi yên chỗ cũ, không lùi lại đằng sau, bởi vì vị *thiên-nam Indaka* có nhiều năng lực phước-thiện hơn các vị ấy. Còn vị *thiên-nam Aṅkura* phải lùi lại đằng sau, nhường chỗ cho các vị *thiên-nam*, các vị *phạm-thiên* có nhiều năng lực phước-thiện khác, cách xa đến 12 do-tuần, bởi vì vị *thiên-nam Aṅkura* kém năng lực phước-thiện hơn các vị ấy.

Tuy tiền-kiếp của *vị thiên-nam Añkura* đã tạo phước-thiện bố-thí trên quãng đường dài 12 do-tuần, suốt thời gian 10 ngàn năm đến nhiều hạng người, nhưng không phải là ***bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo***.

Còn tiền-kiếp của *vị thiên-nam Indaka* đã tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng-dường đến ***bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo***, dù chỉ có *một vá cơm* đến Ngài *Trưởng-lão Anuruddha* là *bậc Thánh A-ra-hán*, quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng-dường ấy vẫn có nhiều năng lực hơn quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí mà tiền-kiếp của *vị thiên-nam Añkura* đã tạo.

Vị thiên-nam Indaka dẫn chứng thí dụ:

Người nông dân không biết thời tiết thuận lợi, gieo nhiều hạt giống trong thửa ruộng cằn cỗi, sẽ thu hoạch quả không được nhiều, không làm cho người nông dân vui mừng hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ không hiểu biết tạo phước-thiện bố-thí nhiều vật-thí đến nhiều người không có giới-đức, không có thiện-pháp cao thượng, nên có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí không nhiều, không làm cho thí-chủ vui mừng hoan-hỷ, cũng như thế ấy.

Người nông dân giỏi hiểu biết thời tiết thuận lợi, gieo dù ít hạt giống trong thửa ruộng màu mỡ, sẽ thu hoạch quả được rất nhiều, nên làm cho người nông dân vui mừng hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến những bậc có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp cao thượng, là bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo, dù vật-thí ít cũng có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng-dường rất nhiều, nên làm cho thí-chủ vui mừng hoan-hỷ, cũng như thế ấy.

Tích bà-la-môn Velāma tạo phước-thiện bồ-thí

Trong kinh Velāmasutta ⁽¹⁾, Đức-Phật thuyết giảng về Bà-la-môn Velāma tạo phước-thiện bồ-thí trong thời kỳ ngoài Phật-giáo và các thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường các thứ vật dụng trong Phật-giáo có phước-thiện bồ-thí và quả báu của phước-thiện bồ-thí khác biệt nhau được trích ra một đoạn như sau:

- *Này phú hộ Anāthapiṇḍika! Chuyện đã từng xảy ra, có Bà-la-môn Velāma tạo phước-thiện đại-thí như sau:*

Bồ-thí 84.000 mâm vàng đầy bạc (rūpiya).

Bồ-thí 84.000 mâm bạc đầy vàng.

Bồ-thí 84.000 mâm đồng đầy bạc.

Bồ-thí 84.000 con voi gồm đầy đủ đồ trang sức quý giá.

Bồ-thí 84.000 đồ trải bằng da sư tử, da cạp.

Bồ-thí 84.000 con bò sữa cùng với đồ đựng sữa.

Bồ-thí 84.000 cô gái trẻ đẹp cùng với đồ trang sức ngọc maṇi ...

Bồ-thí 84.000 chiếc ghế ngồi có trang trí đồ quý giá.

Bồ-thí 84.000 x 10.000.000 vải đủ loại đặc biệt.

Ngoài ra, bồ-thí đồ ăn, đồ uống, ... không sao kể xiết. Vị Bà-la-môn Velāma ấy chính là tiền-kiếp của Như-Lai đã tạo phước-thiện đại-thí vào thời-kỳ không có bậc xứng đáng cúng-dường (thời-kỳ không có Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng).

- *Này ông phú hộ! Thí-chủ nào tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 1 bậc Thánh Nhập-lưu có chánh-kiến đầy đủ thì thí-chủ ấy có phước-thiện bồ-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn là phước-thiện bồ-thí của vị bà-la-môn Velāma đã tạo trong thời-kỳ ấy.*

- *Thí-chủ nào tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường các*

¹ Bộ Aṅguttaranikāya, Navakanipāta, kinh Velāmasutta.

thứ vật dụng đến 100 bậc Thánh Nhập-lưu thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 1 bậc Thánh Nhập-lưu.

- Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 1 bậc Thánh Nhất-lai thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 100 bậc Thánh Nhập-lưu.

- Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 100 bậc Thánh Nhất-lai thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn là phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 1 bậc Thánh Nhất-lai.

- Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 1 bậc Thánh Bất-lai thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 100 bậc Thánh Nhất-lai.

- Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 100 bậc Thánh Bất-lai thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn là phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 1 bậc Thánh Bất-lai.

- Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 1 bậc Thánh A-ra-hán thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 100 bậc Thánh Bất-lai.

- Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 100 bậc Thánh A-ra-hán thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 1 bậc Thánh A-ra-hán.

- Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 1 Đức-Phật Đốc-Giác thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 100 bậc Thánh A-ra-hán.

- *Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 100 Đức-Phật Độc-Giác thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn là phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 1 Đức-Phật Độc-Giác.*

- *Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến 1 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn là phước-thiện bố-thí cúng-dường đến 100 Đức-Phật Độc-Giác.*

- *Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chủ trì thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn là phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

- *Thí-chủ nào xây cất ngôi chùa, rồi làm lễ bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương thì thí chủ ấy có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn là phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chủ trì.*

- *Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, kính xin **thọ phép quy-y Tam-bảo**: quy y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo, trở thành cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo đến trọn đời, thì người ấy có phước-thiện quy y Tam-bảo nhiều, có quả báu nhiều hơn là phước-thiện bố-thí cúng-dường ngôi chùa đến chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương.*

- *Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, kính xin **thọ phép quy-y Tam-bảo** và **thọ trì ngũ-giới**: tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi, thì người ấy có phước-thiện*

quy y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới nhiều, có quả báu nhiều hơn người quy-y Tam-bảo cho đến trọn đời.

- Hành-giả nào thực-hành **pháp-hành thiên-định niệm rảnh tâm-từ vô lượng** đến tất cả chúng-sinh muôn loài trong thời gian ngửi mùi thơm, thì hành-giả ấy có phước-thiện hành-thiền nhiều, có quả báu hành-thiền nhiều hơn người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

- Hành-giả nào thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 **trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp trong thời gian búng đầu ngón tay thì hành-giả ấy có phước-thiện hành-thiền nhiều, có quả báu hành-thiền nhiều hơn hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định niệm rảnh tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài.

Qua đoạn kinh trên, để nhận thức thấy rõ sự khác biệt phước-thiện bố-thí, quả báu của phước-thiện bố-thí ngoài Phật-giáo và phước-thiện bố-thí cúng-dường, quả báu của phước-thiện bố-thí cúng-dường trong Phật-giáo.

Dù trong Phật-giáo, thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí các thứ vật dụng đến hạng người có giới-hạnh trong sạch cũng có phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến hạng người không có giới-hạnh trong sạch.

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng đến Thánh-nhân bậc cao thì có phước-thiện bố-thí cúng-dường nhiều, có quả báu nhiều hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Thánh-nhân bậc thấp.

Dù phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng trong Phật-giáo nhiều như thế nào cũng không bằng hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-định niệm rảnh tâm-từ vô-lượng** đến tất cả chúng-sinh muôn loài.

Dù phước-thiện pháp-hành thiên-định trong Phật-giáo nhiều như thế nào cũng không bằng hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** có *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, bởi vì chỉ có *pháp-hành thiên-tuệ* này mới dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-nã, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới mà thôi.*

Vua-trời Sakka tạo phước-thiện bồ-thí

Vua-trời Sakka trị vì cõi trời Tam-thập-tam-thiên, *tiền-kiếp của vua-trời Sakka* đã từng làm những phước-thiện trong thời-kỳ không có **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** xuất hiện trên thế gian, nên *vua-trời Sakka cảm thấy tủi phận nghèo của mình*, mỗi khi gặp những vị *thiên-nam* mà *tiền-kiếp* đã tạo phước-thiện trong thời-kỳ **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, những vị *thiên-nam* ấy có hào-quang sáng chói làm lấn át hào quang của *vua-trời Sakka*. Cho nên, *vua-trời Sakka* tìm cơ hội tốt tạo phước-thiện bồ-thí đến *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Vua-trời Sakka suy xét biết rõ **Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa** chỉ tế độ những người nghèo khổ mà thôi, nên *vua-trời Sakka* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā* từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống cõi người, hóa ra thành **2 ông bà già nghèo khổ đáng thương** chờ đợi tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường vật thực đến **Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa** sau khi *xả diệt-thọ-tướng (nirodhasamāpatti)*, đi khát thực tế độ người nghèo khổ để có được phước-thiện bồ-thí nhiều, có quả báu cao quý ngay trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* *Tích Mahākassapatherapiṇḍapātadinnavatthu* ⁽¹⁾
 được tóm lược như sau:

Một thửa nợ Đức-Thế-Tôn nự tại ngôi chùa Veluvana đề cập sự cúng-dường vật thực đến Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa có giới-đức trong sạch và có pháp cao thượng.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa nhập diệt-thọ-tướng suốt 7 ngày đêm xong, sáng hôm ấy, Ngài Đại-trưởng-lão đi khát thực chỉ tế độ người nghèo khổ mà thôi.

Vua-trời Sakka theo dõi biết Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đã xả diệt-thọ-tướng. Buổi sáng hôm ấy, Ngài đi khát thực trên đường đi vào xóm nhà.

Vua-trời Sakka gọi Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống cõi người, vua-trời Sakka hóa ra thành ông già và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā hóa ra thành bà già, như 2 ông bà già nghèo khổ thật là đáng thương làm nghề thợ dệt sống trong một căn chòi lá bên đường mà Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa sẽ đi khát thực ngang qua.

Hai ông bà già đã chuẩn bị vật thực sẵn sàng, ông già (Đức-vua trời Sakka) đang trông chờ Ngài Đại-Trưởng-lão đi ngang qua.

Ngài Đại-Trưởng-lão vừa đi đến căn chòi lá, nhìn thấy 2 ông bà già, nên nghĩ rằng:

“Hai ông bà già yếu này đã lớn tuổi mà còn phải làm việc, thật là đáng thương quá! Bản tăng nên tế độ 2 ông bà già này”, nên Ngài Đại-Trưởng-lão đứng trước chòi lá.

Khi nhìn thấy Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa, ông già liền đến đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi bạch rằng:

¹Dha. Aṭṭha, Puppavagga, Mahākassapatherapiṇḍapātadinnavatthu.

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm bi tế độ hai vợ chồng già chúng con.*

Ông già kính xin nhận cái bát của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.

Ngài Đại-Trưởng-lão nghĩ rằng:

Lão Tăng nên tế độ hai vợ chồng già đáng thương này.

Ngài Đại-Trưởng-lão trao cái bát cho ông già. Ông già vô cùng hoan-hỷ nhận cái bát của Ngài Đại-Trưởng-lão rồi cung-kính thỉnh vào chồi lá, ông già và bà già (Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā) cùng nhau để các món ăn ngon vào trong bát, rồi đậy kín nắp lại, hai ông bà già cung-kính cúng-dường lên Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.

Khi Ngài Đại-Trưởng-lão vừa nhận cái bát, mùi thơm của các món ăn tỏa ra khắp kinh-thành Rājagaha.

Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa biết ngay hai ông bà già này chính là vua-trời Sakka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā, nên Ngài Đại-Trưởng-lão quả trách rằng:

- Này vua-trời Sakka! Vua-trời đã giành phước-thiện bố-thí của người nghèo khổ rồi!

Vua-trời Sakka bạch sự thật

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, chúng con cũng là người nghèo. Bạch Ngài.

- Này vua-trời Sakka! Vua-trời là Vị cao cả trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, hưởng mọi an-lạc cao quý trên cõi trời. Vậy, do nguyên-nhân nào mà tự xưng mình là người nghèo?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, sự thật con là Vua-trời Sakka cao cả trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, nhưng do tiền-kiếp của con đã làm mọi phước-thiện trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác

xuất hiện trên thế gian, nên quả báu của phước-thiện của con nghèo nàn thấp hèn so với các vị thiên-nam mà tiền-kiếp của họ đã làm các phước-thiện trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

Thật vậy, tiền-kiếp của các vị thiên-nam ấy đã làm các phước-thiện trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, sau khi họ chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, có hào quang sáng chói làm lấn át hào quang của con, có oai lực nhiều hơn con.

Vậy, con cũng là người nghèo nàn hơn các vị thiên-nam ấy. Bạch Ngài.

- Này Vua-trời Sakka! Mặc dù có như vậy, kể từ nay về sau, vua-trời cũng không nên lờn tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến lão tăng nữa!

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu con lờn tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão thì con có được phước-thiện bố-thí cúng-dường hay không? Bạch Ngài.

- Này vua-trời Sakka! Dĩ nhiên là có phước-thiện bố-thí cúng-dường đối với vua-trời.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu như vậy thì việc tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường cũng nên đối với chúng con. Bạch Ngài.

Sau khi bạch như vậy, vua-trời Sakka cung-kính đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa, rồi dẫn Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā bay lên hư không, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ tán dương ca tụng 3 lần rằng:

“Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitam!
Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitam!
Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitam!

Ô! Phước-thiện bồ-thí cúng-dường là sự cúng-dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.

Ô! Phước-thiện bồ-thí cúng-dường là sự cúng-dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.

Ô! Phước-thiện bồ-thí cúng-dường là sự cúng-dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.

Vua-trời Sakka hồi cung trở về cõi trời Tam-thập tam-thiên có hào quang sáng chói tỏa khắp, có nhiều oai lực phi thường trong cung trời Tam-thập tam-thiên.

Chư-thiên thấy 5 hiện-tượng báo trước sự chết

Tất cả chư-thiên trong cõi trời dục-giới, vị thiên-nam nào hoặc vị thiên-nữ nào mỗi khi thấy **5 hiện-tượng báo trước** (*pañcapubbanimitta*)⁽¹⁾ sắp hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy, phải chuyên kiếp (*cuti*: chết), rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác, tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy.

Pañcapubbanimitta: 5 hiện-tượng báo trước

1- *Mālā milāyanti*: Các vòng hoa bị héo xài.

2- *Vatthāni kilissanti*: Các bộ y phục bị dơ bẩn.

3- *Kacchehi sedā muccanti*: Mồ hôi ra hai bên nách.

4- *Kāye dubbañṇiyaṃ okkamati*: Sắc thân trở nên xấu.

5- *Sake devo devāsane nābhiramati*: Chư-thiên không hài lòng với cõi trời của mình nữa.

Sau khi thấy 5 hiện-tượng báo trước như vậy:

- Nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào biết mình có nhiều phước-thiện, có đại-thiện-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh trở lại cõi trời ấy hoặc cõi trời cao

¹ Khu. Bộ Itivuttaka Pāli, Pañcapubbanimittasuttapāli.

hơn thì vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy vẫn có vẻ tự nhiên, không có chút sợ hãi nào cả.

- Nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào biết mình có ít phước-thiện, ác-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh*), thì cảm thấy kinh sợ nhiều.

Vua-trời Sakka thấy 5 hiện-tượng báo trước

Vua-trời Sakka được an hưởng mọi sự an-lạc đặc biệt trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, không còn thua kém vị thiên-nam nào, nên cảm thấy rất hài lòng với ngôi vị vua-trời của mình.

Về sau, *vua-trời Sakka* thấy **5 hiện-tượng báo trước** (*pañcapubbanimitta*) sắp hết tuổi thọ tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Khi ấy, vua-trời Sakka xem xét về sự nghiệp của mình như là:

- *Cung điện 10.000 do-tuần.*
- *Lâu-đài cao 1.000 do-tuần.*
- *Hội-trường Sudhammasabhā rộng 100 do-tuần.*
- *Cây Mahāparicchatta cao 100 do-tuần.*
- *Tảng đá Paṇḍukambala rộng 60 do-tuần.*
- *Vũ-nữ có 250 triệu cô.*
- *Chư-thiên thuộc hạ gồm có 2 cõi trời.*
- *Khu vườn Nandana, Cittalatā, Missaka, Pārusaka,...*

Vua-trời Sakka phát sinh nỗi khổ tâm sâu não, bởi vì không còn sở hữu những sự nghiệp để vương lớn lao này được nữa.⁽¹⁾

Vua-trời Sakka suy xét chỉ có Đức-Phật Gotama có tâm đại bi tế độ chắc chắn sẽ dập tắt được nỗi khổ tâm này mà thôi.

¹ Cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ 1.000 năm tuổi trời bằng 36 triệu năm tại cõi người, bởi vì 1 ngày 1 đêm cõi trời này bằng 100 năm cõi người.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* hiện đang ngự tại **động Indasāla** nằm ở khoảng giữa núi Vedyaka với phía bắc của xóm nhà Bà-la-môn tên Ambasaṇḍa, thuộc về hướng Đông kinh-thành Rājagaha, của đất nước Magadha.

* *Vua-trời Sakka* cho truyền gọi vị *thiên-nam Pañcasikha* cùng với nhóm chư-thiên đông đảo xuất hiện xuống núi Vedyaka, ngự đến **động Indasāla**, đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi 14 câu hỏi.

Vua-trời Sakka bạch hỏi 14 câu hỏi

Trong *Sakkapañhasutta* ⁽¹⁾ là bài kinh dài trong *Trường-bộ-kinh*, quyển sách này chỉ đề cập đến tích vua-trời Sakka tạo phước-thiện bố-thí và phước-thiện nghe-pháp mà thôi.

Vua-trời Sakka có được cơ hội đến hầu cung-kính đánh lễ Đức-Phật, rồi xin phép kính bạch hỏi 14 câu hỏi có tiêu đề như sau:

- 1- *Issāmacchariya*: Tính ganh tỵ và tính keo kiệt.
- 2- *Piyāpiya*: Đối-tượng làm cho thích, không thích.
- 3- *Chanda*: Hài lòng.
- 4- *Vitakka*: Hướng tâm.
- 5- *Papañcadhamma*: Pháp trì-hoãn.
- 6- *Somanassa*: Thọ hỷ.
- 7- *Domanassa*: Thọ khổ.
- 8- *Upekkhā*: Thọ xả.
- 9- *Kāyasamācāra*: Thân hành động.
- 10- *Vacīsamācāra*: Khẩu nói năng.
- 11- *Pariyesanā*: Sự tìm kiếm.
- 12- *Indriyaṣaṃvara*: Giữ gìn 6 xứ trong, 6 xứ ngoài.
- 13- *Anekadhātu*: Vô số tự-tánh.
- 14- *Accantaniṭṭhā*: Niết-bàn.

¹ Bộ Dī, Mahāvaggapāli, kinh Sakkapañhasutta và Aṭṭhakathā.

Nghe *Đức-Thế-Tôn* giải đáp đến *câu hỏi thứ 5 Papanācādhama*: pháp-trì-hoãn đó là *taṇhā*: tham-ái, *māna*: ngã-mạn, *diṭṭhi*: tà-kiến. Khi ấy, vua-trời *Sakka* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến* (*diṭṭhi*) và *hoài-nghi* (*vicikicchā*) trở thành bậc **Thánh Nhập-lưu** (*Sotāpanna*). Ngay khi ấy, vua-trời *Sakka* chuyển kiếp (*cuti*) (chết), rồi *đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm* hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** hợp với trí-tuệ gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vua-trời *Sakka* trở lại tại nơi ấy, chỉ có vua-trời *Sakka* và *Đức-Phật* biết mà thôi. Còn tất cả chư-thiên khác đều không có vị nào biết cả.

Vua-trời Sakka tiếp tục bạch hỏi những câu hỏi còn lại, *Đức-Thế-Tôn* giải đáp đầy đủ 14 câu hỏi của vua-trời *Sakka*.

Cho nên, bài kinh này gọi là *Sakkapañhasutta*: *Kinh câu hỏi của vua-trời Sakka*.

Vua-trời Sakka và các hậu kiếp

Vua-trời Sakka mới là **bậc Thánh Nhập-lưu** hồi cung ngự trở về cung trời Tam-thập-tam-thiên cho đến hết tuổi thọ tại cõi trời ấy, chuyển kiếp (chết), *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng Bà Chánh-cung Hoàng-hậu.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *Thái-tử* (*bậc Thánh Nhập-lưu*) rồi trở thành **Đức-vua** trong cõi người. Khi hết tuổi thọ ở cõi người (chết), rồi *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vua-trời Sakka** trở lại trên cung trời Tam-thập-tam-thiên.

Như vậy, Đức-vua tử sinh luân-hồi trong cõi thiện-dục-giới là cõi người và cõi trời dục-giới.

Kiếp Đức-vua trở thành **bậc Thánh Nhất-lai** tại cõi người, đến khi hết tuổi thọ cõi người (chết), **đại-thiện-nghiệp** cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vua-trời Sakka** trở lại trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**, rồi chuyển kiếp (chết), **đệ-ngũ-thiền sắc-giới thiện-nghiệp** trong **đệ-ngũ-thiền sắc-giới thiện-tâm** cho quả **trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)** có **đệ-ngũ-thiền sắc-giới quả-tâm** tương xứng gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)** làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị **phạm-thiên** trên **tầng trời sắc-giới phạm-thiên Suddhavāsa (Tịnh-cư-thiên)** dành cho **bậc Thánh Bất-lai** có 5 tầng trời theo tuần tự như sau:

1- Avihā: Tầng trời Vô-phiền-thiên có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất.

2- Atappā: Tầng trời Vô-nhiệt-thiên có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp trái đất.

3- Sudassā: Tầng trời Thiện-hiện-thiên có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp trái đất.

4- Sudassī: Tầng trời Thiện-kiến-thiên có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp trái đất.

5- Akaniṭṭhā: Tầng trời Sắc-cứu-cánh-thiên có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất.

Như vậy, **vua-trời Sakka** đã phát nguyện hưởng an-lạc theo tuần tự trên 5 tầng trời sắc-giới phạm-thiên **Tịnh-cư-thiên (Suddhavāsa)** từ tầng trời **Avihā: Vô-phiền-thiên** cho đến tầng trời **Akaniṭṭhā: Sắc-cứu-cánh-thiên**, suốt 5 tầng trời sắc-giới phạm-thiên gồm có 31.000 đại-kiếp trái đất, rồi sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** tại **tầng trời Akaniṭṭhā: Sắc-cứu-cánh-thiên**, mới tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vua-trời Sakka là bậc Thánh Nhập-lưu giống như ông phú hộ Anāthapiṇḍika và bà Visākā mahā-upāsikā đều phát nguyện giống nhau như vậy, nên gọi là **vaṭṭābhiratā sotāpannā**: những bậc Thánh Nhập-lưu thích từ sinh luân-hôi hưởng sự an-lạc trong các tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

Nhận xét về phước-thiện bố-thí

Phước-thiện bố-thí được thành-tựu cần phải hội đủ 3 chi-pháp:

1- **Thí-chủ** có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí đầy đủ trong 3 thời-kỳ tác-ý:

- Pubbacetanā: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.

- Muñcacetanā: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch khi đang tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.

- Aparacetanā: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã làm xong phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.

2- **Vật-thí** dù ít dù nhiều phát sinh một cách hợp pháp do thân, khẩu, ý hành thiện.

3- **Người thọ-thí** nhận vật-thí của thí-chủ là người có giới-đức trong sạch, có pháp cao thượng.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí hội đủ 3 chi-pháp này thì phước-thiện bố-thí được thành tựu, thí-chủ đã tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy vô cùng phong phú trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm nhân-duyên hỗ-trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật sớm được đầy đủ trọn vẹn, mọi thiện-pháp được dễ dàng phát triển từ dục-

giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến **siêu-tam-giới thiện-pháp**.

Như vậy, trong 3 chi-pháp này, chi-pháp **thí-chủ** có đầy đủ 3 thời-kỳ tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch và chi-pháp **người thọ-thí** là người có giới-đức trong sạch, có pháp cao thượng, nhất là bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo là chính yếu.

Còn chi-pháp **vật-thí dù ít dù nhiều** có được do thân hành các điều thiện, do khẩu nói các điều thiện, do ý nghĩ các điều thiện trong sạch, dù thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí **một lần hoặc nhiều lần** vẫn tạo được đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán* trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Phước-thiện bố-thí cho quả liền kiếp hiện-tại

Tích Mahāduggata người nghèo khó là tiền-kiếp của vị *sa-di Paṇḍita* tạo phước-thiện bố-thí cho quả liền kiếp hiện-tại trong tích *Paṇḍitasāmaṇeravatthu* ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Vào thời kỳ *Đức-Phật Kassapa* ⁽²⁾ xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật ngự đi đến kinh-thành Bārāṇasī cùng với 20 ngàn chư tỳ-khưu-Tăng.

Một hôm, sau khi Đức-Phật cùng với chư tỳ-khưu-Tăng độ vật thực xong, Đức-Phật thuyết pháp dạy các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ rằng:

- *Này các gia chủ! trong đời này:*

¹ Dh. Aṭṭhakathā, Paṇḍitavagga, Paṇḍitasāmaṇeravatthu.

² Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 20.000 năm.

** Có số người nào tự mình làm phước-thiện bố-thí, mà không tác động khuyến khích người khác cùng làm phước-thiện bố-thí, số người ấy sinh ra ở nơi nào cũng có nhiều của cải giàu sang phú quý nhưng không có bạn bè, thuộc hạ thân thiết.*

** Có số người nào tác động khuyến khích người khác làm phước-thiện bố-thí, còn mình thì không chịu đem của cải làm phước-thiện bố-thí, số người ấy sinh ra ở nơi nào cũng có nhiều bạn bè, thuộc hạ thân thiết, nhưng không có nhiều của cải.*

** Có số người nào tự mình không làm phước-thiện bố-thí, cũng không tác động khuyến khích người khác làm phước-thiện bố-thí, số người ấy sinh ra ở nơi nào cũng không có của cải, nghèo khổ và cũng không có bạn bè, thuộc hạ thân thiết.*

** Có số người nào tự mình làm phước-thiện bố-thí, lại còn tác động khuyến khích người khác cùng làm phước-thiện bố-thí, số người ấy sinh ra ở nơi nào cũng có nhiều của cải giàu sang phú quý và còn có nhiều bạn bè, thuộc hạ thân thiết, sống an-lạc hạnh phúc trong đời.*

Một người cận-sự-nam ngồi nghe Đức-Phật thuyết pháp, rồi suy nghĩ rằng:

“Ta muốn có nhiều của cải giàu sang phú quý và nhiều bạn bè, thuộc hạ thân thiết.”

Người cận-sự-nam ấy đến đánh lễ Đức-Phật, rồi kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng với tất cả 20.000 chư tỳ-khưu-Tăng, để làm phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực.

Đức-Phật làm thỉnh nhận lời. Ông trở về đi thông báo cho toàn thể dân chúng trong kinh-thành biết rằng ngày

mai ông sẽ làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Đức-Phật cùng tất cả 20.000 chư tỳ-khuru-Tăng, nếu người nào có khả năng làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến bao nhiêu vị tỳ-khuru thì cho biết để ghi vào danh sách. Có gia đình đăng ký 10 vị, 20 vị, 100 vị, v.v...

Khi gặp cậu Mahāduggata là người nghèo khó nhất trong kinh-thành, ông cận-sự-nam tác động khuyến khích rằng:

- *Này cậu Mahāduggata! Ngày mai, tôi có thỉnh Đức-Phật cùng với 20.000 chư tỳ-khuru-Tăng để làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường, cậu có khả năng làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến bao nhiêu vị?*

- *Thưa ông, gia đình con nghèo khó, vợ chồng con đi làm thuê, làm được ngày nào ăn ngày ấy còn không đủ nữa, thì lấy gì mà làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến vị tỳ-khuru nào được. Thưa ông.*

- *Này cậu Mahāduggata! Trong kinh-thành này, những người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, có quyền cao chức trọng ... là do nhờ quả báu của phước-thiện bồ-thí. Còn gia đình cậu, ngày qua ngày làm thuê mà không đủ ăn, đó là do không tạo phước-thiện bồ-thí. Cậu có hiểu biết rõ như vậy hay không?*

- *Thưa ông, con hiểu rồi, xin ông cho gia đình con một vị tỳ-khuru, để cho gia đình con làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến vị tỳ-khuru ấy vào ngày mai. Thưa ông.*

Ông cận sự nam hoan-hỷ chấp thuận cho gia đình cậu Mahāduggata thỉnh **một vị tỳ-khuru** để làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường vào ngày hôm sau, *nhưng mà ông **quên ghi vào danh sách***, tiếp tục đi tác động khuyến khích những người khác nhận đủ 20.000 vị tỳ-khuru-Tăng.

Sau khi được ông cận sự nam cho thỉnh một vị tỳ-khuru để làm phước-thiện bố-thí cúng-dường vào ngày hôm sau, cậu Mahāduggata vô cùng hoan-hỷ, trở về báo tin cho người vợ hay biết, người vợ cũng vô cùng hoan-hỷ, bàn tính nhau làm thuê kiếm gạo, đồ ăn về để ngày hôm sau làm phước-thiện bố-thí cúng-dường đến *một vị tỳ-khuru ấy*.

Cậu Mahāduggata đi tìm việc làm, ông phú hộ nhìn thấy cậu gọi lại thuê chẻ đồng củi để ngày hôm sau nấu đồ ăn dâng cúng-dường đến một số chư tỳ-khuru-Tăng ấy, cậu vô cùng hoan-hỷ, lấy búa chẻ một lát là xong ngay, ông phú hộ ngạc nhiên hỏi:

- *Này Mahāduggata, sao hôm nay cậu làm việc siêng năng và nhanh nhẹn đến thế?*

- *Thưa ông, ngày mai gia đình con có làm phước-thiện bố-thí cúng-dường đến một vị tỳ-khuru nên con cảm thấy hoan-hỷ, sung sướng làm việc không biết mệt.*

Ông phú hộ ca tụng cậu làm một việc khó làm. Ông trả công cho 4 ô gạo sālī (loại gạo ngon).

Về phần vợ của cậu đi giúp việc nhà bếp cho bà phú hộ, cô rất hân hoan làm công việc nhà bếp sạch sẽ gọn gàng, nhanh nhẹn, làm cho bà phú hộ vừa hài lòng lại vừa ngạc nhiên hỏi.

- *Này con! Sao hôm nay con có vẻ vui mừng sung sướng, làm việc giỏi quá vậy?*

- *Thưa bà, ngày mai gia đình con có làm phước-thiện bố-thí cúng-dường đến một vị tỳ-khuru, nên con cảm thấy sung sướng làm việc để được món gia vị làm đồ ăn ngày mai.*

Nghe nói vậy, bà phú hộ ca tụng cô làm một việc khó làm! Bà trả công bằng bơ, dầu, đồ gia vị, ...

Vợ chồng Mahāduggata vô cùng hoan-hỷ được gạo ngon, dầu bơ, đồ gia vị để làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến vị tỳ-khuru vào ngày hôm sau.

Sáng sớm hôm ấy, người vợ thưa với chồng đi kiếm một ít rau về nấu một bát canh. Mahāduggata đi ra khỏi nhà, vừa đi vừa ca hát, đi ngang bên ghe chài; đêm hôm trước, người dân chài bắt được nhiều cá vừa cập bến, nghe tiếng ca hát của Mahāduggata bèn gọi:

- *Này Mahāduggata, cậu đi đâu đó? Sao hôm nay cậu vui sướng quá vậy? Hãy xuống đây giúp tôi đem cá bán, rồi tôi sẽ cho ít con cá.*

- *Này anh! Hôm nay gia đình tôi có làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến một vị tỳ-khuru, tôi vui sướng đi tìm rau về nấu canh, may quá, có được cá lại càng tốt.*

Cậu Mahāduggata hăng hái đem cá bán, hôm ấy dân chúng trong thành mua cá làm đồ ăn để tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến một số tỳ-khuru-Tăng, nên phần cá bán hết không còn con nào cả. Cậu Mahāduggata nóng lòng muốn về nhà cho kịp làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường, bèn hỏi người chủ thuyền rằng:

- *Này anh! Phần cá của tôi đâu?*

- *Này bạn! Tôi còn một phần cá đặc biệt cất dưới ghe, để tôi lấy cho bạn.*

Người chủ đem cho cậu Mahāduggata phần cá hồi ấy (rohitamaccha). Cậu vội vàng đem về nhà.

Canh chót đêm ấy, Đức-Phật Kassapa nhập đại bi định, khi xả định xem xét chúng-sinh nào có duyên lành nên tế độ; Đức-Phật nhìn thấy Mahāduggata là người có đức-tin trong sạch, nhận thỉnh một vị tỳ-khuru để tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường, nhưng người cận-sự-nam quên ghi vào danh sách, đến khi Mahāduggata gặp

người cận-sự-nam ấy, xin thỉnh một vị tỳ-khuru về nhà, thì không còn một vị tỳ-khuru nào cả. Đức-Phật Kassapa nghĩ rằng:

“Vây, chính Như-Lai sẽ tế độ Mahāduggata ấy.”

Vua trời Sakka cảm thấy chỗ ngồi phát nóng, xem xét thấy rõ hôm nay Mahāduggata sẽ làm phước-thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật Kassapa, nên hiện xuống hỗ-trợ Mahāduggata tạo phước thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật. Đức-vua trời Sakka hóa ra thành một người đầu bếp tài giỏi đến xin giúp việc cho Mahāduggata không lấy tiền công, chỉ hỗ-trợ làm phước-thiện bố-thí mà thôi. Mahāduggata đồng ý chấp thuận, xin mời vào nhà lo giúp việc nấu ăn, Đức-vua trời Sakka nấu cơm, các món ăn đều bỏ đồ gia vị cõi trời, hương trời, Đức-vua trời Sakka bảo rằng:

- Nay bạn! Công việc nấu nướng để tôi lo, bạn đi kính thỉnh vị tỳ-khuru ấy về nhà cho kịp giờ.

Cậu Mahāduggata đi đến tìm người cận-sự-nam ấy, xin kính thỉnh **một vị tỳ-khuru** mà ông đã tác động khuyến khích ngày hôm qua.

Khi đến gặp ông cận-sự-nam ấy, thì hỡi ôi! Ông đã quên ghi vào danh sách nên không còn một vị tỳ-khuru nào cả.

Cậu Mahāduggata thất vọng buồn tủi ôm mặt khóc, mọi người nhìn thấy cậu đáng thương và trách người cận-sự-nam ấy.

Người cận-sự-nam ấy xin lỗi và an ủi cậu, rồi hướng dẫn cậu rằng:

- Nay cậu Mahāduggata! Còn Đức-Phật ở trong cốc chưa mở cửa. Đức-vua, các quan, các phú hộ đang trông chờ Đức-Phật mở cửa để thỉnh cái bát của Ngài.

Chư-Phật thường tế độ những người nghèo khó. Vậy, cậu hãy nên vào xin kính thỉnh cái bát của Đức-Phật.

Nghe người cận-sự-nam ấy nói như vậy, đôi mắt của cậu Mahāduggata sáng lên, niềm hy vọng phát sinh, cậu đứng cảm đến trước cửa cốc, đánh lễ, cái đầu va chạm vào cửa, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong thành này người nghèo khó hơn con không có, kính xin Ngài có tâm đại bi tế độ con. Bạch Ngài.

Đức-Phật Kassapa mở cửa ra, trao cái bát trên tay cậu. Cậu Mahāduggata ôm cái bát của Đức-Phật còn mừng hơn được ngai vàng của Đức Chuyển-luân Thánh-vương. Đức-vua, các quan, các phú hộ xin lại cái bát trên tay cậu, hứa sẽ ban cho nhiều tiền của, nhưng mà cậu không màng đến.

Cậu Mahāduggata kính thỉnh Đức-Phật về đến nhà, Đức-vua trời Sakka hóa thành người đầu bếp đã làm xong vật thực ngon lành, trải chỗ ngồi cao quý, kính thỉnh Đức-Phật vào nhà.

Khi Đức-Phật bước vào, thì căn nhà cao hẳn lên, nên Đức-Phật không phải cúi khom người xuống, Đức-Phật ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn.

Còn Đức-vua trời Sakka hóa làm người đầu bếp đã làm xong những món vật thực, liền bảo cậu Mahāduggata đem những món vật thực cung-kính cúng-dường để bát, rồi kính dâng lên Đức-Phật Kassapa. Mùi thơm của các món vật thực tỏa khắp cả kinh-thành Bārāṇasī.

Khi ấy, Đức-vua cùng các quan, các phú hộ đi theo sau Đức-Phật đến nhà cậu Mahāduggata để biết cậu làm phước-thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật bằng những món vật thực gì. Khi đến nơi người được mùi thơm

của những món vật thực, mà trong đời họ chưa từng nghĩ bao giờ.

Đức-vua trời Sakka cung-kính đánh lễ Đức-Phật Kassapa. Sau khi độ vật thực xong, Đức-Phật thuyết pháp tế độ gia đình Mahāduggata, rồi Đức-Phật ngự đi trở về chùa. Cậu Mahāduggata ôm bát theo sau tiễn đưa Đức-Phật ngự đi trở về cốc.

Vua trời Sakka phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ phước-thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật Kassapa xong, cũng trở về cung trời Tam-thập-tam-thiên.

Phước-thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật liền cho quả kiếp hiện-tại

Tại căn nhà của cậu Mahāduggata mưa 7 thứ báu từ hư không rơi xuống đầy căn nhà, người vợ dẫn con ra khỏi nhà, trong căn nhà đầy 7 thứ báu không còn chỗ nào trống.

Khi cậu Mahāduggata tiễn đưa Đức-Phật xong, rồi trở về nhà, thấy vợ và con đứng bên ngoài, nên hỏi rằng:

- *Này em thân thương! Sao em dẫn con ra đứng bên ngoài thế này?*

Người vợ thưa với chồng rằng:

- *Thưa anh thân thương! Trong nhà của chúng ta đầy 7 thứ báu không còn chỗ nào trống.*

Nghe vợ thưa như vậy, cậu nghĩ rằng:

“Phước-thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật cho quả báu ngày hôm nay.”

Cậu Mahāduggata liền đến châu Đức-vua tâu:

- *Tâu Đại-vương, nhà của tôi đầy cả thất báu, xin Đại-vương đem 1.000 chiếc xe đến nhà tôi chở tất cả thất báu ấy về cung điện.*

Đức-vua truyền quân lính trong triều đình đem 1.000 chiếc xe chở tất cả 7 thứ báu vật đem về chắt thành đồng trước sân rộng cao bằng cây thốt nốt.

Đức-vua truyền gọi dân chúng trong kinh-thành tụ hội tại sân rộng, rồi truyền hỏi rằng:

- *Này toàn dân chúng! Trong kinh-thành, người nào có của cải nhiều như thế này không?*

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, tất cả các dân chúng trong kinh-thành đều tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, trong kinh-thành không một người nào có nhiều của báu như thế này cả.*

Vì vậy, Đức-vua tấn phong Mahāduggata ngôi vị đại-phú hộ, rồi truyền bảo rằng:

- *Tất cả thất báu này là quả báu của phước-thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật của nhà ngươi. Vậy, nhà ngươi hãy nhận lấy.*

Đức-vua ban cho đất đai, cho phép xây cất ngôi nhà lớn, cấp nhiều gia nhân. Khi xây cất ngôi nhà xong, đại-phú hộ Mahāduggata kính thỉnh Đức-Phật Kassapa cùng chư tỳ-khưu-Tăng đến tư gia, để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường suốt 7 ngày.

Từ đó về sau, đại-phú hộ Mahāduggata thường tạo phước-thiện bố-thí, giữ giới, tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho đến hết tuổi thọ 20 ngàn năm.

Sau khi phú hộ Mahāduggata chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc cao quý trải qua khoảng thời gian từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến thời kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

* Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, vị thiên-nam hậu kiếp của Mahāduggata chuyển

kiếp (chết) từ cõi trời dục-giới, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* gọi là *paṭisandhicitta: tái-sinh-tâm* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người **người tam-nhân** (*tīhetukapuggala*) trong lòng người con gái lớn của gia đình phú hộ trong kinh-thành Sāvattthī, hằng ngày hộ độ Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Khi thai nhi nằm trong bụng mẹ khiến người mẹ muốn *tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực có món cá hồi (rohitamaccharasa)* đến 500 tỷ-khuru-Tăng có Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* chủ trì, có 7 lần như vậy.

Khi đưa bé trai sinh ra đời, cha mẹ đặt tên là *Paṇḍita* (*bé trai có trí-tuệ*).

Công-tử Paṇḍita lớn lên 7 tuổi, một hôm thưa với mẹ cha rằng:

- *Kính thưa mẹ cha, kính xin mẹ cha cho phép con được xuất gia trở thành sa-di với Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Nghe đưa con trai yêu quý xin như vậy, mẹ cha chiều theo ý của con, hoan-hỷ đồng ý cho phép con trai xuất gia trở thành sa-di với Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Hôm ấy, sau khi Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* thọ thực xong, mẹ cha của *công-tử Paṇḍita* bạch với Ngài *Đại-Trưởng-lão* rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nhi-tử Paṇḍita của chúng con muốn xuất gia trở thành sa-di, chúng con kính xin Ngài có tâm bi tế độ cho phép nhi-tử Paṇḍita được phép xuất gia theo ý nguyện của nó. Bạch Ngài.*

Ngài *Đại-Trưởng-lão* chấp thuận cho phép *công-tử Paṇḍita* xuất gia.

Mẹ cha, ông bà và thân quyến tiền đưa *nhi-tử Paṇḍita* đến chùa, đến đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta. Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- *Này Paṇḍita! Xuất gia trở thành sa-di là phận-sự khó, con thực-hành được hay không?*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy như vậy, *công-tử Paṇḍita* khẳng định là sẽ thực-hành mọi phận-sự được rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con hứa thực-hành theo lời dạy dỗ của Ngài được.*

- *Nếu như vậy, thì con được phép làm lễ cạo tóc.*

Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy *tacapañcakakam-matthāna: kesā, lomā, nakkhā, dantā, taco, taco, dantā, nakkhā, lomā, kesā, ...* cho giới-tử *Paṇḍita*.

Tiếp theo làm lễ xuất gia trở thành sa-di cho giới-tử *Paṇḍita* trở thành vị *sa-di Paṇḍita*.

Mẹ cha của *sa-di Paṇḍita* ở lại chùa, mỗi ngày tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực đặc biệt có *món cá hồi (rohitamaccharasa)* đến chur tỳ-khuu-Tăng có Đức-Phật Gotama chủ trì suốt 7 ngày mới trở về nhà.

* *Vị sa-di Paṇḍita* lên 7 tuổi, sau khi xuất gia trở thành sa-di đến ngày thứ 8, *thực-hành pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cùng với *tứ tuệ-phân-tích, lục-thông* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Tìm hiểu khoảng cách thời gian *Buddhantara* từ Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian cho đến Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian như sau:

Trong cùng *Bhaddakappa kiếp trái đất* mà con người

chúng ta đang sinh sống này, vào thời-đại con người có tuổi thọ khoảng 20.000 năm, Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian, **câu Mahāduggata nghèo khó** có cơ hội, có duyên lành tạo phước-thiện bồ-đề cúng-dường vật thực lên Đức-Phật Kassapa, liền cho quả báu ngay trong ngày hôm ấy trở thành **đại phú hộ** hưởng mọi sự an-lạc trong cõi người.

Đến khi hết tuổi thọ, *sau khi đại phú hộ chết*, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh trên cõi trời dục-giới hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Đức-Phật Kassapa thọ 20.000 năm tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, ác-pháp càng năm càng tăng trưởng, còn thiện-pháp càng năm càng suy thoái. Vì vậy, tuổi thọ của con người càng năm càng giảm dần giảm dần cho đến tột cùng chỉ còn 10 năm.

Sau đó, một thảm họa khủng khiếp xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt mẹ cha, con cái, bà con thân quyến, ... một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi để thoát thân.

Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, họ cam kết không sát hại nhau nữa. Khi ấy, con người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, cố gắng tạo mọi phước-thiện, thiện-pháp càng ngày càng tăng trưởng, cho nên, tuổi thọ con người càng ngày càng tăng lên dần, tăng lên dần cho đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm.⁽¹⁾

Thời-kỳ ấy, con người sống lâu phát sinh tâm dể dui, nên ác-pháp phát sinh. Vì vậy, tuổi thọ con người lại giảm dần giảm dần cho đến thời-đại con người có tuổi thọ

¹ Asaṅkhyeyya: a-tăng-kỳ là đơn vị số lượng, thì số 1 đứng trước 140 số không (0) viết tắt 10¹⁴⁰.

khoảng 100 năm. Khi ấy, *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian cùng trong *kiếp trái đất Bhaddakappa* này.

*** Tích gia đình ông Puṇṇa**

Tích gia đình **ông Puṇṇa** trong tích *Uttarā upāsikāvattu* ⁽¹⁾, ông *Puṇṇa* là người làm thuê của ông phú hộ Sumana, được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* còn hiện hữu trên thế gian, gia đình ông *Puṇṇa* nghèo khó làm ruộng thuê của ông phú hộ Sumana, trong gia đình gồm có 3 người: ông bà *Puṇṇa* và con gái *Uttarā* đều có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Một buổi sáng, ông *Puṇṇa* đi cày ruộng, cũng vào buổi sáng hôm ấy, Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* vừa mới xả *diệt-thọ-tướng* (sau 7 ngày đêm), đi khát thực để tế độ gia đình ông *Puṇṇa*, nên Ngài *Đại-Trưởng-lão* đi thẳng về hướng ông *Puṇṇa* đang cày ruộng.

Nhìn thấy Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* từ xa đến, **ông Puṇṇa** liền bỏ cày, đến hầu đánh lễ Ngài *Đại-Trưởng-lão*, kính dâng cúng-dường cây tăm xia răng và nước dùng, nước uống. Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* nhận xong, đi theo đường hướng về nhà ông *Puṇṇa*, gặp vợ **ông Puṇṇa** đang đem cơm cho chồng. Bà đánh lễ Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài *Đại-Trưởng-lão*, kính xin Ngài *Đại-Trưởng-lão* có tâm-từ tế độ nhận phần vật thực nghèo nàn này của gia đình chúng con.

Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* có tâm-từ tế độ nhận tất cả phần vật thực ấy, bà phát sinh đại-thiện-tâm vô

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Kodhavagga, Uttarā upāsikāvattu.

cùng hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí cúng-dường này, rồi phát nguyện rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, do nhờ phước-thiện bố-thí cúng-dường thanh cao này của chúng con, cầu mong cho gia đình chúng con được một phần phước mà Ngài Đại-Trưởng-lão đã chứng đắc.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta chúc phúc rằng:

- *Mong cho gia đình các con được như ý.*

Bà cảm thấy vô cùng hoan-hỷ quay trở về nhà, nấu lại phần cơm khác đem cho chồng, rồi vội vàng mang cơm ra đồng ruộng, với tâm hoan-hỷ phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, làm cho thân tâm của bà nhẹ nhàng, nhu nhuyễn không sao giấu được.

Còn phần ông Punṇa, trễ giờ đói bụng, thả bò đi ăn cỏ, ông lên bờ ngồi dưới bóng mát, chờ đợi vợ. Dù có đói bụng nhưng mà tâm ông vẫn cảm thấy hoan-hỷ, niệm tưởng lại việc tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường tắm xia răng và nước đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Nhìn từ xa, ông thấy vợ mình đang đi đến trễ hơn mọi ngày, nhưng bà có vẻ hoan-hỷ khác thường, ông nghĩ chắc chắn có điều thiện-phước tốt lành.

Thật vậy, bà vừa đến nơi liền thưa với chồng rằng:

- *Này anh thân thương! Hôm nay, em xin báo cho anh biết tin vui, để cho anh phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ thật nhiều.*

Sáng nay, khi em đem phần cơm cho anh, giữa đường gặp Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đang đi khát thực, em phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch, đem phần cơm của anh để bát cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão.

Ngài Đại-Trưởng-lão không chê vật thực nghèo hèn của chúng ta. Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm-từ tế độ

nhận tất cả vật thực phần của anh, xin anh nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ phần phước-thiện bồ-thí này.

Ông Punṇa vừa lắng nghe từng tiếng, từng câu làm cho ông phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có, nên không thể theo dõi liên tục trọn vẹn lời nói của vợ ông.

Sực tỉnh lại, ông muốn biết chắc chắn chính mình nghe đúng sự thật là như vậy không, nên ông bảo với vợ rằng:

- Nay em thân thương! Xin em hãy nói lại cho anh nghe thêm một lần nữa.

Bà vợ thưa lại rõ ràng một lần nữa, lần này ông nghe rõ biết chắc chắn đúng sự thật như vậy rồi, ông phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ phước-thiện bồ-thí cúng-dường của vợ, đã đem phần cơm của mình tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Sau đó, ông nói cho vợ biết ông cũng vừa tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường cây tăm xỉa răng và nước đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Nghe chồng nói xong, bà cũng phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ việc phước-thiện bồ-thí cúng-dường của chồng.

Hai vợ chồng cùng nhau phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ việc phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta. Dùng cơm xong, ông nằm niệm tưởng đến phước-thiện bồ-thí cúng-dường vừa mới làm, nằm thiu thiu giấc ngủ, ông vừa tỉnh lại, ngồi nhìn thấy ***phần đất ruộng vừa cày buổi sáng đã hóa thành những thỏi vàng y (vàng ròng)*** làm cho ông hoa cả mắt, và vợ của ông cũng cảm thấy như ông vậy.

Ông lấy lại bình tĩnh rồi đi xuống ruộng, lấy lên một thỏi, đúng thật là thỏi vàng ròng, ông đem đến khoe và nói với vợ rằng:

- *Này em thân thương! Vợ chồng chúng ta đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, phước-thiện bố-thí cúng-dường ấy liền cho quả báu đến vợ chồng chúng ta trong ngày hôm nay. Chúng ta không thể nào giấu một số vàng lớn như thế này được.*

Ông Punṇa lấy một số thỏi vàng bỏ vào khay, đem trình lên Đức-vua Bimbisāra và tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, sáng nay tôi đi cày ruộng, tất cả đất cày đều hóa thành những thỏi vàng ròng. Kính xin Đại-vương truyền lệnh cho binh lính đem 1.000 chiếc xe đến chở số vàng ấy về cất trong kho báu của Đại-vương.*

Đức-vua Bimbisāra truyền hỏi rằng:

- *Này ngươi! Nhà ngươi là ai vậy?*

Ông Punṇa tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, tôi là Punṇa, một nông dân nghèo khó làm thuê.*

- *Này Punṇa! Sáng nay, nhà ngươi đã tạo phước-thiện đặc biệt gì vậy?*

- *Muôn tâu Đại-vương, sáng nay thảo dân tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường cây tăm xỉa răng và nước dùng, nước uống đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta. Còn phần vợ tôi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường phần cơm của tôi đến Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Đức-vua truyền bảo rằng:

- *Này Punṇa! Vợ chồng ngươi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, cho nên, quả báu phát sinh ngay trong ngày hôm nay.*

Vậy, ngươi muốn Trẫm làm gì?

Ông Punṇa tâu với Đức-vua rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, thảo dân xin Đại-vương truyền lệnh đem ngàn chiếc xe đến thửa ruộng kia để khuân tất cả số vàng ấy về cung điện.*

Đức-vua Bimbisāra truyền lệnh đem ngàn chiếc xe đến chở vàng ròng, quân lính trong triều nghĩ và nói rằng: “**vàng của Đức-vua**” tức thì những thỏi vàng trở lại thành đất như cũ. Quân lính trong triều trở về tâu lên Đức-vua sự việc xảy ra như vậy. Đức-vua sáng suốt truyền hỏi rằng:

- *Này các người! Các người nghĩ như thế nào, khi nhặt lấy những thỏi vàng ấy?*

- *Muôn tâu Bệ hạ, chúng hạ thần nghĩ và nói rằng: “**vàng của Đức vua**”.*

Đức-vua truyền bảo rằng:

- *Này các người! Số vàng ròng kia không phải của Trẫm. Các người nên trở lại, nghĩ và nói rằng: “**vàng của ông bà Puṇṇa**” rồi khuân số vàng ấy về đây.*

Quân lính vâng lệnh Đức-vua trở lại nơi ấy.

Thật vậy, lần này quân lính khuân toàn bộ số vàng ấy đem về, chắt giữa sân rồng thành một đồng vàng cao 80 hắc tay.

Ông Puṇṇa trở thành đại phú hộ

Đức-vua Bimbisāra cho truyền lệnh gọi dân chúng trong kinh-thành Rājagaha hội họp tại sân rồng, rồi truyền hỏi dân chúng rằng:

- *Này toàn thể dân chúng! Trong kinh-thành này có người nào khác có số vàng lớn như thế này không?*

Toàn thể dân chúng trong thành tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, trong kinh-thành này không có người nào khác có số vàng lớn như vậy.*

Đức-vua truyền hỏi tiếp rằng:

- *Vậy Trẫm nên tấn phong ông Punṇa như thế nào mới xứng đáng?*

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng tấn phong ông Punṇa địa vị **đại phú hộ**.*

Đức-vua Bimbisāra truyền phán rằng:

- *Này Punṇa! Từ nay ngươi là **đại phú hộ**, có tên **Bahudhanasetṭhi**: Đại phú hộ nhiều của cải.*

Sau khi trở thành **đại phú hộ Punṇa**, gia đình ông càng có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, Đức-Phật thuyết pháp tế độ gia đình ông Punṇa, toàn gia đình ông đại-phú hộ Punṇa (hai vợ chồng và người con gái tên Uttarā) đều chứng đắc thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

Vợ chồng ông Punṇa tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta sau khi xả diệt-thọ-tướng, do năng lực phước-thiện bồ-thí trong sạch và hội đủ nhân duyên ấy, liền cho quả báu trong ngày hôm ấy, trở thành đại phú hộ nhiều của cải thế gian và đặc biệt hơn nữa, toàn gia đình trở thành bậc Thánh Nhập-lưu thuộc về pháp siêu-tam-giới.

Những trường hợp tương tự trên, có không ít trong Phật-giáo.

* Tích bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mallikā

Bà Mallikā là Chánh cung Hoàng hậu của Đức-vua Pasenadi Kosala, được Đức-vua sủng ái nhất, bởi vì Bà rất thông minh, có trí-tuệ sáng suốt, biết hầu hạ, chiều chuộng khiến Đức-vua hài lòng.

Trong *Bộ Chú-giải Piyatarasuttavaṇṇanā* ⁽¹⁾ đề cập đến tiểu sử của cô *Mallikā* trước khi trở thành *Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Pasenadi Kosala*, cô vốn dĩ là một cô gái con của người bán hoa nghèo nàn trong kinh-thành *Sāvattihī*.

Một hôm, cô đi chợ mua một cái bánh, trên đường trở về, cô vừa đi vừa nghĩ rằng: “*Ta vào chăm sóc vườn hoa rồi dùng cái bánh này.*”

Vừa nghĩ xong, cô chợt nhìn thấy Đức-Phật cùng chư tỳ-khuru-Tăng từ xa đang trên đường ngự vào kinh-thành để khát thực, cô liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, đến hầu đánh lễ Đức-Phật rồi xin cung-kính cúng-dường *cái bánh ấy*. Được Đức-Phật nhận cái bánh xong, cô phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Đức-Phật tỏ vẻ muốn dùng ngay cái bánh ấy, nên Ngài *Trưởng-lão Ānanda* trải tọa cụ để Đức-Phật ngồi thọ thực cái bánh ấy.

Sau khi thọ thực xong, Đức-Phật mỉm cười. Ngài *Trưởng-lão Ānanda* bạch hỏi Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, cô gái vừa cung-kính cúng-dường cái bánh ấy sẽ có quả báu như thế nào? Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này Ānanda! Cô Mallikā là người đầu tiên cung-kính cúng-dường để bát đến Như-Lai, ngay hôm nay, cô Mallikā sẽ trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Pasenadi Kosala.*

Hôm ấy, Đức-vua Pasenadi Kosala đã đánh nhau với Đức-vua *Ajātasattu* ⁽²⁾, Đức-vua Pasenadi Kosala bị thua, nên một mình một ngựa bỏ chạy, ghé vào vườn hoa nghĩ

¹ Khu. Udānāṭṭhakathā, Soṇavagga, Piyatarasuttavaṇṇanā.

² Đức-vua Ajātasattu là cháu của Đức-vua Pasenadi Kosala.

chân, chờ đoàn quân kéo đến rồi hồi cung ngự cùng trở về kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, cô Mallikā nhìn thấy Đức-vua đang ngự trong vườn hoa của mình, cô liền đến hầu hạ Đức-vua. Cô vốn dĩ là người rất thông minh, lại có cử chỉ dịu dàng, lời nói ngọt ngào dễ thương, nên hầu hạ phục vụ Đức-vua làm cho Đức-vua rất hài lòng và có cảm tình với cô Mallikā ngay.

Đức-vua truyền bảo cô gọi cha mẹ của cô đến, Đức-vua phong chức tước và nhiều của cải cho cha mẹ của cô được sống an-lạc.

Khi đoàn quân triều đình kéo đến, Đức-vua hồi cung cùng với đoàn quân trở về kinh-thành, có rước cô Mallikā đi theo về cung điện.

Cô Mallikā được tấn phong Chánh-cung Hoàng-hậu

Tại cung điện, Đức-vua Pasenadi Kosala tấn phong cô Mallikā lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu trong ngày hôm ấy.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mallikā được Đức-vua Pasenadi Kosala sủng ái nhất, không phải vì Bà xinh đẹp mà vì Bà có trí-tuệ sáng suốt, có lời nói dịu dàng khiến cho Đức-vua rất hài lòng, làm cho tâm của Đức-vua mát mẻ dễ chịu, có tài thuyết phục khuyên can Đức-vua từ bỏ làm việc ác và hỗ-trợ Đức-vua tạo mọi phước-thiện.

Ví dụ trong trường-hợp Đức-vua nghe lời vị bà-la-môn quân-sư làm *lễ tế thân yañña* trong tích *aññatarapurisavattu* ⁽¹⁾ được trích lược điểm chính như sau:

Một đêm nọ, Đức-vua Pasenadi Kosala nằm trần trọc không ngủ được. Vào canh giữa đêm, 4 chúng-sinh ở trong *cõi tiểu-địa-ngục Lohakumbhī: Địa-ngục nước đồng sôi*

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Bālavagga, Aññatarapurisavattu.

(chiều sâu 60 do-tuần), nước đồng sôi làm cho 4 chúng-sinh ấy lộn chìm từ miệng địa-ngục nước đồng sôi xuống đến đáy địa-ngục thời gian 30.000 năm; rồi từ đáy địa-ngục nước đồng sôi nổi lên đến miệng địa-ngục thời gian 30.000 năm, 4 chúng-sinh địa-ngục vừa nhìn thấy nhau định đọc một câu kệ, nhưng thời gian không kịp, cho nên mỗi chúng-sinh ấy chỉ đọc được âm đầu là **Du, Sa, Na, So**.

Đức-vua suốt đêm không ngủ được, vào canh giữa đêm nghe rõ 4 âm **Du, Sa, Na, So**. Đức-vua kinh sợ không biết chuyện gì sẽ xảy đến cho mình, cho Chánh-cung Hoàng-hậu, hoặc cho ngai vàng của mình, nên không sao ngủ được cho đến sáng.

Sáng sớm, Đức-vua truyền lệnh gọi vị Bà-la-môn quân-sư đến, thưa rằng:

- *Thưa quân-sư, vào canh giữa đêm qua, Trẫm nghe rõ 4 âm thanh: **Du, Sa, Na, So**. Xin quân-sư suy đoán 4 âm thanh ấy có sự nguy hại gì không?*

Nghe Đức-vua thưa như vậy, vị Bà-la-môn quân-sư hoàn toàn không biết gì về ý nghĩa 4 âm thanh ấy, nhưng sợ mất uy tín, mất lợi lộc, nên tâu bày rằng:

- *Muôn tâu Bệ-hạ, có sự nguy hại đến sinh-mạng của Bệ-hạ.*

Nghe vị Bà-la-môn quân-sư tâu như vậy, Đức-vua vô cùng kinh hồn sợ hãi, nên hỏi vị Bà-la-môn quân-sư có cách nào hóa giải được không?

Vị Bà-la-môn quân-sư tâu rằng:

- *Muôn tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ làm lễ **sabbasatayañña** mỗi loài 100 giết lấy máu tế thần thì sinh-mạng của Bệ-hạ sẽ thoát khỏi nguy hại.*

Đức-vua chuẩn tâu, vị Bà-la-môn quân-sư cho bắt 100 con voi, 100 con ngựa, 100 con bò đực, 100 con bò sữa,

100 con dê, 100 con cừ đực, 100 con heo, 100 con gà, 100 bé trai, 100 bé gái.

Đức-vua nghĩ rằng: “*Sinh-mạng của ta là quan trọng nhất.*”

Cho nên, Đức-vua truyền lệnh bắt đầy đủ tất cả các chúng-sinh ấy cho mau, để vị Bà-la-môn quân-sư giết lấy máu làm *lễ tế thần yañña*.

Bà Mallikā giải cứu tất cả các loài chúng-sinh

Được biết *lễ tế thần yañña* như vậy, Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mallikā đến chào Đức-vua, tâu hỏi Đức-vua rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, giết hại các chúng-sinh khác để sinh-mạng của Hoàng-thượng tránh khỏi chết, làm như vậy được hay sao?*

Tại sao Hoàng-thượng tin theo lời vị bà-la-môn quân-sư si-mê tàn nhẫn, làm khổ các loài chúng-sinh như vậy được?

Đức-Phật là Tôn-sư của chư-thiên, phạm-thiên, nhân-loại đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī, Hoàng-thượng nên ngự đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch hỏi Ngài, rồi thực-hành theo lời giáo huấn của Ngài.

Nghe theo lời tâu như vậy, Hoàng-thượng cùng với Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mallikā ngự đi đến ngôi chùa Jetavana, đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Phật truyền hỏi Đức-vua, Đức-vua vẫn ngồi làm thinh, Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mallikā kính bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vào canh giữa đêm hôm qua, Đức-vua không ngủ được, nằm nghe 4 âm thanh là “**Du, Sa, Na, So**” rất rùng rợn.*

Buổi sáng, Đức-vua truyền hỏi vị Bà-la-môn quân-sư, thì vị quân-sư tâu rằng:

“Có nguy hiểm đến sinh-mạng của Đức-vua.”

Vị quân sư bày ra việc giết hại các chúng-sinh lấy máu làm lễ yañña tế thân, để cứu nguy sinh mạng của Đức-vua.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sự thật như thế nào? Bạch Ngài.

Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- Nay Đại-vương, Đại-vương nghe âm-thanh như thế nào?

Đức-vua Pasenadi Kosala kính bạch rằng:

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đêm qua con không ngủ được, vào canh giữa đêm con nghe 4 âm-thanh là “**Du, Sa, Na, So**”, con cảm thấy kinh sợ không biết sự việc gì sẽ xảy đến cho con? Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Nay Đại-vương! Không có sự nguy hiểm gì xảy đến cho Đại-vương cả. Đó là 4 chúng-sinh trong cõi tiểu-địa-ngục Lohakumbhī đã từng tạo ác-nghiệp trong tiền-kiếp, khi chúng nhìn thấy lại nhau, muốn đọc câu kệ nhưng thời gian không kịp, mới đọc được âm đầu của câu kệ, rồi bị chìm lại xuống cõi tiểu-địa-ngục.

Đức-vua kính bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 4 chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp gì? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng về ác-nghiệp của 4 chúng-sinh ấy rằng:

- Nay Đại-vương! Đại-vương lắng nghe ác-nghiệp mà 4 chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

Trong quá-khứ, thời-kỳ Đức-Phật Kassapa xuất hiện

trên thế gian, tuổi thọ của con người khoảng hai mươi ngàn (20.000) năm.

Đức-Phật Kassapa ngự đi cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến các nơi thuyết-pháp tế độ chúng-sinh.

Trong kinh-thành Bārānasī, có 4 người con trai của 4 ông phú hộ, có của cải đến 400 triệu, là bạn thân với nhau, chúng không nghĩ làm phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật cùng chư tỳ-khưu-Tăng, không nghĩ giữ gìn ngũ-giới và tạo mọi phước-thiện, chúng lại bàn bạc với nhau rằng:

“Trong nhà chúng ta có nhiều của cải, chúng ta sẽ làm gì với số của cải ấy để được sung sướng.”

* Một người nói rằng:

- Nay các bạn! Chúng ta uống rượu ngon, ăn đồ ngon, đi du ngoạn thì đời sống của chúng ta được sung sướng.

* Một người khác lại nói rằng:

- Nay các bạn! Chúng ta ăn cơm nấu từ gạo sālī, có mùi thơm được cất giữ suốt 3 năm, với đồ ăn ngon, đi du ngoạn thì đời sống của chúng ta được sung sướng.

* Một người khác nói rằng:

- Nay các bạn! Chúng ta sai người làm đồ ăn ngon đặc biệt, ăn rồi đi chơi, thì cuộc sống của chúng ta được sung sướng.

* Một người khác nói rằng:

- Nay các bạn! Phần đông đàn bà ham tiền của, chúng ta đem tiền của ra dụ dỗ vợ của người khác sống chung với chúng ta, thì cuộc sống của chúng ta sẽ được sung sướng nhiều.

Cả 4 người con trai phú hộ đều đồng tình với nhau theo ý kiến cuối cùng.

Từ đó, cả 4 người con trai ấy đem tiền bạc dụ dỗ vợ của người khác, **đã phạm điều-giới tà-dâm tạo ác-nghiệp tà-dâm.**

Sau khi 4 người con trai phú hộ chết, **ác-nghiệp tà-dâm** cho quả tái-sinh vào cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ trong suốt khoảng thời gian lâu dài, từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian.

Khi chúng mãi quả ác-nghiệp tà-dâm trong đại-địa-ngục Avīci, song **ác-nghiệp tà-dâm** ấy còn dư sót, cho quả tái-sinh vào “**cõi tiểu-địa-ngục Lohakumbhī**: địa-ngục nước đồng sôi” có chiều sâu 60 do-tuần (yojana), từ miệng địa-ngục chìm xuống đến đáy trải qua thời gian 30.000 năm, rồi từ đáy địa-ngục nước đồng sôi trôi lên đến miệng địa-ngục trải qua thời gian 30.000 năm, khi nổi lên đến miệng địa-ngục thì 4 chúng-sinh ấy nhìn thấy nhau định đọc câu kệ, nhưng vì thời gian ngắn ngủi không kịp, nên mỗi chúng-sinh chỉ đọc được một âm đầu, rồi chìm xuống đáy trở lại.

- Nay Đại-vương, Đại-vương nghe âm đầu của câu kệ “**Du**”, còn câu kệ đầy đủ là:

“**Dujjīvitamajīvimha, ye sante na dadamhase.**
Vijjamānesu bhojesu, dīpaṃ nākamha attano.” ⁽¹⁾

“Này các bạn thân mến của tôi!
Khi chúng ta có nhiều của cải,
Đã không đem làm phước bố-thí,
Làm hòn đảo nướng nhờ của mình.
Chúng ta có tuổi thọ sống lâu.
Mà sống đời thấp hèn đáng khinh.”

- Nay Đại-vương, Đại-vương nghe âm đầu của câu kệ “**Sa**”, còn câu kệ đầy đủ là:

¹ Dhammapadattakathā, tích Aññatarapurisavatthu.

“**Saṭṭhivassasahasāni, paripuṇṇāni sabbaso.**
Niraye paccamānānaṃ, kadā anto bhavissati.”

“*Này các bạn thân mến của tôi!
 Chúng ta chịu khổ trong địa-ngục,
 Đầy đủ suốt sáu chục ngàn năm.
 Khi nào chúng ta mới mãn hạn,
 Trong địa ngục này các bạn nhỉ!*”

- *Này Đại-vương! Đại-vương nghe âm đầu của câu kệ*
 “**Na**” còn câu kệ đầy đủ là:

“**Natthi anto kato anto,**
na anto paṭidissati.
Tadā hi pakataṃ pāpaṃ,
mama tuyhañca mārisā.”

“*Này các bạn thân mến của tôi!
 Mãn hạn trong địa-ngục không có,
 Sự mãn hạn từ đâu có được?
 Mãn hạn địa-ngục không hiện rõ.
 Bởi vì khi chúng ta làm người,
 Tôi và các bạn tạo ác-nghiệp.*”

- *Này Đại-vương, Đại-vương nghe âm đầu của câu kệ*
 “**So**” còn câu kệ đầy đủ là:

“**Sohaṃ nūna ito gantvā,**
yonim laddhāna mānusiṃ.
Vadaññū silasampanno,
kāhāmi kusalam bahuṃ.”

“*Này các bạn thân mến của tôi!
 Sau khi tôi thoát khỏi địa-ngục,
 Nếu được tái-sinh lại làm người,
 Sẽ là người biết lắng nghe pháp,
 Giữ giới trong sạch và trọn vẹn.
 Chắc chắn sẽ tạo nhiều phước-thiện.*”

Khi Đức-Phật giảng giải xong ý nghĩa 4 âm đầu trong 4 câu kệ đầy đủ của 4 chúng-sinh địa-ngục vốn là 4 người con trai của 4 nhà phú hộ trong tiền-kiếp, Đức-vua lắng nghe phát sinh động tâm sợ hãi nghĩ rằng:

“Tạo ác-nghiệp tà-dâm này nặng đến thế!

Bốn người con trai của 4 nhà phú hộ phạm điều-giới tà-dâm, phải chịu thiêu đốt ở đại-địa-ngục Avīci suốt khoảng thời gian từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama.

*Sau khi thoát ra khỏi đại-địa-ngục Avīci, rồi còn phải sa vào tiểu-địa-ngục nước đồng sông **Lohakumbhī** có chiều sâu 60 do-tuần (yojana), chịu thiêu đốt 60.000 năm cũng chưa biết lúc nào mãn quả khổ của ác-nghiệp tà-dâm trong địa-ngục nước đồng sông.*

Còn ta đem lòng thương yêu, say mê vợ người khác, làm suốt đêm không ngủ được. Kể từ nay, ta sẽ không dám sinh tâm thương yêu, say mê vợ người khác nữa.”

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền lệnh thả những người và các loài thú được tự do trở về chỗ của mình.

Chánh-cung Hoàng-hậu Mallikā có trí-tuệ sáng suốt giúp thức tỉnh Đức-vua và giải cứu được những người và các loài thú được an toàn sinh-mạng.

Phước-thiện bố-thí cho quả kiếp hiện-tại

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường có quả báu ngay trong kiếp hiện tại trong vòng 7 ngày, cần phải hội đủ 4 nhân duyên như sau:

1- *Vatthusampadā*: Bậc thọ-thí phải là bậc Thánh Bất-lai, hoặc bậc Thánh A-ra-hán.

2- *Paccayasampadā*: Vật bố-thí phát sinh hoàn toàn hợp pháp và trong sạch.

3- *Cetanāsampadā*: Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường có đầy đủ 3 thời-kỳ tác ý:

- *Pubbacetanā*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường.

- *Muñcacetanā*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ đang khi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường.

- *Aparacetanā*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường.

4- *Guṇātirekasampadā*: Bậc Thánh Bất-lai, hoặc bậc Thánh A-ra-hán vừa mới xả diệt-thọ-tướng đi khát thực.

Do năng lực hội đầy đủ 4 nhân duyên này, phước-thiện bố-thí cúng-dường ấy sẽ cho quả báu giàu sang phú quý trong vòng 7 ngày.

Phân loại các phước-thiện bố-thí

Do nhiều nhân-duyên bố-thí khác nhau, nên tác-ý thiện-tâm bố-thí phân loại các phước-thiện bố-thí có nhiều loại khác nhau như sau:

Phước-thiện bố-thí có 2 loại:

* *Āmisadāna* và *dhammadāna*

1- *Āmisadāna*: Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí các thứ vật dụng cần thiết trong cuộc sống hằng ngày.

- Đối với bậc xuất-gia tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ, thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng cần thiết trong cuộc sống hằng ngày:

- *Cīraradāna*: Bồ-thí cúng-dường y-phục.

- *Piṇḍapātadāna*: Bồ-thí cúng-dường vật thực.

- *Senāsanadāna*: Bồ-thí cúng-dường chỗ ở.
- *Bhesajjadāna*: Bồ-thí cúng-dường thuốc trị bệnh.
- Đối với người tại-gia, thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí 10 thứ vật dụng cần thiết trong cuộc sống hằng ngày:
 - *Annadāna*: Bồ-thí cơm.
 - *Pānadāna*: Bồ-thí nước.
 - *Vatthadāna*: Bồ-thí vải, quần áo.
 - *Yānadāna*: Bồ-thí xe cộ, phương tiện đi lại.
 - *Mālādāna*: Bồ-thí vòng hoa, hoa.
 - *Gandhadāna*: Bồ-thí vật thơm.
 - *Vilepanadāna*: Bồ-thí vật thoa.
 - *Seyyādāna*: Bồ-thí chỗ nằm, giường, ...
 - *Āvasathadāna*: Bồ-thí chỗ ở, nơi trú ngụ.
 - *Pādīpeyyadāna*: Bồ-thí đèn dầu, đèn điện.

2- ***Dhammadāna***: Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí *pháp* gọi là *pháp-thí* đó là thuyết giảng chánh-pháp của Đức-Phật, giảng dạy chánh-pháp, hướng dẫn thực-hành giới, thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiện-tuệ đến cho nhiều người, hoặc thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí kinh sách Phật-giáo đến cho các độc giả, v.v... cũng gọi là *pháp-thí*.

Trong hai loại phước-thiện bồ-thí này, *pháp-thí* là cao thượng hơn cả.

Đức-Phật dạy rằng:

“*Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.*”

Pháp-thí là cao thượng hơn tất cả mọi loại bồ-thí.

* **Vatṭanissitadāna và vivatṭanissitadāna**

- *Vatṭanissitadāna*: Thí-chủ nào tạo phước-thiện bồ-thí, rồi cầu mong được thành tựu quả báu an-lạc trong cõi người (*manussasampatti*), hoặc cầu mong được thành tựu quả báu an-lạc trong cõi trời dục-giới (*devasampatti*).

Sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người, có quả báu an-lạc trong cõi người, rồi say đắm trong cõi người; hoặc đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời, hưởng quả báu an-lạc trong cõi trời, rồi say đắm trong cõi trời.

Dù sinh trong cõi-giới nào, đến khi hết tuổi thọ cũng phải chết, nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

- *Vivattaṇissitadāna*: Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí, rồi chỉ cầu mong chúng ngộ Niết-bàn, mong giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới mà thôi. Thí chủ ấy cần phải phát nguyện rằng:

“Idaṃ me dānakusalaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.”

Mong cầu phước-thiện bố-thí của con làm duyên lành dẫn dắt con đến sự chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được tất cả mọi phiền-não trầm-luân.

Nếu thí-chủ chưa chứng ngộ Niết-bàn, chưa giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, thì sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau dù làm người trong cõi người, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi người, vẫn không say đắm trong cõi người, hoan-hỷ đem tiền của ra tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, rồi đi xuất gia trở thành tỳ-khưu, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Hoặc đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau dù hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên

cõi trời, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời vẫn không say đắm trong cõi trời, bởi vì mục đích cứu cánh chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam-giới mà thôi.

Như vậy, nếu thí-chủ nào tạo phước-thiện bồ-thí, rồi cầu mong chứng ngộ Niết-bàn, thì thí-chủ ấy sẽ thành-tựu được quả báu cõi người (*manussasampatti*), quả báu cõi trời (*devasampatti*), và quả báu chứng ngộ Niết-bàn (*Nibbānasampatti*) nữa.

* *Sāhatthikadāna* và *añattikadāna*

- *Sāhatthikadāna* (tự thí): Thí-chủ nào tự tay mình đem những vật-thí tạo phước-thiện bồ-thí cung-kính cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, hoặc tự tay mình ban bố, phân phát đến những người nghèo khổ khác.

Sau khi thí-chủ ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy có quả báu giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, có nhiều người thân yêu quý mến, có nhiều thuộc hạ thân tín.

- *Añattikadāna* (sai khiến người thí): Thí-chủ nào không tự tay mình tạo phước-thiện bồ-thí, mà sai khiến người khác hỗ-trợ tạo phước-thiện bồ-thí, đem những vật-thí của mình ban bố, phân phát đến những người khác.

Sau khi thí-chủ ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy có quả báu giàu sang phú quý, nhưng mà không có nhiều người thân yêu quý mến, không có nhiều thuộc hạ thân tín.

Ví như trường hợp *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* không tự tay mình tạo phước-thiện bồ-thí, mà sai khiến người làm

công Uttara hỗ-trợ tạo phước-thiện bồ-thí, hằng ngày đem của cải phân phát đến những người nghèo khổ khác.

- Sau khi ông *Tinh trưởng Pāyāsi* chết, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tứ-Đại-thiên-vương, trong lâu đài hoang vắng không có thiên nam, thiên nữ hầu hạ.

- Sau khi người làm công *Uttara* chết, đại-thiện-nghiệp hỗ-trợ tạo phước-thiện bồ-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có nhiều thiên-nam, thiên-nữ hầu hạ, ...

* **Sakkaccadāna và asakkaccadāna**

- *Sakkaccadāna (cung kính thí)*: Thí-chủ nào tự mình đem vật-thí ít hoặc nhiều tạo phước-thiện bồ-thí cung-kính cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng với đức-tin trong sạch, hoặc cung-kính ban bố phân phát đến những người nghèo khổ khác.

Sau khi thí-chủ ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy có quả báu giàu sang phú quý, đặc biệt những người trong gia đình, bà con, nhóm thuộc hạ đều ngoan vâng lời theo người chủ.

- *Asakkaccadāna (bất kính thí)*: Thí-chủ nào tự mình đem vật-thí ít hoặc nhiều tạo phước-thiện bồ-thí đến những người khác một cách không cung-kính, xem thường.

Sau khi thí-chủ ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy có quả báu giàu sang phú quý, nhưng mà những người trong gia đình, bà con, nhóm thuộc hạ không ngoan vâng lời theo người ấy.

* **Ñāṇasampāyuttadāna và ñāṇavippayuttadāna**

- *Ñāṇasampāyuttadāna (bồ-thí hợp với trí-tuệ)*: Thí-chủ nào có trí-tuệ, có *chánh-kiến sở-nghiệp (kammassakatā sammādiṭṭhi)* tin nghiệp là của riêng mình, tin nghiệp và quả của nghiệp trong khi đang tạo phước-thiện bồ-thí ấy.

Sau khi thí-chủ ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người thì là **người tam-nhân (tīhetukapuggala)**.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành **người tam-nhân** vốn có trí-tuệ sáng suốt.

Nếu người tam-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiên-định thì có khả năng chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm.

Nếu người tam-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thì có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

- *Ñāṇavippayuttadāna (bồ-thí không hợp với trí-tuệ)*: Thí-chủ nào không có trí-tuệ, không có *chánh-kiến sở-nghiệp (kammassakatā sammādiṭṭhi)* trong khi đang tạo phước-thiện bồ-thí ấy.

Sau khi thí-chủ ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người thì là **người nhị-nhân (dvīhetukapuggala)**.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành **người nhị-nhân** vốn không có trí-tuệ.

Nếu người nhị-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiên-định thì không có khả năng chứng đắc bậc thiên nào cả.

Nếu người nhị-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thì không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

*** Asaṅkhārikadāna và sasaṅkhārikadāna**

- *Asaṅkhārikadāna (bổ-thí không do người khác tác-động)*: Thí-chủ nào tự mình tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, trải qua 3 thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bổ-thí ấy. Cho nên, đại-thiện-nghiệp bổ-thí ấy có nhiều năng lực, quả báu an-lạc của đại-thiện-nghiệp bổ-thí có nhiều năng lực.

- *Sasaṅkhārikadāna (bổ-thí do người khác tác-động)*: Thí-chủ nào nghe người khác tác-động mới tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, dù trải qua 3 thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bổ-thí ấy, đại-thiện-nghiệp bổ-thí ấy vẫn có ít năng lực, quả báu an-lạc của đại-thiện-nghiệp bổ-thí có ít năng lực.

Cho nên, trong hai loại phước thiện bổ-thí này thì phước-thiện bổ-thí được tạo do asaṅkhārikadāna có nhiều năng lực hơn phước-thiện bổ-thí được tạo do sasaṅkhārikadāna.

Có cách nào để chuyển đổi từ sasaṅkhārikadāna sang asaṅkhārikadāna hay không?

Ví dụ: Ông A đến tác-động mời ông B cùng nhau làm lễ tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng tại ngôi chùa ấy.

- Nếu ông B chấp thuận theo sự tác-động của ông A, thì ông B tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường y kathina ấy thuộc về loại *sasaṅkhārikadāna*: *phước-thiện bổ-thí do người khác tác-động*.

- Trường-hợp sau khi nghe ông A đến tác-động mời cùng nhau làm lễ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường y kathina như vậy, ông B suy xét rằng:

Phước-thiện bồ-thí cúng-dường y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng thuộc về kālādāna được quy định từ ngày 16 tháng 9 cho đến ngày rằm tháng 10, Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru-Tăng sau khi mãn mùa an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa, rồi được phép nhận lễ dâng y kathina của thí-chủ chỉ một lần duy nhất mà thôi.

Sau khi suy xét như vậy, ông B quyết định không bỏ lỡ cơ hội dịp may hiếm có này, nên ông B phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch cùng nhau tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng.

Nếu như vậy, thì ông B chủ động tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường y kathina ấy thuộc về loại *asasāṅkhārika-dāna*: *phước-thiện bồ-thí không do người khác tác-động.*

* Kālādāna và akālādāna

1- Kālādāna: Phước-thiện bồ-thí đúng thời, đúng lúc, đúng thời gian quy định như:

- *Vassikasāṭikadāna (Phước-thiện bồ-thí dâng y tám mưa):* Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru, sa-di nhận y tám mưa kể từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 15 tháng 6 là hết hạn. Trong khoảng thời gian 15 ngày ấy, chư tỳ-khuru sa-di chỉ nhận y tám mưa 1 lần trong một ngày nào đó mà thôi.

Vì vậy, thí-chủ có cơ hội tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường y tám mưa đến chư tỳ-khuru-Tăng trong khoảng thời gian 15 ngày.

- Kathinadāna: Phước-thiện bồ-thí dâng y kathina:

Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru-Tăng đã an cư nhập hạ suốt ba tháng mùa mưa tại một nơi nào rồi, sau khi ra hạ, chư tỳ-khuru-Tăng được phép nhận y kathina, kể từ

ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng 10. Trong khoảng thời gian một tháng ấy, chư tỳ-khuru-Tăng chỉ được thọ nhận y kathina 1 lần trong một ngày nào đó mà thôi, còn lại các ngày khác, không thể nhận y kathina được nữa.

Vì vậy, thí-chủ có cơ hội tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng trong khoảng thời gian một tháng ấy.

- *Gilānabhaddadāna*: Phước-thiện bổ-thí dâng vật thực đến tỳ-khuru bệnh.

- *Gilānupaṭṭhākabhaddadāna*: Phước-thiện bổ-thí dâng vật thực đến tỳ-khuru nuôi tỳ-khuru bệnh.

- *Gilānabhesajjadāna*: Phước-thiện bổ-thí dâng thuốc trị bệnh đến tỳ-khuru bệnh.

- *Āgantukabhaddadāna*: Phước-thiện bổ-thí dâng vật thực đến tỳ-khuru khách từ phương xa mới đến.

- *Gamikabhaddadāna*: Phước-thiện bổ-thí dâng vật thực đến tỳ-khuru sắp đi xa ...

Thí-chủ nào tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường trong trường-hợp này thuộc về *kāladāna*: phước-thiện bổ-thí cúng-dường đúng thời.

Sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bổ-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy có quả báu giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, và đặc biệt có quả báu an-lạc từ thời ấu-niên, thời trung-niên cho đến thời lão-niên, người ấy nếu cần có thứ gì trong đời thì dễ dàng có được thứ ấy như ý.

2- *Akāladāna*: Phước-thiện bổ-thí không quy định thời gian nào.

Thí-chủ nào tạo phước-thiện bổ-thí các vật-thí bất cứ thời gian nào, đến bất cứ hạng người nào, đến bất cứ loài chúng-sinh nào theo ý muốn.

Sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy nếu có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy có quả báu giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, tùy theo thuận-duyên, nếu khi gặp nghịch-duyên thì quả báu của đại-thiện-nghiệp ấy không thể duy trì được.

* Sappurisdāna và asappurisdāna

1- Sappurisdāna: Phước-thiện bồ-thí của bậc thiện-trí có 5 chi-pháp ⁽¹⁾:

1.1- Saddhadāna: Phước-thiện bồ-thí với đức-tin trong sạch.

Bậc thiện-trí tạo phước-thiện bồ-thí với đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, và quả báu đặc biệt là bậc thiện-trí ấy có sắc thân rất xinh đẹp đáng cho mọi người ngưỡng mộ.

1.2- Sakkaccadāna: Phước-thiện bồ-thí với đại-thiện-tâm cung-kính.

Bậc thiện-trí nào tạo phước-thiện bồ-thí với đại-thiện-tâm cung-kính người thọ thí, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, và quả báu đặc biệt là trong gia đình vợ con, các gia nhân, các bạn hữu, các thuộc hạ đều lắng nghe và cung-kính vâng theo lời dạy bảo.

1.3- Kāladāna: Phước-thiện bồ-thí hợp thời, đúng lúc.

Bậc thiện-trí nào tạo phước-thiện bồ-thí hợp thời, đúng

¹ Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, Sappurisdānasutta.

lúc, ... , đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, và quả báu đặc biệt là bậc thiện-trí ấy nếu cần có thứ gì thì dễ dàng có được thứ ấy theo ý của mình.

1.4- Anuggahitadāna: Phước-thiện bố-thí với tâm-từ, tâm-bi tế độ người thọ thí.

Bậc thiện-trí nào tạo phước-thiện bố-thí với tâm-từ, tâm-bi tế độ người thọ-thí, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, và quả báu đặc biệt là bậc thiện-trí ấy hưởng tâm hưởng mọi an-lạc trong của cải trong cuộc sống.

5- Anupahaccadāna: Phước-thiện bố-thí không tự làm khổ mình, không làm khổ đến những người khác.

Bậc thiện-trí nào tạo phước-thiện bố-thí không tự làm khổ mình, không làm khổ đến những người khác, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, và quả báu đặc biệt là tất cả của cải tài sản không bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, do nước lụt cuốn trôi, do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, do nhà vua hoặc nhà nước tịch thu, do người không ưa thích thừa hưởng.

2- Asappurisadāna: Người thiếu-trí tạo phước-thiện bố-thí có 5 chi-pháp:

2.1- Bố-thí không có đức-tin trong sạch.

Người thiếu-trí nào tạo phước-thiện bố-thí không có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản giàu sang phú quý, nhưng người thiếu-trí ấy có sắc thân không xinh đẹp không đáng cho mọi người ngưỡng mộ.

2.2- *Bồ-thí không có tâm cung-kính.*

Người thiếu-trí nào tạo phước-thiện bồ-thí với tâm không cung-kính người thọ-thí, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản giàu sang phú quý, nhưng trong gia đình vợ con, các gia nhân, các bạn hữu, các thuộc hạ, ... không chú ý lắng nghe và không vâng theo lời dạy bảo.

2.3- *Bồ-thí không hợp thời, không đúng lúc.*

Người thiếu-trí nào tạo phước-thiện bồ-thí không hợp thời, không đúng lúc, khi nào muốn thì tạo phước-thiện bồ-thí khi ấy, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản giàu sang phú quý, nếu khi người thiếu-trí ấy cần có thứ gì thì khó có được thứ ấy theo ý của mình.

2.4- *Bồ-thí không có tâm tế độ người thọ-thí.*

Người thiếu-trí nào tạo phước-thiện bồ-thí không có tâm tế độ người thọ-thí, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản giàu sang phú quý, nhưng không hướng tâm hưởng an-lạc trong của cải ấy. Trong cuộc sống hằng ngày, người thiếu-trí ấy mặc y phục các thứ vải xấu, dùng vật thực không ngon lành, sử dụng phương tiện đi lại bằng chiếc xe loại xấu.

1.5- *Bồ-thí tự làm khổ mình, làm khổ đến những người khác.*

Người thiếu-trí nào tạo phước-thiện bồ-thí tự làm khổ mình, làm khổ đến những người khác, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy cho quả báu có nhiều của cải tài sản giàu sang phú quý, nhưng tất cả của cải tài sản ấy dễ bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, do nước lụt cuốn trôi, do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, do nhà vua hoặc nhà nước tịch thu, do người không ưa thích thừa hưởng.

Trong kinh *Dakkhiṇavibhaṅgasutta* ⁽¹⁾ Đức-Phật dạy có 2 loại bố-thí là:

- *Pāṭipuggalikadāna*: Cá-nhân thọ-thí có 14 loại.
- *Samghadāna*: Chư-Tăng thọ-thí có 7 loại.

*** Pāṭipuggalikadāna: Cá-nhân thọ-thí có 14 bậc**

1- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

2- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác.

3- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh A-ra-hán.

4- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc bậc Thánh A-ra-hán.

5- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh Bất-lai.

6- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc bậc Thánh Bất-lai.

7- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh Nhất-lai.

8- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc bậc Thánh Nhất-lai.

9- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh Nhập-lưu.

10- Phước-thiện bố-thí cúng-dường đến hành-giả phạm-nhân thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc bậc Thánh Nhập-lưu.

11- Phước-thiện bố-thí đến hành-giả ngoài Phật-giáo chứng đắc bậc thiên sắc-giới thiện-tâm.

¹ Majjhimanikāya. Uparipañña, Dakkhiṇavibhaṅgasutta.

12- Phước-thiện bồ-thí đến hạng phàm-nhân có giới trong sạch.

13- Phước-thiện bồ-thí đến hạng phàm-nhân phạm giới, không có giới.

14- Phước-thiện bồ-thí đến loài súc-sinh.

Quả báu của 14 hạng cá-nhân thọ-thí

- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí đến loài súc-sinh ví như chó, mèo, chim, ... với đại-thiện-tâm tế độ vô tư, hoàn toàn không vụ lợi, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu là sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, khỏe mạnh, trí-tuệ được 100 kiếp.

- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí đến hạng phàm-nhân phạm giới, không có giới, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu ấy được 1.000 kiếp.

- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí đến hạng phàm-nhân có giới trong sạch, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu ấy được 100 ngàn kiếp.

- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí đến hành-giả ngoài Phật-giáo chứng đắc bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu ấy được 1.000 tỷ kiếp.

- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến hành-giả phàm-nhân thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc bậc Thánh Nhập-lưu, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu ấy được vô số kiếp.

- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến bậc Thánh Nhập-lưu, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu ấy được vô số kiếp hơn thế nữa.

- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến bậc Thánh Nhập-lưu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để chứng đắc bậc Thánh Nhất-lai, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu ấy được vô số kiếp hơn thế nữa.

Cứ như vậy, thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân càng cao, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu ấy được vô số kiếp hơn thế nữa.

Cho đến thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, thì đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có 5 quả báu ấy được vô số kiếp hơn thế nữa không sao kể được.

Samghadāna: Chư Tăng thọ-thí có 7 trường-hợp

1- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng 2 phái: chư tỳ-khuru-Tăng và chư tỳ-khuru-ni-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

2- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng 2 phái: chư tỳ-khuru-Tăng và chư tỳ-khuru-ni-Tăng, sau khi Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn.

3- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng.

4- Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-ni-Tăng.

5- Thí-chủ xin kính thỉnh một số tỳ-khuru (2, 3, 4, ... vị) trong chư tỳ-khuru-Tăng và một số tỳ-khuru-ni (2, 3, 4, ... vị) trong chư tỳ-khuru-ni-Tăng, rồi tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến số tỳ-khuru và số tỳ-khuru-ni ấy.

6- Thí-chủ xin kính thỉnh một số tỳ-khuru (2, 3, 4, ... vị) trong chư tỳ-khuru-Tăng, rồi tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến số tỳ-khuru ấy.

7- Thí-chủ xin kính thỉnh một số tỳ-khuru-ni (2, 3, 4, ... vị) trong chư tỳ-khuru-ni-Tăng, rồi tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến số tỳ-khuru-ni ấy.

Đó là 7 trường-hợp thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, chư tỳ-khuru-ni-Tăng.

Đức-Phật dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- *Này Ānanda! Trong thời vị-lai, sẽ có số tỳ-khuru chỉ là tên gọi tỳ-khuru mà thôi, số tỳ-khuru ấy có y quán cố, là tỳ-khuru phạm điều-giới (dussīla), hành ác-pháp. Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng trong đó có số tỳ-khuru phạm giới ấy.*

- *Này Ānanda! Thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí hướng tâm cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng trong thời vị-lai ấy. Như-lai dạy rằng:*

“Thí-chủ ấy có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy không thể kể được, là vô lượng. Như-lai không dạy cá-nhân thọ-thí có quả báu nhiều hơn chư tỳ-khuru-Tăng thọ thí bao giờ.”⁽¹⁾

Qua đoạn kinh trên, Đức-Phật dạy thí-chủ nên có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm nghĩ đến chư tỳ-khuru-Tăng là nghĩ đến ngôi Tăng-bảo là phước điền cao thượng của tất cả chúng-sinh, bởi vì chỉ có cá-nhân tỳ-khuru phạm-giới (*bhikkhu dussīla*) mà thôi, *su-thật không có Tăng phạm-giới (Saṃgho hi dussīlo nāma natthi)*. Ngôi Tăng-bảo là chư bậc Thánh-Tăng hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh cao thượng, cho nên thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, phải nên liên tưởng đến chư bậc Thánh-Tăng, thì chắc chắn phước thiện bố-thí ấy có quả báu vô lượng, không sao kể xiết.

Vì vậy, thí-chủ nên có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hướng đến chư tỳ-khuru-Tăng, không nên nghĩ đến cá nhân vị sa-di, vị tỳ-khuru, Ngài Trưởng-lão nào cả.*

Ví dụ: Thí-chủ nào muốn làm phước-thiện bố-thí cúng-dường đến ‘tỳ-khuru-Tăng thọ thí’ 1 vị, 2 vị, ... thí-

¹ Majjhimanikāya, Uparipañña, Dakkhināvivhaṅgasutta.

chủ ấy đến bạch với Ngài Trưởng-lão quản lý chư tỳ-khuru-Tăng rằng:

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin kính thỉnh Tăng 1 vị (hoặc 2 – 3, ... vị), kính xin Ngài chỉ định cho con số vị Tăng ấy, để con tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến số tỳ-khuru-Tăng ấy. Bạch Ngài.*

Khi Ngài Trưởng-lão ấy chỉ định số vị nào (dù là vị tỳ-khuru dù là vị sa-di), thí-chủ ấy nên hoan-hỷ cung-kính đón rước số vị ấy, để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến **tỳ-khuru-Tăng thọ thí**, bởi vì số vị ấy được chỉ định từ chư tỳ-khuru-Tăng.

Ngài Trưởng-lão ấy chỉ định vị sa-di hoặc vị tỳ-khuru phạm giới, hoặc Ngài Trưởng-lão có giới hạnh trang nghiêm, ... Nếu thí-chủ nào nghĩ rằng: *ta thỉnh được vị sa-di, hoặc vị tỳ-khuru phạm giới, hoặc Ngài Trưởng-lão có giới hạnh trang nghiêm như vậy*, thì thí-chủ ấy tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến **cá nhân thọ thí**, không phải đến **tỳ-khuru-Tăng thọ thí**, bởi vì thí-chủ ấy nghĩ đến cá-nhân mỗi vị.

Trong Chú-giải bài kinh trên, có ví dụ tích nói về phước-thiện bố-thí cúng-dường đến tỳ-khuru-Tăng thọ thí, được tóm lược như sau:

Một hôm cận-sự-nam thiện-trí đến chùa thỉnh **vị tỳ-khuru-Tăng** đến nhà để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực.

Ngài Trưởng-lão quản lý danh sách chư tỳ-khuru-Tăng trong chùa thấy lần này đến phiên một vị tỳ-khuru có giới-hạnh không trong sạch được chỉ định đại diện tỳ-khuru-Tăng đến nhà cận-sự-nam ấy.

Buổi sáng, vị tỳ-khuru ấy mặc y mang bát đến nhà, cận-sự-nam đón rước cung-kính như *một Ngài Trưởng-*

lão đại diện Tăng, như là rửa hai chân, lau hai bàn chân, thỉnh mời ngồi chỗ cao quý, tự tay mình cung-kính dâng những món vật thực ngon lành với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ và kính trọng tỳ-khuru-Tăng.

Sau khi vị tỳ-khuru thọ vật thực xong trở về chùa, cận-sự-nam ấy tiến đưa đến chùa cũng với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ và kính trọng tỳ-khuru-Tăng.

Buổi chiều, vị tỳ-khuru ấy đến nhà cận-sự-nam ấy mượn đồ dùng để làm việc riêng, cận-sự-nam ấy dùng chân đẩy món đồ dùng ra cho mượn, không kính trọng, rồi bảo rằng: *Hãy đem đi!*

Một người bên cạnh nhà theo dõi thấy hành vi cử chỉ của cận-sự-nam ấy vào buổi sáng và vào buổi chiều này hoàn toàn trái ngược nhau, không biết vì sao nên muốn tìm hiểu.

Người ấy đến gặp cận-sự-nam ấy hỏi rằng:

- *Thưa anh, tôi nhìn thấy sáng nay anh tỏ ra kính trọng vị tỳ-khuru có giới-hạnh không trong sạch ấy như một Ngài Trưởng-lão có giới-đức. Vào chiều nay anh lại đối xử với vị tỳ-khuru ấy không kính trọng. Tại sao vậy anh?*

Cận sự nam thí-chủ thưa rằng:

- *Thưa anh, bởi vì buổi sáng nay, tôi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực đến vị tỳ-khuru-Tăng, nên tôi có đại-thiện-tâm trong sạch cung-kính hướng tâm đến tỳ-khuru-Tăng thọ thí, không hướng tâm đến cá-nhân vị tỳ-khuru ấy.*

Vào chiều nay, tôi đối xử với vị tỳ-khuru ấy không kính trọng bởi vì tôi thấy rõ vị tỳ-khuru ấy có giới-hạnh không trong sạch, thân và khẩu không trang nghiêm, không thu thúc lục căn thanh-tịnh. Cho nên, tôi không cung-kính đến cá nhân vị tỳ-khuru vị ấy, không liên quan đến tỳ-khuru-Tăng.

Qua tích trên, cận-sự-nam thí-chủ có trí-tuệ hiểu biết cách tạo phước-thiện bồ-thí cúng-kính cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng thọ thí, dù gặp vị tỳ-khuru có giới-hạnh trong sạch hoặc không có giới-hạnh trong sạch thì phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến tỳ-khuru-Tăng thọ thí vẫn có được phước-thiện bồ-thí vô lượng, có quả báu của đại-thiện-nghiệp bồ-thí vô lượng, suốt vô lượng kiếp.

Như vậy, thí-chủ bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng thọ thí có phước-thiện bồ-thí hơn đến cá-nhân thọ thí.

Thí-chủ với người thọ-thí (Dāyaka với paṭiggāhaka)

Thí-chủ và người thọ-thí có 4 trường-hợp:

1- *Thí-chủ có đại-thiện-tâm trong sạch, với người thọ-thí không có tâm trong sạch.*

2- *Thí-chủ không có tâm trong sạch, với người thọ-thí có đại-thiện-tâm trong sạch.*

3- *Thí-chủ với người thọ-thí đều không có tâm trong sạch.*

4- *Thí-chủ với người thọ-thí đều có đại-thiện-tâm trong sạch.*

Giải giải 4 trường-hợp

1- *Thí-chủ có đại-thiện-tâm trong sạch, với người thọ-thí không có tâm trong sạch như thế nào?*

Trường hợp nếu thí-chủ là người có giới-hạnh trong sạch, hành thiện-pháp với người thọ-thí là người không có giới-hạnh trong sạch, hành ác-pháp, thì phước-thiện bồ-thí này cho quả báu không được hoàn toàn. Ví dụ:

Trường hợp Đức-Bồ-tát Vessantara thực-hành pháp-hạnh bồ-thí ba-la-mật bồ-thí 2 đứa con nhỏ là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đến cho ông bà-la-môn Jūjaka ăn xin không có giới-hạnh, hành ác-pháp; nhưng

do năng lực pháp-hạnh bồ-thí ba-la-mật ấy cũng có thể làm cho mặt đất rung chuyển.

2- *Thí-chủ không có tâm trong sạch, với người thọ-thí có đại-thiện-tâm trong sạch như thế nào?*

Trường hợp thí-chủ là người có giới-hạnh không trong sạch, hành ác-pháp với người thọ-thí có giới-hạnh trong sạch, hành thiện-pháp, thì phước-thiện bồ-thí ấy cho quả báu tương đối mà thôi. Ví dụ:

Như trường hợp người dân chài tạo phước-thiện bồ-thí để bát 3 lần đến Ngài *Trưởng-lão Dīghasoma* có *giới-đức trong sạch*. Người dân chài đến lúc lâm chung, phước-thiện bồ-thí để bát hiện ra, nên sau khi chết, đại-thiện-nghiệp bồ-thí để bát ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

3- *Thí-chủ với người thọ-thí đều không có tâm trong sạch như thế nào?*

Trường hợp thí-chủ là người không có giới-hạnh trong sạch, hành ác-pháp với người thọ-thí cũng không có giới-hạnh trong sạch, hành ác-pháp, thì phước-thiện bồ-thí ấy cho quả báu không đáng kể.

Ví dụ: Như trường hợp người thợ săn thú rừng tạo phước-thiện bồ-thí 3 lần đến vị *tỳ-khuru* không có giới-hạnh trong sạch, hành ác-pháp, rồi hồi hướng phần phước-thiện bồ-thí ấy đến loài *ngạ-quỷ* thân quyến, loài *ngạ-quỷ* ấy hoan-hỷ phần phước-thiện bồ-thí ấy không đáng kể, nên không thể thoát khỏi cảnh khổ kiếp *ngạ-quỷ*, nên than vãn rằng:

“Tỳ-khuru không có giới-hạnh ấy phá hoại phần phước-thiện bồ-thí của ta rồi!”

Về sau, loài *ngạ-quỷ* thân quyến hiện ra báo cho người thợ săn ấy biết rõ như vậy.

Lần này người thợ săn làm phước-thiện bố-thí cúng-dường để bát chỉ 1 lần đến vị tỳ-khuru có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp, rồi hồi hướng đến loài nga-quỷ thân quynh. Lần này, loài nga-quỷ ấy hoan-hỷ nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy có nhiều năng lực, nên thoát kiếp loài nga-quỷ, được tái-sinh hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

4- *Thí-chủ với người thợ-thí đều có đại-thiện-tâm trong sạch như thế nào?*

Trường hợp thí-chủ là người có giới-hạnh trong sạch, hành thiện-pháp với người thợ-thí cũng có giới-hạnh trong sạch, hành thiện-pháp, thì phước- thiện bố-thí này cho quả báu trọn vẹn hoàn toàn, có quả báu vô lượng không sao kể xiết. Ví dụ:

Ông bà Punṇa là thí-chủ nghèo có giới-hạnh trong sạch, hành thiện-pháp tạo phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm trong sạch cung-kính cúng-dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* là bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, nên phước-thiện bố-thí thanh cao ấy liền cho quả báu trở thành *đại phú hộ* ngay trong ngày hôm ấy.

Ông bà phú hộ Punṇa thỉnh Đức-Phật ngự đến tư gia cùng với chư tỳ-khuru-Tăng, tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng-dường vật thực lên Đức-Phật cùng với chư tỳ-khuru-Tăng suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ gia đình có 3 người là *ông bà phú hộ Punṇa* và người con gái *Uttarā* đều trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Ví dụ: người nông dân tài giỏi có được hạt giống tốt gieo ở thửa đất màu mỡ, thì chắc chắn sẽ thu hoạch được nhiều kết quả tốt.

Cũng như vậy, thí-chủ thiện-trí nào biết tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân có giới-

hạnh hoàn toàn trong sạch, có thiện-pháp cao thượng, thì chắc chắn thí-chủ thiện-trí ấy được nhiều phước-thiện bố-thí thanh cao cho quả báu an-lạc trong kiếp hiện-tại và trong vô số kiếp vị-lai cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán*, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Phước-thiện bố-thí có ba loại

*** Dānadāsi, dānasahāya, dānasāmi**

- *Dānadāsi: Bố-thí như cho đến kẻ tội-tớ*

Thí-chủ thường sử dụng những thứ đồ tốt, còn đem những thứ đồ xấu để tạo phước-thiện bố-thí đến cho những người khác. Ví như người chủ sử dụng thứ đồ tốt, còn cho thứ đồ xấu đến kẻ tội-tớ.

Quả báu của phước-thiện bố-thí này thuộc về bậc hạ không đáng hài lòng.

- *Dānasahāya: Bố-thí như tặng đến bạn thân*

Thí-chủ sử dụng những thứ đồ vật như thế nào, thì tạo phước-thiện bố-thí đến người khác những thứ đồ vật như thế ấy. Ví như thí-chủ sử dụng những thứ đồ vật như thế nào, đem tặng cho bạn thân những đồ vật cũng như thế ấy.

Quả báu của phước-thiện bố-thí này thuộc về bậc trung đáng hài lòng.

- *Dānasāmi: Bố-thí như biếu đến người chủ*

Thí-chủ thường sử dụng những thứ đồ vật xấu hoặc loại trung bình, còn đem những thứ đồ vật tốt, quý giá để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc nên cúng-dường, như mẹ cha, thầy tổ, chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Ví như người nhỏ kính biếu những thứ đồ vật quý giá đến bậc đáng kính trọng, bậc cao thượng, ...

Quả báu của phước-thiện bố-thí này thuộc về bậc thượng thật sự đáng hài lòng.

Năm loại bồ-thí gọi là đại-thí (Mahādāna)

Đức-Phật thuyết dạy trong bài kinh *Abhisandasutta*⁽¹⁾ có 5 loại bồ-thí gọi là đại-thí như sau:

- *Này chư tỳ-khuru, năm loại bồ-thí gọi là 5 đại-thí cao quý mà chư thiện-trí, sa-môn, Bà-la-môn không xao nhãng, trong quá khứ không từng xao nhãng, trong hiện-tại không xao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không xao nhãng. Nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

Năm loại bồ-thí gọi là 5 đại-thí ấy là thế nào?

1- *Này chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự sát-sinh, hoàn toàn tránh xa sự sát-sinh.*

- *Này chư tỳ-khuru! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn tránh xa sự sát-sinh gọi là bồ-thí sự vô hại, sự an toàn sinh-mạng của tất cả chúng-sinh, bồ-thí sự không oan trái, bồ-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.*

Khi đã bồ-thí sự vô hại, sự an toàn sinh-mạng, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

- *Này chư tỳ-khuru! Đó là sự bồ-thí thứ nhất gọi là đại-thí cao quý mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không xao nhãng, trong quá-khứ không từng xao nhãng, trong hiện-tại không xao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không xao nhãng.*

¹ *Āṅguttaranikāya, Aṭṭhakanipātapāli, kinh Abhisandasutta.*

Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

2- Nay chư tỳ-khuru! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự trộm-cắp, hoàn toàn **tránh xa sự trộm-cắp**.

- Nay chư tỳ-khuru! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự trộm-cắp** gọi là **bồ-thí** sự vô hại, sự an toàn tài sản của tất cả chúng-sinh, bồ-thí sự không oan trái, bồ-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.

Khi đã bồ-thí sự vô hại, sự an toàn tài sản, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

- Nay chư tỳ-khuru! Đó là **sự bồ-thí thứ nhì gọi là đại-thí cao quý** mà chư thiện trí, sa-môn, bà-la-môn không xao nhãng, trong quá-khứ không từng xao nhãng, trong hiện-tại không xao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không xao nhãng.

Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

3- Nay chư tỳ-khuru! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự tà-dâm, hoàn toàn **tránh xa sự tà-dâm**.

- Nay chư tỳ-khuru! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự tà-dâm** gọi là **bồ-thí** sự vô hại, sự an toàn (vợ, chồng, con của người khác), bồ-thí sự không oan trái, bồ-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn hạnh phúc gia đình, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

- Đây chư tỳ-khưu! Đó là **sự bố-thí thứ ba gọi là đại-thí cao quý** mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không xao nhãng, trong quá-khứ không từng xao nhãng, trong hiện-tại không xao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không xao nhãng.

Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

4- Đây chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh-thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự nói-dối, hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối**.

- Đây chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối** gọi là **bố-thí** sự vô hại, sự an toàn (không gây thiệt hại), bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn không thiệt hại, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

- Đây chư tỳ-khưu! Đó là **sự bố-thí thứ tư gọi là đại-thí cao quý** mà chư thiện trí, sa-môn, bà-la-môn không xao nhãng, trong quá-khứ không từng xao nhãng, trong hiện-tại không xao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không xao nhãng.

Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

5- *Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, hoàn toàn **tránh xa sự uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dễ duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp.*

- *Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dễ duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, gọi là **bồ-thí sự vô hại, sự an toàn (không gây ra tai hại), bồ-thí sự không oan trái, bồ-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.***

Khi đã bồ-thí sự vô hại, sự an toàn, không gây ra sự tai hại, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

- *Này chư tỳ-khưu! Đó là **sự bồ-thí thứ năm gọi là đại-thí cao quý** mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không xao nhãng, trong quá-khứ không từng xao nhãng, trong hiện-tại không xao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không xao nhãng.*

Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

- *Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **5 dòng phước, 5 dòng thiện** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

Trường-cửu-thí (Thāvaradāna)

Trường-cửu-thí là phước-thiện bố-thí những vật-thí có tính chất bền vững lâu dài theo thời gian và không gian, thì phước-thiện bố-thí ấy cũng tăng trưởng theo thời gian và không gian ấy, nghĩa là vật-thí còn tồn tại chừng nào thì phước-thiện bố-thí ngày đêm cũng tăng trưởng chừng ấy.

Trường-cửu-thí có 6 loại:

1- *Ārāmaropadāna* tạo phước-thiện bố-thí trồng những cây ăn quả, những cây cho bóng mát ở trong vườn, trồng những cây trong rừng, ...

2- *Vanaropadāna* tạo phước-thiện bố-thí trồng cây gỗ quý như: cẩm lai, cây sao... thành rừng cây gỗ quý.

3- *Setukārakadāna* tạo phước-thiện bố-thí xây cầu nối liền hai bên bờ sông để người qua lại được thuận lợi ngày đêm.

4- *Papadāna* tạo phước-thiện bố-thí để bình nước uống đặt bên đường để cho người qua, kẻ lại uống đỡ khát nước.

5- *Udapānadāna* tạo phước-thiện bố-thí đào giếng lấy nước dùng, nước uống cho mọi người.

6- *Upassayadāna* tạo phước-thiện bố-thí xây cất chùa, chánh điện nơi thờ Đức-Phật, giảng đường để thuyết-pháp, chỗ ở của chư tỳ-khưu-Tăng, ... rồi làm lễ dâng cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng từ bốn phương, xây cất nhà nghỉ, nhà trọ, các nhà ở cho những người nghèo khổ, không có nơi nương nhờ, v.v ...

Những vật-thí này có tính chất bền vững lâu dài theo thời gian và không gian, gọi là **trường-cửu-thí**, đem lại sự lợi ích, sự an-lạc cho mọi người. Cho nên, phước-thiện bố-thí của thí-chủ được tăng trưởng suốt ngày đêm cho đến khi vật-thí không còn tồn tại nữa.

Quả báu của phước-thiện bồ-thí

Trong kinh Dānānisamsasutta ⁽¹⁾ Đức-Phật dạy:

Thí-chủ làm phước-thiện bồ-thí có được 5 quả báu trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai như sau:

- 1- *Thí-chủ được nhiều người hài lòng kính mến.*
- 2- *Bậc thiện-trí thường gần gũi tế độ thí-chủ.*
- 3- *Tiếng lành, tiếng tốt của thí-chủ được lan truyền khắp mọi nơi.*
- 4- *Thí-chủ không xao nhãng việc thực-hành các pháp của người tại gia.*
- 5- *Sau khi thí-chủ chết, đại-thiện-nghiệp bồ-thí có cơ hội cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy.*

Quả báu của phước-thiện bồ-thí vật thực

Trong kinh Bhojanadānasutta ⁽²⁾ Đức-Phật dạy:

Thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí vật thực gọi là bồ-thí 5 pháp đến cho người thọ-thí.

- 1- *Bồ-thí sự sống lâu, nhờ vật thực nên duy trì được mạng sống.*
- 2- *Bồ-thí sắc đẹp, nhờ vật thực nên mặt mày tươi tỉnh, sắc thân hồng hào xinh đẹp.*
- 3- *Bồ-thí sự an-lạc, nhờ vật thực nên thân tâm có được sự an-lạc.*
- 4- *Bồ-thí sức khỏe, nhờ vật thực nên có được sức mạnh của thân, tâm.*
- 5- *Bồ-thí trí-tuệ, nhờ vật thực nên tâm được an tịnh, trí-tuệ sáng suốt.*

¹ Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, Dānānisamsāsutta.

² Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, Bhojanadānasutta.

- Khi thí-chủ bố-thí sự sống lâu rồi, sẽ có được tuổi thọ sống lâu trong cõi người và tuổi thọ trên cõi trời dục-giới

- Khi thí-chủ bố-thí sắc đẹp rồi, sẽ có được sắc đẹp trong cõi người và sắc đẹp trên cõi trời dục-giới.

- Khi thí-chủ bố-thí sự an-lạc rồi, sẽ có được thân tâm an-lạc trong cõi người và an-lạc trong các cõi trời dục-giới.

- Khi thí-chủ bố-thí sự khoẻ mạnh rồi, sẽ có được sức mạnh của thân tâm trong cõi người và sức mạnh của thân tâm trong cõi trời.

- Khi thí-chủ bố-thí trí-tuệ rồi, sẽ có được trí-tuệ, có tài ứng đối nhanh, khiến cho người nghe kính phục.

Quả báu của phước-thiện bố-thí trong kiếp hiện-tại

Kinh Sīhasenāpatisutta ⁽¹⁾ Đức-Phật dạy:

Một thuở nọ Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa trong khu rừng lớn gần kinh-thành Vesālī. Khi ấy, vị thừa-tướng Sīha đến hầu đảnh lễ Đức-Phật rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài thuyết giảng cho con thấy được quả báu của sự bố-thí ngay trong kiếp hiện-tại. Bạch Ngài.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Nay thừa-tướng Sīha! Thí-chủ là người được phần đông mọi người thương yêu kính mến. Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí hưởng trong kiếp hiện-tại.

- Nay thừa-tướng Sīha! Chư bậc thiện-trí thường đến tế độ thí-chủ. Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí hưởng trong kiếp hiện-tại.

¹ Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, kinh Sīhasenāpatisutta.

- *Này thừa-tướng Sĩha! Danh thơm tiếng tốt của thí-chủ được lan truyền khắp mọi nơi. Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí hưởng trong kiếp hiện-tại.*

- *Này thừa-tướng Sĩha! Thí-chủ đi vào hội đoàn nào như Vua-chúa, sa-môn, bà-la-môn, cư-sĩ có tâm dũng cảm, không rụt rè. Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí hưởng trong kiếp hiện-tại.*

- *Này thừa tướng Sĩha! Sau khi thí-chủ chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người, cõi trời dục-giới. Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí hưởng an-lạc trong những kiếp vị-lai.*

Nghe Đức-Phật thuyết giảng quả báu của phước-thiện bố-thí như vậy, vị thừa-tướng Sĩha bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài thuyết giảng quả báu của phước-thiện bố-thí bốn điều trước, không phải con tin, mà chính con đã thấy rõ, biết rõ rằng:*

Con là thí-chủ được phân đông mọi người thương yêu kính mến, chư bậc thiện-trí thường đến tế độ con, danh thơm tiếng tốt của con được lan truyền khắp mọi nơi rằng: “Thừa-tướng Sĩha là thí-chủ thường cúng-dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng...”

Con đi vào hội đoàn Vua-chúa, sa-môn, bà-la-môn, cư-sĩ với tâm dũng cảm, không rụt rè.

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, bốn quả báu của phước-thiện bố-thí mà con đã thấy rõ trong kiếp hiện-tại này, đúng như những điều mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng. Và điều thứ năm quả báu của phước-thiện bố-thí mà Ngài thuyết giảng:*

“Sau khi thí-chủ chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí có cơ hội cho quả được tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-

giới là cõi người, cõi trời dục-giới”. Còn quả báu của phước-thiện bổ-thí trong điều thứ năm này con chưa thấy, chưa biết, mà con có đức-tin theo Đức-Thế-Tôn.

Đức-Phật khẳng định lại một lần nữa rằng:

- *Này thừa tướng Sīha! Đúng như vậy.*

- *Này thừa tướng Sīha! Sau khi thí-chủ chết, đại-thiện-nghiệp bổ-thí có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người, cõi trời dục-giới. Đó là quả báu của phước-thiện bổ-thí hưởng an-lạc trong những kiếp vị-lai.*

Ba Đại Thí-Chủ Trong Phật-Giáo

Tích ông phú hộ Anāthapiṇḍika

Tích ông phú hộ Anāthapiṇḍika được gom nhặt từ nhiều nguồn tài liệu, rồi tóm lược như sau:

* Trong thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara ⁽¹⁾ xuất hiện trên thế gian, vào thời đại con người có tuổi thọ 100 ngàn năm. Khi ấy, tiền-kiếp của ông phú hộ Anāthapiṇḍika ⁽²⁾ là cận-sự-nam sinh tại kinh-thành Hamsavati. Một hôm, cận-sự-nam (tiền-kiếp của ông phú hộ) ngồi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, nhân dịp ấy, Đức-Phật Padumuttara tuyên dương công-đức của một cận-sự-nam là thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh bổ-thí trong các cận-sự-nam thí-chủ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Nghe thấy cận-sự-nam ấy như vậy, cận-sự-nam (tiền-kiếp của ông phú hộ Anāthapiṇḍika) vô cùng hoan-hỷ muốn trở thành cận-sự-nam thí-chủ xuất sắc nhất về

¹ Thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian đến Đức-Phật Gotama khoảng cách thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua 14 Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

² Chú-giải Ấng. Ekanipāta, Etadagga, Anāthapiṇḍikavatthu.

hạnh hoan-hỷ bố-thí trong các cận-sự-nam thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai.

Người cận-sự-nam (tiền-kiếp của ông phú hộ Anāthapindika) ấy đến kính đánh lễ Đức-Phật, rồi kính thỉnh Đức-Phật Padumuttara ngự đến tư gia cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng vào ngày hôm sau.

Đức-Phật Padumuttara làm thỉnh nhận lời. Cận-sự-nam ấy đánh lễ Đức-Phật, xin phép trở về nhà, chuẩn bị tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vào ngày hôm sau.

Đức-Phật Padumuttara ngự đi đến tư gia của cận-sự-nam cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, cận-sự-nam đón tiếp Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, rồi tự tay làm lễ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Sau khi Đức-Phật Padumuttara thọ thực xong, cận-sự-nam ấy đến cung-kính đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phước-thiện bố-thí cúng-dường mà con đã tạo trong ngày hôm nay, con chỉ có ý nguyện muốn trở thành cận-sự-nam thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh hoan-hỷ bố-thí trong các cận-sự-nam thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như cận-sự-nam của Ngài.*

Nghe cận-sự-nam bạch như vậy, Đức-Phật Padumuttara dùng Phật nhãn thấy rõ, biết rõ kiếp vị-lai của cận-sự-nam này, nên thọ ký xác định thời gian rằng:

“Trong thời vị-lai còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian, con sẽ là cận-sự-nam thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh bố-thí trong các hàng cận-sự-nam thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama trong thời vị-lai.”

Nghe Đức-Phật Padumuttara thọ ký xác định thời gian như vậy, cận-sự-nam vô cùng hoan-hỷ thực-hành mọi pháp-hạnh ba-la-mật nhất là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho đến trọn đời.

Từ thời kỳ Đức-Phật Padumuttara cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua 14 Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian, do nhờ năng lực của phước-thiện bố-thí, sau khi cận-sự-nam ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy trong đại-thiện-tâm khi thì cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, khi thì đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong gia đình phú hộ, có đức-tin trong sạch thường hoan-hỷ tạo phước-thiện bố-thí đến mọi người nghèo khổ, suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

* Đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu kiếp cận-sự-nam ấy, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau làm người con trai trong gia đình ông phú hộ Sumana trong kinh-thành Sāvathī, ông bà phú hộ đặt tên là **Sudatta**. Công-tử Sudatta trưởng thành lập ra trại bố-thí, hằng ngày hoan-hỷ phân phát vật-thực, đồ dùng cho những người cô độc không có nơi nương tựa. Vì vậy, mọi người thường gọi tên công-tử là **Anāthapiṇḍika**.⁽¹⁾

Về sau, phần đông mọi người biết đến tên mới là **Anāthapiṇḍika**, còn tên cũ **Sudatta** do ông bà phú hộ đặt cho ông ít ai biết đến.

Một hôm, phú hộ Anāthapiṇḍika dẫn đầu 500 cỗ xe chở hàng đi đến tư gia của phú hộ kinh-thành Rājagaha (phú hộ Anāthapiṇḍika là em rể của phú hộ Rājagaha).

¹Vinaya, Cūlavagga, Senāsanakkhandhaka, Anāthapiṇḍikavatthu.

Sáng ngày hôm sau, phú hộ Rājagaha sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực lên Đức-Phật Gotama cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, nên ông phú hộ bận truyền bảo các gia nhân thức dậy sớm làm các món ăn sẵn sàng, nên chưa đến đón tiếp phú hộ Anāthapiṇḍika như lần trước.

Sau khi sắp đặt mọi việc xong, phú hộ Rājagaha đến đón tiếp phú hộ Anāthapiṇḍika, rồi thưa với phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- Thưa phú hộ, xin lỗi tôi chậm đón tiếp ông, bởi vì ngày mai tôi có thỉnh Đức-Phật Gotama ngự đến biệt thự này cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực đến Đức-Phật Gotama cùng với chư tỳ-khuru-Tăng.

Nghe phú hộ Rājagaha nói đến danh hiệu **Buddha**: Đức-Phật, phú hộ Anāthapiṇḍika phát sinh hỷ lạc chưa từng có, nên hỏi lại đến lần thứ ba, bởi vì danh hiệu “**Buddha**” rất hy hữu, khó được nghe trong đời này. Phú hộ Anāthapiṇḍika thưa với phú hộ Rājagaha rằng:

- Thưa phú hộ, ngay bây giờ, tôi có thể đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật Gotama được hay không?

Phú hộ Rājagaha thưa rằng:

- Thưa phú hộ, bây giờ trời tối rồi, ông không nên đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật Gotama, ông nên ngủ lại đêm nay, chờ đến sáng ngày mai.

Trong đêm hôm ấy, phú hộ Anāthapiṇḍika nằm ngủ đến canh chót thì tỉnh giấc, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch niệm tưởng đối-tượng “**ân-Đức-Phật Buddhō**”, ánh sáng phát sinh, phú hộ tưởng rằng: *sáng sớm rồi!* Phú hộ thức dậy đi ra đến cửa thành có chư-thiên mở cửa cho phú hộ đi qua, ra khỏi thành một đoạn đường thì

ánh sáng bị mất, trời tối sầm lại, phú hộ phát sinh sân-tâm sợ sệt, muốn trở về. Khi ấy, nghe tiếng chư-thiên tác-động khuyến khích phú hộ nên tiếp tục đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật là cao thượng, không nên trở lui lại.

Nghe tác-động như vậy, phú hộ phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch niệm tưởng đối-tượng “*ân-Đức-Phật Buddho*”, ánh sáng phát sinh trở lại, bóng tối biến mất, phú hộ dũng cảm tiếp tục đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật.

Lần thứ nhì, cũng xảy ra tương tự như vậy, ...

Lần thứ ba, ánh sáng bị mất, bóng tối hiện ra, phú hộ phát sinh sân-tâm sợ sệt, muốn trở về. Khi ấy, nghe tiếng chư-thiên tác-động khuyến khích phú hộ nên tiếp tục đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật là cao thượng, không nên trở lui lại.

Nghe tác-động như vậy, phú hộ phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch niệm tưởng đối-tượng “*ân-Đức-Phật Buddho*”, ánh sáng phát sinh trở lại, bóng tối biến mất, phú hộ dũng cảm tiếp tục đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật.

Khi ấy, *Đức-Phật Gotama* ngự đi kinh hành vào canh chót đêm, nhìn thấy phú hộ Anāthapiṇḍika từ xa đi đến, Đức-Phật dừng lại, ngồi một nơi đã trải sẵn, truyền gọi phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- *Này Sudatta! Con hãy lại đây.*

Ngay khi ấy, phú hộ Anāthapiṇḍika vô cùng hoan-hỷ nghĩ rằng: “*Đức-Phật gọi tên thật của ta*”, rồi quỳ gối đi đến gần gục đầu xuống đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài vẫn được an-lạc như thường. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy bài kệ rằng:

- *Này Sudatta! Bậc Thánh A-ra-hán diệt tận được mọi phiền-não rồi, tâm luôn luôn an-lạc.*

Bậc Thánh A-ra-hán nào không dính mắc trong ngũ dục, tâm vắng lặng không còn chấp thủ trong ngũ-uẩn, chặt đứt mọi ràng buộc rồi, diệt sự nóng nảy trong tâm, đạt đến sự an tịnh trong tâm, nên tâm của bậc Thánh A-ra-hán ấy luôn luôn được an-lạc.

Tiếp theo Đức-Phật thuyết-pháp *anupubbikathā* theo tuần tự tế độ phú hộ Anāthapiṇḍika đó là *pháp bố-thí, các điều giới, các cõi trời, tội lỗi của đối-tượng ngũ-dục, quả báu của sự thoát ra khỏi đối-tượng ngũ-dục*. Khi ấy, phú hộ Anāthapiṇḍika có đại-thiện-tâm trong sạch dễ dạy, Đức-Phật thuyết-pháp *tứ-đế* đó là *khổ-đế, nhân sinh khổ-đế, diệt khổ-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế*, phú hộ Anāthapiṇḍika thực-hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được *tà-kiến* và *hoài-nghi*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* ngay tại nơi ấy.

Phú hộ Anāthapiṇḍika tán dương ca tụng rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật rõ ràng quá!*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật hay tuyệt vời quá! Ví như người lật ngửa vật bị úp xuống, mở ra vật bị đóng kín, chỉ đường cho người lạc đường, rọi đèn vào chỗ tăm tối để cho người có đôi mắt sáng được nhìn thấy mọi vật như thế nào, Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp giảng dạy với nhiều cách cũng như thế ấy.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nương nhờ nơi chư tỳ-khuru Tăng-bảo.*

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng nhận lời thọ thực của con vào ngày mai, tại tư gia của phú hộ Rājagaha, để cho con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Đức-Thế-Tôn nhận lời thỉnh mời bằng cách làm thỉnh. Phú hộ Anāthapiṇḍika biết rằng: Đức-Thế-Tôn đã nhận lời thỉnh mời rồi, nên kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về báo cho phú hộ Rājagaha biết rằng:

- Nay ông phú hộ, sáng ngày mai, tôi sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, tại tư gia của ông. Xin ông phú hộ hoan-hỷ hỗ trợ.

Ông phú hộ Rājagaha hoan-hỷ hỗ trợ.

Như vậy, ngày hôm ấy, phú hộ Rājagaha tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Vào ngày hôm sau, phú hộ Anāthapiṇḍika sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường, nên ông phú hộ nhờ các gia nhân thức dậy sớm lo chuẩn bị các món vật thực ngon lành vào ngày hôm sau.

Sáng hôm ấy đến giờ, phú hộ Anāthapiṇḍika truyền bảo người đến kính thỉnh Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Đức-Phật Gotama ngự đi đến tư gia của phú hộ Rājagaha cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, ngồi trên chỗ đã trải sẵn, phú hộ Anāthapiṇḍika tự tay kính dâng các món vật thực ngon lành lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Sau khi Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đã thọ thực xong, phú hộ Anāthapiṇḍika đánh lễ Đức-Phật, rồi kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng ngự đến tế độ dân chúng trong kinh-thành Sāvattihī. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này phú hộ Anāthapiṇḍika! Như-lai cùng với chư tỳ-khuru-Tăng hoan-hỷ trú nơi thanh vắng.*

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con biết rồi. Bạch Ngài.*

Khi ấy, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ phú hộ Anāthapiṇḍika làm cho phú hộ vô cùng hoan-hỷ trong lời giáo huấn của Đức-Phật, rồi Đức-Phật ngự đi trở về cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Sau khi xong công việc tại kinh-thành Rājagaha, phú hộ Anāthapiṇḍika trở về kinh-thành Sāvattihī.

Từ kinh-thành Rājagaha đến kinh-thành Sāvattihī có khoảng cách 45 do-tuần⁽¹⁾. Trên đường đi, mỗi do-tuần, phú hộ Anāthapiṇḍika chỉ ra số tiền 100 ngàn thuê thợ xây cất chỗ ở để Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng dùng chân nghỉ ngơi.

Khi về đến kinh-thành Sāvattihī, phú hộ Anāthapiṇḍika đi vòng quanh ngoại thành, tìm một thửa đất để xây cất ngôi chùa làm chỗ ở của Đức-Phật với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Thửa đất ấy là nơi không gần kinh-thành quá, không xa kinh-thành quá, tất cả mọi dân chúng đi lại thuận lợi, ban ngày vắng người qua lại, ban đêm yên tịnh.

¹ 1 do-tuần có chiều dài khoảng 20 cây số.

Phú hộ Anāthapiṇḍika nhìn thấy khu vườn của **hoàng-tử Jeta** là nơi không gần kinh-thành quá, không xa kinh-thành quá, tất cả mọi dân chúng đi lại được thuận lợi, ban ngày vắng người qua lại, ban đêm yên tĩnh, đó là nơi rất thích hợp xây cất ngôi chùa lớn để làm chỗ ở của Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Khi ấy, phú hộ Anāthapiṇḍika xin phép vào yết kiến hoàng-tử Jeta, rồi tâu rằng:

- *Tâu Hoàng-tử, kính xin Hoàng-tử nhường lại khu vườn ấy cho thảo dân để xây cất ngôi chùa lớn cúng-dường lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Hoàng-tử muốn thảo dân báo đáp thế nào, thảo dân cũng cố gắng làm hài lòng Hoàng-tử được.*

Hoàng-tử Jeta truyền bảo rằng:

- *Này phú hộ! Ta không thể nhường khu vườn ấy cho nhà ngươi được, nếu nhà ngươi muốn thì trái vàng (hirañña) trên khu vườn ấy.*

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika chấp thuận theo điều kiện của hoàng-tử Jeta. Ông phú hộ Anāthapiṇḍika truyền bảo các gia nhân đem xe chở vàng từ trong kho đến trải sát trên mặt đất từ trong ra ngoài khắp khu vườn của hoàng-tử Jeta, chỉ còn lại phần đất nhỏ gần cửa ra vào.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika truyền bảo gia nhân chở vàng đến trải kín phần đất nhỏ còn lại.

Khi ấy, hoàng-tử Jeta nghĩ rằng: *Phú hộ Anāthapiṇḍika đã xuất ra số vàng quá lớn rồi, còn phần đất nhỏ này thuộc về của ta.*

Hoàng-tử Jeta truyền bảo phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- *Này phú hộ Anāthapiṇḍika! Đủ rồi! Phú hộ. Ông không cần trải vàng trên phần đất nhỏ ấy. Xin ông để lại phần đất nhỏ ấy cho ta.*

* Phần *Hoàng-tử Jeta* truyền bảo người xây cất công ra vào ngôi chùa. Ông phú hộ Anāthapiṇḍika đặt tên ngôi chùa là *JETAVANA* có nghĩa là *khu vườn của hoàng-tử Jeta*.

Phú hộ Anāthapiṇḍika xây dựng ngôi chùa Jetavana

* Ông phú hộ Anāthapiṇḍika xây cất ngôi chùa lớn Jetavana và các phần khác như Gandhakuṭi của Đức-Phật, các cốc chỗ ở của chư Đại-Trưởng-lão, chỗ ở lớn của chư tỳ-khuru, hội trường nghe pháp, phòng ăn lớn, phòng hơi nóng, nhà vệ sinh, phòng lớn đi kinh hành, đường đi kinh hành, nhà bếp, đào giếng nước, đào hồ lớn, v.v ...

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika xuất ra số vàng (*hirañña*) trải kín trên mặt đất khu vườn của hoàng-tử Jeta trị giá 180 triệu *kahāpaṇa*, rồi thuê người xây cất ngôi chùa Jetavana suốt 9 tháng mới hoàn thiện, ông phú hộ Anāthapiṇḍika chi thêm 180 triệu *kahāpaṇa*.

Đức-Phật Gotama ngự đi đến kinh-thành Sāvattthī

Đức-Phật Gotama ngự đi đến kinh-thành Sāvattthī cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, từ kinh-thành Rājagaha đến kinh-thành Sāvattthī có khoảng cách 45 do-tuần. Trên đường đi mỗi do-tuần Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng dừng lại nghỉ chân tại chỗ ở mà phú hộ Anāthapiṇḍika đã thuê người xây cất sẵn, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ dân chúng tại nơi ấy, rồi tiếp tục lên đường ngự đi đến nơi khác như vậy cho đến kinh-thành Sāvattthī.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika kính thỉnh Đức-Phật ngự đến ngôi chùa Jetavana cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, phú hộ Anāthapiṇḍika đánh lễ Đức-Phật, rồi kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ vật thực tại tư gia của con vào ngày mai.*

Đức-Phật nhận lời thỉnh mời của phú hộ Anāthapiṇḍika bằng cách làm thỉnh. Ông phú hộ biết Đức-Phật đã nhận lời nên đánh lễ Đức-Phật, rồi xin phép trở về nhà, truyền bảo gia nhân chuẩn bị các món vật thực ngon lành để tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng cho ngày hôm sau.

Sáng ngày hôm ấy, ông phú hộ Anāthapiṇḍika truyền bảo gia nhân đi đến thỉnh Đức-Phật ngự đi đến tư gia của mình cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Đức-Phật Gotama ngự đi đến tư gia của phú hộ Anāthapiṇḍika cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, ngồi chỗ cao quý đã sắp đặt sẵn, ông phú hộ Anāthapiṇḍika tự tay cung-kính dâng cúng-dường các món vật thực ngon lành lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Sau khi Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ thực xong, ông phú hộ Anāthapiṇḍika đánh lễ Đức-Phật, ngồi một nơi hợp lẽ bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính dâng ngôi chùa Jetavana đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Vậy, con cần phải thực-hành bằng cách nào? Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- *Này phú hộ Anāthapiṇḍika! Con nên làm lễ dâng cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng tứ phương đã đến và chưa đến.*

Vâng theo lời truyền dạy của Đức-Phật, ông phú hộ Anāthapiṇḍika làm lễ cung-kính dâng cúng-dường ngôi

chùa Jetavana đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng tứ phương đã đến và chưa đến có Đức-Phật chủ trì.

Khi ấy, Đức-Phật thuyết dạy lời anumodanā: hoan-hỷ cúng-dường ngôi chùa Jetavana bằng câu kệ như sau:

Ngôi chùa Jetavana là nơi ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh và thú dữ.

Ngoài ra, ngăn ngừa rắn độc, muỗi, mưa gió trong mùa mưa bão, lúc nóng bức.

Cúng-dường ngôi chùa Jetavana đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng làm nơi trú ẩn để thực-hành pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ.

Đức-Phật tán dương ca tụng rằng:

Cúng-dường chỗ ở là phước-thiện cao quý, vì lý do ấy.

Người có trí-tuệ thấy rõ sự lợi ích của mình nếu có khả năng thì nên xây cất ngôi chùa thuận lợi, rồi cúng-dường đến chư tỳ-khuru học nhiều hiểu rộng.

Thí-chủ có đức-tin trong sạch kính dâng các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khuru-Tăng, bởi vì chư tỳ-khuru có khả năng thuyết-pháp tế độ các thí-chủ, giúp họ giảm bớt nỗi khổ tâm, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ.

Sau khi thuyết dạy anumodanā: hoan-hỷ cúng-dường ngôi chùa Jetavana xong, Đức-Phật ngự trở về chùa cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Phật chủ trì trong thời gian khánh thành ngôi chùa Jetavana suốt 3 tháng, chi thêm số tiền 180 triệu kahāpaṇa.

Như vậy, ông phú hộ Anāthapiṇḍika là đại thí-chủ đã tạo phước-thiện bố-thí mua đất của hoàng-tử Jeta, rồi xây cất hoàn thành ngôi chùa Jetavana và làm lễ khánh thành suốt 3 tháng, tổng số tiền 540 triệu kahāpaṇa.

Bố-thí cúng-dường của phú hộ Anāthapiṇḍika

Khi Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, ông phú hộ Anāthapiṇḍika hoan-hỷ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, nên hằng ngày trong nhà của ông phú hộ luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng 500 *chỗ* ngôi dành cho 500 vị tỳ-khuru như sau:

- 500 vị tỳ-khuru có thể dùng vật thực hằng ngày.
- 500 vị tỳ-khuru có thể dùng vật thực trong ngày rằm và cuối tháng.
- 500 vị tỳ-khuru có thể dùng cháo buổi sáng.
- 500 vị tỳ-khuru có thể dùng cháo trong ngày rằm và cuối tháng.
- 500 vị tỳ-khuru khách từ phương xa đến dùng vật thực.
- 500 vị tỳ-khuru sắp đi xa dùng vật thực.
- 500 vị tỳ-khuru bệnh dùng vật thực.
- 500 vị tỳ-khuru nuôi tỳ-khuru bệnh dùng vật thực.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika hoan-hỷ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng như vậy, cho nên, một hôm Đức-Phật Gotama ngự tại ngôi chùa Jetavana tuyên dương công đức của ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

“Bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ upāsakaṇaṃ yadidaṃ Sudatto Anāthapiṇḍiko.”

- *Này chư tỳ-khuru! Trong hàng cận-sự-nam Thanh-văn đệ-tử của Như-Lai, Sudatta Anāthapiṇḍika là cận-sự-nam thí chủ xuất sắc nhất về hạnh hoan-hỷ bố-thí.*

Đúng như Đức-Phật Padumuttara quá-khứ đã từng thọ ký cận-sự-nam tiền-kiếp của ông phú hộ Anāthapiṇḍika như vậy.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika mỗi ngày 1- 2 lần đến hầu đánh lễ Đức-Phật, thăm viếng chư tỳ-khuru, sa-di, mỗi lần đều có mang theo những thứ vật dụng cần thiết đối với chư tỳ-khuru, sa-di.

Ngày cuối cùng của ông phú hộ Anāthapiṇḍika

Trong kinh *Anāthapiṇḍikasutta*⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Một thưở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, ông phú hộ Anāthapiṇḍika bị lâm bệnh trầm trọng, gọi người thân tín đến truyền bảo rằng:

- *Này con thân yêu! Con hãy đi đến hầu Đức-Phật, cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, rồi bạch theo lời của ta rằng:*

“- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phú hộ Anāthapiṇḍika bị lâm bệnh trầm trọng khổ thân, cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Thế-Tôn.*”

Tiếp theo, con đi đến hầu Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, rồi bạch theo lời của ta rằng:

“- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, phú hộ Anāthapiṇḍika lâm bệnh trầm trọng khổ thân, cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão.*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm bi tế độ đi đến tư gia của phú hộ Anāthapiṇḍika. Bạch Ngài.*”

¹ Maj. Uparipañña, Saḷāyatanavagga, Anāthapiṇḍikasutta.

Sau khi nhận lời căn dặn của phú hộ Anāthapiṇḍika xong, người thân tín ấy đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật, ngồi một nơi hợp lẽ, rồi bạch theo nguyên lời căn dặn của ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

“- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phú hộ Anāthapiṇḍika bị lâm bệnh trầm trọng khổ thân, cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Thế-Tôn.”

Tiếp theo đi đến hầu đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, ngồi một nơi, rồi bạch theo y nguyên lời căn dặn của ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

“- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, phú hộ Anāthapiṇḍika lâm bệnh trầm trọng khổ thân, cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm bi tế độ đi đến tư gia của phú hộ Anāthapiṇḍika. Bạch Ngài.”

Sau khi nghe người thân tín của ông phú hộ Anāthapiṇḍika bạch như vậy. Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nhận lời cùng với Ngài Trưởng-lão Ānanda đi đến tư gia của ông phú hộ Anāthapiṇḍika, ngồi chỗ ngồi đã trải sẵn.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền hỏi ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- Nay phú hộ! Con có kham nhẫn nổi thọ khổ không? Tứ đại của con được điều hòa không?

Thọ khổ có giảm bớt, không tăng lên phải không?

Bệnh tình có giảm bớt, không tăng lên phải không?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi, ông phú hộ Anāthapiṇḍika bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con không kham nhẫn nổi thọ khổ. Tứ đại của con không được điều hòa.

Thọ khổ càng tăng lên, không giảm bớt.

Bệnh tình tăng lên, không giảm bớt. Bạch Ngài.

Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thuyết-pháp giảng dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika được tóm lược như sau:

- *Này phú hộ! Ông nên có chánh-niệm và trí-tuệ-tĩnh-giác thấy rõ, biết rõ:*

- *Khi mắt tiếp xúc với đối-tượng sắc phát sinh nhãn-thức-tâm thấy đối-tượng sắc, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi tai tiếp xúc với đối-tượng thanh phát sinh nhĩ-thức-tâm thấy đối-tượng thanh, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi mũi tiếp xúc với đối-tượng hương phát sinh tỷ-thức-tâm ngửi đối-tượng hương, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi lưỡi tiếp xúc với đối-tượng vị phát sinh thiệt-thức-tâm nếm đối-tượng vị, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi thân tiếp xúc với đối-tượng xúc phát sinh thân-thức-tâm xúc-giác đối-tượng xúc, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi ý môn tiếp xúc với đối-tượng pháp phát sinh ý-thức-tâm biết đối-tượng pháp, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Không nên chấp thủ sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, là ta, là của ta ...*

Ngài Đại-Trưởng-lão giảng dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- *Này phú hộ! Ông có chánh-niệm và trí-tuệ-tĩnh-giác thấy rõ, biết rõ:*

- *Không nên chấp thủ trong ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cho là ta, là của ta.*

Tiếp theo Ngài Trưởng-lão Ānanda cũng khuyên dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika thực-hành theo lời giảng dạy của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika vô cùng hoan-hỷ nghe lời giảng dạy của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda.

Sau đó, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda từ giã trở về ngôi chùa Jetavana.

Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika hiện xuống

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda từ giã trở về ngôi chùa Jetavana không lâu, ông phú hộ Anāthapiṇḍika vốn là bậc Thánh Nhập-lưu chết, sau khi chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có **đại-quả-tâm** hợp với *trí-tuệ* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị thiên-nam Anāthapiṇḍika** có hào quang sáng ngời trên cõi trời Tusitā (Đâu-suất-đà-thiên) trong lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ giữa khu vườn rộng lớn, v.v ...

Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika suy xét thấy rõ, biết rõ rằng: *những quả báu lớn này là quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí mà tiền-kiếp của mình ở cõi người đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường ngôi chùa Jetavana và các thứ vật dụng cần thiết đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Phật Gotama chủ trì.*

Vào canh giữa ngày đêm hôm ấy, *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* có hào quang sáng ngời hiện xuống tại

ngôi chùa Jetavana làm cho xung quanh ngôi chùa Jetavana sáng ngời (*thi thể của ông phú hộ Anāthapiṇḍika đang nằm tại tư gia của ông*).

Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika đến hầu cung-kính đánh lễ Đức-Phật rồi đứng một nơi hợp lẽ, chấp hai tay bạch với Đức-Phật bằng câu kệ rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngôi chùa Jetavana này có lợi ích đối với con, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại nơi này cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng cao thượng.*

*Các chúng-sinh trong sạch thanh-tịnh cao quý do 5 pháp là **nghiệp** đó là tác-y trong Thánh-đạo-tâm, **minh** đó là trí-tuệ trong Thánh-đạo-tâm, **pháp** đó là định tâm trong Thánh-quả-tâm, **giới** giữ gìn các điều-giới trong sạch, **nuôi mạng cao quý** đó là sống theo chánh-mạng; con người cao quý không phải do dòng dõi hoặc do giàu sang phú quý, quyền cao chức trọng.*

Vì vậy, bậc thiện-trí biết sự lợi ích của mình thực-hành pháp-hành thiện-tuệ dẫn đến chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả thanh-tịnh.

Vị tỳ-khuru nào hướng tâm đến Niết-bàn, vị tỳ-khuru ấy chứng đắc Niết-bàn cao quý. Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là Bậc cao quý do trí-tuệ, giới thanh-tịnh, đã diệt tận được mọi phiền-nã không còn dư sót.

Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika bạch câu kệ như vậy, biết Đức-Phật hài lòng, vị thiên-nam đánh lễ cung-kính Đức-Phật rồi biến mất, trở về cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên.

Khi ấy, đêm đã qua, sáng ngày hôm ấy, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Vào canh giữa đêm hôm qua, vị thiên-nam có hào quang sáng ngời hiện xuống tại ngôi chùa Jetavana làm cho xung quanh ngôi chùa Jetavana*

sáng ngời, vị thiên-nam ấy đến hầu cung-kính đánh lễ Như-lai, rồi đứng một nơi hợp lễ, chấp hai tay bạch với Như-lai bằng câu kệ như vậy, biết Như-lai hài lòng, vị thiên-nam ấy cung-kính đánh lễ Như-lai rồi biến mất trở về cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên.

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda kính bạch với Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị thiên-nam ấy có phải là vị thiên-nam *Anāthapiṇḍika*? Bạch Ngài.

Thường ngày ông phú hộ *Anāthapiṇḍika* có đức-tin trong sạch nơi Ngài Đại-Trưởng-lão *Sāriputta*.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Ānanda! Đúng như vậy, con đoán không sai, vị thiên-nam ấy chính là vị thiên-nam *Anāthapiṇḍika* từ cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên hiện xuống vào canh giữa đêm qua.

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda hoan-hỷ theo lời dạy của Đức-Phật.

Tử sinh luân-hồi của vị thiên-nam *Anāthapiṇḍika*

Vị thiên-nam *Anāthapiṇḍika* là 1 trong 7 bậc Thánh Nhập-lưu⁽¹⁾ đặc biệt, có lời phát nguyện thích hưởng an-lạc các tầng trời dục-giới theo tuần tự cho đến các tầng trời sắc-giới phạm-thiên tốt đỉnh gọi là *Akāṅiṭṭhā* (Sắc-cửu-cánh-thiên), mới trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, vị thiên-nam *Anāthapiṇḍika* tại cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên thứ 4 có tuổi thọ 4.000 năm cõi trời này, bằng 756 triệu năm cõi người, (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 400 năm cõi người).

¹ Chú-giải Samyuttanikāya, Mahāvagga, Ekabijīsuttavaṇṇanā.

- Sau khi vị *thiên-nam Anāthapiṇḍika* chết, *đại-thiên-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *thiên-nam Anāthapiṇḍika* trên cõi trời *Hóa-lạc-thiên thứ 5* có tuổi thọ 8.000 năm cõi trời này, bằng 2.304 triệu năm cõi người (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 800 năm cõi người).

- Sau khi vị *thiên-nam Anāthapiṇḍika* chết, *đại-thiên-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *thiên-nam Anāthapiṇḍika* trên cõi trời *Tha-hóa-tự-tại-thiên thứ 6* tột đỉnh có tuổi thọ 16.000 năm cõi trời này, bằng 9.216 triệu năm cõi người (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 1.600 năm cõi người). Tại cõi trời dục-giới này, vị *thiên-nam Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiên-định, chứng đắc *đệ-nhất-thiền sắc-giới thiện-tâm*.

- Sau khi vị *thiên-nam Anāthapiṇḍika* chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ-nhất-thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *phạm-thiên Anāthapiṇḍika* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Phạm-chúng-thiên* có tuổi thọ 1/3 a-tăng-kỳ trụ của đại-kiếp trái đất. Tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này, vị *phạm-thiên Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiên-định, chứng đắc *đệ-nhị-thiền sắc-giới thiện-tâm*.

- Sau khi vị *phạm-thiên Anāthapiṇḍika* chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ-nhị-thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *phạm-thiên Anāthapiṇḍika* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Thiểu-quang-thiên* có tuổi thọ 2 đại-kiếp trái đất. Tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này, vị *phạm-thiên Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiên-định, chứng đắc *đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm*.

- Sau khi vị phạm-thiên *Anāthapiṇḍika* chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-tứ-thiên sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên *Anāthapiṇḍika* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Thiểu-tịnh-thiên* có tuổi thọ 16 đại-kiếp trái đất. Tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này, vị phạm-thiên *Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiền-định, chứng đắc đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm và thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc bậc Thánh Bất-lai.

- Sau khi vị phạm-thiên *Bất-lai Anāthapiṇḍika* có tín-pháp-chủ nhiều năng lực chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên *Bất-lai Anāthapiṇḍika* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Avihā: Vô-phiền-thiên* có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất. Tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này, vị phạm-thiên *Bất-lai Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiền-định, chứng đắc trở lại đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm.

- Sau khi vị phạm-thiên *Bất-lai Anāthapiṇḍika* có tín-pháp-chủ nhiều năng lực chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên *Bất-lai Anāthapiṇḍika* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Atappā: Vô-nhiệt-thiên* có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp trái đất. Tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này, vị phạm-thiên *Bất-lai Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiền-định, chứng đắc trở lại đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm.

- Sau khi vị phạm-thiên *Bất-lai Anāthapiṇḍika* có niệm-pháp-chủ nhiều năng lực chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên *Bất-lai Anāthapiṇḍika* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên

Sudassā: Thiên-hiện-thiên có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp trái đất. Tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này, vị phạm-thiên *Bát-lai Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiên-định, chúng đắc trở lại *đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm*.

- Sau khi vị phạm-thiên *Bát-lai Anāthapiṇḍika* có *định-pháp-chủ* nhiều năng lực chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong *đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên *Bát-lai Anāthapiṇḍika* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Sudassā: Thiên-kiến-thiên* có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp trái đất. Tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này, vị phạm-thiên *Bát-lai Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiên-định, chúng đắc trở lại *đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm*.

- Sau khi vị phạm-thiên *Bát-lai Anāthapiṇḍika* có *tuệ-pháp-chủ* nhiều năng lực chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong *đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên *Bát-lai Anāthapiṇḍika* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Akaniṭṭhā: Sắc-cứu-cánh-thiên tột đỉnh* có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất. Tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này, vị phạm-thiên *Bát-lai Anāthapiṇḍika* thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chúng đắc bậc Thánh A-ra-hán.

Khi vị phạm-thiên *A-ra-hán Anāthapiṇḍika* hết tuổi thọ chết, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, ông phú hộ *Anāthapiṇḍika* là bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt phát nguyện hưởng an-lạc trong các cõi trời dục-giới và các tầng trời sắc-giới phạm-thiên cho đến cõi *Akaniṭṭhā: Sắc-cứu-cánh-thiên tột đỉnh*, sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tích cận-sự-nữ đại thí-chủ Visākhā

Tích cận-sự-nữ đại thí-chủ Visākhā được gom nhặt từ các nguồn tài liệu, rồi tóm lược như sau:

* Trong thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* ⁽¹⁾ xuất hiện trên thế gian, vào thời đại con người có tuổi thọ 100 ngàn năm. Khi ấy, tiền-kiếp của bà *Visākhā* ⁽²⁾ là cận-sự-nữ sinh ra tại kinh-thành Hamsavati.

Một hôm, *cận-sự-nữ (tiền-kiếp của bà Visākhā)* ngồi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, nhân dịp ấy, *Đức-Phật Padumuttara* tuyên dương công-đức của một *cận-sự-nữ* là *thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh bố-thí trong các cận-sự-nữ thí-chủ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật*.

Nghe thấy *cận-sự-nữ* ấy như vậy, *cận-sự-nữ (tiền-kiếp của bà Visākhā)* vô cùng hoan-hỷ muốn trở thành *cận-sự-nữ thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh hoan-hỷ bố-thí trong các cận-sự-nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai*.

Người cận-sự-nữ (tiền-kiếp của bà Visākhā) ấy đến kính đánh lễ Đức-Phật, rồi kính thỉnh Đức-Phật Padumuttara bắt đầu từ ngày hôm sau nự đến tư gia cùng với chư Đại-Đức tỳ-khưu-Tăng gồm có 100 ngàn vị để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng suốt 7 ngày,.

Đức-Phật Padumuttara làm thỉnh nhận lời. *Cận-sự-nữ* ấy đánh lễ Đức-Phật, xin phép trở về nhà, chuẩn bị tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật Padumuttara cùng với 100 ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

¹ Thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian đến Đức-Phật Gotama khoảng cách thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua 14 Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

² Chú-giải Áng. Ekanipāta, Etadagga, Visākhāvatthu.

Sáng ngày hôm ấy, Đức-Phật Padumuttara ngự đi đến tư gia của cận-sự-nữ cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, cận-sự-nữ đón tiếp Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, rồi tự tay làm lễ tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng-dường vật thực lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, sau khi Đức-Phật Padumuttara thọ thực xong, cận-sự-nữ cung-kính cúng-dường vải tốt để may y đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, rồi đánh lễ Đức-Phật và bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phước-thiện bố-thí cúng-dường mà con đã tạo trong suốt 7 ngày qua, con chỉ có ý nguyện muốn trở thành cận-sự-nữ thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh hoan-hỷ bố-thí trong các cận-sự-nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như cận-sự-nữ của Ngài.

Nghe cận-sự-nữ bạch như vậy, Đức-Phật Padumuttara dùng Phật-nhãn thấy rõ, biết rõ kiếp vị-lai của cận-sự-nữ này, nên thọ ký xác định thời gian rằng:

“Trong thời vị-lai còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian, con sẽ là cận-sự-nữ có tên Visākhā thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh bố-thí trong các hàng cận-sự-nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama trong thời vị-lai.”

Nghe Đức-Phật Padumuttara thọ ký xác định thời gian như vậy, cận-sự-nữ vô cùng hoan-hỷ thực-hành mọi pháp-hạnh ba-la-mật đặc biệt *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* cho đến trọn đời.

Sau khi cận-sự-nữ (tiền-kiếp của bà Visākhā) chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau khi thì hóa-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi

trời dục-giới, khi thì đại-thiện-nghiệp bố-thí trong đại-thiện-tâm đầu thai làm người trong gia đình phú hộ.

* Trong thời kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, vào thời đại tuổi thọ con người khoảng 20.000 năm, *tiền-kiếp của bà Visākhā* sinh làm *công-chúa Saṃghadāsī thứ 7* trong 7 công-chúa của Đức-vua Kiki, đất nước Kāsi.

Đức-vua có 7 công-chúa là *Samaṇī, Samaṇagutta, Bhikkhunī, Bhikkhudāyikā, Dhammā, Sudhammā, Saṃghadāsī*. Bảy công-chúa đều là cận-sự-nữ của Đức-Phật Kassapa, hoan-hỷ tạo mọi phước-thiện nhất là phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật Kassapa cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, thực-hành mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho đến trọn kiếp.

Sau khi 7 công-chúa chết, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, khi thì tái-sinh kiếp sau làm người nữ trong gia đình giàu sang phú quý.

* Trong thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 năm, hậu-kiếp của 7 công-chúa ấy nay kiếp hiện-tại trở thành thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama:

- *Công-chúa Samaṇī, nay kiếp hiện-tại là Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Khemā, tối thượng thanh-văn nữ đệ-tử có trí-tuệ xuất sắc nhất trong hàng nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

- *Công-chúa Samaṇagutta, nay kiếp hiện-tại là Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavannā, tối thượng thanh-văn nữ đệ-tử có phép thân-thông (abhiññā) xuất sắc nhất trong hàng nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

- *Công-chúa Bhikkhunī*, nay kiếp hiện-tại là Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Paṭācārā, nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

- *Công-chúa Bhikkhudāyikā*, nay kiếp hiện-tại là Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Gotamī, nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

- *Công-chúa Dhammā*, nay kiếp hiện-tại là Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Dhammadinnā, nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

- *Công-chúa Sudhammā*, nay kiếp hiện-tại là Phật-mẫu Mahāmāyā của Đức-Phật Gotama.

- *Công-chúa Saṃghadāsī*, nay kiếp hiện-tại là cận-sự-nữ Visākhā, đại thí-chủ xuất sắc nhất trong các nữ thí-chủ của Đức-Phật Gotama.

Cận-sự-nữ đại thí-chủ Visākhā ⁽¹⁾

Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian, *công-chúa Saṃghadāsī* là cận-sự-nữ tạo mọi phước-thiện và các pháp-hạnh ba-la-mật nhất là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho đến trọn kiếp.

Công-chúa Saṃghadāsī trong vòng tử sinh luân-hồi từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa tịch diệt Niết-bàn cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, trải qua khoảng thời gian lâu dài, không hề tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh khi thì hóa-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, khi thì đầu thai làm người trong gia đình giàu sang phú quý mà thôi.

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Puppavagga, Visākhāvatthu.

Hậu-kiếp của *công-chúa Saṃghadāsī* chết, *đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai trong lòng bà *Sumanādevī* là phu-nhân của ông phú hộ *Dhanañcaya*, mà phú hộ *Dhanañcaya* là con trai của ông phú hộ *Meṇḍaka* tại thành phố *Bhaddiya* vùng *Āṅga*.

Khi *phu-nhân Sumanādevī* sinh hạ một đứa con gái, ông bà phú hộ đặt tên con gái là *Visākhā*⁽¹⁾.

Tiểu thư *Visākhā* lên 7 tuổi rất xinh đẹp, ngoan ngoãn dễ thương, đặc biệt có *trí-tuệ* sáng suốt.

Đức-Phật Gotama xem xét thấy rõ, biết rõ các chúng-sinh nên tế độ, nên *Đức-Phật* ngự đi đến thành-phố *Bhaddiya* cùng với *chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng*.

Nghe tin *Đức-Phật Gotama* ngự đến thành-phố *Bhaddiya*, ông phú hộ *Meṇḍaka* là người có uy tín bậc nhất trong thành-phố gọi cháu nội gái *Visākhā* con của phú hộ *Dhanañcaya* đến truyền dạy rằng:

- *Này cháu gái yêu quý của ông! Thật là đại hạnh phúc đối với cháu và ông, Đức-Phật Gotama cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng ngự đến thành-phố Bhaddiya của chúng ta.*

Cháu cùng với 500 bạn gái lên xe 500 chiếc có 500 nô tỳ theo hầu, để tiếp rước Đức-Phật Gotama cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Nghe ông nội dạy như vậy, *tiểu-thư Visākhā* vô cùng hoan-hỷ nói lời *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Vâng theo lời dạy của ông nội, *tiểu-thư Visākhā* vốn có *trí-tuệ* sáng suốt dẫn đầu đoàn xe đến một nơi, rồi xuống xe đi bộ đến hầu đánh lễ *Đức-Phật*, rồi ngồi một

¹ *Visākhā* là tên mà *Đức-Phật Padumuttara* quá-khứ đã thọ ký.

nơi hợp lễ. Khi ấy, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ *tiểu-thư Visākhā* cùng với nhóm bạn gái.

Sau khi nghe Đức-Phật thuyết-pháp xong, *tiểu-thư Visākhā* cùng với 500 bạn gái đều trở thành bậc *Thánh Nhập-lưu* cả thầy. Khi ấy, *tiểu-thư Visākhā* mới lên 7 tuổi.

Ông phú hộ Menḍaka đến hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp tế độ ông. Sau khi nghe xong, ông phú hộ Menḍaka cũng trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Ông phú hộ Menḍaka đánh lễ Đức-Phật, rồi kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng ngày mai ngự đi đến tư gia của con, để con tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực đến Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.*

Đức-Phật nhận lời bằng cách làm thỉnh, biết Đức-Phật đã nhận lời, ông phú hộ Menḍaka đánh lễ Đức-Phật, rồi xin phép trở về nhà.

Sáng ngày hôm sau, Đức-Phật ngự đi đến tư gia của ông phú hộ Menḍaka cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Ông phú hộ tiếp rước Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, tự tay dâng vật thực ngon lành cúng-dường lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Sau khi Đức-Phật thọ thực xong, ông phú hộ Menḍaka đánh lễ Đức-Phật, rồi kính thỉnh Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng ngự đi đến tư gia của ông, để ông tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực suốt nửa tháng.

Đức-Phật ngự tại thành-phố Bhaddiya tế độ dân chúng một thời gian ngắn, rồi ngự đi đến nơi khác.

Đức-vua Pasenadi Kosala muốn được phú hộ

Đức-vua Bimbisāra và Đức-vua Pasenadi Kosala có mối quan hệ thân mật với nhau. Đức-vua Kosala nghĩ rằng:

“Trong đất nước của Đức-vua Bimbisāra có 5 đại phú hộ, còn trong đất nước của ta không có đại phú hộ nào, ta nên đến gặp Đức-vua Bimbisāra xin nhường cho ta một đại phú hộ.”

Nghĩ như vậy xong, Đức-vua Pasenadi Kosala ngự đi đến kinh-thành Rājagaha, xin yết kiến Đức-vua Bimbisāra. Hai Đức-vua vui mừng gặp lại nhau. Đức-vua Bimbisāra hỏi rằng:

- *Tâu Đại-vương, Đại-vương đến có việc gì không?*

Đức-vua Pasenadi Kosala tâu rằng:

- *Bốn vương có ý muốn rằng: Trong đất nước của Đại-vương có 5 đại phú hộ, kính xin Đại-vương nhường một đại phú hộ cho bốn vương.*

Đức-vua Bimbisāra tâu với Đức-vua Pasenadi Kosala rằng:

- *Tâu Đại-vương, vấn đề này để bốn vương tham khảo ý kiến của các quan trong triều đình và quý đại phú hộ xong, mới trả lời cho Đại-vương biết.*

Đức-vua Bimbisāra tham khảo ý kiến của các quan và các đại phú hộ xong, trả lời rằng:

- *Tâu Đại-vương, công việc di dời một gia đình đại phú hộ là một việc không dễ.*

Bốn vương đã tham khảo ý kiến của phú hộ Dhanañcaya là con trai của đại phú hộ Menḍaka, phú hộ đã nhận lời nên bốn vương xin nhường cho Đại-vương.

Đức-vua Bimbisāra cho truyền mời ông phú hộ Dhanañcaya đến, rồi truyền bảo rằng:

- *Này phú hộ Dhanañcaya! Ngươi nên di dời gia đình theo Đức-vua Pasenadi Kosala đến kinh-thành Sāvattthī.*

Vâng theo lời truyền bảo của Đức-vua Bimbisāra, ông đại phú hộ Dhanañcaya trở về chuân bị sẵn sàng, còn Đức-vua Pasenadi Kosala nói lời cảm tạ với Đức-vua Bimbisāra. Sau đó, Đức-vua Bimbisāra tiễn đưa Đức-vua Pasenadi Kosala một đoạn đường, rồi dừng lại râu rắng:

- *Xin Đại-vương dẫn phú hộ này đi.*

Đức-vua Pasenadi Kosala dẫn gia đình ông đại phú hộ Dhanañcaya cùng với nhóm thuộc hạ đông đúc nghỉ đêm từng mỗi đoạn đường. Khi đến một nơi để nghỉ chân, thấy nơi này có địa thế rất tốt, ông đại phú hộ Dhanañcaya râu với Đức-vua Pasenadi Kosala rắng:

- *Muôn râu Đại-vương, nơi này thuộc về phần đất của ai? Râu Đại-vương.*

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo rắng:

- *Này phú hộ! Nơi này thuộc về phần đất của Trẫm.*

- *Muôn râu Đại-vương, từ nơi này đến kinh-thành Sāvattthī có khoảng cách xa bao nhiêu do-tuần? Râu Đại-vương.*

- *Này phú hộ! Nơi này đến kinh-thành Sāvattthī có khoảng cách 7 do-tuần.*

Xây dựng thành phố Sāketa

Khi ấy, ông đại phú hộ Dhanañcaya râu với Đức-vua Pasenadi Kosala rắng:

- *Muôn râu Đại-vương, gia đình của thảo dân có nhóm thuộc hạ đông đúc, nếu Đại-vương cho phép thảo dân xây dựng một thành phố tại nơi đất đai rộng rãi này thì thuận lợi hơn trong kinh-thành Sāvattthī. Râu Đại-vương.*

Nghe ông đại phú hộ Dhanañcaya râu như vậy, Đức-

vua Pasenadi Kosala vô cùng hoan-hỷ chấp thuận ngay, ban cho phần đất ấy để xây dựng thành phố.

Sau khi xây dựng hoàn thành xong, Đức-vua Pasenadi Kosala đặt tên là **thành phố Sāketa** có khoảng cách xa kinh-thành Sāvattī 7 do-tuần.

Trong kinh-thành Sāvattī, *công-tử Puṇṇavaḍḍhana* là con của ông phú hộ Migāra đến tuổi trưởng thành. Một hôm, ông bà phú hộ truyền bảo với công-tử rằng:

- *Này con yêu quý! Con đến tuổi trưởng thành, con nên lựa chọn một tiểu-thư nào tương xứng với gia đình chúng ta, cha mẹ sẽ làm lễ cưới tiểu-thư ấy về làm vợ của con.*

Nghe cha mẹ truyền bảo như vậy, *công-tử Puṇṇavaḍḍhana* thưa với cha mẹ rằng:

- *Kính thưa cha mẹ, con không muốn cưới vợ.*

- *Này con yêu quý! Con chớ nên làm như vậy, bởi vì gia đình không có con sẽ không tồn tại lâu dài được.*

- *Kính thưa cha mẹ, nếu như vậy thì tiểu-thư là vợ của con phải có đầy đủ 5 cái đẹp đó là tóc đẹp, môi đẹp, đôi hàm răng đẹp, màu da đẹp, trẻ đẹp không già.*

Nghe 5 điều kiện của con như vậy, ông bà phú hộ Migāra cho mời nhóm 8 vị bà-la-môn đến tiếp đãi vật thực ngon lành, rồi hỏi rằng:

- *Thưa quý vị bà-la-môn, tiểu-thư có 5 cái đẹp như vậy trong đời này có hay không?*

- *Kính thưa ông bà phú hộ, tiểu-thư có 5 cái đẹp như vậy trong đời này có. Thưa ông bà phú hộ.*

Ông bà phú hộ truyền bảo rằng:

- *Thưa quý vị bà-la-môn, xin mời quý vị đi tìm khắp kinh-thành, các thành-phố lớn, nếu gặp tiểu-thư nào có 5 cái đẹp như vậy, thì quý vị trao vòng hoa vàng có giá 100 ngàn kahāpaṇa đến tiểu-thư ấy.*

Quý vị trở về báo cho chúng tôi biết, quý vị sẽ được lãnh thưởng lớn.

Nhận lời của ông bà phú hộ, nhóm 8 vị bà-la-môn đi tìm khắp kinh-thành, các thành-phố lớn nhưng không gặp tiểu-thư nào có 5 cái đẹp. Nhóm 8 vị bà-la-môn đi đến thành-phố Sāketa nhằm vào ngày lễ theo phong tục hằng năm, các vị bà-la-môn nghĩ rằng:

“Trong ngày lễ này, chúng ta gặp may cũng nên.”
Vào ngày lễ hằng năm tại thành-phố Sāketa, mọi người nữ trang điếm các đồ trang sức đẹp để đi bộ xuống sông để tắm. Nhóm 8 vị bà-la-môn đến một nhà nghỉ mát bên bờ sông, rồi đứng xem xét các cô gái.

Khi ấy, tiểu-thư Visākhā khoảng 15-16 tuổi trang điếm các đồ trang sức quý giá lộng lẫy cùng với 500 bạn gái thuộc hạ bao quanh đều nghĩ rằng:

“Chúng ta đi đến bên sông để tắm.”

Khi đến nơi thì trời đổ mưa, 500 bạn gái đều đi nhanh vào nhà nghỉ mát để trú mưa. Nhóm Bà-la-môn xem xét 500 cô gái ấy không có cô nào có đầy đủ 5 cái đẹp cả. Nhìn thấy *tiểu-thư Visākhā* vẫn bước đi khoan thai vào nhà nghỉ mát, y phục và các đồ trang sức quý giá của tiểu-thư đều bị ướt đẫm, nhóm bà-la-môn xem xét thấy *tiểu-thư này có 4 cái đẹp, còn 2 hàm răng của tiểu-thư chưa thấy được.*

Nhóm bà-la-môn có tác-ý muốn nhìn thấy 2 hàm răng của *tiểu-thư có đẹp hay không*, nên đến hỏi chuyện với tiểu-thư rằng:

- Này tiểu-thư! Trời mưa như vậy, tại sao tiểu-thư không chạy nhanh vào nhà nghỉ để trú mưa, mà tiểu-thư vẫn bước đi khoan thai làm cho y phục và các đồ trang sức quý giá đều bị ướt đẫm như vậy? Đôi chân của tiểu-thư không được khoẻ có phải không?

Tiểu-thư Visākḥā từ tôn giải đáp rằng:

- Thưa quý vị bà-la-môn, thật ra, đôi chân của tiện-nữ rất khoẻ mạnh, hơn hẳn các bạn gái, nhưng mà tiện-nữ biết rõ điều nên làm và điều không nên làm, nên tiện-nữ không vội vã bước đi nhanh.

- Thưa tiểu-thư, điều không nên làm đó là gì?

- Thưa quý vị bà-la-môn, có 4 hạng người không nên chạy nhanh, mà nên bước đi khoan thai thì đáng kính.

Bốn hạng người đó là:

1- Đức-vua mặc hoàng phục long bào, trang điểm các ngọc bội thì nên bước đi khoan thai vào kim-loan-điện ngự trên ngai vàng, nhìn thấy oai nghiêm, không nên chạy nhanh.

2- Con bạch tượng được trang điểm đầy đủ các đồ trang sức có Đức-vua ngự trên lưng thì nên bước đi khoan thai quanh kinh-thành để dân chúng chiêm ngưỡng, không nên chạy nhanh.

3- Bậc xuất-gia nên bước đi khoan thai cẩn trọng trong 6 môn: nhân-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiết-môn, thân-môn, ý-môn, không nên chạy nhanh như người tại gia.

4- Con gái nên bước đi khoan thai mới đáng chiêm ngưỡng, không nên chạy nhanh như con trai.

Sở dĩ dù trời mưa mà tiện-nữ vẫn bước đi khoan thai là vì nếu tiện-nữ chạy mau lỡ bị vấp ngã gãy chân, gãy tay thì đời tiện-nữ không còn giá trị. Vả lại, trong nhà của tiện-nữ không thiếu y phục và các đồ trang sức.

Nhóm Bà-la-môn lắng nghe giọng nói ngọt ngào và lời nói hay có ý nghĩa sâu sắc thật đáng kính phục. Khi tiểu-thư nói để lộ đôi hàm răng rất xinh đẹp.

Nhóm bà-la-môn nghĩ rằng: Đây là tiểu-thư mà chúng ta đang đi tìm kiếm khắp các thành phố, đến nay mới

gặp được, tiểu-thư là cô gái có đầy đủ 5 cái đẹp mà công-tử Puṇṇavaḍḍhana tuyển chọn làm phu-nhân.

Nhóm bà-la-môn thưa với tiểu-thư rằng:

- *Thưa tiểu-thư quý mến, vòng hoa vàng này chỉ có xứng đáng với tiểu-thư mà thôi, rồi trao vòng hoa đến tiểu-thư. Khi ấy, tiểu-thư hỏi nhóm Bà-la-môn ấy rằng:*

- *Thưa quý vị Bà-la-môn, quý vị từ đâu đến?*

- *Thưa tiểu-thư quý mến, chúng tôi nhận lời của ông bà phú hộ từ kinh-thành Sāvattthī đi tìm cô gái có đầy đủ 5 cái đẹp, tìm khắp các thành-phố, cuối cùng đến thành-phố Sāketa này may mắn gặp được tiểu-thư.*

- *Thưa quý vị Bà-la-môn, gia đình phú hộ tên gọi là gì?*

- *Thưa tiểu-thư quý mến, gia đình phú hộ tên Migāra.*

- *Công-tử của ông bà phú hộ tên gọi là gì?*

- *Thưa tiểu-thư quý mến, công-tử tên gọi là Puṇṇavaḍḍhana.*

Tiểu-thư Visākhā thưa rằng: *Hai bên gia đình đều là phú hộ giống nhau.*

Tiểu-thư sai người báo tin cha mẹ rằng:

- *Kính xin cha mẹ đưa xe đến rước chúng con.*

Được tin con, ông bà đại phú hộ gọi 501 chiếc xe đến rước tiểu-thư Visākhā và 500 bạn gái thuộc hạ cùng với nhóm Bà-la-môn trở về nhà.

Ông đại phú hộ Dhanañcaya hỏi nhóm bà-la-môn rằng:

- *Này quý vị! Quý vị từ đâu đến?*

- *Kính thưa đại phú hộ Dhanañcaya, chúng tôi từ kinh-thành Sāvattthī đến.*

- *Này quý vị! Phú hộ của quý vị tên gọi là gì?*

- *Kính thưa đại phú hộ, phú hộ của chúng tôi tên gọi là Migāra.*

- *Này quý vị! Công-tử của phú hộ tên gọi là gì?*

- *Kính thưa đại phú hộ, công-tử của phú hộ của chúng tôi tên gọi là Punṇavaḍḍhana.*

- *Này quý vị! Của cải tài sản của ông phú hộ Migāra có bao nhiêu?*

- *Kính thưa đại phú hộ, của cải tài sản của ông phú hộ Migāra có 400 triệu.*

Nghe nhóm bà-la-môn thưa như vậy, ông đại phú hộ Dhanañcaya nghĩ rằng: *“Của cải tài sản của ông phú hộ Migāra đối với ta chẳng đáng là bao, chưa bằng 1/4 của ta, nhưng mà ích lợi gì về điều ấy.”*

Ông đại phú hộ Dhanañcaya mời nhóm bà-la-môn nghỉ lại và tiếp đãi tử tế, 2 ngày sau mới tiễn đưa trở về kinh-thành Sāvattthī.

Nhóm Bà-la-môn trở về kinh-thành Sāvattthī

Nhóm 8 vị bà-la-môn trở về đến kinh-thành Sāvattthī vào thưa với ông bà phú hộ Migāra rằng:

- *Kính thưa ông bà phú hộ Migāra, chúng tôi đã tìm gặp tiểu-thư có đầy đủ 5 cái đẹp rồi.*

Nghe nhóm bà-la-môn thưa như vậy, ông phú hộ Migāra truyền hỏi rằng:

- *Này quý vị Bà-la-môn! Tiểu-thư ấy là con của gia đình nào vậy?*

- *Kính thưa ông bà phú hộ, tiểu-thư ấy là con của gia đình ông đại phú hộ Dhanañcaya.*

Ông phú hộ Migāra nghĩ rằng: *Ta làm thông gia với gia đình ông đại phú hộ Dhanañcaya tại thành-phố Sāketa thì thật là vinh dự quá, ta nên đến tâu lên Đức-vua Pasenadi Kosala rõ.*

Nghe ông phú hộ tâu như vậy, Đức-vua nghĩ rằng:

“*Gia đình ông đại phú hộ Dhanañcaya mà ta đã dẫn từ kinh-thành Rājagaha của Đức-vua Bimbisāra, ta đã cho phép xây dựng thành-phố Sāketa. Nay ta nên đến chủ trì lễ thành-hôn này.*”

Sau khi Đức-vua nghĩ như vậy, nên truyền bảo rằng:

- *Trẫm sẽ ngự đi đến chủ trì lễ thành-hôn này.*

Ông phú hộ Migāra tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, thật là vinh hạnh cho hai gia đình phú hộ của chúng tôi quá.*

Ông phú hộ Migāra truyền bảo gia nhân thân tín đến thành-phố Sāketa, thông báo với ông đại phú hộ Dhanañcaya biết rằng:

“*Gia đình chúng tôi có thỉnh Đức-vua Pasenadi Kosala ngự đi đến thành-phố Sāketa chủ trì hôn lễ và lễ rước dâu. Phái đoàn có số người chừng ấy.*

Vậy, ông đại phú hộ Dhanañcaya có khả năng tiếp đón hay không.”

Ông đại phú hộ Dhanañcaya phúc đáp rằng:

“*Dù phái đoàn gấp 10 lần như thế ấy, gia đình chúng tôi vẫn tiếp đãi niềm nở chu đáo.*”

Từ kinh-thành Sāvattthī đến thành-phố Sāketa có khoảng cách xa 7 do-tuần, cứ nửa do-tuần phái đoàn Đức-vua Pasenadi Kosala cùng với thuộc hạ và gia đình ông phú hộ Migāra cùng với hạ dừng lại nghỉ chân, rồi báo tin cho ông phú hộ Danañcaya biết.

Chuẩn bị tiếp đón Đức-vua và gia đình phú hộ

Ông đại phú hộ Dhanañcaya bàn bạc với tiểu-thư Visākhā rằng:

- *Này con yêu quý! Đức-vua Pasenadi Kosala cùng với*

gia đình bên chồng của con, các quan khách lớn, các lính trong triều, các thuộc hạ rất đông. Con nên biết sắp đặt chỗ ở nào đối với Đức-vua, chỗ ở nào đối với gia đình bên chồng, chỗ ở nào đối với các quan lớn, các lính trong triều, các thuộc hạ.

Tiểu-thư Visākhā thưa với phụ-thân rằng:

- Kính thưa phụ-thân, xin phụ-thân an tâm, công việc sắp đặt chỗ ở của các vị khách quý, con biết phục vụ, tất cả đều sẽ được hài lòng.

Tiểu-thư Visākhā vốn là bậc Thánh Nhập-lưu từ khi 7 tuổi, có trí-tuệ sáng suốt biết điều khiển các gia nhân, biết sắp đặt mọi công việc lớn nhỏ, nên những khách quý thuộc về giai cấp dù bậc cao dù bậc thấp cũng đều được hài lòng.

Đồ trang sức của tiểu-thư Visākhā

Thân phụ của tiểu-thư Visākhā cho gọi 500 người thợ làm vàng, ngọc đến bảo rằng:

- Nay các người thợ! Các người hãy làm tám chòang trang sức gọi là **mahālatāpasādhana** để ta làm của hồi môn cho con gái của ta.

Cho nên, các người nên lựa chọn vàng, bạc loại tốt, chọn đủ loại ngọc quý giá nhất để làm tám chòang mahālatāpasādhana này cho thật xinh đẹp.

Phái đoàn từ kinh-thành Sāvattī đến thành-phố Sāketa

Phái đoàn do Đức-vua Pasenadi Kosala dẫn đầu gồm có các quan lớn trong triều, đoàn quân theo hộ giá, gia đình ông phú hộ Migāra, các gia nhân từ kinh-thành Sāvattī trên đường đến thành-phố Sāketa cách xa khoảng 7 do-tuần, phái đoàn đi nửa do-tuần thì dừng lại nghỉ chân. Cuối cùng phái đoàn đến thành-phố Sāketa.

Tiểu-thư Visākhā có trí-tuệ biết sắp đặt chỗ ở, cung cấp đầy đủ các nhu cầu cần thiết của mỗi vị khách quý bậc cao bậc thấp, có đầy đủ mọi tiện nghi sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày, các loại giải trí tiêu khiển không cảm thấy chán, nên làm cho mọi người đều được hài lòng.

Lễ thành hôn được tổ chức trọng thể

Đức-vua Pasenadi Kosala chủ trì lễ vu-quy của tiểu-thư Visākhā là con gái của ông bà đại phú hộ Dhanañcaya với công-tử Puṇṇavaḍḍhana là con trai của ông bà phú hộ Migāra tại thành-phố Sāketa. Lễ thành hôn được tổ chức rất trọng thể.

Sau khi lễ vu quy xong thì nhằm vào đúng mùa mưa nên phái đoàn của *Đức-vua Pasenadi Kosala* cùng với các quan lớn, đoàn quân theo hộ giá và gia đình ông bà phú hộ Migāra cùng với các gia nhân phải ở tại lâu đài của ông đại phú hộ Dhanañcaya suốt 4 tháng.

Đồ trang sức mahālatāpasādhana

Những người thợ vàng ngọc làm *tám choàng mahālatāpasādhana* từ trên đầu phủ xuống đến sau bàn chân rất công phu và các đồ trang sức khác như miếng ngọc đeo trước trán, đôi bông tai ngọc, đôi vòng ngọc đeo 2 bắp tay, đôi vòng ngọc đeo 2 cổ tay, nhẫn ngọc đeo ngón tay, vòng ngọc đeo đôi cổ chân,... rất là xinh đẹp lộng lẫy, trị giá tất cả 90 triệu kahāpaṇa.

Ông đại phú hộ Dhanañcaya trả tiền công thợ vàng ngọc suốt 4 tháng với số tiền 100 ngàn kahāpaṇa.

* Vấn: *Tám choàng mahālatāpasādhana* và các đồ trang sức đặc biệt xinh đẹp lộng lẫy ấy của tiểu-thư Visākhā là quả báu của đại-thiện-nghiệp nào?

Đáp: Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của tiểu-thư Visākhā là công-chúa Saṃghadāsī tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vải tốt may y, kim, chỉ, thuốc nhuộm y đến 20.000 chur tỳ-khuru-Tăng.

Kiếp hiện-tại này, tiểu-thư Visākhā có được các đồ trang sức đặc biệt xinh đẹp lộng lẫy ấy đó là quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng-dường vải tốt may y và kim, chỉ, thuốc nhuộm y đến 20.000 chur tỳ-khuru-Tăng trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa.

Phú hộ chuẩn bị quà tặng cho tiểu-thư Visākhā

Ông đại phú hộ Dhanañcaya, phụ thân của tiểu-thư Visākhā chuẩn bị các quà tặng gọi là của hồi môn cho tiểu-thư Visākhā như sau:

- 500 chiếc xe chở đầy tiền kahāpaṇa.
- 500 chiếc xe chở đầy đồ dùng bằng vàng.
- 500 chiếc xe chở đầy đồ dùng bằng bạc.
- 500 chiếc xe chở đầy đồ dùng bằng đồng.
- 500 chiếc xe chở đầy đồ dùng bằng thau.
- 500 chiếc xe chở đầy vải lụa.
- 500 chiếc xe chở đầy bơ lỏng.
- 500 chiếc xe chở đầy dầu ăn.
- 500 chiếc xe chở đầy nước mía.
- 500 chiếc xe chở đầy gạo sālī.
- 500 chiếc xe chở đầy dụng cụ làm vườn. v.v...
- 500 chiếc xe chở 500 bạn gái xinh đẹp trang điểm các đồ trang sức lộng lẫy.
- Chiếc xe chở 1,500 tỷ nữ theo hầu hạ phục vụ tiểu-thư Visākhā.

Ông đại phú hộ Dhanañcaya nghĩ ban những con bò cho tiểu-thư Visākhā nên truyền bảo người chăn bò rằng:

- *Này người chăn bò! Khi nào tiểu-thư rời khỏi nhà thì người mở cổng chuồng bò cho đàn bò chạy ra theo tiểu-thư, người cho người dẫn đầu đàn bò đến khoảng cách xa 15 cây số, rồi đánh chuông báo hiệu đóng cửa chuồng, ngăn không cho bò ra.*

Thật ra, khi đàn bò đến chỗ cây số thứ 15, người dẫn đầu đàn bò đánh chuông báo hiệu cho người đứng tại chuồng bò đóng cửa chuồng ngăn không cho bò ra, nhưng không thể ngăn được, các con bò khoẻ mạnh nhảy khỏi cổng chuồng chạy theo 60.000 con và 60.000 con bò sữa nữa.

Đó là quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí mà tiền kiếp của tiểu-thư Visākhā là công-chúa Saṃghadāsī tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng-dường vật thực đến 20.000 chư tỳ-khuru-Tăng trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa.

Sau khi các vị tỳ-khuru trẻ, sa-di trẻ thọ thực đủ rồi không dùng nữa, thì công-chúa đem sữa bò tươi, bơ bò, ... dâng thêm rồi bạch rằng: *sữa này ngon, bổ dưỡng, xin tỳ-khuru, sa-di nên dùng thêm.*

Đó là quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí sữa bò tươi, bơ bò thỉnh dùng thêm, ... nên kiếp hiện-tại này, dù những con bò bị ngăn lại rồi nhưng mà chúng nó vẫn nhảy khỏi cổng chuồng chạy theo đàn bò.

Ông đại phú hộ Dhanañcaya muốn các gia nhân đi theo tiểu-thư Visākhā do tự nguyện nên truyền gọi tất cả mọi gia nhân đến rồi truyền bảo rằng:

- *Này tất cả mọi gia nhân! Ngày mai, tiểu-thư Visākhā sẽ được rước về nhà phú hộ bên chông, nếu người nào muốn đi theo tiểu-thư Visākhā thì người ấy được phép đi, nếu người nào không muốn đi theo thì người ấy ở lại nhà.*

Sáng ngày hôm sau sẽ làm lễ rước tiểu-thư Visākḥā về bên nhà cha mẹ chồng là ông phú hộ Migāra, nên ông đại phú hộ Dhanañcaya gọi tiểu-thư Visākḥā vào ngồi trong phòng khách, dạy dỗ con gái của mình rằng:

- Nay con gái yêu quý! Theo lẽ thường con gái đến tuổi trưởng thành có chồng theo về ở bên gia đình cha mẹ chồng, con phải nên có lễ phép đối với cha mẹ chồng và phu-quân của con, có những điều nên làm và những điều không nên làm. Cha dạy con 10 điều mà con nên nhớ rõ.

Khi ông đại phú hộ Dhanañcaya dạy dỗ tiểu-thư Visākḥā 10 điều, phòng bên cạnh, ông phú hộ Migāra đều nghe rõ từng lời.

10 điều của ông đại phú hộ

Ông đại phú hộ Dhanañcaya dạy dỗ tiểu-thư Visākḥā rằng:

- Nay con gái yêu quý! Con sống trong gia đình cha mẹ chồng, con nên làm và không nên làm 10 điều như sau:

- 1- Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài nhà.*
- 2- Không nên đem lửa ngoài nhà vào trong nhà.*
- 3- Nên cho những người nên cho mà thôi.*
- 4- Không nên cho những người không nên cho.*
- 5- Nên cho những người nên cho cả những người không nên cho.*
- 6- Nên ngồi cho được an-lạc.*
- 7- Nên dùng vật thực cho được an-lạc.*
- 8- Nên nằm cho được an-lạc.*
- 9- Nên cúng-dường lửa*
- 10- Nên lễ bái cúng-dường chư-thiên trong nhà.*

- Nay con gái yêu quý! Con nên ghi nhớ rõ 10 điều cha dạy.

Sáng ngày hôm sau, trước khi làm lễ rước dâu, ông đại phú hộ Dhanañcaya mời các vị quan lớn trong triều và gia đình ông bà phú hộ Migāra đến phòng hội. Khi ấy, ông đại phú hộ Dhanañcaya giới thiệu 8 vị luật sư trước sự hiện diện các quan lớn và gia đình ông bà phú hộ Migāra rằng:

- *Kính thưa quý vị, khi con gái của tôi sống trong gia đình ông bà phú hộ Migāra, nếu có xảy ra điều gì thì có 8 vị luật sư này làm chủ xét xử công bằng.*

Lễ rước dâu về gia đình ông bà phú hộ Migāra

Tiểu-thư Visākhā được trang sức tẩm choàng quý giá gọi là *mahālatāpasādhana* trị giá 90 triệu kahāpaṇa, ông đại phú hộ Dhanañcaya cho thêm phần tài sản gồm có 540 triệu kahāpaṇa, rồi mời *tiểu-thư Visākhā* lên chiếc xe sang trọng lộng lẫy.

Ông đại phú hộ Dhanañcaya truyền bảo người đánh keng thông báo khắp 14 xóm làng nộp thuế của mình quanh thành-phố Sāketa rằng:

“Nếu gia đình nào muốn đi theo tiểu-thư Visākhā của ta thì được phép đi!”

Nghe ông đại phú hộ truyền bảo như vậy, dân chúng trong 14 xóm làng ấy đều nghĩ rằng:

“Chúng ta nên đi theo tiểu-thư Visākhā đến kinh-thành Sāvattihī sinh sống.”

Ông đại phú hộ Dhanañcaya cung-kính lễ bái tiền Đức-vua Pasenadi Kosala và gia đình ông phú hộ Migāra, rồi tiễn chân *tiểu-thư Visākhā* một đoạn đường.

Một đoàn người rất đông gồm có những người tứ gái, tứ trai, người làm công đi theo tiểu-thư Visākhā lo phục vụ phái đoàn từ thành-phố Sāketa đến kinh-thành Sāvattihī.

Cô Visākhā đến cửa thành Sāvattthī

Khi vào cửa thành Sāvattthī, cô Visākhā đứng trên xe đi vào để cho mọi người dân nhìn thấy, dân chúng trong kinh-thành Sāvattthī nhìn thấy *tám* *chàng mahālatā-pasādhana* *lộng lẫy* được kết đầy các viên ngọc quý giá của cô Visākhā, nên dân chúng trong kinh-thành đều tán dương ca tụng rằng:

“Tiểu-thư Visākhā có nhiều tài sản quý giá như vậy thật xứng đáng đối với cô.”

Cô dâu Visākhā vào gia đình ông bà phú hộ Migāra, đem theo nhiều của cải tài sản, các tớ gái, tớ trai, các gia nhân theo hầu hạ phục vụ rất đông.

Cô Visākhā truyền gọi các người có phận sự đến hội họp, sắp đặt cho mọi dân chúng từ thành-phố Sāketa đến kinh-thành Sāvattthī đều được sự hỗ-trợ ban đầu, giúp đỡ cho mọi dân chúng có chỗ ở sinh sống ổn định.

Ngay ngày đầu tiên cô Visākhā vào làm dâu trong gia đình ông bà phú hộ Migāra, có số người dân trong kinh-thành đem các món quà theo khả năng của họ đến kính biểu đến cô Visākhā, để tỏ lòng biết ơn cô Visākhā và gia đình ông đại phú hộ Dhanañcaya đã đối đãi tử tế đối với họ, trong thời gian làm khách ở tại thành-phố Sāketa.

Cô Visākhā nói lời ngon ngọt

Cô Visākhā nói lời ngon ngọt thích hợp đối với mỗi người đến kính biểu quà như sau:

Sau khi nhận món quà của họ, rồi cô Visākhā liền trao lại món quà của cô với lời ngon ngọt rằng:

- *Nhờ đem món quà này về kính biểu đến phụ mẫu của tôi.*

- *Nhờ đem món quà này về kính biểu đến phụ thân của tôi.*

- Nhờ đem món quà này về biếu đến anh trai, em trai của tôi.

- Nhờ đem món quà này về biếu đến chị gái, em gái của tôi ...

Cô Visākhā đối đãi tử tế với mọi trong kinh-thành như là người thân trong đại gia đình.

Một đêm nọ, con lừa là mẹ của ngựa báu sinh con, cô Visākhā truyền bảo các tớ gái đem đèn thấp sáng soi đường dẫn đến chỗ con lừa sinh con, cô Visākhā sai bảo các tớ gái tắm nước ấm cho con lừa, thoa dầu săn sóc con lừa xong mới trở về chỗ ở của mình.

Một hôm ông phú hộ Migāra làm lễ mừng thành hôn công-tử Puṇṇavaḍḍhana với tiểu-thư Visākhā, ông cho người nấu cơm sữa pāyāsa rồi đựng trong đĩa mới. Ông phú hộ Migāra vốn không có đức-tin nơi Tam-bảo, mà tin nơi nhóm ngoại đạo, nên ông phú hộ mời 500 vị tu sĩ đạo lõa thể đến tư gia ăn mừng.

Ông phú hộ Migāra truyền bảo người thân tín đến gặp con dâu Visākhā, với lời của ông rằng:

- Nay con dâu của cha! Con hãy đến lễ bái các A-ra-hán.

Con dâu Visākhā trách cha chồng

Cô Visākhā vốn là bậc Thánh Nhập-lưu từ khi 7 tuổi, khi nghe danh gọi là “A-ra-hán”, cô Visākhā vô cùng hoan-hỷ đi đến nơi phòng ăn ấy, nhìn thấy nhóm tu sĩ đạo lõa thể ấy, nên nghĩ rằng:

“Nhóm tu sĩ không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi này thế mà gọi là A-ra-hán.”

Tại sao cha chồng gọi ta đến đây vậy!

Cô Visākhā trách cha chồng rồi trở về chỗ ở của mình.

Nhóm tu sĩ đạo lõa thể nhìn thấy thái độ cô Visākhā như vậy nên cùng nhau trách ông phú hộ Migāra rằng:

- *Này phú hộ Migāra! Ông không tìm được cô gái nào khác hay sao? Sao ông rước cô Visākhā là cận-sự-nữ của sa-môn Gotama là người xui xẻo vào trong nhà này. Vậy, ông hãy đuổi cô Visākhā ấy ra khỏi nhà này cho mau.*

Ông phú hộ Migāra nghĩ rằng:

“Ta không thể đuổi con dâu Visākhā ra khỏi nhà theo lời của các Ngài tu sĩ, bởi vì con dâu Visākhā là con của ông đại phú hộ Dhanañcaya, được Đức-vua Pasenadi Kosala chủ trì buổi lễ thành hôn.”

Sau khi tiễn đưa quý vị tu sĩ đạo lõa thể trở về tu viện, ông phú hộ Migāra ngồi dùng cơm sữa madhupāyāsa trong chiếc khay bằng vàng.

Khi ấy, một Ngài Trưởng-lão đang đi khát thực đến đứng trước cổng nhà, cô Visākhā đang đứng hầu quạt cha chồng, nhìn thấy Ngài Trưởng-lão ấy, cô đứng tránh sang một bên cột để cha chồng nhìn thấy Ngài Trưởng-lão, nhưng dù ông có thấy Ngài Trưởng-lão ấy cũng làm như không thấy, vẫn cúi đầu dùng cơm.

Cô Visākhā trách cha chồng dùng món đồ cũ

Cô Visākhā nghĩ rằng:

“Cha chồng của ta dù có thấy Ngài Trưởng-lão cũng không quan tâm”, nên bạch với Ngài Trưởng-lão rằng:

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính thỉnh Ngài đi sang nhà khác, cha chồng của con đang dùng món đồ cũ.*

Ông phú hộ Migāra chịu đựng được lúc nhóm tu sĩ đạo lõa thể trách ông, nhưng bây giờ nghe cô Visākhā nói ông rằng *“dùng món đồ cũ”* thì không thể chịu đựng được.

Ông phú hộ Migāra nổi giận ngưng ăn, truyền bảo nhóm gia nhân rằng:

- *Các người hãy đem cơm madhupāyāsa ra khỏi đây. Hãy đuổi cô Visākhā ra khỏi nhà của ta ngay! Bởi vì cô*

Visākhā nói ta ăn đồ không trong sạch trong lễ an lành hạnh phúc này.

Tất cả mọi gia nhân trong nhà đều là người của cô Visākhā nên không có người nào dám đến gần cô chủ Visākhā cả.

Nghe cha chồng truyền báo gia nhân như vậy, cô Visākhā thưa rằng:

- Kính thưa cha, con sẽ không rời khỏi nhà chỉ vì lý do ấy. Cha làm lễ rước con về nhà này hoàn toàn không giống như dẫn đưa tở gái từ bến nước. Theo lẽ thường con gái có cha mẹ như con chắc chắn sẽ không rời khỏi nhà này chỉ vì lý do như vậy.

Trước khi con về ngôi nhà này, cha của con có gọi theo con 8 vị luật sư. Cha của con căn dặn 8 vị luật sư rằng:

“Nếu có lỗi nào phát sinh đến con gái của ta, thì 8 vị luật sư cần phải xét xử công bằng.”

Vậy, kính xin cha mời 8 vị luật sư ra công đường xét xử công bằng.

Ông phú hộ Migāra nghĩ rằng:

“Con dâu Visākhā nói đúng.”

Cho nên, ông truyền gọi 8 vị luật sư đến công đường.

* Ông phú hộ Migāra nói rằng:

- Thưa quý vị luật sư, tôi đang dùng cơm pāyāsa trong chiếc khay bằng vàng trong ngày lễ an lành hạnh phúc, cô Visākhā này nói rằng:

“Tôi dùng đồ không trong sạch.”

Xin quý vị bắt tội cô Visākhā, rồi đuổi cô ra khỏi ngôi nhà này.

* Luật sư hỏi cô Visākhā rằng:

- Thưa cô Visākhā, có phải cô nói như vậy hay không?

* Cô Visākhā giải đáp rằng:

- Thưa quý vị luật sư, sự-thật tôi không nói như vậy. Khi ấy, Ngài Trưởng-lão đi khát thực đến đứng trước cổng nhà, cha chồng của tôi đang dùng cơm madhupāyāsa trong chiếc khay bằng vàng, không quan tâm đến Ngài Trưởng-lão đi khát thực đến đứng trước cổng nhà, nên tôi nghĩ rằng:

“Cha chồng của tôi đang dùng quả báu của phước-thiện bố-thí cũ từ kiếp trước, còn kiếp hiện-tại này không tạo phước-thiện bố-thí, nên tôi thưa với Ngài Trưởng-lão ấy rằng:

“- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính thỉnh Ngài Trưởng-lão đi sang nhà khác, **cha chồng của con đang dùng món đồ cũ.**”

- Thưa quý vị luật sư, tôi bạch với Ngài Trưởng-lão ấy như vậy, thì tôi có lỗi nào hay không? Xin quý vị luật sư xét xử công bằng.

- Thưa cô Visākhā, cô chủ nói như vậy hợp với thiện-pháp thì cô chủ không có lỗi nào cả.

Quý vị luật sư thưa với ông phú hộ Migāra rằng:

- Thưa ông phú hộ, cô Visākhā nói rằng:

“**Cha chồng của con đang dùng món đồ cũ**”, nghĩa là ông phú hộ hưởng quả báu của phước-thiện bố-thí trong kiếp quá-khứ, hoàn toàn không có ý xúc phạm đến ông phú hộ.

Ông phú hộ Migāra thưa rằng:

- Thưa quý vị luật sư, là do sự hiểu sai của tôi, xin bỏ qua vấn đề ấy. Còn điều mà cha của cô Visākhā dạy cô rằng:

“Không nên đem lửa ngoài nhà vào trong nhà.”

Nếu nhà chúng tôi bị tắt lửa thì không thể đem lửa từ bên ngoài vào trong nhà hay sao?

* Luật sư hỏi cô Visākhā rằng:

- Thưa cô Visākhā, sự-thật có phải như vậy hay không?

* Cô Visākhā giải đáp rằng:

- Thưa quý vị luật sư, sự-thật không phải là như vậy.

Cha của tôi dạy tôi 10 điều như sau:

1- “Không nên đem **lửa** trong nhà ra ngoài nhà.”

Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Nếu có chuyện xấu của cha mẹ chồng, của chồng thì con không nên nói cho những người bên ngoài nhà biết.

2- “Không nên đem **lửa** ngoài nhà vào trong nhà.”

Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Nếu con nghe những người bên ngoài nhà nói xấu cha mẹ chồng và chồng thì con không nên đem nói lại cho cha mẹ chồng, cho chồng của con biết (**Lửa** ở đây có nghĩa là như vậy).

3- “Nên cho những người nên cho mà thôi.” Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Con nên cho những người nào mượn đồ đạc dụng cụ trong nhà, những người ấy sử dụng xong rồi đem trả lại.

4- “Không nên cho người không nên cho.” Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Con không nên cho những người nào mượn đồ đạc dụng cụ trong nhà, những người ấy sử dụng xong rồi không đem trả lại.

5- “Nên cho người nên cho cả người không nên cho.”

Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Nếu có những người bà con nào hoặc bạn bè nào lâm vào hoàn cảnh khổ thiếu thốn, con nên cho những người ấy mượn đồ đạc dụng cụ trong nhà, những người ấy sử dụng xong rồi đem trả lại, hoặc không trả lại cũng nên.

6- “Nên ngồi cho được an-lạc.” Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Khi con đang ngồi, nhìn thấy cha chồng, mẹ chồng và chồng, con cần phải đứng dậy tiếp đón.

7- “Nên dùng vật thực cho được an-lạc.” Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Con không nên dùng vật thực trước cha chồng, mẹ chồng, chồng, con nên tiếp đãi các 3 vị ấy trước, rồi con mới được phép dùng vật thực sau.

8- “Nên nằm cho được an-lạc.” Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Con không nên nằm ngủ trước cha chồng, mẹ chồng, chồng, con phải nên phục vụ 3 vị ấy trước xong rồi, con mới được phép nằm ngủ sau.

9- “Nên cúng-dường lửa.” Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Con nên kính trọng cha chồng, mẹ chồng, chồng như vị Thần lửa, như vị Long vương.

10- “Nên lễ bái cúng-dường chư-thiên trong nhà.” Nghĩa là cha tôi dạy rằng:

Con nên kính trọng cha chồng, mẹ chồng, chồng như vị Chư-thiên trong nhà.

Ông phú hộ Migāra lắng nghe cô Visākhā giải thích rõ ràng 10 điều mà ông đại phú hộ Dhanañcaya dạy con gái Visākhā trước khi nhập vào gia đình bên chồng như vậy.

Khi ấy, vị luật sư hỏi ông phú hộ Migāra rằng:

- Thưa ông phú hộ, còn có điều lỗi nào khác của cô Visākhā hay không?

Ông phú hộ Migāra khẳng định rằng:

- Thưa quý vị luật sư, không có điều lỗi nào khác của con dâu Visākhā của tôi nữa.

- *Thưa ông phú hộ, nếu con dâu Visākhā của ông không có lỗi thì do nguyên-nhân nào ông đuổi con dâu Visākhā của ông ra khỏi nhà. Thưa ông.*

Ông phú hộ Migāra xin lỗi con dâu Visākhā

Khi các vị luật sư thưa ông phú hộ Migāra như vậy, cô Visākhā thưa rằng:

- *Thưa quý vị luật sư, trước đây nếu tôi bị đuổi ra khỏi nhà theo lời của cha chồng thì đó là điều không hợp pháp. Cha của tôi đã giao tôi cho 8 vị luật sư thẳng đường xét xử, đã phán xét tôi hoàn toàn không có lỗi. Ngay bây giờ, tôi nên đi.*

Cô Visākhā truyền bảo các tứ gái, tứ trai, các gia nhân chuẩn bị xe ngựa sẵn sàng.

Khi ấy, ông phú hộ Migāra xin nhờ 8 vị luật sư giúp đỡ, rồi ông khẩn khoản xin lỗi con dâu Visākhā rằng:

- *Này con dâu đáng phục! Cha không hiểu biết, nên đã lỡ buông lời xúc phạm đến con. Cha khẩn khoản xin con tha lỗi cho cha.*

Nghe cha chồng khẩn khoản xin tha lỗi như vậy, cô Visākhā thưa với cha chồng rằng:

- *Kính thưa cha, con thật sự bỏ lỗi cho cha, nhưng con vốn là người sinh trưởng trong gia đình theo truyền thống Phật-giáo, cho nên, đời sống của chúng con không thể thiếu chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng được.*

Nếu cha cho phép chúng con được tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng theo nguyện vọng của con thì con sẽ ở lại đây.

Nghe cô Visākhā thưa như vậy, ông phú hộ Migāra hoan-hỷ truyền bảo rằng:

- *Này con dâu yêu quý! Cha hoan-hỷ cho phép con*

tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư Đại-đức tỷ-khưu-Tăng theo nguyện vọng của con.

Ông phú hộ Migāra nghe pháp của Đức-Phật

Cô Visākhā truyền bảo người thân tín đến ngôi chùa Jetavana hầu đánh lễ Đức-Phật Gotama, kính thỉnh Đức-Phật ngự đến căn nhà của cô Visākhā cùng với chư Đại-đức tỷ-khưu-Tăng vào ngày hôm sau để cô Visākhā tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỷ-khưu-Tăng.

Nhóm tu sĩ đạo lửa thể nghe tin Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỷ-khưu-Tăng đến căn nhà của cô Visākhā, nên sáng sớm ngày hôm sau, chúng kéo nhau đến vây quanh căn nhà của ông phú hộ Migāra.

Sáng ngày hôm sau, Đức-Phật Gotama ngự đến căn nhà của cô Visākhā cùng với chư Đại-đức tỷ-khưu-Tăng, Cô Visākhā tiếp rước Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỷ-khưu-Tăng. Khi các món vật thực đã chuẩn bị sẵn sàng, cô Visākhā truyền bảo người thân tín đến báo tin cho cha chồng rằng:

- Kính thưa cha, con đã chuẩn bị sẵn sàng, kính mời cha đến cúng-dường lên Đức-Phật.

Ông phú hộ Migāra muốn đi thì nhóm tu sĩ lửa thể ngăn cản không cho đi đến gặp Đức-Phật, nên ông phú hộ Migāra báo tin rằng:

- Nay con dâu của cha, con hãy tự tay cúng-dường lên Đức-Phật.

Cô Visākhā cúng-dường lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỷ-khưu-Tăng. Khi Đức-Phật đã thọ thực xong, cô Visākhā truyền bảo người thân tín đến báo tin cha chồng rằng:

- *Kính thưa cha, con kính mời cha đến nghe pháp của Đức-Phật.*

Ông phú hộ Migāra muốn đi đến nghe pháp của Đức-Phật thì nhóm tu sĩ lỏa thể ngăn cản không cho, nên ông phú hộ Migāra báo tin rằng:

- *Này con dâu, cha ngồi ở đây nghe pháp của Đức-Phật cũng được.*

Đức-Phật thuyết-pháp tế độ đến người nào, dù người ấy ở nơi nào cũng vẫn nghe rõ như ngồi đối diện với Đức-Phật. Cho nên, Đức-Phật thuyết giảng các pháp theo tuần tự, ông phú hộ Migāra chú tâm lắng nghe pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành theo lời giáo huấn của Đức-Phật dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được *tà-kiến* và *hoài-nghi*, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo, ngay tại nơi ấy.

Khi ấy, ông phú hộ Migāra đi đến ngồi chấp đôi tay trước con dâu Visākhā, cung-kính thốt lên lời chân-thật rằng:

- *Này con dâu Visākhā đáng kính! Kể từ nay về sau, con ở ngôi vị mẹ của Migāra và Migāra là con trai của Visākhā, gọi là Visākhā Migāramātā.*

Ông phú hộ Migāra đến chấp đôi tay cung-kính cúi đầu xuống đôi bàn chân của Đức-Phật, bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con là Migāra, 3 lần.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, từ lâu con không biết phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có quả báu vô lượng. Con*

biết quả báu của phước-thiện bố-thí trong lúc này do nhờ nhờ con dâu Visākhā.

Con dâu Visākhā vào làm dâu trong gia đình của con, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đối với gia đình của con. Con đã trở thành bậc Thánh Nhập-lưu không còn khổ tử sinh luân-hồi trong 4 cõi ác-giới nữa.

Cô Visākhā đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính thỉnh Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng ngự đến căn nhà của cô thọ thực vào sáng ngày hôm sau.

Vào sáng ngày hôm sau, Đức-Phật ngự đến căn nhà của cô Visākhā cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng thọ thực. Sau khi thọ thực xong, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ những người trong gia đình. **Mẹ chồng của cô Visākhā** chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được *tà-kiến và hoài-nghi*, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo.

Từ đó về sau, căn nhà ấy được mở cửa tiếp đón chư tỳ-khuru-Tăng.

Ông phú hộ Migāra tặng quà cho con dâu Visākhā

Ông phú hộ Migāra nghĩ rằng:

“Con dâu Visākhā của ta có nhiều ơn đối với ta, ta nên làm món quà đặc biệt tặng cho con dâu của ta.”

Ông phú hộ Migāra truyền gọi thợ làm đồ trang sức khéo tay đến, bảo làm món đồ trang sức xinh đẹp rất nhẹ trị giá 100 ngàn kahāpaṇa.

Sau khi món đồ trang sức ấy xong, ông phú hộ Migāra thỉnh chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Phật chủ trì đến thọ thực. Sau đó, ông phú hộ Migāra tặng cô Visākhā món đồ trang sức đặc biệt ấy để tỏ lòng biết ơn

của mình. Đức-Phật thuyết-pháp tế độ gia đình, rồi ngự trở về ngôi chùa Jetavana cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Từ đó về sau, cô Visākhā có uy tín trong gia đình nên thuận lợi tạo mọi phước-thiện. Cô Visākhā kính xin Đức-Phật ban cho 8 ân huệ.

8 ân huệ:

- *Xin dâng y tắm mưa đến chư tỳ-khuru trọn đời.*
- *Xin dâng vật thực đến chư tỳ-khuru khách mới đến.*
- *Xin dâng vật thực đến chư tỳ-khuru sắp đi xa.*
- *Xin dâng vật thực đến chư tỳ-khuru bệnh.*
- *Xin dâng vật thực đến chư tỳ-khuru nuôi tỳ-khuru bệnh.*
- *Xin dâng thuốc trị bệnh đến chư tỳ-khuru bệnh.*
- *Hằng ngày xin dâng cháo buổi sáng đến chư tỳ-khuru.*
- *Xin dâng y tắm mưa đến chư tỳ-khuru-ni trọn đời.*

Cô Visākhā Migāramātā hoan-hỷ tạo mọi phước-thiện cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng.

Bà Visākhā Migāramātā có 10 đứa con trai và 10 đứa con gái. Trong 20 đứa con, mỗi đứa con gái, mỗi đứa con trai đều có 10 đứa con trai và 10 đứa con gái ($20 \times 20 = 400$ cháu); mỗi đứa cháu gái, mỗi đứa cháu trai đều có 10 đứa con trai và 10 con gái ($400 \times 20 = 8000$ chất).

Như vậy, bà Visākhā có 20 đứa con, có 400 đứa cháu, có 8000 đứa chất, trong gia đình gồm có 8.420 người đều sống an-lạc khoẻ mạnh.

Dù bà Visākhā có tuổi thọ 120 tuổi vẫn như là cô gái trẻ đẹp độ 16 tuổi, không có sợi tóc bạc nào. Khi bà Visākhā dẫn các con, các cháu, các chất đi đến chùa, thì người ta nhìn đoàn người ấy khó biết được bà Visākhā ngồi nơi nào. Bà Visākhā có sức mạnh phi thường bằng 5 con voi.

Bà Visākhā quên tẩm choàng tại chùa Jetavana

Khi ấy, tại kinh-thành Sāvattthī có lễ an lành hạnh phúc hằng năm, dân chúng kính mời bà *Visākhā Migāramātā* đến tham dự, bà Visākhā trang điểm tẩm choàng *mahālatāpasādhana* tham dự, sau đó dân chúng dẫn nhau đến ngôi chùa Jetavana nghe Đức-Phật thuyết-pháp. Khi ấy, bà *Visākhā Migāramātā* cỡi **tẩm choàng *mahālatāpasādhana*** trao cho người tớ gái có sức mạnh đặc biệt có khả năng cầm tẩm choàng ấy rồi bảo rằng:

- “*Này con yêu quý! Con hãy nhận giữ gìn tẩm choàng này, ta sẽ mặc nó khi rời khỏi ngôi chùa Jetavana.*”

Bà *Visākhā Migāramātā* đến hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi nghe pháp. Sau khi nghe pháp xong, bà *Visākhā Migāramātā* đánh lễ Đức-Phật, rồi xin phép rời khỏi nơi giảng đường.

Người tớ gái của bà *Visākhā* quên tẩm choàng *mahālatāpasādhana* tại giảng đường. Những người nghe pháp xong rồi rời khỏi giảng đường, nếu có người nào quên món đồ nào thì Ngài Trưởng-lão Ānanda sẽ cất giữ món đồ ấy. Hôm ấy, Ngài Trưởng-lão Ānanda nhìn thấy tẩm choàng *mahālatāpasādhana* của bà *Visākhā* để quên, nên Ngài Trưởng-lão bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, bà Visākhā để quên tẩm choàng rồi rời khỏi giảng đường. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- *Này Ānanda! Con nên đem cất một nơi.*

Vâng lời Đức-Phật, Ngài Trưởng-lão Ānanda đem tẩm choàng *mahālatāpasādhana* cất giữ dưới cầu thang.

Bà *Visākhā Migāramātā* đi dạo quanh ngôi chùa với tác-ý muốn tạo mọi phước-thiện hỗ-trợ đến tỳ-khuru bệnh, sa-di bệnh, tỳ-khuru khách vừa mới đến, tỳ-khuru

sắp đi xa, v.v... Bà *Visākhā Migāramātā* đi ra công khác, đứng lại một nơi gọi người tớ gái rằng:

- *Này con yêu quý! Con hãy đem tấm choàng mahālatāpasādhana đến, ta sẽ mặc.*

Người tớ gái thưa với bà chủ rằng:

- *Kính thưa bà chủ, con để quên tấm choàng mahālatāpasādhana tại giảng đường.*

Bà *Visākhā Migāramātā* truyền bảo rằng:

- *Này con yêu quý! Nếu là như vậy thì con hãy trở lại lấy đem lại đây. Nhưng nếu Ngài Trưởng-lão Ānanda đem tấm choàng mahālatāpasādhana cất một nơi nào thì con chớ nên đem về, ta cùng-duyên tấm choàng mahālatāpasādhana ấy đến Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

Sở dĩ bà *Visākhā* nói như vậy là vì bà *Visākhā* biết rõ rằng: Ngài Trưởng-lão Ānanda thường cất giữ các món đồ mà những người bỏ quên.

Bà *Visākhā* mua lại tấm choàng, lấy tiền tạo ngôi chùa

Ngài Trưởng-lão Ānanda nhìn thấy người tớ gái của bà *Visākhā* đến liền hỏi rằng:

- *Này con! Con trở lại tìm lại vật gì vậy con?*

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con để quên tấm choàng mahālatāpasādhana của bà chủ của con, nên trở lại lấy đem về.*

- *Này con! Lão tăng cất giữ tấm choàng ấy chỗ dưới cầu thang. Con nên đến lấy đem về.*

Người tớ gái bạch với Ngài Trưởng-lão rằng:

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, bà chủ của con truyền bảo rằng:*

“Nếu Ngài Trưởng-lão Ānanda đã đụng tay vào tấm choàng ấy rồi thì bà chủ con kính dâng tấm choàng ấy

đến Ngài Trưởng-lão. Vì vậy, con không lấy tám choàng ấy đem về.”

Người tứ gái trở về thuật lại chuyện xảy ra như vậy, Bà Visākhā bảo với người tứ gái rằng:

- *Này con yêu quý! Ta cúng-dường tám choàng mahālatāpasādhana đến Ngài Trưởng-lão Ānanda thì Ngài Trưởng-lão phải giữ gìn vật vả. Ta nên bán tám choàng mahālatāpasādhana ấy, rồi sử dụng số tiền ấy vào trong thứ vật dụng của chư tỳ-khuru-Tăng.*

Vậy, con nên đem tám choàng mahālatāpasādhana ấy về đây cho ta.

Vâng lời theo bà chủ, người tứ gái đem tám choàng mahālatāpasādhana trở về.

Bà Visākhā Migāramātā truyền gọi nhóm thợ vàng ngọc đến định giá tám choàng mahālatāpasādhana, nhóm thợ định giá 60 triệu và tiền công 100 ngàn kahāṇa.

Nhóm thợ ấy đặt tám choàng mahālatāpasādhana trên chiếc xe đi bán mà không có phú hộ nào mua nổi, bởi vì người đàn bà xứng đáng trang sức tám mahālatāpasādhana này khó tìm. Thật ra, chỉ có 3 người đàn bà xứng đáng trong đời này, đó là bà *Visākhā mahā upāsikā*, bà *Mallikā là phu nhân của thừa tướng Bandhulamalla* và *tiểu-thư của phú hộ kinh-thành Bārāṇasī* mà thôi.

Vì vậy, bà Visākhā tự mình mua lại tám choàng mahālatāpasādhana trị giá 90 triệu với 100 ngàn kahāṇa. Bà Visākhā chờ số tiền ấy đến ngôi chùa Jetavana, hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Ānanda đưa tay đựng tám choàng ấy của con. Con không trang sức với tám choàng ấy nữa, con đem bán tám choàng mà không có ai mua nổi nên con phải mua lại tám choàng ấy.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nên sử dụng vào vật dụng nào trong 4 thứ vật dụng. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này Visākhā! Con nên sử dụng làm chỗ ở gần cửa thành hướng Đông của kinh-thành Sāvathī, để cúng-dường chư tỳ-khuru-Tăng từ tứ phương.*

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, bà Visākhā vô cùng hoan-hỷ bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin cung-kính vâng lời. Bạch Ngài.*

Bà Visākhā sử dụng 90 triệu kahāpaṇa mua đất và dự định xây dựng ngôi chùa 90 triệu kahāpaṇa nữa.

Bà Visākhā hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài truyền bảo vị tỳ-khuru nào hiểu biết giúp hỗ trợ con trong công việc xây dựng ngôi chùa này. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này Visākhā! Con hài lòng vị tỳ-khuru nào giúp hỗ trợ con thì con nên nhận bát của vị tỳ-khuru ấy.*

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, bà Visākhā suy xét rằng:

“Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna có phép-thần-thông (abhiññā) xuất sắc sẽ giúp hỗ trợ công việc xây dựng ngôi chùa sớm được hoàn thiện.”

Nghĩ vậy, nên bà Visākhā đến đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi nhận cái bát của Ngài Đại-Trưởng-lão.

Ngài Đại-Trưởng-lão nhìn Đức-Phật. Khi ấy, Đức-Phật truyền bảo rằng:

- *Này Mahāmoggallāna! Con cùng với 500 đệ tử của con giúp hỗ trợ Visākhā xây dựng ngôi chùa.*

Vâng theo lời dạy của Đức-Phật, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna cùng với 500 đệ tử của Ngài đều có phép-thần-thông (abhiññā) giúp hỗ trợ những người thợ xây dựng rất thuận lợi trong công việc. Theo thời gian không lâu, những người thợ đã hoàn thành một ***gandhakuṭi*** của Đức-Phật và một lâu đài đồ sộ có 2 tầng, gồm có 1.000 căn phòng, tầng dưới có 500 căn phòng và tầng trên có 500 căn phòng được trang trí sang trọng và đầy đủ mọi tiện nghi cần thiết đối với chư tỳ-khưu-Tăng, được đặt tên là ***Pubbārāmahāra*** gần cửa thành hướng Đông của kinh-thành Sāvattihī.

Đức-Phật du hành cùng với chư tỳ-khưu-Tăng đến nhiều nơi thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 9 tháng. Nay, Đức-Phật đã ngự trở lại ngôi chùa Jetavana cùng với chư tỳ-khưu-Tăng.

Bà Visākhā Migāramātā đi đến đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đi đến ngôi chùa **Pubbārāma** mới được hoàn thiện cùng với chư tỳ-khưu-Tăng, để con làm lễ kính dâng ngôi chùa **Pubbārāma** đến chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương có Đức-Thế-Tôn chủ trì và lễ khánh thành ngôi chùa **Pubbārāma** ấy suốt 4 tháng. Bạch Ngài.*

Đức-Phật làm thỉnh nhận lời.

Bà Visākhā làm lễ khánh thành và lễ kính dâng ngôi chùa **Pubbārāma**

*Bà Visākhā Migāramātā làm lễ kính dâng ngôi chùa **Pubbārāma** đến chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương có Đức-Thế-Tôn chủ trì và lễ khánh thành suốt 4 tháng.*

Mỗi ngày, bà *Visākhā* tạo phước thiện bố-thí cúng-dường chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 4 tháng.

Trong ngày cuối cùng, bà *Visākhā Migāramātā* tạo mọi phước-thiện cúng-kính cúng-dường vật thực, và cúng-dường vải may y trị giá 1.000 kahāpaṇa và thuốc trị bệnh đầy bát đến mọi tỳ-khuru-Tăng.

Bà *Visākhā Migāramātā* đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường mua đất xây chùa với số tiền 90 triệu kahāpaṇa, xây cất ngôi chùa Pubbārāma được hoàn thiện với số tiền 90 triệu kahāpaṇa, và lễ khánh thành ngôi chùa Pubbārāma cúng-dường chư tỳ-khuru-Tăng suốt 4 tháng với số tiền 90 triệu kahāpaṇa, tổng số tiền cúng-dường trong Phật-giáo là 270 triệu kahāpaṇa.

Hằng ngày tại căn nhà của bà *Visākhā Migāramātā* cũng như tư thất của ông phú hộ *Anāthapiṇḍika*, buổi sáng cúng-dường cháo đến chư tỳ-khuru-Tăng, buổi trưa cúng-dường vật thực đến chư tỳ-khuru-Tăng, buổi chiều bà đem nước trái cây, thuốc trị bệnh đến chùa cúng-dường đến chư tỳ-khuru bệnh, v.v...

Một thuở nọ, Đức-Phật tán dương bà *Visākhā Migāramātā* là cận-sự-nữ đại-thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh bố-thí trong hàng nữ thanh-văn cận-sự-nữ của Ngài như sau:

“*Bhikkhave, mama sāvikanam upāsikanam dāyikanam yadidaṃ Visākhā Migāramātā.*”

“*Này chư tỳ-khuru! Trong hàng cận-sự-nữ Thanh-văn đệ tử của Như-Lai, Visākhā Migāramātā là cận-sự-nữ thí-chủ xuất sắc nhất về hạnh hoan-hỷ bố-thí.*”

Ngày cuối của cuộc đời bà *Visākhā Migāramātā*

Bà *Visākhā Migāramātā* có tuổi thọ sống lâu 120 tuổi vẫn trẻ đẹp như cô gái độ 16 tuổi, trong cuộc đời của bà từ thuở ấu niên, trung niên cho đến lão niên đều hưởng sự an-lạc trong cảnh giàu sang phú quý, đó là quả báu

của mọi phước-thiện, nhất là phước-thiện bố-thí hợp thời, đúng lúc. Cho nên, trong suốt cuộc đời của bà không gặp cảnh khổ thiếu thốn về vật chất. Bà *Visākhā Migāramātā* có nhiều của cải tài sản, bà lại càng hoan-hỷ tạo mọi phước-thiện nhất là phước-thiện bố-thí cho đến cuối cuộc đời của bà.

Bà *Visākhā Migāramātā* vốn là *bậc Thánh Nhập-lưu* từ khi 7 tuổi, nên sau khi từ già cõi người (chết), *đại-thiện-nghiệp* trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** hợp với trí-tuệ gọi là *paṭisandhicitta*: tái-sinh-tâm làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *thiên-nữ Visākhā* là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua trời Sunimmita trên cõi trời Hóa-lạc-thiên, là cõi trời dục-giới thứ 5, có tuổi thọ trời 8.000 năm (so với cõi người có 2.304 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm tại cõi trời này bằng 800 năm cõi người).

Tuy nhiên, bà *Visākhā Migāramātā* là 1 trong 7 vị Thánh Nhập-lưu đặc biệt có lời phát nguyện xin hưởng sự an-lạc theo tuần tự cho đến tầng trời sắc-giới tột đỉnh là tầng trời sắc-giới Sắc-cứu-cánh-thiên, mới trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, sau khi vị *thiên-nữ Visākhā* hết tuổi thọ tại cõi trời Hóa-lạc-thiên (chết), *đại-thiện-nghiệp* trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có **đại-quả-tâm** hợp với trí-tuệ gọi là *paṭisandhicitta*: tái-sinh-tâm làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *thiên-nữ Visākhā* trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên là cõi trời dục-giới thứ 6 tột đỉnh có tuổi thọ trời 16.000 năm (so với cõi người có 9.216 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm tại cõi trời này bằng 1.600 năm cõi người).

Trong khoảng thời gian hưởng an-lạc trong cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên này, vị thiên-nữ Visākhā thực-hành pháp-hành thiên-định, dẫn đến chứng đắc *đệ-nhất-thiên sắc-giới thiện-tâm*.

* Sau khi vị thiên-nữ Visākhā hết tuổi thọ tại cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên (chết), *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ-nhất-thiên sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đệ-nhất-thiên sắc-giới quả-tâm** gọi là *paṭisandhicitta*: *sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *phạm-thiên Visākha* trên tầng trời *đệ-nhất-thiên sắc-giới quả-tâm*.

Trong khoảng thời gian hưởng an-lạc trong tầng trời *sắc-giới đệ-nhất-thiên sắc-giới quả-tâm* này, vị phạm-thiên Visākha thực-hành pháp-hành thiên-định, dẫn đến chứng đắc *đệ-nhị-thiên sắc-giới thiện-tâm*.

* Sau khi vị phạm-thiên Visākha hết tuổi thọ tại tầng trời *sắc-giới đệ-nhất-thiên sắc-giới quả-tâm* (chết), *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ-nhị-thiên sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đệ-nhị-thiên sắc-giới quả-tâm** gọi là *paṭisandhicitta*: *sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *phạm-thiên Visākha* trên tầng trời *đệ-nhị-thiên sắc-giới quả-tâm*.

Trong khoảng thời gian hưởng an-lạc trong tầng trời *sắc-giới đệ-nhị-thiên sắc-giới quả-tâm* này, vị phạm-thiên Visākha thực-hành pháp-hành thiên-định, dẫn đến chứng đắc *đệ-tam-thiên sắc-giới thiện-tâm*.

* Sau khi vị phạm-thiên Visākha hết tuổi thọ tại tầng trời *sắc-giới đệ-nhị-thiên sắc-giới quả-tâm* (chết), *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ-tam-thiên sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đệ-tam-thiên sắc-giới quả-tâm** gọi là *paṭisandhicitta*:

sắc-giới tái-sinh-tâm làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *phạm-thiên Visākha* trên *tầng trời đệ-tam-thiên sắc-giới quả-tâm*.

Trong khoảng thời gian hưởng an-lạc trong *tầng trời sắc-giới đệ-tam-thiên sắc-giới quả-tâm* này, vị phạm-thiên Visākha thực-hành pháp-hành thiên-định, dẫn đến chứng đắc *đệ-tứ-thiên sắc-giới thiện-tâm*.

* Sau khi vị *phạm-thiên Visākha* hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới đệ-tam-thiên sắc-giới quả-tâm (chết), *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ-tứ-thiên sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *đệ-tứ-thiên sắc-giới quả-tâm* gọi là *paṭisandhicitta*: *sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *phạm-thiên Visākha* trên *tầng trời đệ-tứ-thiên sắc-giới quả-tâm*.

Trong khoảng thời gian hưởng an-lạc trên *tầng trời sắc-giới đệ-tứ-thiên sắc-giới quả-tâm* này, vị phạm-thiên Visākha thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Nhất-lai*, và chứng đắc *Bát-lai Thánh-đạo*, *Bát-lai Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Bát-lai*, và thực-hành pháp-hành thiên-định, dẫn đến chứng đắc *đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm*.

* Sau khi vị *phạm-thiên Bát-lai Visākha* hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới đệ-tứ-thiên sắc-giới quả-tâm (chết), *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *đệ-ngũ-thiên sắc-giới quả-tâm* gọi là *paṭisandhicitta*: *sắc-giới tái-sinh-tâm*, làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *phạm-thiên Visākha* theo tuần tự trên 5 tầng trời Tịnh-cư-thiên là *Avihā*: *Vô-phiền-*

thiên. Chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất. Tiếp theo tái-sinh hóa-sinh làm vị *phạm-thiên* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên **Atappā: Vô-nhiệt-thiên**. Chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp trái đất. Tiếp theo tái-sinh hóa-sinh làm vị *phạm-thiên* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên **Sudassā: Thiện-hiện-thiên**. Chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp trái đất. Tiếp theo tái-sinh hóa-sinh làm vị *phạm-thiên* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên **Sudassī: Thiện-kiến-thiên**. Chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp trái đất. Tiếp theo tái-sinh hóa-sinh làm vị *phạm-thiên* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên **Akaniṭṭhā: Sắc-cửu-cánh-thiên**. Chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất.

Bậc Thánh Bất-lai Visākha chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời *Sắc-cửu-cánh-thiên* này đồng thời sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-vua Asoka

Theo Vinayapīṭaka, Pārājikakaṇḍaṭṭhakathā, Tatiya-saṅgītikathā, phần tiêu sử Đức-vua Asoka được tóm lược như sau:

Sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, Phật-lich 218 năm, khi ấy, *Đức-vua Asoka* lên ngôi làm vua ngự tại kinh-thành Paṭaliputta, Đức-vua Asoka là đấng minh quân trị vì cõi Nam-thiện-bộ-châu có nhiều oai lực.

Một hôm, Đức-vua Asoka đứng trước sân cung điện,

nhìn thấy Ngài Đại-đức sa-di Nirodha mới lên 7 tuổi, là bậc Thánh A-ra-hán đang đi khát thực ngang qua cung điện, Đức-vua Asoka phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài Đại-đức sa-di Nirodha (*Ngài Đại-đức sa-di Nirodha vốn là hoàng-tử lưu lạc mà tiền-kiếp của Ngài Đại-đức đã từng là anh của Đức-vua Asoka*).

Đức-vua Asoka truyền lệnh các quan thỉnh mời Ngài Đại-đức sa-di Nirodha vào cung điện, thỉnh ngồi trên ngai vàng, tự tay Đức-vua để bát bằng những món vật thực của Đức-vua dùng hằng ngày.

Sau khi Ngài Đại-đức sa-di Nirodha thọ thực xong, Đức-vua bèn thỉnh Ngài Đại-đức thuyết pháp.

Ngài Đại-đức sa-di Nirodha thuyết dạy bài kệ Pháp-cú thứ 21 rằng:

*“Appamādo amatapadam, pamādo maccuno padam.
Appamattā na mīyanti, ye pamttā yathā matā.”*⁽¹⁾

“Người không dễ đuổi trong mọi thiện-pháp, là nhân dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn bất tử.

Sự dễ đuổi là nhân của sự chết. Những người nào không dễ đuổi dù chết cũng như chưa chết, những người nào dễ đuổi dù còn sống cũng như đã chết.”

Sau khi nghe bài kệ xong, Đức-vua Asoka càng tăng thêm đức-tin trong sạch nơi Ngài sa-di Nirodha, và có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Đức-vua Asoka truyền bảo rằng:

- Kính thưa Ngài sa-di, quả-nhân muốn làm phước-thiện cúng-dường vật thực hằng ngày đến Ngài sa-di 8 phần.

¹ Dhammapadagāthā thứ 21.

Ngài sa-di Nirodha tâu rằng:

- *Tâu Đại-vương, bản sư sẽ kính dâng phần vật thực ấy đến Upajjhāya: vị Thầy tế độ của bản sư.*

- *Kính thưa Ngài sa-di, bậc gọi là Upajjhāya: vị Thầy tế độ là người như thế nào?*

- *Tâu Đại-vương, bậc gọi là Upajjhāya: vị Thầy tế độ thấy rõ lỗi lớn nhỏ, rồi dạy dỗ các đệ-tử nên tránh xa.*

- *Kính thưa Ngài sa-di, quả-nhân muốn làm phước-thiện cúng-dường vật thực hằng ngày đến Ngài sa-di 8 phần khác.*

- *Tâu Đại-vương, bản sư sẽ kính dâng phần vật thực ấy đến Ācariya: vị Thầy dạy của sa-di.*

- *Kính thưa Ngài sa-di, bậc gọi là Ācariya: vị Thầy dạy là người như thế nào?*

- *Tâu Đại-vương, bậc gọi là Ācariya là vị Thầy dạy dỗ các hàng đệ-tử các pháp nên học trong Phật-giáo.*

- *Kính thưa Ngài sa-di, quả-nhân muốn làm phước-thiện cúng-dường vật thực hằng ngày đến Ngài sa-di 8 phần khác nữa.*

- *Tâu Đại-vương, bản sư sẽ kính dâng phần vật thực ấy đến chư tỳ-khuru-Tăng.*

- *Kính thưa Ngài sa-di, bậc gọi là chư tỳ-khuru-Tăng là người như thế nào?*

- *Tâu Đại-vương, xuất gia trở thành sa-di và trở thành tỳ-khuru của Ācariya và Upajjhāya của bản sư đều do nhờ nhóm chư tỳ-khuru. Nhóm chư tỳ-khuru ấy gọi là chư tỳ-khuru-Tăng.*

Đức-vua Asoka hài lòng hoan-hỷ lời giải đáp của Ngài sa-di Nirodha, nên Đức-vua làm phước-thiện cúng-dường vật thực hằng ngày đến Ngài sa-di 8 phần khác.

Ngài Đại-đức sa-di Nirodha râu rắng:

- *Tâu Đại-vương, sādhu! Lành thay!*

Bắt đầu sáng ngày hôm sau, Ngài Đại-đức sa-di Nirodha thỉnh 32 vị tỳ-khưu-Tăng đi khất thực hằng ngày trong cung điện của Đức-vua Asoka.

Đức-vua Asoka hằng ngày cúng-dường đến 600 ngàn chư tỳ-khưu-Tăng

Mỗi ngày, Ngài Đại-đức sa-di Nirodha thỉnh 32 vị tỳ-khưu-Tăng đi khất thực trong cung điện, Đức-vua Asoka vô cùng hoan-hỷ tạo phước-thiện cúng-dường vật thực đến 32 vị tỳ-khưu-Tăng, rồi Đức-vua kính thỉnh rằng:

- *Quả-nhân xin kính thỉnh tăng thêm số lượng chư tỳ-khưu-Tăng mỗi ngày.*

Theo lời thỉnh mời của Đức-vua Asoka, số lượng chư tỳ-khưu-Tăng càng ngày càng đông dần lên đến 600 ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng mỗi ngày đi khất thực trong cung điện của Đức-vua Asoka, bởi vì Đức-vua Asoka có đức-tin trong sạch nơi Ngài Đại-đức sa-di Nirodha.

Ngài Đại-đức sa-di Nirodha hướng dẫn Đức-vua Asoka và những người trong hoàng tộc cùng với các quan quân trong triều *nên thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới*, nên có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.*

Đức-vua Asoka truyền lệnh cho những người thợ xây cất ngôi chùa lớn đặt tên là *Asokārāma* tại trung tâm kinh-thành Paṭaliputta, để làm phước-thiện hằng ngày cúng-dường đến 600 ngàn chư tỳ-khưu-Tăng.

Một hôm, Đức-vua Asoka ngự đi đến *ngôi chùa Asokārāma* tạo phước-thiện cúng-dường vật thực và

các vật dụng cần thiết đến 600 ngàn chur Đại-đức tỳ-khuru-Tăng xong, Đức-vua Asoka bạch với chur tỳ-khuru-Tăng rằng:

- *Kính bạch chur Đại-đức-Tăng, chánh-pháp mà Đức-Phật thuyết giảng có bao nhiêu? Bạch Ngài.*

Ngài Đại-Trưởng-lão thưa rằng:

- *Thưa Đại-vương, chánh-pháp mà Đức-Phật thuyết giảng nếu phân chia theo phân (aṅga) thì có 9 phần, và nếu phân chia theo pháp-môn (dhammakkhanda) thì có 84.000 pháp-môn.*

* **Cửu-Phần (Navaṅga)** đó là:

1- **Suttapāli** (Kinh) gồm những bài kinh văn xuôi lẫn kệ, như kinh *Maṅgalasuttapāli*, *Ratanasuttapāli* và *Tạng luật Pāli* cũng được gom chung vào phần *Suttapāli* này.

2- **Geyyapāli** (Kệ) gồm những bài kinh hoàn toàn bằng những câu kệ (không có đoạn văn xuôi) như những bài kệ trong phần *Sagāthavaggasamyuttapāli*, ...

3- **Veyyākaraṇapāli** (Kinh) gồm những bài kinh hoàn toàn văn xuôi (không có kệ xen vào) như *Dhammacakkappavattanasuttapāli*, *Mahāsatipaṭṭhānasuttapāli*, ... và *Tạng Vi-diệu-pháp Pāli* được gom chung vào trong phần *Veyyākaraṇapāli* này.

4- **Gāthāpāli** (Kệ) gồm những bài kệ không có tên bài kinh như *Dhammapadagāthāpāli*, *Theragāthāpāli*, *Therīgāthāpāli*, ...

5- **Udānapāli** (Bài tụng thuyết) gồm có 82 bài tụng thuyết của Đức-Phật do tâm hoan-hỷ phát sinh.

6- **Itivuttakapāli** gồm có 110 bài kinh, thường bắt đầu có câu: *Vuttam hetam Bhagavatā*, ... Điều này đúng như lời Đức-Thế-Tôn dạy ...

7- **Jātakapāli** (*Tiền-kiếp*) những câu kệ liên quan đến 547 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, bắt đầu tích *Apannakajātakapāli* và cuối cùng *Vessantarajātakapāli*.

8- **Abhūta-dhammapāli** gồm những bài kinh có pháp phi thường chưa từng có từ trước (*acchariyabhūta-dhammapāli*), thường khởi đầu bằng câu:

“*Này chư tỳ-khưu, những pháp phi thường chưa từng có từ trước ...*” như bài kinh *Pahārādasutta ...*

9- **Vedalla** gồm những bài kinh vấn đáp bằng trí-tuệ hợp với hỷ như *Cūlavedallasuttapāli*, *Mahāvedallasuttapāli*, *Sakkapañhāsuttapāli*, ...

* 84.000 pháp-môn (Dhammakhandha)

84.000 pháp-môn trong Tam-tạng Pāli như sau:

- *Vinayapāli*: Luật-tạng Pāli, gồm có 21.000 pháp-môn.
- *Suttantapāli*: Kinh-tạng Pāli, gồm có 21.000 pháp-môn.
- *Abhidhammapāli*: Vi-diệu-pháp-tạng Pāli, gồm có 42.000 pháp-môn.

Trong Tam-tạng gồm có 84.000 pháp-môn.

Đức-vua Asoka xây cất 84.000 ngôi chùa và bảo tháp

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão giải đáp như vậy, Đức-vua Asoka phát sinh đức-tin trong sạch nơi 84.000 pháp-môn trong giáo-pháp của Đức-Phật, nên truyền lệnh cho các quan khắp mọi nơi trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu rằng:

- “*Này các khanh! Trẫm muốn tạo phước-thiện cùng-dường mỗi pháp-môn trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama bằng một ngôi chùa và bảo tháp. Cho nên, Trẫm muốn xây cất 84.000 ngôi chùa và bảo tháp trên toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu.*”

Vậy, các khanh hãy đến mỗi tỉnh thành xây cất một ngôi chùa và một bảo tháp, ngôi chùa để cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng và bảo tháp để tôn thờ Xá-lợi của Đức Phật Gotama.”

Đức vua Asoka xuất ra số tiền gồm có 960 triệu kahāpaṇa để lo xây cất 84.000 ngôi chùa và bảo tháp. Đức-vua truyền lệnh các quan rằng:

- Nay các khanh! Các khanh hãy đi đến mỗi tỉnh thành xây cất một ngôi chùa và bảo tháp, gồm có 84.000 ngôi chùa và bảo tháp đều đặt tên là Asokārāma trên toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu.

Trẫm truyền lệnh cho các thợ xây cất một ngôi chùa và bảo tháp Asokārāma tại trung tâm kinh-thành Paṭaliputta.

Chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng muốn hỗ-trợ Đức-vua Asoka, nên kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão Indaguttatthera là bậc Thánh A-ra-hán có nhiều phép thần-thông (abhiññā), có nhiều oai lực hỗ-trợ Đức-vua Asoka trong công việc xây cất 84.000 ngôi chùa và bảo tháp trên toàn cõi Nam-thiện bộ-châu được hoàn thành trong khoảng thời gian 3 năm do nhờ oai lực của Ngài Đại-Trưởng-lão.

Lễ khánh thành 84.000 ngôi chùa và bảo tháp

Các quan ở mỗi tỉnh thành đến chầu Đức-vua Asoka cùng trong một ngày, tâu lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, 84.000 ngôi chùa và bảo tháp trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu đã hoàn thành xong rồi.

Nghe các quan tâu như vậy, Đức-vua Asoka vô cùng hoan-hỷ truyền chiếu chỉ trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu biết rằng:

“- *Này tất cả mọi thân dân trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu! Trẫm truyền chiếu chỉ cho mọi người biết rõ rằng: Còn 7 ngày nữa sẽ làm đại lễ khánh thành 84.000 ngôi chùa và bảo tháp trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu. Cho nên, dân chúng hãy trang hoàng kinh-thành và mỗi tỉnh thành thật long lẫy, tất cả mọi người đều thọ trì bát-giới, chuẩn bị sửa soạn làm đại lễ khánh thành ngôi chùa và ngôi bảo tháp từ kinh-thành cho đến các tỉnh thành trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu. Tất cả mọi người làm lễ cúng-dường ngôi chùa đến chư tỳ-khuru-Tăng, và tôn thờ Xá-lợi của Đức-Phật Gotama trên bảo tháp.*”

Trong ngày đại lễ khánh thành chùa và bảo tháp, trong kinh-thành và các tỉnh thành được trang hoàng đẹp đẽ; Đức-vua Asoka cùng các quan, toàn thể dân chúng trang điểm đẹp đẽ trang nghiêm, đi dự đại lễ khánh thành chùa và tháp bảo.

Đức-vua Asoka ngự đến ngôi chùa Asokārāma tại trung tâm kinh-thành Pataliputta, kính thỉnh chư tỳ-khuru-Tăng toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu đến dự lễ khánh thành và thọ lãnh 84.000 ngôi chùa cùng bảo tháp, chư tỳ-khuru-Tăng có khoảng 800 triệu vị, trong đó có 100 ngàn bậc Thánh A-ra-hán, chư tỳ-khuru-ni-Tăng khoảng 9.600.000 vị.

Chư bậc Thánh A-ra-hán suy xét rằng:

“*Nếu Đức-vua Asoka được nhìn thấy rõ toàn cảnh đại lễ khánh thành và cúng-dường 84.000 ngôi chùa và bảo tháp tôn thờ Xá-lợi của Đức-Phật Gotama đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu thì Đức-vua Asoka sẽ vô cùng hoan-hỷ tặng thêm đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo biết dường nào!*”

Khi ấy, vị Thánh A-ra-hán liền hóa phép-thần-thông mở rộng cõi Nam-thiện-bộ-châu (*lokavivarāṇa abhiññā*).

Đức-vua Asoka thấy 84.000 ngôi chùa và bảo tháp

Đức-vua Asoka đang đứng tại ngôi chùa Asokārāma trung tâm kinh-thành Pataliputta, nhìn thấy rõ 84.000 ngôi chùa và bảo tháp tôn thờ Xá-lợi của Đức-Phật Gotama trên toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu.

Cho nên, Đức-vua Asoka vô cùng hoan-hỷ phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ. Đức-vua Asoka suy xét rằng:

“Làm phước-thiện đại thí cúng-dường như ta thế này, không biết trong thời quá-khứ đã có ai làm chưa?”

Vì vậy, Đức-vua Asoka bạch hỏi chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng rằng:

- Kính bạch chư Đại-đức Tăng, trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, có thí-chủ nào tạo phước-thiện đại thí cúng-dường như con hay không?

Chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissatthera giải đáp câu hỏi của Đức-vua Asoka.

Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissatthera giải đáp rằng:

- Thưa Đại-vương, trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, dù khi Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian cho đến nay, cũng chưa có thí-chủ nào tạo phước-thiện đại thí cúng-dường như Đại-vương. Chỉ có Đại-vương là đại thí-chủ tạo phước-thiện đại thí cúng-dường lớn nhất từ trước cho đến nay mà thôi.

Lắng nghe lời giải đáp của Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissatthera như vậy, Đức-vua Asoka phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có, rồi suy xét rằng:

“Người thí-chủ tạo phước-thiện đại thí cúng-dường bốn thứ vật dụng nhiều đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng

như ta chưa từng có từ trước cho đến nay, ta là người hỗ trợ giúp duy trì Phật-giáo.

Như vậy, ta có phải là người thân quyến kế thừa Phật-giáo (sāsanassa dāyādo) hay không?"

Vì vậy, Đức-vua Asoka bèn bạch hỏi Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissatthera rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con đã tạo phước-thiện đại thí cúng-dường bốn thứ vật dụng nhiều đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Vậy, con có phải là "thân quyến kế thừa của Phật-giáo (sāsanassa dāyādo)" hay không? Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissatthera xem xét về 10 pháp-hạnh ba-la-mật của *thái-tử Mahinda* và *công-chúa Saṃghamittā* con của Đức-vua Asoka như thế nào. Ngài Đại-Trưởng-lão thấy rõ, biết rõ *thái-tử Mahinda* và *công-chúa Saṃghamittā* xuất gia sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ giúp cho Phật-giáo phát triển rộng sau này. Cho nên Ngài Đại-Trưởng-lão giải đáp rằng:

*- Thưa Đại-vương, người trở thành thân quyến kế thừa Phật-giáo không phải do nguyên-nhân tạo phước-thiện đại-thí. Dù thí-chủ tạo phước-thiện đại-thí cúng-dường bốn thứ vật dụng nhiều bao nhiêu cũng chỉ gọi là **paccayadāyaka**: đại thí-chủ cúng-dường bốn thứ vật dụng, hoặc gọi là **upatthāka**: người hộ trì Phật-giáo mà thôi.*

- Thưa Đại-vương, dù thí-chủ nào tạo phước-thiện đại thí bốn thứ vật dụng đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng nhiều bao nhiêu đi nữa, cũng không gọi là thân quyến kế thừa của Phật-giáo.

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão giải đáp như vậy, Đức-vua Asoka bèn bạch hỏi rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu như vậy thì người như thế nào mới được gọi là thân quyến kế thừa của Phật-giáo? Bạch Ngài.*

Nghe Đức-vua Asoka bạch hỏi như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- *Thưa Đại-vương, thật ra, những người cha mẹ nào dù giàu dù nghèo cho phép con của mình xuất gia trở thành tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni trong Phật-giáo, chính những người cha mẹ ấy được gọi là **thân quyến kế thừa của Phật-giáo** (dāyādo sāsanaṣṣa).⁽¹⁾*

Lắng nghe Ngài Trưởng-lão truyền dạy như vậy, Đức-vua Asoka suy nghĩ rằng:

“Dù ta đã tạo phước-thiện cúng-dường nhiều như vậy vẫn không được gọi là thân quyến kế thừa của Phật-giáo.”

Đức-vua Asoka nhìn thấy Thái-tử Mahinda đứng không xa, nên suy nghĩ rằng:

“Ta có dự định phong thái-tử Mahinda làm phó vương. Thật ra, xuất gia trở thành tỳ-khưu là cao quý hơn ngôi vị phó vương.”

Khi ấy, Đức-vua Asoka truyền bảo thái-tử Mahinda rằng:

- *Này hoàng-nhi yêu quý! Con có muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu hay không?*

Thái-tử Mahinda vốn kiếp này là kiếp chót, chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, cho nên, khi nghe Đức Phụ-vương truyền bảo như vậy, thái-tử vô cùng hoan-hỷ tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức Phụ-vương, con rất muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu. Kính xin Đức Phụ-vương cho phép*

¹ Yo hi koci Mahārāja, aḍḍho vā daliddo vā attano orasaṃ puttāṃ pabbājeti, ayaṃ vuccati Mahārāja, dāyādo sāsanaṣṣa.

con xuất gia trở thành tỳ-khưu. Đức Phụ-vương sẽ trở thành **thân quyền kế thừa của Phật-giáo**.

Nghe thái-tử Mahinda tâu như vậy, Đức-vua Asoka vô cùng hoan-hỷ cho phép. Khi ấy, nhìn thấy công-chúa Saṃghamittā, Đức-vua Asoka truyền bảo rằng:

- *Này công-chúa yêu quý! Con có muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni hay không?*

Công-chúa Saṃghamittā vốn kiếp này là kiếp chót, chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, cho nên, khi nghe Đức Phụ-vương truyền bảo như vậy, công-chúa vô cùng hoan-hỷ tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức Phụ-vương, con rất muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni. Kính xin Đức Phụ-vương cho phép con xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni. Đức Phụ-vương sẽ trở thành **thân quyền kế thừa của Phật-giáo**.*

Nghe công-chúa Saṃghamittā tâu như vậy, Đức-vua Asoka vô cùng hoan-hỷ cho phép.

Sau khi nghe thái-tử Mahinda và công-chúa Saṃghamittā đều muốn xuất gia, Đức-vua Asoka phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, bạch với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rằng:

- *Kính bạch chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, kính xin quý Ngài có tâm từ tế độ cho phép thái-tử và công-chúa của con được xuất gia trở thành tỳ-khưu và tỳ-khưu-ni, để cho con trở thành **thân quyền kế thừa của Phật-giáo**.*

Đức-vua Asoka trở thành thân quyền kế thừa của Phật-giáo

Nghe Đức-vua Asoka bạch như vậy, chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng cho phép thái-tử Mahinda và Công-chúa Saṃghamittā xuất gia.

* *Thái-tử Mahinda* đủ 20 tuổi được phép xuất gia trở thành tỳ-khuru do Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissatthera là thầy tế-độ, Ngài Trưởng-lão Mahādevatthera và Ngài Trưởng-lão Majjhantikatthera là thầy hành tăng-sự lễ xuất gia.

Trước tiên làm lễ cạo tóc, mặc y, vị thầy truyền dạy thọ **tam-quy** xong, trở thành vị sa-di có thập-giới, tiếp theo chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng hội tại sīmā, vị luật-sư tụng **ñatti catutthakammavācā** (tụng 1 lần tuyên-ngôn và 3 lần thành-sự-ngôn) xong, sa-di Mahinda trở thành tỳ-khuru đồng thời trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ-phân-tích tại sīmā.

* Công-chúa Saṃghamittā chỉ có 18 tuổi được phép xuất gia trở thành sikkhāmānā do Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Dhammapālitherī là thầy tế độ và Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Āyupālitherī là thầy hành lễ xuất gia.

Hai năm sau Saṃghamittā đủ 20 tuổi, trước tiên chư tỳ-khuru-ni-Tăng hội tại sīmā, vị luật-sư tụng **ñatti catutthakammavācā** (tụng 1 lần tuyên-ngôn và 3 lần thành-sự-ngôn) xong, rồi tiếp theo chư tỳ-khuru-Tăng hội tại sīmā, vị luật-sư tụng **ñatti catutthakammavācā** (tụng 1 lần tuyên-ngôn và 3 lần thành-sự-ngôn) xong, Saṃghamittā trở thành tỳ-khuru-ni, rồi tỳ-khuru-ni Saṃghamittā thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Như vậy, sau khi thái-tử Mahinda và công-chúa Saṃghamittā xuất gia trong Phật-giáo, **Đức-vua Asoka** không chỉ là **đại thí-chủ** bậc nhất trong Phật-giáo mà còn là **thân quyến kế thừa trong Phật-giáo** (sāsanassa dāyāda) nữa.

Đức-vua Asoka xuất ra số tiền 500 ngàn kahāpaṇa tạo phước-thiện cúng-dường 4 thứ vật dụng đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng trong Phật-giáo, nên đời sống của chư tỳ-khuru-Tăng rất đầy đủ sung túc.

Tu-sĩ ngoại đạo giả dạng như tỳ-khuru Phật-giáo

Vào thời ấy, đời sống của số các tu-sĩ ngoại đạo lâm vào cảnh thiếu thốn, nên *giả dạng cạo tóc mặc y như tỳ-khuru trong Phật-giáo*, xen lẫn vào sống chung với chư tỳ-khuru để hưởng 4 thứ vật dụng, nhưng nhóm tu-sĩ ngoại đạo này vẫn chấp thủ tà-kiến của mình.

Cho nên, trong ngày uposatha saṃghakamma, chư tỳ-khuru có chánh-kiến trong Phật-giáo không hành tăng-sự chung uposatha saṃghakamma với số tỳ-khuru giả từ nhóm ngoại đạo tà-kiến ấy.

Nhóm tỳ-khuru giả vẫn chấp thủ tà-kiến của mình, không chịu thực-hành theo các điều giới của Đức-Phật. Trong ngôi chùa Asokārāma, chư tỳ-khuru thật chánh-kiến trong Phật-giáo với nhóm tỳ-khuru giả tà-kiến không hành tăng-sự uposatha saṃghakamma.

Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa suy nghĩ rằng:

“Nay, tỳ-khuru giả tà-kiến xen lẫn vào sống chung với tỳ-khuru thật trong Phật-giáo, nên không thể hành tăng-sự uposatha saṃghakamma, mà ta lại không thể thanh lọc các tỳ-khuru giả ấy.

Vậy, ta nên nhờ Ngài Trưởng-lão Mahinda trông nom chư tỳ-khuru-Tăng, còn ta nên lánh đi nơi khác.”

Đức-vua Asoka giúp chấn hưng Phật-giáo

Chư tỳ-khuru thưa với Đức-vua Asoka rằng:

- Thưa Đại-vương, hiện nay, trong ngôi chùa Asokārāma có nhóm tu sĩ ngoại đạo tà-kiến giả dạng cạo tóc mặc y như tỳ-khuru, xen lẫn vào sống chung với

tỳ-khuru trong Phật-giáo để hưởng 4 thứ vật dụng, nhưng mà nhóm tỳ-khuru giả ấy vẫn chấp thủ theo tà-kiến của mình, không thực-hành theo các điều-giới của Đức-Phật Gotama.

Vì vậy, chư tỳ-khuru thật trong Phật-giáo không thể hành tăng-sự uposatha saṃghakamma chung với các tỳ-khuru giả tà-kiến suốt 7 năm qua.

Thưa Đại-vương, Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa không thể thanh lọc các tỳ-khuru giả tà-kiến ra khỏi được nên nhờ Ngài Trưởng-lão Mahinda trông nom ngôi chùa Asokārāma, còn Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissatthera rời khỏi ngôi chùa Asokārāma, đã lánh đi nơi khác rồi.

Nghe chư tỳ-khuru thưa như vậy, Đức-vua Asoka nhờ chư tỳ-khuru dẫn các quan đi thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa trở lại để giúp Đức-vua Asoka thanh lọc các tỳ-khuru giả tà-kiến, giúp chấn hưng Phật-giáo cho được trong sạch.

Nghe tin Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa trú tại gần bờ sông Gaṅgā đoạn phía Bắc, nên Đức-vua Asoka truyền lệnh các quan đem chiếc thuyền chở chư tỳ-khuru dẫn đường và các quan đi kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa.

Khi chư tỳ-khuru và các quan đến hầu đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa, bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, các nhóm tu-sĩ ngoại đạo giả dạng tỳ-khuru xen lẫn vào sống chung với chư tỳ-khuru-Tăng thật trong Phật-giáo, nhưng nhóm tỳ-khuru giả ấy vẫn chấp thủ tà-kiến của mình, không thực-hành theo các điều-giới của Đức-Phật, nên chư tỳ-khuru-Tăng thật không hành tăng-sự uposatha saṃghakamma chung với các tỳ-khuru giả tà-kiến suốt 7 năm qua.

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, Đức-vua Asoka có ý định muốn thanh lọc các tỳ-khưu giả tà-kiến ấy, nên truyền bảo cho chúng con đến kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão trở lại giúp Đức-vua Asoka thanh lọc các tỳ-khưu giả tà-kiến, giúp chấn hưng Phật-giáo cho được trong sạch trở lại.*

Nghe chư tỳ-khưu bạch như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão nghĩ rằng:

“Đây là ý nguyện của bậc xuất-gia như ta giúp bảo vệ duy trì Phật-giáo cho được bền vững lâu dài trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến tất cả chúng-sinh, nhất là chư-thiên và nhân-loại.”

Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa đồng ý bước lên chiếc thuyền trở lại kinh-thành Paṭaliputta.

Nghe tin báo Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa sắp đến bến sông Gaṅgā, Đức-vua Asoka ngự đến chờ tại bến sông Gaṅgā. Khi chiếc thuyền vừa cập bến, Đức-vua Asoka đến cung-kính đón rước Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi kính thỉnh đến vườn thượng uyển, Đức-vua tự tay rửa đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão, thoa dầu xong, cung-kính đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con kính xin Ngài biểu diễn phép thần-thông (abhiññā) cho con xem một chút có được không. Bạch Ngài.*

- *Thưa Đại-vương, Đại-vương muốn xem phép thần-thông như thế nào?*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con muốn xem trái đất rung chuyển. Bạch Ngài.*

- *Thưa Đại-vương, Đại-vương muốn xem trái đất rung chuyển toàn phần hay rung chuyển một phần?*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, trong 2 cách, cách nào khó? Bạch Ngài.*

- *Thưa Đại-vương, như một thau nước đầy, làm cho toàn thau nước rung chuyển và làm cho một nửa thau nước rung chuyển. Cách nào làm khó?*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, cách làm một nửa thau nước rung chuyển là khó. Bạch Ngài.*

- *Thưa Đại-vương, như vậy, làm cho một phần trái đất rung chuyển là khó.*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu như vậy thì con chỉ muốn xem một phần trái đất rung chuyển mà thôi.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa nhập đệ-tứ-thiền sắc-giới duy-tác-tâm có phép-thần-thông (abhiññā) làm nền tảng, khi xả thiền, rồi phát nguyện làm cho một phần mặt đất rung chuyển, phần còn lại vẫn yên tĩnh, chỉ có Đức-vua Asoka nhìn thấy như vậy mà thôi, mặt nước trong hồ, một nửa mặt nước rung chuyển, một nửa mặt nước còn lại vẫn yên tĩnh, ...

Đức-vua Asoka nhìn thấy phép-thần-thông của Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa như vậy, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài Đại-Trưởng-lão, tin tưởng rằng: Ngài Đại-Trưởng-lão có khả năng chấn hưng Phật-giáo.

Đức-vua Asoka bạch hỏi điều hoài-nghi của mình rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con đã truyền bảo một vị quan đến ngôi chùa Asokārāma rằng:*

“- Này khanh! Khanh hãy đến chùa Asokārāma giúp giải hòa sự việc, rồi thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng-sự uposatha samghakamma như vậy.”

Vị quan ấy đến ngôi chùa Asokārāma, rồi giết chết một số tỳ-khưu.

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, vậy ác-nghiệp ấy thuộc về người nào? Bạch Ngài.*

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi Đức-vua Asoka rằng:

- *Thưa Đại-vương, Đại-vương có truyền bảo vị quan đến chùa Asokārāma giết chết số tỳ-khuru ấy hay không?*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con hoàn toàn không có truyền bảo giết chết số tỳ-khuru ấy.*

- *Thưa Đại-vương, nếu Đại-vương không có truyền bảo giết chết số tỳ-khuru ấy thì ác-nghiệp ấy không liên quan đến Đại-vương.*

Ngài Đại-Trưởng-lão giảng giải cho Đức-vua Asoka hiểu rõ Đức-Phật dạy chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Sau khi đã có tác-ý, rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.*

Vì vậy, Như-lai dạy ‘tác-ý gọi là nghiệp’.

Sau khi nghe Ngài Đại-Trưởng-lão giảng giải, Đức-vua Asoka hiểu rõ ác-nghiệp mà vị quan đã giết chết số tỳ-khuru ấy thuộc về vị quan, không liên quan đến mình, nên Đức-vua không hoài-nghi nữa.

Đức-vua Asoka học chánh-kiến và tà-kiến ngoại đạo

Để thanh lọc các tỳ-khuru giả tà-kiến ra khỏi tỳ-khuru-thật chánh-kiến, Đức-vua Asoka thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy chánh-kiến trong Phật-giáo và các loại tà-kiến của các nhóm ngoại đạo.

Sau khi Đức-vua Asoka học hiểu biết rõ chánh-kiến trong Phật-giáo và các loại tà-kiến của các nhóm ngoại đạo xong, Đức-vua Asoka truyền lệnh cho các quan thỉnh mời tất cả chư tỳ-khuru đến tụ hội tại ngôi chùa trung tâm Asokārāma tại kinh-thành Pāṭaliputta.

Đức-vua Asoka thanh lọc tỳ-khuru giả tà-kiến

Đức-vua Asoka truyền bảo rằng:

- *Nếu các tỳ-khuru nào có đồng ý kiến giống nhau thì các tỳ-khuru ấy gom lại chung một nhóm.*

Đức-vua Asoka ngự đến ngôi bên trong màn vải che kín, cho mời từng nhóm vào, Đức-vua Asoka truyền hỏi mỗi nhóm rằng:

- *Kim vādī Sammāsambuddho? Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thường dạy như thế nào?*

Mỗi nhóm trả lời theo ý kiến quan điểm hiểu biết của mình, Đức-vua Asoka biết rõ đó là tà-kiến của nhóm ngoại đạo, nên truyền bảo họ đứng sang một bên.

Sau khi truyền hỏi các nhóm tỳ-khuru ấy xong, Đức-vua Asoka thanh lọc tỳ-khuru giả tà-kiến vốn từ các nhóm ngoại đạo ra khỏi chùa gồm có 60 ngàn người, Đức-vua Asoka ban cho một bộ y phục vải trắng, rồi bắt buộc hoàn tục trở lại đời sống thường.

Tất cả chư tỳ-khuru còn lại đều là tỳ-khuru thật có chánh-kiến trong Phật-giáo, nên Đức-vua Asoka kính thỉnh chư tỳ-khuru ấy hành tăng-sự *uposatha samghakamma* với nhau.

Chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng khoảng 6 triệu tỳ-khuru vô cùng hoan-hỷ hòa hợp hành tăng-sự *uposatha samghakamma* với nhau.

Kết tập Tam-tạng lần thứ ba

Nhân dịp này, Ngài Đại-Trưởng-lão *Moggaliputtatissa* đứng ra triệu tập kỳ kết tập Tam-tạng lần thứ ba.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ ba này tại ngôi chùa *Asokārāma*, trong kinh-thành

Paṭaliputta, khoảng thời gian 235 năm, sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn.

Chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng gồm có khoảng 6 triệu vị tỳ-khưu, nhưng trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ ba này, Ngài Đại-Trưởng-lão chỉ tuyển chọn 1.000 vị tỳ-khưu là bậc Thánh A-ra-hán có tứ tuệ-phân-tích, lục-thông, thông thuộc Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli do Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa làm chủ trì, công cuộc kết tập được thực hiện trong suốt thời gian 9 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli. Đặc biệt trong kỳ kết tập lần thứ ba này, Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa sử dụng 1.000 bài kinh để khai triển bộ *Kathāvatthu* mà trước kia Đức-Phật đã thuyết trên cung trời Tam-thập tam-thiên một cách tóm tắt. Khi Đức-Phật khai triển đầu đề thì thấy rõ, biết rõ trong thời vị-lai có vị thanh-văn đệ-tử Moggaliputtatissa có khả năng khai triển rộng bộ *Kathāvatthu* này. Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa đã làm đúng theo như Đức-Phật đã thấy.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ ba này hoàn toàn giống như bản chánh của kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhì tại ngôi chùa Vālikārāma gần kinh-thành Vesālī, sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn khoảng 100 năm, và lần thứ nhất tại động Sattapaṇṇi, gần kinh-thành Rājagaha, sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn 3 tháng 4 ngày.

Ba kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli đều bằng *khẩu truyền* (*mukhapātha*) chưa ghi chép bằng chữ viết.

Đức-vua Asoka là thí-chủ hộ độ chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ ba này.

Đức-vua Asoka gửi phái đoàn chư tỳ-khuru-Tăng sang các nước láng giềng

Đức-vua Asoka là cận-sự-nam có đức-tin trong sạch phụng sự Tam-bảo, không chỉ hỗ-trợ giúp cho Phật-giáo được phát triển trong nước, mà còn gửi các phái đoàn chư tỳ-khuru-Tăng sang các nước láng giềng.

Vào Phật lịch 236 năm, sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, Đức-vua Asoka gửi phái đoàn 5 vị tỳ-khuru do Ngài Trưởng-lão Mahinda ⁽¹⁾ trưởng đoàn cùng với Ngài Trưởng-lão Itṭiya, Ngài trưởng lão Uttiya, Ngài Trưởng-lão Sambala, Ngài Trưởng-lão Bhaddasāla sang truyền bá Phật-giáo ở đảo quốc Srilanka.

Vào thời ấy, Đức-vua Devānampiyatissa trị vì đảo quốc Srilanka vốn là bạn thân của Đức-vua Asoka. Đức-vua Devānampiyatissa và các quan quân trong triều cùng với toàn dân chúng đón rước cung thỉnh phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng rất trọng thể.

Ngài Trưởng-lão Mahinda thuyết-pháp tế độ Đức-vua và các quan quân trong triều cùng với toàn dân chúng trên đảo quốc Srilankā, họ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có số xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, có số cận-sự-nam (upāsaka) xin xuất gia trở thành tỳ-khuru trong Phật-giáo.

Còn số cận-sự-nữ (upāsikā) có ý nguyện xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni trong Phật-giáo, như bà *Anuḷādevī* là hoàng-hậu của Đức-vua Devānampiyatissa cùng với 500 cận-sự-nữ trong hoàng tộc và số đông cận-sự-nữ dân chúng trong đảo quốc.

¹ Ngài Trưởng-lão Mahinda là bậc Thánh A-ra-hán, vốn là thái-tử của Đức-vua Asoka.

Ngài Trưởng-lão Mahinda truyền dạy gửi đoàn sứ giả đến tâu với Đức-vua Asoka, kính xin Đức-vua gửi phái đoàn chư tỳ-khuru-ni-Tăng sang đảo quốc Srilanka, để làm lễ xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni cho cận-sự-nữ (upāsikā).

Đức-vua Asoka gửi phái đoàn chư tỳ-khuru-ni-Tăng do Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Saṃghamittā ⁽¹⁾ làm trưởng đoàn sang đảo quốc Srilanka, để làm lễ xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni cho hoàng-hậu Anulādevī và 500 cận-sự-nữ trong hoàng tộc cùng với số đông dân chúng trong đảo quốc Srilankā.

Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Saṃghamittā có thỉnh cây Đại-Bồ-đề sang trồng trên đảo quốc Srilanka.

Cây Đại-Bồ-đề được thỉnh đến trồng tại tỉnh Anurādhapura trên đảo quốc Srilanka. Cây Đại Bồ-đề này vẫn còn sống cho đến nay được nhà nước Srilanka chăm sóc rất chu đáo.

Trong thời-kỳ ấy, Phật-giáo được phát triển rất thịnh hành trên đảo quốc Srilankā, chư tỳ-khuru-Tăng và chư tỳ-khuru-ni-Tăng rất đông.

Đức-vua Asoka còn gửi phái đoàn sang vùng đất Suvannabhūmi do Ngài Đại-Trưởng-lão Sona và Ngài Đại-Trưởng-lão Uttara để truyền bá Phật-giáo. Suvannabhūmi: vùng đất vàng nay là các nước như Indonesia, Myanmar, Thái-lan, Campuchia, Lào, ...

Phật lịch 218 năm, sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, Đức-vua Asoka là cận-sự-nam (upāsaka) có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, là đại thí-chủ bậc nhất có

¹ Ngài Đại-đức tỳ-khuru-ni Saṃghamittā là bậc Thánh A-ra-hán, vốn là công-chúa của Đức-vua Asoka.

công đức lớn đối với Phật-giáo, giúp cho Phật-giáo phát triển và thịnh hành không chỉ trong nước mà còn gửi các phái đoàn chư tỳ-khuru-Tăng và chư tỳ-khuru-ni-Tăng sang truyền bá Phật-giáo tại các nước láng giềng nữa.

Đức-vua Asoka không chỉ là **đại thí-chủ bậc nhất** trong Phật-giáo mà còn là **thân quyến kế thừa của Phật-giáo** nữa.

Sau khi *Đức-vua Asoka* băng hà, **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm** gọi là paṭisandhiccitta: *tái-sinh-tâm* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam Asoka* trên cõi trời **Tusitā** (*Đâu-suất đà-thiên*) có tuổi thọ 4.000 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 576 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm bằng 400 năm cõi người.

Những tích bồ-thí

Những tích bồ-thí được gom nhặt từ các bộ Vimānavatthu, Apādāna, Chú-giải Āṅguttaranikāya, Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, v.v...

* Tích Pilindavacchatthervatthu⁽¹⁾

- Bồ-thí những thứ vật dụng

Vào thời kỳ Đức-Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Pilindavaccha là cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Padumuttara.

Một hôm, cận-sự-nam này đến nghe pháp, nhìn thấy Đức-Phật tuyên dương một vị tỳ-khuru xuất sắc đệ nhất về đức hạnh làm cho chư thiên yêu mến trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

¹ C.G. Āṅguttaranikāya, Etadaggavagga, Pilindavacchattheravatthu.

Cận-sự-nam này có ý nguyện mong muốn được địa vị như vị tỳ-khưu ấy, nên tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường những thứ vật dụng như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, được Đức-Phật Padumuttara thọ ký rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, cận-sự-nam này sẽ xuất gia trở thành tỳ-khưu, rồi sẽ được địa vị xuất sắc đệ nhất về đức hạnh làm cho chư thiên yêu mến, như vị tỳ-khưu đệ tử của Như-Lai.”

Sau khi cận-sự-nam ấy chết, đại-thiện-nghiệp bồ-thí những vật dụng có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy.

Sau khi vị thiên-nam chết, đại-thiện-nghiệp bồ-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong gia đình giàu sang phú quý, hưởng mọi sự an-lạc trong cuộc sống, và tạo mọi phước-thiện để bổ sung cho đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật.

Trong suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trong vòng tử sinh luân-hồi không hề tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác giới, chỉ có đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới mà thôi.

Đến kiếp chót, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm con trai trong gia đình bà-la-môn dòng dõi cao quý, tên là ***Pilindavaccha***.

Vào thời kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, công tử *Pilindavaccha* đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp.

Sau khi nghe pháp xong, công tử *Pilindavaccha* phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-

Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru.

Sau khi trở thành tỳ-khuru, vị tỳ-khuru *Pilindavaccha* thực-hành pháp-hành thiền-định, rồi tiếp theo thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận đờc mọi phiền-não mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, cùng với tứ tuệ-phân-tích và lục-thông.

Một thuở nọ, trong buổi hội họp chư tỳ-khuru-Tăng, Đức-Phật tuyên dương Ngài Trưởng-lão *Pilindavaccha*:

“Bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ devatānaṃ piyamanāpānaṃ yadidaṃ Pilindavaccho.

- Nay chư tỳ-khuru! Trong hàng tỳ-khuru thanh-văn đệ tử của Như-lai, Pilindavaccha là vị tỳ-khuru có đức hạnh làm cho chư-thiên yêu mến đệ nhất.”

Ngài Trưởng-lão *Pilindavaccha* đã thành-tựu đờc như ý nguyện đúng như Đức-Phật *Padumuttara* đã thọ ký trong thời quá-khứ.

*** Tích Phaladāyakavimāna⁽¹⁾: Lâu đài của người bồ-thị 4 quả xoài**

Trong bộ *Vimānavatthu*, tích *Phaladāyakavimāna* đờc tóm lược như sau:

Đức-vua *Bimbisāra* có một vườn xoài, một hôm, Đức-vua truyền gọi người làm vườn xoài đến, rồi truyền bảo rằng:

- Nay ngươi! Trẫm muốn thưởng thức quả xoài, ngươi

¹ Bộ *Vimānavatthu*, *Pāyāsikavagga*, *Phaladāyakavimāna*.

làm cách nào để có quả xoài, đem đến dâng Trẫm được hay không?

- Muôn tâu Bệ-hạ! Lúc này không phải mùa xoài cho quả, xin Bệ-hạ ráng chờ đợi một thời gian nữa, hạ thần sẽ cố gắng làm cho cây xoài cho quả sớm.

Đức-vua Bimbisāra chuẩn tâu, người làm vườn xoài chọn một cây xoài rồi chăm sóc đặc biệt, làm cho cây xoài ra bông, kết trái chín được 4 quả. Người làm vườn ấy đem đến kính dâng Đức-vua, trên đường đi, nhìn thấy Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đang đi khát thực, liền nghĩ rằng:

“Nếu ta đem 4 quả xoài này đến dâng lên Đức-vua Bimbisāra, thì ta chỉ được bổng lộc trong kiếp hiện-tại mà thôi. Nếu ta đem 4 quả xoài trái mùa rất ngon này làm phước-thiện bố-thí cúng-dường để bát đến Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, thì ta sẽ được quả báu tốt không chỉ trong kiếp hiện-tại mà còn vô số kiếp vị-lai nữa. Ta sẽ đến xin chịu tội nơi Đức-vua Bimbisāra, dù Đức-vua có giết ta hoặc đuổi ra khỏi nước, ta cũng xin chấp nhận.”

Sau khi nghĩ vậy xong, người làm vườn ấy phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ đem 4 quả xoài đến làm phước-thiện bố-thí cúng-kính cúng-dường để bát đến Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.

Sau khi cúng-kính cúng-dường 4 quả xoài xong, người làm vườn phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ đi đến châu đánh lễ Đức-vua Bimbisāra, tâu sự-thật như vậy, rồi xin chịu tội.

Nghe người làm vườn tâu như vậy, Đức-vua truyền lệnh một vị quan điều tra xem chuyện này thực hư như thế nào, rồi về tâu trình Đức-vua rõ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đem 4 quả xoài về đến ngôi chùa Veḷuvana, Ngài Đại-Trưởng-lão kính dâng đến Đức-Phật 1 quả tốt nhất, còn lại 3 quả, Ngài Đại-Trưởng-lão kính dâng Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa 1 quả, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta 1 quả, còn 1 quả cho Ngài.

Vị quan trở về tâu trình lên Đức-vua Bimbisāra biết rõ sự-thật như vậy. Đức-vua phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nghĩ rằng:

“Người làm vườn là bậc thiện-trí, dám hy sinh sinh-mạng để mưu cầu phước-thiện thanh cao.”

Đức-vua Bimbisāra ban thưởng cho người làm vườn một làng để thu thuế, vàng, bạc, vải, đồ đạc... và Đức-vua yêu cầu rằng:

- Nhà ngươi có cơ hội tốt làm phước-thiện bố-thí cúng-dường 4 quả xoài đến Đức-Phật, Ngài đại-trưởng-lão Mahākassapa, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, mỗi Ngài mỗi quả. Vậy, nhà ngươi hãy chia phần phước-thiện thanh cao ấy đến cho Trẫm với.

Người làm vườn xoài tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ! Kính xin Bệ-hạ hoan-hỷ phần phước-thiện thanh cao này.

Sau khi người làm vườn xoài ấy chết, đại-thiện-nghiệp cúng-dường 4 quả xoài ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam có hào quang sáng ngời, nhiều oai lực trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong lâu đài bằng vàng cao 16 do-tuần, có 700 phòng lớn, cột bằng ngọc quý, những đồ trang trí quý giá, có nhiều thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời.

Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí cúng-dường 4 quả xoài để bát đến Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.

*** Tích Ācāmadāyikāvimāna ⁽¹⁾: Lâu đài của người bố-thí cơm cháy**

Trong bộ Vimānavatthu, tích Ācāmadāyikāvimāna được được tóm lược như sau:

Một bà già nghèo khổ ăn mày, sống nhờ đằng sau hiên nhà người khác, người ta nhìn thấy bà đáng thương nên thường cho cơm, cháo và miếng cơm cháy... để bà sống qua ngày.

Một hôm, Ngài đại-trưởng-lão Mahākassapa sau khi xả diệt-thọ-tướng, xem xét nên đi khất thực tế độ người nào trước. Ngài Đại-Trưởng-lão nhìn thấy một bà già nghèo khổ gần chết, sau khi bà chết, thì ác-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục.

Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi cứu khổ, đi khất thực đến tế độ bà tránh khỏi cõi địa-ngục, do nhờ phước-thiện bố-thí cúng-dường miếng cơm cháy, sau khi bà chết, đại-thiện-nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới Hóa-lạc-thiên.

Sau khi xem xét thấy rõ như vậy, vào buổi sáng, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đi khất thực đến đứng chỗ ở của bà. Trong khi đó, Đức-vua trời Sakka hóa thành người già đem vật thực đến cúng-dường để bát Ngài Đại-Trưởng-lão, Ngài biết rõ người già ấy là Đức-vua trời Sakka, nên trách rằng:

- Nay Đức-vua trời Sakka! Đức-vua không nên giành phước-thiện bố-thí của người nghèo khổ.

¹ Bộ Vimānavatthu, Cittalatāvagga, Ācāmadāyikāvimāna.

Ngài Đại-Trưởng-lão không đỡ nắp bát, Ngài vẫn đứng yên trước chỗ ở của bà già nghèo khổ ấy.

Bà nghĩ rằng: “Ngài Đại-Trưởng-lão này là bậc cao thượng được phân đống tôn kính, phận ta nghèo khổ không có gì quý giá để làm phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài, ta chỉ có nước cơm và miếng cơm cháy không ngon lành gì cả. Và lại, còn đựng trong một đồ dùng không tốt đẹp, ta nào dám làm phước-thiện bố-thí cúng-dường để bát đến Ngài được.”

Nên bà bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, con kính thỉnh Ngài đi nơi khác. Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa vẫn đứng yên không đi nơi khác, những người khác đem vật thực đến cúng-dường để bát, Ngài vẫn không đỡ nắp bát để nhận. Bà già nghĩ rằng:

“Chắc chắn Ngài đứng đây để tế độ ta.”

Bà liền phát sinh đức-tin trong sạch muốn làm phước-thiện bố-thí cúng-dường, bà đem miếng cơm cháy đến, Ngài liền đỡ nắp bát, bà phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ cung-kính cúng-dường để vào trong bát của Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão tỏ vẻ muốn thọ thực, để cho bà nhìn thấy và phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí cúng-dường.

Mọi người hiểu ý, trải chỗ ngồi, Ngài Đại-Trưởng lão ngồi thọ thực miếng cơm cháy ấy. Uống nước xong, Ngài Đại-Trưởng-lão thuyết pháp tế độ bà, làm cho bà phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ và Ngài Đại-Trưởng-lão còn cho bà biết được rằng:

“Bà đã từng là thân-mẫu của Ngài trong tiền-kiếp quá-khứ.”

Khi biết được như vậy, bà càng phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, sau thời gian không lâu, bà hết tuổi thọ (chết).

Sau khi bà chết, đại-thiện-nghiệp cúng-dường ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nữ có hào quang sáng ngời, có nhiều oai lực trên cõi trời Hóa-lạc-thiên, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời ấy.

*** Bhikkhadāyikāvimāna ⁽¹⁾ dâng vật thực đến Đức-Phật**

Trong bộ Vimānavatthu, tích Bhikkhadāyikāvimāna được tóm lược như sau:

Vào canh chót đêm, Đức-Phật nhập đại bi định, khi xả định xem xét chúng-sinh nên tế độ, Đức-Phật nhìn thấy một người đàn bà sắp hết tuổi thọ, sau khi bà chết, ác-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục. Đức-Phật muốn tế độ bà tránh khỏi cõi địa-ngục.

Sáng hôm ấy, Đức-Phật một mình ngự đi đến thành-phố Uttaramadhura để tế độ người đàn bà ấy.

Khi người đàn bà nấu cơm xong, mang hũ đi lấy nước, trên đường về nhà gặp Đức-Phật ngự đi khát thực, bà bạch hỏi rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài đã nhận vật thực được hay chưa? Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này cận-sự-nữ! Chắc sẽ được.*

Biết Đức-Phật chưa được vật thực, nên bà kính thỉnh Đức-Phật đến nhà để làm phước-thiện bồ-thí cúng-dường vật thực lên Đức-Phật.

¹ Bộ Vimānavatthu, Cittalatāvagga, Bhikkhadāyikāvimāna.

Đức-Phật làm thỉnh nhận lời thỉnh mời của bà. Bà phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ vội vàng đi về nhà trước, sửa soạn trải chỗ ngồi chờ đón tiếp Đức-Phật.

Đức-Phật ngự vào nhà, bà thỉnh ngồi chỗ cao quý, chính tự tay bà làm phước-thiện bố-thí cúng-dường những món vật thực lên Đức-Phật.

Sau khi thọ thực xong, Đức-Phật thuyết pháp tế độ bà để cho bà phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực của mình.

Sau đó 2-3 ngày bà chết, đại-thiện-nghiệp cúng-dường vật thực ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nữ có hào quang sáng ngời trong lâu đài nguy nga tráng lệ trên cõi trời dục-giới, có ngàn thiên nữ hầu hạ, hưởng sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy.

*** Tích Ekapiṇḍapātadāyikātherī⁽¹⁾ cúng-dường cơm
sữa một lần**

Trong bộ Therī apādāna, tích Ekapiṇḍapātadāyikātherī apadāna, Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Ekapiṇḍapātadāyikātherī thuật lại tiền-kiếp của mình được tóm lược như sau:

Trong thời Đức-Phật Vipassī xuất hiện trên thế gian, vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 80.000 năm, trước trái đất này 91 đại-kiếp trái đất. Khi ấy, tiền-kiếp của Đại-đức tỳ-khưu-ni Ekapiṇḍapātadāyikātherī là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bandhumā.

Một hôm, Chánh-cung Hoàng-hậu ở nơi thanh vắng suy xét rằng:

“Nếu bây giờ ta không tạo phước-thiện để làm nơi

¹ Nữ thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí vật thực một lần.

nương nhờ của mình, thì sau khi ta chết, khó tránh khỏi tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục.”

Sau khi suy xét như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu đến châu Đức-vua, tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng! Thần thiếp có ý nguyện muốn làm phước-thiện bổ-thí cúng-dường để bát một vị tỳ-khuru-ni. Kính xin Hoàng-thượng cho phép thỉnh một vị tỳ-khuru-ni vào cung, để thần thiếp làm phước-thiện bổ-thí cúng-dường đặt bát các món vật thực.

Đức-vua chuẩn tâu xong, rồi truyền lệnh vị quan thỉnh một Đại-đức tỳ-khuru-ni là bậc Thánh A-ra-hán vào cung.

Chánh-cung Hoàng-hậu đón tiếp Đại-đức tỳ-khuru-ni ấy, xin nhận cái bát, rồi thỉnh Đại-đức tỳ-khuru-ni ngồi một chỗ cao quý.

Chánh-cung Hoàng-hậu phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ cung-kính đánh lễ Đại-đức tỳ-khuru-ni ấy, tự tay đặt món cơm nấu bằng sữa và bơ vào trong bát, rồi cung-kính dâng cúng-dường đến Đại-đức tỳ-khuru-ni.

Nhận bát vật thực xong, Đại-đức tỳ-khuru-ni ấy thọ thực. Sau khi Đại-đức tỳ-khuru-ni thọ thực, Chánh-cung Hoàng-hậu cung-kính cúng-dường tâm ý. Đại-đức tỳ-khuru-ni tụng kinh chúc phúc Chánh-cung Hoàng-hậu, rồi trở về chùa.

Chánh-cung Hoàng-hậu có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có đại-thiện-tâm trong sạch tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường vật thực ngon lành và y đầy đủ 3 thời-kỳ tác-ý:

- Pubbacetanā: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bổ-thí cúng-dường ấy (trong thời quá-khứ có giới hạn).

- *Muñcacetanā*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch đang khi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường ấy (trong thời hiện-tại).

- *Aparacetanā*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường ấy (trong thời vị lai không có giới hạn).

Quả báu của phước-thiện bố-thí

Chánh-cung Hoàng-hậu tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đại-đức tỳ-khưu-ni là bậc Thánh A-ra-hán dù chỉ có một lần, nhưng mà Chánh-cung Hoàng-hậu thường niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy như là *đề-mục thiền-định (cāgānussati)*, nên phước-thiện bố-thí được tăng trưởng theo thời gian ấy.

Sau khi Chánh-cung Hoàng-hậu quy thiên, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nữ* trên cung trời Tam-thập-tam-thiên, là *Chánh-cung Hoàng-hậu* của Đức-vua trời Sakka tuần tự trải qua 30 Đức-vua trời Sakka. Chánh-cung Hoàng-hậu muốn thứ gì đều được như ý thứ ấy.

Khi đại-thiện-nghiệp bố-thí cho quả tái-sinh kiếp sau làm người là *Chánh-cung Hoàng-hậu* của Đức-Chuyển-luân Thánh-vương trải qua 20 Đức-vua.

Trong suốt thời gian 91 đại-kiếp trái đất, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy khi thì cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, khi thì cho quả tái-sinh kiếp sau làm người nữ trong gia đình giàu sang phú quý, cố gắng tinh-tân tạo bồi bổ cho đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, không hề tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới.

Đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của Chánh-cung Hoàng-hậu sinh làm công-

chúa trong dòng Sakya tại kinh-thành Kapilavatthu. Khi Đức-Phật ngự trở về thuyết pháp tế độ hoàng tộc Sakya, công-chúa nghe pháp, thọ phép quy-y Tam-bảo, thọ-tri ngũ-giới trong sạch trọn vẹn.

Vào hạ thứ 5, Đức-Phật cùng với chư tỳ-khuru-Tăng nhập hạ tại giảng đường Kuṭāgāra trong khu rừng lớn gần kinh-thành Vesālī. Khi ấy, bà *Mahāpajāpatigotamī* cùng với 500 người nữ dòng Sakya, trong đó có công-chúa, từ kinh-thành Kapilavatthu đi bộ đến kinh-thành Vesālī, đứng trước cổng giảng đường Kuṭāgāra, nhờ Ngài *Trưởng-lão Ānanda* kính xin Đức-Phật cho phép người nữ xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Đức-Phật truyền bảo *Trưởng-lão Ānanda* rằng:

“*Nếu nữ-mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp nhận 8 trọng pháp (garudhamma), thì đó là sự xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni của nữ-mẫu.*”

Ngài *Trưởng-lão Ānanda* thưa lại với bà-mẫu *Mahāpajāpatigotamī* rõ **8 trọng pháp** ấy. Bà vô cùng hoan-hỷ chấp thuận **8 trọng pháp** và nghiêm chỉnh thực-hành đầy đủ cho đến trọn đời.

Đó là *sự xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni của bà Mahāpajāpatigotamī*, còn 500 người nữ dòng Sakya xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni lần đầu tiên do tỳ-khuru-Tăng hành tăng-sự theo cách tụng ñatticatutthakammavācā.

Sau khi công-chúa trở thành tỳ-khuru-ni, tinh-tân thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-nã, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ-phân-tích, lục-thông.

Khi hết tuổi thọ, vị tỳ-khuru-ni Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đại-đức tỳ-khuru-ni có tên là *Ekapiṇḍapātadāyikātherī* nghĩa là Đại-đức tỳ-khuru-ni mà tiền-kiếp là nữ thí-chủ tạo phước-thiện cúng-dường đặt bát một lần.

*** Manāpadāyīsutta: Kinh người bố-thí vật vừa lòng thường được vật vừa lòng**

Bài *Manāpadāyīsutta* ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại giảng đường Kuṭāgāra trong khu rừng lớn gần kinh-thành Vesālī.

Vào buổi sáng, Đức-Thế-Tôn mang bát ngự đi đến biệt thự của gia chủ Ugga, người trong kinh-thành Vesālī, ngồi trên tọa cụ cao quý. Khi ấy gia chủ Ugga đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi nơi hợp lễ, bèn bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã từng nghe từ kim ngôn của Đức-Thế-Tôn rằng:*

“Người nào tạo phước-thiện bố-thí vật hài lòng, thường được vật hài lòng.”

Như vậy, món ăn sālappupphaka ⁽²⁾ thơm ngon như hoa sālā được làm rất công phu, là món ăn mà con rất hài lòng, ưa thích nhất, con đã kính dâng cúng-dường lên Đức-Thế-Tôn. Ngài có tâm đại bi tế độ nhận món ăn ấy của con rồi.

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã từng nghe từ kim ngôn của Đức-Thế-Tôn rằng:*

¹ *Anguttaranikāya, Pañcakanipāta, kinh Manāpadāyīsutta.*

² *Sālappupphaka: Một món ăn làm bằng bột gạo sālī trộn với các đồ gia vị ngon lành, chiên bơ... là món ăn được làm rất công phu, rất ngon có mùi thơm như hoa sālā.*

“Người nào tạo phước-thiện bố-thí vật hài lòng, thường được vật hài lòng.”

Như vậy, món thịt heo loại ngon (sampannavarasukaramamsa) ⁽¹⁾ được nấu rất công phu, thật ngon lành, là món ăn mà con rất hài lòng, ưa thích nhất, con đã kính dâng cúng-dường lên Đức-Thế-Tôn, Ngài có tâm đại bi tế độ nhận món ăn ấy của con rồi.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã từng nghe từ kim ngôn của Đức-Thế-Tôn rằng:

“Người nào tạo phước-thiện bố-thí vật hài lòng, thường được vật hài lòng.”

Như vậy, món ăn nāliyāsāka ⁽²⁾ là món rau trộn với bột gạo sālī chiên bơ rất thơm ngon, là món ăn mà con rất hài lòng, ưa thích nhất, con đã kính dâng cúng-dường lên Đức-Thế-Tôn, Ngài có tâm đại bi tế độ nhận món ăn ấy của con rồi.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã từng nghe từ kim ngôn của Đức-Thế-Tôn rằng:

“Người nào tạo phước-thiện bố-thí vật hài lòng, thường được vật hài lòng.”

Như vậy, cơm nấu bằng gạo Sālī thượng hạng, cùng với các món ăn ngon lành, là món mà con rất hài lòng, ưa thích nhất, con đã kính dâng cúng-dường lên Đức-Thế-Tôn, Ngài có tâm đại bi tế độ nhận món ăn ấy của con.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã từng nghe từ kim ngôn của Đức-Thế-Tôn rằng:

“Người nào tạo phước-thiện bố-thí vật hài lòng, thường được vật hài lòng.”

¹ Sampannavarasukaramamsa: Món thịt heo ngon nấu với các đồ gia vị ngon lành, để cất kỹ một năm sau mới dùng.

² Nāliyāsāka là món rau làm rất công phu, rất ngon lành.

Như vậy, một chiếc giường được làm bằng gỗ quý có 4 chân chạm trổ hình thú dữ với nghệ thuật tuyệt vời, lót trải tấm vải được làm bằng lông cừu màu trắng, phủ một lớp vải có thêu những đóa hoa rất xinh đẹp, có gối đầu, gối hai bên ... là chiếc giường mà con rất hài lòng ưa thích nhất. Nhưng con biết chiếc giường ấy không thích hợp với Đức-Thế-Tôn.

Con có chiếc giường khác được làm bằng gỗ trầm hương giá 100 ngàn kahāpaṇa cũng là một chiếc giường mà con rất hài lòng, ưa thích nhất, con đã kính dâng cúng-dường lên Đức-Thế-Tôn, Ngài có tâm đại bi tế độ nhận chiếc giường gỗ trầm hương ⁽¹⁾ ấy của con rồi.

Sau khi gia chủ Ugga bạch xong, Đức-Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

Người có đức-tin trong sạch tạo phước-thiện bồ-thí vật hài lòng, thường được vật hài lòng.

Người nào bồ-thí y phục, vật thực, nước, các thứ vật dụng khác với đại-thiện-tâm hoan-hỷ đến bậc thực-hành đúng theo chánh-pháp.

Những vật dụng được bồ-thí rồi, là vật đã bồ-thí không còn luyện tiệp nữa.

Người ấy có trí-tuệ hiểu biết rằng: bậc Thánh A-ra-hán là phước điền cao thượng.

Bồ-thí vật khó bồ-thí gọi là bồ-thí vật hài lòng, thường được vật hài lòng.

Đức-Phật thuyết bài kệ tế độ làm cho gia chủ Ugga trong kinh-thành Vesālī vô cùng hoan-hỷ xong, Đức-Phật rời khỏi tư thất của ông trở về.

Sau đó thời gian không lâu, gia chủ Ugga là bậc Thánh

¹ Chiếc giường bằng gỗ trầm hương, Đức-Phật cho cura từng mảnh nhỏ, ban cho tất cả chư tỳ-khưu tán thành bột làm thuốc nhỏ mắt.

Bất-lai trong kinh-thành Vesālī chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên Tịnh-cư-thiên trong nhóm chư phạm-thiên có tên mano-maya (thành tựu do thiên-tâm).

Đức-Thế-Tôn ngự tại chùa Jetavana gần thành Sāvattthī, khi ấy, vào canh giữa đêm, vị phạm-thiên Ugga có hào quang sáng ngời hiện xuống ngôi chùa Jetavana, làm cho toàn ngôi chùa sáng ngời, đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn xong, đứng một nơi hợp lẽ.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- *Này phạm-thiên Ugga! Những điều mong ước của con đã thành tựu hay chưa?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, những điều mong ước của con đã được thành tựu rồi. Bạch Ngài.*

Khi ấy Đức-Thế-Tôn thuyết bài kệ rằng:

Người bố-thí vật hài lòng với thiện tâm hoan-hỷ, thường được vật hài lòng.

Người bố-thí vật quý báu, thường được vật quý báu.

Người bố-thí vật tốt đẹp, thường được vật tốt đẹp.

Người bố-thí vật quý nhất, thường được vật quý nhất.

Người nào bố-thí vật quý báu, vật tốt đẹp, vật quý nhất, người ấy sinh trong cõi-giới nào cũng có tuổi thọ sống lâu, có danh tiếng vang lừng.

*** Sumanāsutta ⁽¹⁾: Kinh công-chúa Sumanā**

Ở trong đời này, người có phước-thiện bố-thí luôn luôn có ưu thế hơn người không có phước-thiện bố-thí.

Tìm hiểu bài kinh Sumanāsutta được tóm lược như sau:

¹ Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, Sumanāsutta.

Cô Sumanā là công-chúa của Đức-vua Pasenādi xứ Kosala. Công-chúa cùng với đoàn nữ tùy tùng 500 người đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 2 vị đều có **đức-tin**, có **giới**, có **trí-tuệ** đồng đều nhau. Song, một vị này có phước-thiện bố-thí và một vị kia không có phước-thiện bố-thí. Sau khi hai vị ấy chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam cùng trong một cõi trời dục-giới giống nhau.

Vậy, hai vị thiên-nam ấy có gì đặc biệt khác nhau hay không? Bạch Ngài.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Sumanā! Hai vị thiên-nam ấy có sự khác biệt nhau là:

Vị thiên-nam vốn có phước-thiện bố-thí có ưu thế hơn hẳn vị thiên-nam vốn không có phước-thiện bố-thí bởi 5 pháp trong cõi trời dục-giới ấy là:

- * Tuổi thọ sống lâu.
- * Sắc đẹp tuyệt vời.
- * An-lạc tuyệt vời.
- * Danh tiếng, tùy tùng đông.
- * Oai lực lớn trong cõi trời dục-giới ấy.

- Này Sumanā! Vị thiên-nam vốn có phước-thiện bố-thí đặc biệt hơn hẳn vị thiên-nam không có phước-thiện bố-thí bởi 5 pháp trong cõi trời dục-giới ấy như vậy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu hai vị thiên-nam ấy sau khi chết tại cõi trời dục-giới ấy, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau đều làm người thì hai người ấy có gì đặc biệt khác nhau hay không? Bạch Ngài.

- Này Sumanā! Hai người ấy có sự khác biệt nhau là:

Người vốn có phước-thiện bố-thí có ưu thế hơn người vốn không có phước-thiện bố-thí bởi 5 pháp trong cõi người ấy là: sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, danh tiếng, tùy tùng đông và quyền lực lớn trong cõi người.

- Nay Sumanā! Người vốn có phước-thiện bố-thí ưu thế hơn người vốn không có phước-thiện bố-thí bởi 5 pháp như vậy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu cả hai người đều xuất gia trở thành tỳ-khuru giống nhau, thì hai vị tỳ-khuru ấy có gì đặc biệt khác nhau hay không? Bạch Ngài.

- Nay Sumanā! Hai vị tỳ-khuru ấy có sự khác biệt nhau: Vị tỳ-khuru vốn có phước-thiện bố-thí ưu thế hơn vị tỳ-khuru vốn không có phước-thiện bố-thí bởi 5 pháp là:

Vị tỳ-khuru vốn có phước-thiện bố-thí:

1* Nếu cần y thì có được nhiều y, nếu không cần y thì có được ít y.

2* Nếu cần vật thực thì có được nhiều vật thực, nếu không cần vật thực thì có được ít vật thực.

3* Nếu cần chỗ ở thì có được chỗ ở to lớn, nếu không cần chỗ ở thì có được chỗ ở vừa.

4* Nếu cần thuốc trị bệnh thì có được nhiều thuốc trị bệnh, nếu không cần thuốc trị bệnh thì có được ít thuốc trị bệnh.

5* Khi sống chung với những bạn đồng phạm hạnh nào, những người bạn ấy thường có thân, khẩu, ý đối đãi tử tế, đáng hài lòng nhiều hơn là đối xử không hài lòng; thường đem lại điều hài lòng nhiều hơn là điều không hài lòng.

- Nay Sumanā! Vị tỳ-khuru vốn có phước-thiện bố-thí ưu thế hơn vị tỳ-khuru vốn không có phước-thiện bố-thí bởi năm pháp như vậy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu hai vị tỳ-khuru ấy đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán giống nhau, thì hai bậc Thánh A-ra-hán ấy có gì đặc biệt khác nhau hay không? Bạch Ngài.

- Này Sumanā! Như-Lai không nói đến có sự khác nhau giữa sự giải thoát (A-ra-hán Thánh-đạo) của vị này với sự giải thoát (A-ra-hán Thánh-đạo) của vị kia.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thật là điều phi thường!

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thật là điều chưa từng được nghe như vậy bao giờ!

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, như vậy, nên làm phước-thiện bố-thí, nên làm mọi phước-thiện, bởi vì phước-thiện này làm duyên hỗ trợ sau khi tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, trong cõi người, ngay sau khi xuất gia trở thành vị tỳ-khuru.

- Này Sumanā! Đúng như vậy, nên tạo phước-thiện bố-thí, nên tạo mọi phước-thiện, bởi vì phước-thiện này làm duyên hỗ trợ sau khi tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, trong cõi người, ngay sau khi xuất gia trở thành vị tỳ-khuru.

*** Jāṇussoṇīsutta⁽¹⁾: Kinh ông bà-la-môn Jāṇussoṇī**

Sau khi thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến thân quyến đã quá vãng có được thành-tựu hoặc không thành-tựu như thế nào?

Tìm hiểu trong bài kinh *Jāṇussoṇīsutta* Đức-Phật thuyết dạy ông bà-la-môn Jāṇussoṇī hồi-hướng phước-thiện bố-thí thành tựu và không thành tựu đến số chúng-sinh, được tóm lược như sau:

¹ Aṅguttaranikāya, Dasakanipāta, Jāṇussoṇīsutta.

Một thuở nọ, ông bà-la-môn Jāṇussoṇī đến hầu đánh lễ vấn an Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lễ, bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con là Bà-la-môn tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho các bà con thân quyến đã quá vãng của con, với hy vọng rằng:

Các bà con thân quyến đã quá vãng ấy nhận được phần phước-thiện bố-thí mà con đã hồi-hướng.

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, các bà con thân quyến đã quá vãng của con có nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy mà con đã hồi-hướng hay không? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy ông bà-la-môn Jāṇussoṇī:

- Nay bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng có cơ hội thì nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng, và nếu các bà con thân quyến đã quá vãng không có cơ hội thì không nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng.

Jā.- Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu các bà con thân quyến đã quá vãng có cơ hội thì nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng như thế nào?

Và nếu bà con thân quyến đã quá vãng không có cơ hội thì không nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng như thế nào? Bạch Ngài.

ĐP. - Nay bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, tham lam của cải của người khác, thù hận, có tà-kiến.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm **chúng-sinh trong cõi địa-ngục**, sống trong cõi địa-ngục.

- *Này bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về loài **chúng-sinh trong cõi địa-ngục** thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng (bởi vì, chúng-sinh trong cõi địa-ngục không biết nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng).*

- *Này bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm, ..., tham lam của cải của người khác, thù hận, có tà-kiến.*

*Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm **loài súc-sinh**, sống trong loài súc-sinh.*

- *Này bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về **loài súc-sinh** thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng (Bởi vì, loài súc-sinh không biết nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng).*

- *Này bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của cải của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.*

*Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm **loài người**, sống trong cõi người.*

- *Này bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về **loài người** thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ (Bởi vì, loài người không biết nên không có*

cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyền đã hồi-hướng đến cho họ).

- *Này bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm,..., không tham lam của cải của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.*

*Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị thiên-nam** hoặc **vị thiên-nữ**, sống trong cõi trời dục-giới.*

- *Này bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyền đã quá vãng thuộc về **thiên-nam** hoặc **thiên-nữ** trong cõi trời dục-giới thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyền đã hồi-hướng đến cho họ (Bởi vì, vị chư-thiên cõi trời dục-giới không quan tâm nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyền đã hồi-hướng đến cho họ).*

- *Này bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm,... tham lam của cải của người khác, thù hận, có tà-kiến.*

*Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm **loài nga-quỷ** sống gần gũi với loài người, chịu quả khổ của ác-nghiệp như đói khát, lạnh lẽo, v.v...*

Nếu loài nga-quỷ ấy biết có thân quyền hoặc bạn hữu, hoặc những thí-chủ khác tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho họ thì họ hiện đến phát sinh đại-thiện-tâm nói lên lời hoan-hỷ, nên nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thí-chủ hồi-hướng đến cho họ, mới thoát khỏi kiếp nga-quỷ đói khát ấy, nhờ đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện hồi-hướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới

là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-dục-giới ấy tùy theo năng lực quả của đại-thiện-nghiệp.

- Nay bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về **loài nga-quỷ** ấy thì có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng (Bởi vì, loài nga-quỷ biết nên có cơ hội hiện đến nơi ấy, phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ, nhận được phần phước-thiện hồi-hướng ấy).

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu bà con thân quyến đã quá vãng ấy không thuộc về loài nga-quỷ thì ai sẽ hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy?

ĐP. - Nay bà-la-môn! Có các bà con thân quyến khác đã quá vãng thuộc về loài nga-quỷ. Các bà con thân quyến nga-quỷ khác ấy có cơ hội đến nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ. Loài nga-quỷ khác ấy hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu bà con thân quyến đã quá vãng ấy không thuộc về loài nga-quỷ và các bà con thân quyến đã quá vãng khác cũng không thuộc về loài nga-quỷ, thì ai sẽ hưởng được quả báu của phước-thiện hồi-hướng ấy.

ĐP. - Nay bà-la-môn! Các bà con thân quyến đã tử sinh luân-hồi trải qua vô số kiếp ấy, mà không có bà con thân quyến quá vãng nào thuộc về loài nga-quỷ, đó là điều không thể có được.

Và thí-chủ đã tạo phước-thiện bố-thí rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí của mình, thì chính thí-chủ là người hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, Ngài dạy:

“Người thí-chủ cũng hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa. Bạch Ngài.”

ĐP. - Này bà-la-môn! Như-Lai dạy:

“Người thí-chủ hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa.”

- Này bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ..., tham lam của cải người khác, thù hận, có tà-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các sa-môn, các Bà-la-môn, ...

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau sinh làm **con voi báu** được người quyền quý sử dụng, nên con voi báu ấy có vật thực, nước uống đầy đủ, có các đồ trang sức quý giá, ...

- Này bà-la-môn! Như vậy, trong đời này, người nào tạo **ác-nghiệp** sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ..., tham lam của cải người khác, thù hận, có tà-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các sa-môn, các bà-la-môn, ...

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau sinh làm **con ngựa báu, con chó tinh khôn**, ... Con ngựa báu, con chó tinh khôn ấy được người quyền quý nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo.

- Này bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh

xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của cải người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các sa-môn, các bà-la-môn ...

*Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm **người** trong cõi người. Người ấy là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải tài sản, hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi người.*

- Nay bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của cải người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các sa-môn, các Bà-la-môn ...

*Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị thiên-nam** hoặc **vị thiên-nữ** trên cõi trời dục-giới, hưởng được mọi sự an-lạc vi-tế cho đến khi hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy.*

- Nay bà-la-môn! Vì vậy, Như-lai dạy rằng: Người thí-chủ cũng hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, thật phi thường! chưa từng nghe!

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, người thí-chủ cũng được hưởng quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Như vậy, mọi người nên tạo phước-thiện bố-thí thật sự, nên có đức-tin nơi phước-thiện bố-thí.

ĐP. - Này bà-la-môn! Điều ấy đúng như vậy!

Sau khi nghe Đức-Thế-Tôn thuyết dạy như vậy, ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con thật vô cùng hoan-hỷ. Đức-Phật Gotama thuyết-pháp bằng nhiều cách, ví như lật ngửa ra vật bị che đậy, hoặc mở ra vật bị đóng kín, hoặc rọi đèn soi sáng vào chỗ tăm tối để cho người có đôi mắt sáng được thấy rõ tất cả mọi vật hiện hữu.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y, nương nhờ nơi Đức-Phật Gotama; xin quy-y, nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo; xin quy-y, nương nhờ nơi chư tỷ-khuru-Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Phật Gotama công nhận con là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời của con.

*** Cūḷasetṭhipetavatthu⁽¹⁾: Tích nga-quỷ Cūḷasetṭhi**

Tìm hiểu tích nga-quỷ Cūḷasetṭhi (tiêu phú hộ) được tóm lược như sau:

Trong kinh-thành Bārāṇasī có một tiêu phú hộ tên Cūḷasetṭhi là người không có đức-tin nơi Tam-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, có tâm bòn sẻn keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện

¹ Khuddakanikāya, Petavatthu, Cūḷasetṭhipetavatthu.

bồ-thí của cái đến một ai, có tham-tâm say mê trong của cái, còn là người không có giới.

Sau khi Cūḷasetṭhi ấy chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh làm loài *ngạ-quỷ* cũng có tên là *Cūḷasetṭhipeta* (*ngạ-quỷ Cūḷasetṭhi*) có thân hình gầy ốm da bọc xương, xanh xao, đầu trọc, trần truồng đói khát trông đáng thương.

Ngạ-quỷ Cūḷasetṭhi nghe tin người con gái tên Anulā ở nhà chồng trong thành phố Andhakavinda, ngày mai sẽ tạo phước-thiện bồ-thí để hồi hướng đến ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì ... những người bà con thân quyến đã quá vãng.

Ban đêm *ngạ-quỷ Cūḷasetṭhi* bay ngang qua kinh-thành Rājagaha, khi ấy, Đức-vua Ajātasattu không ngủ được nên đi dạo ở hành lang lâu đài, nhìn thấy *ngạ-quỷ* bay ngang qua, bèn hỏi rằng:

- *Này nhà người! Người có phải là tu sĩ lỏa thể, gầy ốm do ác-nghiệp nào vậy? Giữa đêm khuya người đi đâu? Người hãy nói cho Trẫm biết, Trẫm có thể giúp đỡ gì cho nhà người được?*

Khi nghe Đức-vua Ajātasattu truyền hỏi, *ngạ-quỷ* tâu rằng:

- *Tâu Đại-vương, tiên-kiếp của tôi sống trong kinh-thành Bārāṇasī, tôi là Cūḷasetṭhi (tiểu phú hộ) giàu có nổi tiếng nhưng là người bòn sẻn keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bồ-thí phân phát của cải đến một ai, tôi có tánh tham lam say mê trong của cải tài sản, không có đức-tin nơi Tam-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, không có giới.*

Sau khi tôi chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong loài *ngạ-quỷ* có tên là *Cūḷasetṭhipeta* chịu cảnh khổ đói khát, lạnh lẽo triền miên vô cùng đau khổ.

Ngoài tôi ra, còn có nhiều người khác có tâm bòn sẻn keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bố-thí, không có giới.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong loài nga-quỷ chịu cảnh khổ đói khát lạnh lẽo như tôi này.

Tôi được biết có một cô gái ở tại thành phố Andhakavinda, ngày mai sẽ tạo phước-thiện bố-thí đến nhóm Bà-la-môn, rồi hồi-hương phần phước-thiện bố-thí ấy đến ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, ... thân bằng quyến thuộc đã quá vãng.

Vì vậy, tôi bay đến kinh-thành Andhakavinda để chờ hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy, với hy vọng thoát khỏi cảnh khổ kiếp nga-quỷ đói khát lạnh lẽo này.

Nghe nga-quỷ Cūḷasetṭhi tâu như vậy, Đức-vua Ajātasattu truyền bảo rằng:

- Này nhà ngươi! Nếu như ngươi nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến hồi hương thật sự, thì xin ngươi hãy trở lại tâu cho Trẫm biết đúng theo sự thật, để Trẫm cũng tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi hương đến thân quyến của Trẫm đã quá vãng.

Ngà-quỷ Cūḷasetṭhi xin vâng theo lệnh của Đức-vua xong, bay thẳng đến chờ tại thành phố Andhakavinda. Nhưng nga-quỷ Cūḷasetṭhi nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy quá ít ỏi không đáng kể, bởi vì nhóm Bà-la-môn ấy là những người không có giới-đức. Cho nên, nga-quỷ Cūḷasetṭhi không thoát khỏi kiếp nga-quỷ, bay trở lại kinh-thành Rājagaha hiện ra trước mặt Đức-vua Ajātasattu tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, tôi nhận được phần phước-thiện bố-thí ít ỏi không đáng kể, bởi vì nhóm bà-la-môn ấy không có giới-đức trong sạch.

Đức-vua truyền dạy rằng:

- *Này nhà người! Trẫm muốn cứu giúp người thoát khỏi cảnh khổ kiếp nga-quỷ, được sống an-lạc đầy đủ. Vậy, Trẫm nên làm phước-thiện bố-thí như thế nào? Người hãy nói cho Trẫm biết?*

Nga-quỷ Cūlasetṭhi tâu với Đức-vua rằng:

- *Tâu Đại-vương, nếu Đại-vương có tâm bi cứu giúp nga-quỷ này, thì xin Đại-vương làm phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực, nước, y phục đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, rồi xin Đại-vương hỏi hướng phần phước-thiện bố-thí cúng-dường ấy đến cho tôi. Khi tôi phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí cúng-dường ấy rồi, do nhờ năng lực phước-thiện bố-thí ấy, tôi sẽ được giải thoát khỏi kiếp nga-quỷ đói khát, được tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới hưởng được mọi sự an-lạc.*

Ngày hôm sau, Đức-vua tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực, nước, y phục lên Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng xong, Đức-vua bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin hỏi hướng phần phước-thiện bố-thí này đến nga-quỷ Cūlasetṭhi. Xin nga-quỷ Cūlasetṭhi phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí này.*

Nga-quỷ Cūlasetṭhi phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy, ngay tức khắc, thoát khỏi kiếp nga-quỷ, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa sinh làm vị thiên-nam có hào quang sáng ngời, có nhiều oai lực, hiện ra trước mặt Đức-vua tâu rằng:

- *Tâu Đại-vương, nay tôi đã trở thành vị thiên-nam, xin Đại-vương xem tôi có đầy đủ vật thực, y phục, lâu*

đài, sự an-lạc, ... của vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới. Những quả báu này phát sinh do phước-thiện bồ-thí mà Đại-vương đã hồi hướng cho tôi.

Tôi hết lòng thành kính tri ân Đại-vương, tôi xin phép trở về cõi trời dục-giới.

Vị thiên-nam hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy.

Loài nga-quỷ có nhiều loại, có loài nga-quỷ ác-nghiệp nặng thường sống xa loài người, nên không có cơ hội nhận phần phước-thiện bồ-thí của thí-chủ hồi-hướng.

Còn các loài nga-quỷ có ác-nghiệp nhẹ, nhất là loài nga-quỷ *paradattupajīvikapeta*: nga-quỷ nuôi mạng do nương nhờ người khác hồi-hướng phần phước-thiện, thường sống gần gũi với loài người, khi biết tin thí-chủ bà con tạo phước-thiện bồ-thí đến bậc có giới-đức, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bồ-thí ấy đến cho những thân quyến đã quá vãng, nên các loài nga-quỷ này đến chờ sẵn. Khi thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí đến bậc có giới-đức xong, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bồ-thí đến cho những thân quyến đã quá vãng, khi ấy, các loài nga-quỷ thân quyến phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bồ-thí ấy, ngay tức thì, thoát khỏi kiếp nga-quỷ khổ sở, do đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện bồ-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy.

Nếu khi thí-chủ tạo phước-thiện bồ-thí đến hạng người không có giới-đức xong, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bồ-thí ít ỏi đến cho những thân quyến đã quá vãng, khi ấy, các loài nga-quỷ thân quyến nhận phần phước-thiện bồ-thí ít ỏi ấy, không có đủ năng lực thoát khỏi

kiếp nga-quỷ khổ sở ấy được. Nên các loài nga-quỷ thân quyền chỉ còn biết trông chờ nơi thí-chủ bà con làm phước-thiện bố-thí đến bậc có giới-đức trong sạch rồi hồi-hướng phần phước-thiện đến cho họ mà thôi.

Đức-Phật dạy rằng:

“*Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.*”

(*Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí*)

Cho nên, thí-chủ tạo phước-thiện pháp-thí ⁽¹⁾, rồi hồi-hướng phần pháp-thí ấy đến cho những thân quyền đã quá vãng, khi ấy, các loài nga-quỷ thân quyền phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí ấy, ngay tức thì, thoát khỏi kiếp nga-quỷ khổ sở, do đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện pháp-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ* trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy. Thật là diễm-phúc biết dường nào!

* **Tích Tirokuḍḍapetavatthu** ⁽²⁾

Tích Tirokuḍḍapetavatthu được tóm lược những diễm chính như sau:

Nhóm nga-quỷ là bà con thân quyền của *Đức-vua Bimbisāra* từ thời-kỳ **Đức-Phật Phussa** xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ **Đức-Phật Gotama** của chúng ta trải qua thời gian khoảng cách 92 đại-kiếp trái đất, có 8 *Đức-Phật* theo tuần tự xuất hiện trên thế gian: *Đức-Phật Phussa*, *Đức-Phật Vipassī*, *Đức-Phật Sikhī*, *Đức-Phật Vessabhū*, *Đức-Phật Kakusandha*, *Đức-Phật Koṇāgamana*, *Đức-Phật Kasspa*, *Đức-Phật Gotama*.

¹ Pháp-thí như phước-thiện bố-thí kinh sách Pāli, sách pháp, ...

² Chú-giải Petavatthu, Tirokuḍḍapetavattuvanāna.

Những bà con thân quyến của *Đức-vua Bimbisāra* ấy vốn là những người hộ độ *Đức-Phật Phussa cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng*, họ gây gỗ với nhóm người có đức-tin khác, rồi cố ý làm trở ngại công việc bố-thí cúng-dường, họ đã tự lấy các đồ ăn của chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng mà dùng, lại còn đốt cháy nhà bếp, nên họ đã tạo ác-nghiệp trộm cắp của chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Sau khi nhóm người ấy chết, ác-nghiệp trộm-cắp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục, từ cõi đại-địa ngục này đến các tiểu-địa-ngục khác, trải qua 92 đại-kiếp trái đất, đến kiếp trái đất Bhaddakappa này.

Trong thời-kỳ ***Đức-Phật Kassapa*** xuất hiện trên thế-gian, nhóm chúng-sinh ấy mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục, rồi tái-sinh làm ***loài nga-quỷ đói khát***.

Một hôm, nhóm nga-quỷ này đến hầu *Đức-Phật Kassapa*, bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nhóm nga-quỷ chúng con đến khi nào mới có người bà con thân quyến tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hương phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho chúng con, để chúng con nhận được phần phước-thiện hồi-hương ấy, mới mong thoát khỏi kiếp nga-quỷ đói khát khổ cực này, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc? Bạch Ngài.*

Nghe chúng nga-quỷ bạch hỏi như vậy, *Đức-Phật Kassapa* dạy bảo rằng:

- *Này các nga-quỷ! Bây giờ các con chưa được gì đâu! Các con hãy ráng chờ trong thời vị-lai đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.*

Thuở ấy, Đức-vua Bimbisāra đã từng là bà con thân quyến của các con cách đây 92 đại-kiếp trái đất. Đức-vua Bimbisāra sẽ tạo phước-thiện bố-thí, cúng-dường

đến Đức-Phật Gotama cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi sẽ hồi-hương phần phước-thiện ấy đến cho các con.

Nghe lời dạy của Đức-Phật Kassapa, nhóm nga-quỳ vô cùng hoan-hỷ trông chờ như sắp nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy nay mai.

Thời-kỳ Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian, tuổi thọ con người khoảng 20.000 năm.

Khi Đức-Phật Kassapa tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Ngài cũng hoàn toàn bị tiêu hoại, thì ác-pháp dần dần tăng trưởng, còn thiện-pháp từ từ suy thoái, cho nên, tuổi thọ của con người giảm dần, giảm dần từ 20.000 năm xuống dần cho đến khi tuổi thọ chỉ còn 10 năm.

Khi ấy, một thảm họa khủng khiếp xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, anh em, bà con thân quyến,...

Một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi thoát thân. Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, cam kết không sát hại lẫn nhau nữa.

Từ đó, con người bắt đầu biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn. Vì vậy, tuổi thọ con người dần dần càng ngày càng tăng trưởng lên đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm.

Thời-kỳ ấy, con người sống lâu a-tăng-kỳ năm ⁽¹⁾ nên phát sinh tâm dể dôi, ác-pháp bắt đầu phát sinh, do đó, tuổi thọ của con người cũng bắt đầu giảm xuống dần, giảm xuống dần cho đến thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 năm. Khi ấy, Đức-Phật Gotama của chúng ta xuất hiện trên thế gian.

Vào thời ấy, Đức-vua Bimbisāra ngự tại kinh-thành

¹ Asankheyya tính theo số lượng số 1 đứng trước 140 số 0 (không).

Rājagaha, trị vì đất nước Māgadha, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến kinh-thành Rājagaha cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Khi ấy, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đánh lễ Đức-Phật, cùng toàn thể dân chúng trong kinh-thành, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ Đức-vua Bimbisāra và toàn thể dân chúng. Ngay ngày hôm ấy, *Đức-vua Bimbisāra chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu cùng với dân chúng 110.000 người trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Đức-vua Bimbisāra có đức-tin trong sạch vững chắc nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, kính thỉnh Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng ngày hôm sau độ vật thực tại cung điện.

Đức-Phật im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Bimbisāra.

Sáng ngày hôm sau, *Đức-Phật* ngự cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đến cung điện, Đức-vua Bimbisāra tạo phước-thiện đại-thí cúng-dường đến *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.*

Khi ấy, nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra cùng nhau hiện đến cung điện đứng chờ đợi với hy vọng rằng:

“Bây giờ, Đức-vua Bimbisāra sẽ hồi-hướng phân phước-thiện đại-thí đến cho nhóm nga-quỷ chúng ta. Bây giờ, Đức-vua Bimbisāra sẽ hồi-hướng, ...”

Sau khi làm lễ phước-thiện đại-thí cúng-dường vật thực đến *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng* độ xong, Đức-vua Bimbisāra mãi lo suy nghĩ xây dựng ngôi chùa nơi nào thuận lợi để làm chỗ ở của *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng*, nên không hồi-hướng phân phước thiện đại-thí ấy đến cho một ai cả.

Nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua không nhận được phần phước-thiện đại-thí ấy. Vì vậy, chúng nga-quỷ vô cùng thất vọng khổ tâm khôn cùng.

Ban đêm, nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua dẫn nhau hiện đến lầu đài của Đức-vua, kêu la khóc than những âm thanh đáng kinh sợ.

Sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đêm qua, con nghe những âm thanh đáng kinh sợ.

Vậy, có chuyện gì xảy đến với con? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Đại-vương! Không có gì đáng cho Đại-vương lo sợ. Nhóm nga-quỷ là bà con thân quyến của Đại-vương trong thời quá khứ, chúng trông đợi Đại-vương từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến nay với hy vọng Đại-vương tạo phước-thiện đại-thí rồi hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm nga-quỷ riêng biệt.

Sau khi nhóm nga-quỷ ấy hoan-hỷ nhận được phần phước-thiện hồi-hướng ấy, chúng sẽ được thoát khỏi kiếp nga-quỷ đói khát khổ cực, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc.

Ngày hôm qua, sau khi tạo phước-thiện đại-thí xong, Đại-vương không hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm nga-quỷ ấy.

Vì vậy, nhóm nga-quỷ vô cùng thất vọng khổ tâm, nên đêm khuya nhóm nga-quỷ ấy hiện đến gần lầu đài của Đại-vương kêu la khóc than những âm thanh đáng kinh sợ như vậy.

Nghe Đức-Thế-Tôn dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu ngày mai con tạo phước-thiện đại-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy thì nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của con có nhận được phần phước-thiện hồi hướng ấy hay không? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay Đại-vương! Nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đại-vương sẽ nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy.

Lắng nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra liền bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đến cung điện, để con xin tạo phước-thiện đại-thí cúng-dường đến Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, lần này con sẽ hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của con riêng biệt, để cứu giúp chúng thoát khỏi kiếp nga-quỷ đói khát khổ cực ấy, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc.

Đức-Phật im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Bimbisāra.

Đức-vua Bimbisāra thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép hồi cung ngự trở về cung điện, lo sửa soạn vật thực, để tạo phước-thiện đại-thí vào ngày hôm sau.

Sáng ngày hôm sau ấy, Đức-Phật ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đến cung điện của Đức-vua Bimbisāra, Đức-Phật ngự lên ngôi chỗ cao quý và chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng ngồi chỗ mỗi vị.

Nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra dẫn nhau hiện đến đứng các nơi bên ngoài chờ đợi với hy vọng rằng:

“Hôm nay, chúng ta chắc chắn sẽ nhận được phần

phước-thiện đại-thí hồi-hương ấy, rồi sẽ hóa thành thức ăn, thức uống, v.v... cho chúng ta.”

Đức-Phật làm cho tất cả nhóm nga-quỷ hiện rõ ra, để cho Đức-vua Bimbisāra nhìn thấy chúng. Mỗi khi, Đức-vua tự tay mình dâng cúng-dường món ăn, thức uống nào đến Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-vua đều hồi-hương phần phước-thiện bồ-thí rằng:

“Idaṃ me nāṭṭhaṃ hotu” phước-thiện bồ-thí này, mong cho được thành tựu đến những bà con thân quyến của tôi.

Nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

“Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!”

Ngay khi ấy, những nga-quỷ bà con thân quyến đều thoát khỏi kiếp nga-quỷ, hóa-sinh làm nhóm chư-thiên có đầy đủ món ăn, thức uống cõi trời, không còn phải chịu cảnh đói khát khổ thân nữa, chúng có nước tắm đầy đủ mát mẻ, có thân hình khỏe mạnh.

Đức-vua Bimbisāra thành kính dâng cúng-dường y và các thứ vật dụng khác đến Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi hồi-hương phần phước-thiện bồ-thí rằng:

“Idaṃ me nāṭṭhaṃ hotu” phước-thiện bồ-thí này, mong cho được thành tựu đến những bà con thân quyến của tôi.

Nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

“Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!”

Ngay khi ấy, những nga-quỷ bà con thân quyến đều có đầy đủ các bộ y phục đẹp đẽ lạ thường, các đồ trang

sức quý giá, các lâu đài sang trọng, chỗ nằm, chỗ ngồi đẹp đẽ, v.v... như cõi trời được phát sinh đến tất cả nhóm bà con thân quyến ấy.

Do nhờ oai lực của Đức-Phật, nên Đức-vua Bimbisāra tận mắt nhìn thấy tất cả nhóm bà con thân quyến của mình được thoát khỏi kiếp ngựa-quỷ, được hóa-sinh làm chư-thiên hưởng được mọi sự an-lạc. Đức-vua phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Sau khi độ vật thực xong, Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp tích *Tirokuddapetavatthu* này.

Tích *Tirokuddapetavatthu* này có 12 bài kệ, trong đó có câu hồi-hướng rằng:

“Idaṃ vo ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.”

Mong phần phước-thiện bố-thí này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của các con, cầu mong những bà con thân quyến của các con thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài.

* Về sau, mỗi khi người thí-chủ nào tạo phước-thiện nào rồi, người thí-chủ ấy đọc câu hồi-hướng phần phước-thiện ấy bằng câu kệ Pāli rằng:

Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

*Mong phần phước-thiện bố-thí này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của **chúng con**, cầu mong những bà con thân quyến của **chúng con** thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài.*

Như vậy, thí-chủ hồi-hướng phần phước-thiện của mình đến cho chúng-sinh khác gọi là *pattidānakusala*: *phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình và chúng-sinh khác* hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của thí-chủ gọi là *pattānumodanakusala*: *phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác*, nên 2 loại

phước-thiện này có sự liên quan với nhau giữa người ban cho phần phước-thiện của mình với người khác hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của thí-chủ.

*** Tích Sāriputtattheramātupeta ⁽¹⁾**

Tích Sāriputtattheramātupeta là ngã-quỹ thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của nữ ngã-quỹ này đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trong quá khứ kiếp thứ 5 kể từ kiếp hiện-tại.

Tiền-kiếp của nữ ngã-quỹ là vợ của ông Bà-la-môn nhà giàu có nhiều của cải. Ông Bà-la-môn là người có tâm từ, tâm bi đối với mọi người. Hằng ngày, ông tự tay tạo phước-thiện bố-thí, cúng-dường vật thực, y phục, vật dụng cần thiết, ... đến các sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, người qua đường, v.v...

Một hôm, ông Bà-la-môn có công việc phải đi khỏi nhà, nên ông dạy bảo người vợ ở nhà thay ông giữ gìn truyền thống gia đình tạo phước-thiện bố-thí, cúng-dường vật thực, y phục, vật dụng cần thiết, ... đến các sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người qua đường, nhưng người vợ ở nhà không làm theo lời dạy bảo của chồng.

Hễ có người đến nương nhờ thì bà buông lời mắng nhiếc rằng:

“Các người hãy ăn phần, uống nước tiểu, liếm máu mủ, nước miếng, ...”

Sau khi bà chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh vào loài ngã-quỹ đói khát, ăn uống những đồ dơ bẩn như ăn

¹ Bộ Petavatthu, tích Sāriputtattheramātupetavaṇṇanā.

phần, uống nước tiểu, liếm máu mủ, nước miếng, ... chịu bao nỗi khổ cực đói khát, lạnh lẽo do quả của ác-nghiệp của mình đã tạo trong tiền-kiếp.

Nữ nga-quỷ nhớ lại được tiền-kiếp của mình đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, nên bà đến nương nhờ Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi tế độ, nhưng vị thiên-nam giữ công ngăn cản không cho vào, nên nữ nga-quỷ thưa với vị thiên-nam rằng:

- *Thưa thiên-nam, tiền-kiếp của tôi đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta. Xin thiên-nam cho tôi được phép vào đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Nữ nga-quỷ được phép vào đứng khép nép. Nhìn thấy nữ nga-quỷ, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có tâm bi bèn hỏi rằng:

- *Này nữ nga-quỷ! Ngươi là ai mà thân hình trần truồng, ốm yếu da bọc xương, đứng run rẩy thật đáng thương. Lão tăng tế độ ngươi thế nào?*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta hỏi, nên nữ nga-quỷ bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão, do ác-nghiệp của con cho quả tái-sinh làm loài nữ nga-quỷ chịu cảnh khổ đói khát, đành phải ăn uống đồ dơ bẩn, ăn phần, uống nước tiểu, nước đờm, nước miếng người ta nhổ bỏ, liếm máu mủ của đàn ông, đàn bà, nước vàng từ tử thi chảy ra, sống không có nơi nương tựa trong các nghĩa địa, bãi tha ma.*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi tế độ tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho con. Khi con phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ nhận*

được phần phước-thiện hồi-hướng ấy, may ra cứu giúp con thoát khỏi kiếp nga-quỷ đói khát khổ sở như thế này.

Lắng nghe nữ nga-quỷ đã từng là thân mẫu của Ngài trong tiền-kiếp thứ 5, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta phát sinh tâm bi tìm cách cứu giúp nữ nga-quỷ thoát khỏi cảnh khổ, nên Ngài Đại-Trưởng-lão đến bàn bạc với Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, Ngài Trưởng lão Anuruddha, Ngài Trưởng-lão Mahākappina cùng nhau cứu giúp nữ nga-quỷ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đi khát thực trong kinh-thành Rājagaha, vào cung điện gặp Đức-vua Bimbisāra. Đức-vua thỉnh mời, yêu cầu Ngài Đại-Trưởng-lão cần những thứ vật dụng nào để Đức-vua dâng cúng. Nhân dịp ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão báo cho Đức-vua biết chuyện nữ nga-quỷ đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, sống trong cảnh đói khát khổ sở không có nơi nương tựa.

Nghe vậy, Đức-vua truyền lệnh xây cất 4 cái cốc ở cửa chư tỳ-khưu-Tăng. Sau khi xây cất xong, sắm sửa đầy đủ 4 thứ vật dụng cần thiết đối với tỳ-khưu.

Đức-vua Bimbisāra làm lễ dâng 4 cái cốc ấy đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có Đức-Phật chủ trì.

Một lần nữa, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta làm lễ dâng 4 cái cốc có đầy đủ 4 thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu-Tăng từ bốn phương, có Đức-Phật chủ trì, rồi xin hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến nữ nga-quỷ đã từng là thân mẫu của mình trong tiền-kiếp.

Nữ nga-quỷ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, nói lên lời hoan-hỷ rằng: “Sādhū! Sādhū! Sādhū! Lành thay! Lành thay!” nhận được phần phước-thiện hồi-hướng đặc biệt ấy. Ngay tức thì, nữ nga-quỷ thoát khỏi

kiếp nga-quỷ, hóa-sinh làm vị thiên-nữ xinh đẹp trên cõi trời, có hào quang sáng ngời, có y phục lộng lẫy trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có đầy đủ các thứ của cải quý giá của chư-thiên, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Sau đó, vị thiên-nữ hiện xuống cõi người, đến hầu đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, rồi đứng một nơi hợp lễ. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi vị thiên-nữ đã tạo đại-thiện-nghiệp nào mà trở thành vị thiên-nữ có nhiều quả báu đặc biệt như vậy.

Vị thiên-nữ bạch với Ngài rõ về tiền-kiếp của mình ...

Hồi-hướng thành tựu

Phước-thiện bố-thí mà thí-chủ hồi-hướng đến hàng nga-quỷ bà con thân quyến của thí-chủ, hoặc hàng nga-quỷ khác được thành tựu cần phải hội đầy đủ 3 điều kiện cần thiết:

** Thí-chủ có đại-thiện-tâm trong sạch hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí của mình đến cho hàng nga-quỷ.*

** Hàng nga-quỷ gồm có nhiều nhóm như: 12 nhóm, 4 nhóm, 21 nhóm. Trong tất cả các nhóm nga-quỷ ấy, chỉ có nhóm nga-quỷ sống gần gũi với loài người, gọi là **paradattupajīvikapeta**: nga-quỷ sống do nhờ người khác cho, mới có cơ hội nhận được phần phước-thiện hồi-hướng của thân nhân, hoặc của những người khác. Còn lại các nhóm nga-quỷ khác không có cơ hội nhận phần phước-thiện hồi-hướng của thân nhân, bởi vì chúng sống xa loài người nên không biết hoặc ác-nghiệp còn nặng.*

** Bạc thọ-thí có đầy đủ các đức cao thượng như Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư bậc Thánh A-ra-hán, chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có giới-đức trong sạch, thực-hành pháp-hạnh cao thượng.*

Nếu hội đầy đủ 3 điều kiện cần thiết ấy thì thí-chủ hồi-hương phần phước-thiện bồ-thí đến nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của thí-chủ, hoặc hàng nga-quỷ khác ấy mới được thành tựu.

*** Tích ông tỉnh trưởng Pāyāsi ⁽¹⁾ sai bảo người khác tạo phước-thiện bồ-thí**

Sai bảo người khác tạo phước-thiện bồ-thí với tự tay mình tạo phước-thiện bồ-thí có quả báu khác nhau như thế nào?

Tim hiểu tích ông Pāyāsi tỉnh trưởng tỉnh Satabyā được tóm lược như sau:

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi cho người xây dựng một trại bồ-thí, rồi ông sai bảo *cậu Uttara* hằng ngày làm phước-thiện bồ-thí đến *sa-môn, bà-la-môn, người nghèo khổ, người qua đường, người ăn xin, ...* những đồ ăn, đồ mặc như cơm nấu bằng thứ gạo dở, với một món đồ ăn rau cải ngâm chua, tâm vải loại thô, loại xấu, v.v... Mặc dù vậy, *cậu Uttara* vẫn tự tay mình tạo phước-thiện bồ-thí đến người thọ-thí một cách cung kính, với tâm từ, tâm bi tế độ.

Sau khi làm phận sự tạo phước-thiện bồ-thí xong, *cậu Uttara* nguyện rằng:

Mong rằng tôi chỉ gặp ông tỉnh trưởng Pāyāsi kiếp này mà thôi, kiếp sau xin đừng gặp lại.

Nghe người báo cho ông tỉnh trưởng biết *cậu Uttara* nguyện như vậy, ông tỉnh trưởng Pāyāsi gọi *cậu Uttara* đến hỏi tại sao nguyện như vậy.

Cậu Uttara thưa với ông tỉnh trưởng Pāyāsi rằng:

¹ Chú-giải Dīghanikāya, Mahāvagga, Pāyāsirājanīyasutta.

- Thưa ông tỉnh trưởng, ông sai bảo con tạo phước-thiện bố-thí đến người khác những đồ ăn như cơm nấu bằng thứ gạo dở với món đồ ăn rau cải ngâm chua, mà chính ông cũng không muốn nhìn thấy thì làm sao người ta ăn ngon được; ông tỉnh trưởng sai bảo con bố-thí những tấm vải loại thô xấu mà chính ông cũng không muốn tiếp xúc thì làm sao người ta mặc cho được.

- Thưa ông tỉnh trưởng, ông tỉnh trưởng muốn làm cho mọi người kính mến ông, nhưng mà ông đối xử với mọi người như vậy thì làm sao khiến cho họ kính mến ông tỉnh trưởng được?

Nghe cậu Uttara thưa như vậy, ông tỉnh trưởng bảo rằng:

- Nay cậu Uttara! Vậy kể từ nay về sau, ngươi hãy nên tạo phước-thiện bố-thí những đồ ăn như ta dùng, tạo phước-thiện bố-thí thứ vải như ta mặc.

Cậu Uttara vâng lời sai bảo của ông tỉnh trưởng, tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí những đồ ăn ngon lành, những thứ vải tốt đến những vị sa-môn, bà-la-môn, người nghèo khổ, người qua đường, thậm chí đến những người xin ăn một cách cung kính với tâm từ, tâm bi tế độ họ.

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi sai bảo cậu Uttara tạo phước-thiện bố-thí, không tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí, không kính trọng, xem thường phước-thiện bố-thí.

Sau khi ông tỉnh trưởng Pāyāsi chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tứ-đại thiên-vương trong một lâu đài có tên Serisaka hoang vắng, sống một mình không có vị thiên-nam, vị thiên-nữ hầu hạ.

Còn cậu Uttara là người giúp việc của ông tỉnh trưởng Pāyāsi, hằng ngày làm phận sự tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí một cách cung-

kính, có tâm từ, tâm bi tế độ, coi trọng việc phước-thiện bố-thí.

Sau khi cậu Uttara chết, đại-thiện-nghiệp hỗ-trợ tạo phước-thiện bố-thí một cách cung-kính ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam có hào quang sáng ngời trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong một lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ cao 16 do tuần, trang trí toàn những đồ quý giá, là vị thiên-nam có nhiều oai lực, có nhiều thiên nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy.

Một thuở nọ, Ngài Trưởng-lão Gavampati lên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương nghỉ trưa. Khi ấy, vị thiên-nam Pāyāsi đến hầu đánh lễ Ngài Trưởng-lão Gavampati xong, đứng một nơi hợp lễ.

Ngài Trưởng-lão hỏi rằng:

- *Này thiên nam! Ngươi là ai vậy?*

Vị thiên nam Pāyāsi thưa rằng:

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tiền kiếp con là Pāyāsi, tỉnh trưởng tỉnh Satabyā.*

- *Này thiên-nam Pāyāsi! Cậu Uttara là người giúp ngươi làm phận sự tạo phước-thiện bố-thí, cậu ấy tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới nào vậy?*

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, cậu Uttara là người giúp con làm phận sự tạo phước-thiện bố-thí, hằng ngày cậu ấy tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí một cách cung-kính, coi trọng công việc phước-thiện bố-thí. Sau khi cậu Uttara chết, đại-thiện-nghiệp phước-thiện hỗ-trợ cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam có hào quang sáng ngời trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong lâu đài to lớn nguy nga tráng lệ, có nhiều oai lực, có nhiều vị thiên-nữ hầu hạ.*

Còn con sai bảo cậu Uttara tạo phước-thiện bố-thí, không tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí, xem thường việc bố-thí. Cho nên, sau khi con chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương này, trong lâu đài hoang vắng không có ai hầu hạ.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, khi Ngài trở lại cõi người, kính xin Ngài thuyết giảng cho mọi người biết rằng:

“Nên tự tay mình làm phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí một cách cung-kính, nên coi trọng công việc phước-thiện bố-thí, chớ nên xem thường công việc phước-thiện bố-thí.”

Kính xin Ngài Trưởng-lão thông báo cho mọi người biết rằng:

“Ông tỉnh trưởng Pāyāsi không tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí, không kính trọng, xem thường công việc phước-thiện bố-thí, ...”

Sau khi ông tỉnh trưởng Pāyāsi chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tứ-đại thiên-vương trong lâu đài Serisaka hoang vắng, sống một mình không thiên-nam, thiên-nữ nào hầu hạ.”

Qua tích trên đây, chúng ta nhận thức rằng:

- Người **bỏ công sức** hỗ trợ tạo phước-thiện bố-thí một cách cung-kính đến người thọ-thí thì có quả báu nhiều vô số không sao kể xiết được, hơn người **bỏ tiền của** ra sai bảo người khác giúp-đỡ tạo phước-thiện bố-thí.

- Nếu thí-chủ là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, **bỏ tiền của và công sức** ra để tạo phước-thiện bố-thí một cách cung-kính đến người thọ-thí thì quả báu nhiều vô số không sao kể xiết.

*** Kinh Dānūpapattisutta ⁽¹⁾**

Thí-chủ sau khi tạo **phước-thiện bố-thí** xong rồi, thường có lời nguyện cầu, nếu lời nguyện cầu của thí-chủ được thành tựu như ý nguyện thật sự, thì **thí-chủ phải là người có giới hạnh trong sạch và trọn vẹn**.

Còn nếu **thí-chủ là người phạm giới, không có giới** thì lời nguyện cầu không thể thành tựu được như ý, bởi vì thí-chủ là *người phạm giới, không có giới*, sau khi thí-chủ chết, ác-nghiệp phạm điều-giới có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), nên **phước-thiện bố-thí** ấy không có cơ hội cho quả được thành-tựu như ý nguyện.

Thật vậy, tìm hiểu bài *kinh dānūpapattisutta* Đức-Phật thuyết dạy được tóm lược như sau:

- *Này chư tỳ-khuru! Sự sinh của phước-thiện bố-thí có 8 pháp. 8 pháp ấy như thế nào?*

1- *Này chư tỳ-khuru! Có số thí-chủ trong đời này tạo phước-thiện bố-thí như cơm, nước, vải, xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở, đèn thấp sáng đến sa-môn, bà-la-môn.*

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, rồi mong muốn quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Thí-chủ nhìn thấy hoàng tộc cao thượng, dòng bà-la-môn cao quý, những phú hộ có đầy đủ 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng hài lòng trong đời, nên thí-chủ mong rằng:

“Quý báu biết dường nào! Sau khi tôi chết, mong phước-thiện bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong hoàng tộc cao thượng, hoặc trong dòng bà-la-môn cao

¹ *Anguttaranikāya, AṭṭhakanipāṭaPāli, Dānūpapattisutta.*

quý, hoặc trong gia đình phú hộ có đầy đủ 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng hài lòng trong đời.”

Thí-chủ hướng tâm mong muốn, luôn luôn niệm tưởng như vậy. Tâm của thí-chủ hướng bậc thấp, không hướng lên bậc cao là các bậc thiên...

Sau khi thí-chủ ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai trong hoàng tộc, hoặc trong dòng bà-la-môn, hoặc trong gia đình phú hộ.

Như-lai dạy rằng: “Kiếp sau của thí-chủ được thành-tựu như ý thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới.”

- Nay chư tỳ-khuru! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, sự mong cầu được thành tựu như ý, nhờ có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.

2- Nay chư tỳ-khuru! Có số thí-chủ trong đời này tạo phước-thiện bố-thí như cơm, nước, xe cộ, ... chỗ nằm, chỗ ở, đèn thắp sáng đến sa-môn, bà-la-môn.

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, rồi mong muốn quả báu của phước-thiện bố-thí ấy. Thí-chủ nghe nói rằng:

Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương có tuổi thọ sống lâu (500 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 9 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tứ-đại-thiên-vương bằng 50 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời, an-lạc vi-tê, nên thí-chủ mong rằng:

“Quý báu biết dường nào! Sau khi tôi chết, mong phước-thiện bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương ấy.”

Thí-chủ hướng tâm mong muốn, luôn luôn niệm tưởng như vậy. Tâm của *thí-chủ* hướng bậc thấp, không hướng lên bậc cao là các bậc thiên, ...

Sau khi *thí-chủ* chết, dục-giới thiện-nghiệp *bồ-thí* ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương ấy.

Như-lai dạy rằng: “Kiếp sau của *thí-chủ* được thành-tựu như ý, thì *thí-chủ* phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, *thí-chủ* không phải là người phạm giới, không có giới.”

- *Này chư tỳ-khuru!* Người *thí-chủ* có giới trong sạch và trọn vẹn, sự mong cầu được thành tựu như ý, nhờ có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.

3 đến 7- *Này chư tỳ-khuru!* Có số *thí-chủ* trong đời này tạo phước-thiện *bồ-thí* như cơm, nước, xe cộ, ... chỗ nằm, chỗ ở, đèn thấp sáng đến sa-môn, bà-la-môn.

Thí-chủ tạo phước-thiện *bồ-thí*, rồi mong muốn quả báu của phước-thiện *bồ-thí* ấy. *Thí-chủ* nghe nói rằng:

- *Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên* có tuổi thọ sống lâu (1.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 36 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tam-thập-tam-thiên bằng 100 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi-tế hơn nữa, nên *thí-chủ* mong rằng: ...

- *Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Dạ-ma-thiên* có tuổi thọ sống lâu (2.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 144 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Dạ-ma-thiên bằng 200 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi-tế hơn nữa, nên *thí-chủ* mong rằng: ...

- *Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Đâu-*

xuất-đà-thiên có tuổi thọ sống lâu (4.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 576 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên bằng 400 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi-tế hơn nữa, nên thí-chủ mong rằng: ...

- Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Hóa-lạc-thiên có tuổi thọ sống lâu (8.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 2.304 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Hóa-lạc-thiên bằng 800 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi-tế hơn nữa, nên thí-chủ mong rằng: ...

- Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên có tuổi thọ sống lâu (16.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 9.216 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên bằng 1.600 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi-tế hơn nữa, nên thí-chủ mong rằng:

“Quý báu biết dường nào! Sau khi tôi chết, mong phước-thiện bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên ấy.”

Thí-chủ hướng tâm mong muốn, luôn luôn niệm tưởng như vậy. Tâm của thí-chủ hướng bậc thấp, không hướng lên bậc cao là các bậc thiên...

Sau khi thí-chủ chết, đực-giới thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên ấy.”

Như-lai dạy rằng: “Kiếp sau của thí-chủ được thành-tựu như ý, thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới.”

- *Này chư tỳ-khuru! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, sự mong cầu được thành tựu như ý, nhờ có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.*

8- *Này chư tỳ-khuru! Có số thí-chủ trong đời này tạo phước-thiện bố-thí như cơm, nước, xe cộ, ... chỗ nằm, chỗ ở, đèn thắp sáng đến sa-môn, bà-la-môn.*

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, rồi mong muốn quả báu của phước-thiện bố-thí ấy. Thí-chủ nghe nói rằng:

Chư phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới phạm-thiên có tuổi thọ sống lâu hơn chư-thiên cõi dục-giới, có sắc thân hào quang sáng ngời, an-lạc vô cùng vi-tế, nên thí-chủ mong rằng:

“Quý báu biết dường nào! Sau khi tôi chết, mong phước-thiện bố-thí ấy làm duyên phát sinh sắc-giới thiện-tâm.”

Thí-chủ hướng tâm mong muốn, luôn luôn niệm tưởng như vậy. Tâm của thí-chủ hướng đến bậc thấp trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, không hướng lên bậc cao Thánh-đạo, Thánh-quả, và Niết-bàn.

Sau khi thí-chủ chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong sắc-giới thiện-tâm không có tham-ái trong cõi dục-giới, cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy (tùy theo sắc-giới quả-tâm).

Như-lai dạy rằng: “Kiếp sau của thí-chủ được thành tựu như ý, thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới, có sắc-giới thiện-nghiệp trong sắc-giới thiện-tâm không có tham-ái trong cõi dục-giới.

- *Này chư tỳ-khuru! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, sự mong cầu được thành tựu như ý, nhờ có sắc-giới thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự sinh của phước-thiện bố-thí có 8 pháp như vậy.*”

Nhận xét bài kinh Dānūpapattisutta

Trong bài kinh *Dānūpapattisutta* này, thí-chủ làm phước-thiện bố-thí xong, thí-chủ mong hưởng quả của phước-thiện bố-thí trong cõi dục-giới, thậm chí trong cõi trời sắc-giới, đó là sự mong muốn bậc thấp luân quần trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, cho nên Đức-Phật dạy rằng:

“Tâm của thí-chủ mong hưởng quả bậc thấp trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, cho đến cõi trời sắc-giới phạm-thiên, không tiến triển lên bậc cao là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Thí-chủ sau khi chết, tâm mong muốn cõi thấp nào thì đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ấy (Tassa taṃ cittaṃ hīne vimuttaṃ, uttari abhāvitam. Tatrūpapattiyā saṃvattati).

“Nhu-lai dạy rằng: Kiếp sau của thí-chủ được thành tựu như ý thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới (Taṅca kho sīlavato vadāmi, no dussīlassa).

- Này chư tỳ-khuru! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, sự mong cầu được thành tựu như ý, nhờ đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh (Ijjhati bhikkhave, sīlavato cetopañidhi visuddhattā⁽¹⁾).

Nhu vậy, thí-chủ nào có giới trong sạch và trọn vẹn, tạo **phước-thiện bố-thí** thuộc về dục-giới thiện-nghiệp bố-thí. Sau khi thí-chủ ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp bố-thí có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.

¹ *Anguttaranikāya, AṭṭhakanipātaPāli, Dānūpapattisutta.*

Nếu thí-chủ nào đã phạm điều-giới, không có giới, dù có tạo **phước-thiện bố-thí** thuộc về *dục-giới thiện-nghiệp bố-thí*, thì sau khi thí-chủ ấy chết, *ác-nghiệp phạm điều-giới có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh)*, nên *dục-giới thiện-nghiệp bố-thí* không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau được mà chờ cơ hội khác cho quả.

* Trong Phật-giáo, sau khi đã tạo *phước-thiện bố-thí* dù nhỏ dù lớn, các hàng thanh-văn đệ-tử nên nguyện cầu đạt đến cứu cánh Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, đó là sự nguyện cầu bậc cao.

Trong Chú-giải Chi-bộ-kinh dạy đọc lời nguyện cầu như sau:

“Idaṃ me dānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.”⁽¹⁾

Mong *phước-thiện bố-thí* này của con làm nhân-duyên dẫn dắt con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu tạo các *phước-thiện* khác thì đọc lời nguyện cầu như sau:

“Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.”

Mong *phước-thiện* này của con làm nhân-duyên dẫn dắt con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Đó là lời nguyện cầu bậc cao cứu cánh Niết-bàn của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, nên *phước-thiện bố-thí* ấy trở thành *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* làm

¹ Áng. Ekakanipāṭṭhakathā, Paṇihita acchavaggavaṇṇanā.

nền tảng hỗ trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật khác được thuận lợi, để sớm được đầy đủ và trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật, để hỗ trợ cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.

Trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, mỗi hàng thanh-văn đệ-tử có *pháp-hạnh bổ-thí ba-la-mật hỗ trợ được thành tựu quả báu ở cõi người*, dù giàu sang phú quý như thế nào cũng không đắm say trong cõi người; hoặc *được thành tựu quả báu ở cõi trời*, dù hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời như thế nào cũng không đắm say trong cõi trời ấy, bởi vì mục đích cứu cánh của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử là nguyện cầu sớm được *thành tựu quả báu Niết-bàn (Nibbānasampatti) giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài*.

Cho nên, mỗi hàng thanh-văn đệ-tử cố gắng tinh-tân không ngừng tạo cho sớm được đầy đủ trọn vẹn **10 pháp-hạnh ba-la-mật**, để hỗ trợ hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới*.

Những tính chất của phước-thiện bổ-thí

Bổ-thí có những tính chất như sau:

1- *Pariccāgalakkhaṇa*: Phước-thiện bổ-thí có trạng-thái đem tiền của, sự hiểu biết của mình ban cho người khác, chúng-sinh khác.

2- *Lobhaviddhamṣanarasa*: Phước-thiện bổ-thí có phạm sự diệt tham-tâm keo kiệt, bủn xỉn trong tiền của, trong sự hiểu biết của mình.

3- *Bhavibhavasampattipaccuppaṭṭhāna*: Phước-thiện bồ-thí có quả báu đầy đủ trong kiếp sống hiện-tại và hỗ trợ cho pháp giải thoát khổ là kết quả hiện hữu.

4- *Saddheyyapadaṭṭhānam*: Đức-tin trong sạch nơi bậc thọ-thí đáng tin là nguyên nhân gần của phước-thiện bồ-thí.

- *Paṭikkhepadhamma*: Pháp nghịch với phước-thiện bồ-thí đó là *tham-tâm (lobhacitta)*.

- *Anuññādadhamma*: Pháp hỗ trợ giúp cơ hội tạo phước-thiện bồ-thí đó là *tâm vô-tham (alobhacitta)*.

Quả báu của phước thiện bồ-thí vật thực

Trong kinh Bhojanadānasutta ⁽¹⁾ Đức-Phật dạy:

Thí chủ tạo phước-thiện bồ-thí vật thực gọi là bồ-thí 5 pháp đến cho người thọ thí.

1- *Bồ-thí sự sống lâu*: Nhờ dùng vật thực nên duy trì được sinh mạng.

2- *Bồ-thí sắc đẹp*: Nhờ dùng vật thực nên mặt mày tươi tỉnh, sắc thân hồng hào xinh đẹp.

3- *Bồ-thí sự an-lạc*: Nhờ dùng vật thực nên thân tâm có được sự an-lạc.

4- *Bồ-thí sức mạnh*: Nhờ dùng vật thực nên có được sức mạnh của thân, tâm.

5- *Bồ-thí trí-tuệ*: Nhờ dùng vật thực nên tâm được an tịnh, trí-tuệ sáng suốt.

- *Khi thí-chủ bồ-thí sự sống lâu rồi thì thí-chủ sẽ có được tuổi thọ sống lâu trong cõi người và tuổi thọ trong cõi trời dục-giới.*

¹ *Anguttaranikāya, Pañcakanipāta, Bhojanadānasutta.*

- Khi thí-chủ bổ-thí sắc đẹp rồi thì thí-chủ sẽ có được sắc đẹp trong cõi người và sắc đẹp trong cõi trời dục-giới.

- Khi thí-chủ bổ-thí sự an-lạc rồi thì thí-chủ sẽ có được thân tâm an-lạc trong cõi người và an-lạc trong cõi trời dục-giới.

- Khi thí-chủ bổ-thí sức mạnh rồi thì thí-chủ sẽ có được sức mạnh của thân tâm trong cõi người và sức mạnh của thân tâm trong cõi trời dục-giới.

- Khi thí-chủ bổ-thí trí-tuệ rồi thì thí-chủ sẽ có được trí-tuệ, có tài ứng đối nhanh, khiến cho người nghe kính phục.

Quả báu riêng biệt của mỗi vật-thí

Mỗi vật-thí có quả báu riêng biệt được gom nhặt từ trong Tam-tạng như sau:

* Phước-thiện bổ-thí cơm nước được 10 quả báu

- 1- Được sống lâu.
- 2- Có sắc thân xinh đẹp.
- 3- Thân, tâm được an-lạc.
- 4- Thân, tâm có sức mạnh.
- 5- Có định tâm mau lẹ.
- 6- Có trí-tuệ sáng suốt.
- 7- Có nhiều bạn bè thân thiết.
- 8- Có đại-thiện-tâm dững cảm.
- 9- Có cơm đầy đủ (không thiếu ăn).
- 10- Có nước uống đầy đủ.

* Phước-thiện bổ-thí cháo được 10 quả báu ⁽¹⁾

- 1- Có sự sống lâu.
- 2- Có sắc thân xinh đẹp.
- 3- Thân, tâm được an-lạc.

¹ Vinayapitaka, Mahāvagga, phần Bhesajjakkhandhaka.

- 4- Thân, tâm có sức mạnh.
- 5- Có trí-tuệ nhanh nhẹn.
- 6- Giảm sự đói.
- 7- Giảm sự khát.
- 8- Làm cho chất gió lưu thông.
- 9- Rửa đường ruột.
- 10- Tiêu hóa vật thực.

* Phước-thiện bồ-thí nước được 10 quả báu

- 1- Có sắc thân sạch sẽ, sáng sủa.
- 2- Có thân, tâm nhẹ nhàng, nhanh nhẹn.
- 3- Có nhiều bạn bè thân thiết.
- 4- Có tiếng tốt lan rộng khắp mọi nơi.
- 5- Không bị khát nước.
- 6- Có tuổi thọ sống lâu.
- 7- Có sắc thân xinh đẹp.
- 8- Có thân tâm an-lạc.
- 9- Có thân tâm khoẻ mạnh.
- 10- Có trí-tuệ sáng suốt.

* Phước-thiện bồ-thí thuốc trị bệnh được 10 quả báu

- 1- Có tuổi thọ sống lâu.
- 2- Có sắc thân xinh đẹp.
- 3- Thân, tâm được khoẻ mạnh.
- 4- Có nhiều trí-tuệ.
- 5- Có nhiều bạn bè thân thiết.
- 6- Có ít khổ, được nhiều an-lạc.
- 7- Có ít bệnh hoạn ốm đau.
- 8- Tránh khỏi mọi tai họa.
- 9- Được chư-thiên nhân-loại kính mến.
- 10- Thường được gần gũi với người thân yêu.

Trên đây trích quả báu của một số vật-thí làm tiêu biểu, để hiểu rõ mỗi vật-thí có quả báu riêng biệt của nó,

cũng như mỗi loại giống có mỗi loại quả của chính nó. Tất cả mọi quả báu này nhiều hay ít, hoàn toàn tùy thuộc vào đại-thiện-tâm trong sạch của thí-chủ và năng lực của ba thời-kỳ tác-y thiện-tâm *pubbacetanā*, *muñcacetanā*, *aparacetanā* của thí-chủ.

* **Dhammika upāsakavatthu** ⁽¹⁾: **Tích cận-sự-nam Dhammika**

Đối với những bậc thiện-trí phạm-nhân nào đã tạo mọi phước-thiện như *bố-thí*, *giữ-giới*, v.v... đến lúc lâm chung, những bậc thiện-trí ấy tự lựa chọn cho mình một cõi-giới nào trong 7 cõi thiện-đục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời đục-giới.

Sau khi bậc thiện-trí phạm-nhân ấy chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** hợp với trí-tuệ gọi là *paṭisandhicitta*: *tái-sinh-tâm* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam tam-nhân* hoặc *vị thiên-nữ tam-nhân* trên cõi trời đục-giới ấy như đã lựa chọn.

Trích dẫn **tích Dhammika upāsakavatthu** trong bộ Chú-giải Pháp-cú.

Một thửa nợ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Jetavana gần thành Sāvattthī, đề cập đến cận-sự-nam Dhammika được tóm lược như sau:

Trong kinh-thành Sāvattthī, ông cận-sự-nam Dhammika là người cao quý nhất trong nhóm 500 cận-sự-nam. Ông có 7 người con trai và 7 người con gái đều là những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Yamakavagga, Dhammika upāsikavatthu.

Tăng-bảo. Trong tư thất của ông thường tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường như: cháo, vật thực, vật thực vào ngày rằm và cuối tháng, vật thực vào ngày giới hằng tháng, thỉnh chư tỳ-khuru-Tăng thọ thực tại nhà, vật thực cho chư tỳ-khuru khách đến, vật thực cho chư tỳ-khuru-Tăng an cư nhập ba tháng hạ, v.v...

Toàn thể gia đình gồm cha mẹ và các con đều là những người hoan-hỷ trong mọi phước-thiện, gìn giữ giới hạnh trong sạch, cung-kính lắng nghe thuyết pháp.

Một hôm, ông Dhammika bị lâm bệnh nặng sắp lâm chung, muốn nghe chư tỳ-khuru tụng kinh, ông sai người thân đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính xin Đức-Phật cho phép 8 hoặc 14 vị tỳ-khuru đến tụng kinh cho ông nghe.

Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru đến nhà ông. Sau khi thỉnh ngồi nơi đã sắp đặt sẵn quanh giường của ông, ông cận-sự-nam Dhammika chấp hai tay bạch rằng:

- Kính bạch quý Ngài Trưởng-lão, nay con sức tàn lực kiệt, cơ hội được chiêm ngưỡng quý Ngài là một điều rất hy hữu đối với con, kính thỉnh quý Ngài có tâm bi tế độ tụng cho con nghe một bài kinh.

Ngài Trưởng-lão hỏi ông cận-sự-nam rằng:

- Nay cận-sự-nam Dhammika! Con muốn nghe bài kinh nào?

- Kính bạch quý Ngài, con tha thiết cầu xin quý Ngài tụng cho con nghe bài kinh ‘Mahāsati-paṭṭhānasutta: kinh Đại-niệm-xứ’ mà chư Phật thường thuyết giảng.

Chư tỳ-khuru-Tăng bắt đầu tụng bài kinh *Mahāsati-paṭṭhānasutta* rằng:

“Ekāyano ayam bhikkhave maggo sattānam visuddhiyā ...”

Ngay khi đang tụng bài kinh ấy, có 6 chiếc xe trời, mỗi

chiếc có 1.000 con ngựa báu ⁽¹⁾ kéo được trang hoàng lộng lẫy từ 6 cõi trời dục-giới đến xin đón rước ông cận-sự-nam Dhammika. Chư thiên ở mỗi cõi trời đều khấn khoản mời ông rằng:

Amhākaṃ devalokaṃ nessāma!

Amhākaṃ devalokaṃ nessāma! ...

Chúng tôi xin rước Ngài lên cõi trời chúng tôi!

Chúng tôi xin rước Ngài lên cõi trời chúng tôi!

Kính thưa Ngài, ví như cái nồi bằng đất cũ bị bể, rồi được đổi lấy cái nồi bằng vàng ròng. Cũng như vậy, bỏ thân người rồi hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

Kính mời Ngài tái-sinh lên cõi trời chúng tôi!

Kính mời Ngài tái-sinh lên cõi trời chúng tôi!

Hưởng mọi sự an-lạc!

Ông cận-sự-nam Dhammika nhìn thấy 6 chiếc xe trời và nghe tiếng thỉnh mời của các vị thiên-nam, đó là *đối-tượng gatinimitta*, ông không muốn những nhóm chư thiên ấy làm trở ngại việc nghe bài kinh *bài kinh Mahāsatiṭṭhānasutta* của ông, nên ông bảo rằng:

- Āgametha! Āgametha!

- Xin quý Ngài chờ một lát! Xin quý Ngài chờ một lát!

Chư tỳ-khuru-Tăng đang tụng kinh, nghe ông nói như vậy, nên ngừng lại, bởi vì nghĩ rằng:

“Ông đang nói với chúng ta.”

Cho nên, chư tỳ-khuru-Tăng ngừng lại, không tiếp tục tụng kinh *Mahāsatiṭṭhānasutta* nữa. Khi ấy, các người con của ông cận-sự-nam Dhammika nghĩ rằng:

¹ 1.000 con ngựa báu này do chư-thiên hóa ra làm phận sự kéo xe trời, không phải là con ngựa thuộc loài súc-sinh.

- Từ trước, cha của chúng ta hoan-hỷ lắng nghe pháp không bao giờ biết đủ, chính cha đã cho thỉnh chư tỳ-khuru đến tụng kinh cho cha nghe, nhưng mà bây giờ, cha lại ngăn cản chư tỳ-khuru không cho tụng kinh, tại sao như vậy?

Vì vậy, các con của ông cận-sự-nam Dhammika khóc.

Chư tỳ-khuru bàn bạc với nhau rằng: “Bây giờ không hợp thời” nên chư tỳ-khuru xin rời khỏi tư gia, trở về ngôi chùa Jetavana.

Ông cận-sự-nam Dhammika không nghe tiếng tụng kinh mà nghe tiếng khóc than của các con nên hỏi rằng:

- *Này các con! Tại sao các con khóc như vậy?*

- *Thưa cha, chính cha đã cho thỉnh chư tỳ-khuru đến tụng kinh cho cha nghe, rồi cũng chính cha lại ngăn cản chư tỳ-khuru không cho tụng kinh nữa. Thấy như vậy, nên chúng con buồn mà khóc than. Thưa cha.*

Ông cận-sự-nam Dhammika hỏi rằng:

- *Này các con! Quý Ngài Trưởng-lão đi đâu rồi?*

- *Thưa cha, quý Ngài Trưởng-lão bàn bạc với nhau rằng: Bây giờ không hợp thời, nên quý Ngài Trưởng-lão đã từ giã trở về chùa rồi.*

- *Này các con! Cha không phải ngăn cản chư tỳ-khuru tụng kinh cho cha nghe.*

- *Thưa cha, nếu như vậy cha ngăn cản ai vậy?*

Ông cận-sự-nam Dhammika giải thích cho các con hiểu rằng:

Có 6 chiếc xe trời từ 6 cõi trời dục-giới trang hoàng lộng lẫy dừng trên hư không, chư-thiên mỗi cõi trời đều khân khoản mời cha rằng:

Amhākaṃ devaloke abhiraṃa!

Amhākaṃ devaloke abhiraṃa!

Kính mời Ngài hưởng sự an-lạc trên cõi trời của chúng tôi!

Kính mời Ngài hưởng sự an-lạc trên cõi trời của chúng tôi!

Cha không muốn các chư-thiên ấy quấy rầy làm trở ngại việc nghe bài kinh của cha, nên cha chỉ ngăn cản nhóm chư-thiên ấy mà thôi.

- Thưa cha, 6 chiếc xe trời ở đâu mà chúng con không thấy?

Ông cận-sự-nam Dhammika biết rõ đó là *đối-tượng gatinimitta* (*đối-tượng hiện-tượng cõi giới sẽ dẫn tái-sinh kiếp sau*) chỉ có một mình ông thấy được mà thôi, nên ông tìm cách để chứng minh cho các con tin có thật, nên ông cận-sự-nam Dhammika hỏi các con rằng:

- Nay các con! Vòng hoa dành cho cha có không?

- Thưa cha, dạ, có vòng hoa.

- Nay các con! Trong 6 cõi trời dục-giới, cõi trời nào đáng được hài lòng hoan hỷ nhất?

- Thưa cha, cõi trời Tusitā (Đâu-suất đà-thiên) là cõi trời dục-giới đáng hài lòng nhất, bởi vì cõi trời này là nơi tạm nghỉ của chư Đức-Bồ-tát, của Phật mẫu.

Ông cận-sự-nam Dhammika chọn cõi trời Tusitā là cõi-giới sẽ tái-sinh kiếp sau. Vì vậy, ông dạy các con của ông rằng:

- Nay các con! Các con nguyện rằng:

“Xin cho vòng hoa này đeo vào đầu xe từ cõi trời Tusitā”, rồi các con ném vòng hoa ấy lên hư không.

Các con của ông làm theo lời chỉ dạy của ông, ném vòng hoa lên hư không, vòng hoa ấy tròng trên đầu chiếc xe đến từ cõi trời Tusitā.

Thật ra mọi người chỉ nhìn thấy vòng hoa ấy treo lơ lửng trên hư không mà không thể nhìn thấy chiếc xe trời được, bởi vì chiếc xe trời này thuộc về loại sắc vi-tế nên mắt thường không thể nhìn thấy được (*chỉ có thiên-nhãn thông mới nhìn thấy được*).

Ông cận-sự-nam hỏi các con rằng:

- *Này các con! Các con có nhìn thấy vòng hoa trên hư không hay không?*

- *Thưa cha, chúng con đều nhìn thấy.*

Ông cận-sự-nam Dhammika giải thích rằng:

- *Cái vòng hoa ấy đeo trên chiếc xe từ cõi trời Tusitā. Sau khi cha từ già (chết) cõi người này, đại-thiện-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tusitā ấy.*

Các con chớ có khỏ tâm, nếu các con muốn tái-sinh cùng cõi-giới với cha thì các con phải là người có giới hạnh trong sạch, cố gắng tạo mọi phước-thiện như bố-thí, giữ-giới, hành-thiên, nghe-pháp, v.v... như cha vậy.

Ông cận-sự-nam Dhammika khuyên răn dạy dỗ các con của ông xong, ông cận-sự-nam nằm yên có đại-thiện-tâm tinh táo có *đối-tượng gatinimitta* là chiếc xe trời từ cõi-trời Tusitā là đối-tượng của *cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavāhicitta)* lúc lâm chung.

Sau khi Ông cận-sự-nam Dhammika chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm** gọi là *paṭisandhicitta: tái-sinh-tâm* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *thiên-nam Dhammika* trên cõi trời Tusitā mà ông đã lựa chọn như ý.

Vị thiên-nam Dhammika có thân hình cao 3 gāvuta ⁽¹⁾,

¹ 1 gāvuta có chiều dài khoảng 5.120,64 mét.

có hào quang sáng ngời, được trang sức những vàng ngọc quý giá, trong một lâu đài bằng ngọc ngà nguy nga tráng lệ lớn rộng 25 do tuần, có một ngàn thiên-nữ xinh đẹp hầu hạ ngày đêm, hưởng mọi an-lạc trong cõi trời ấy.

Khi chư tỳ-khuru về đến chùa, Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Ông cận-sự-nam Dhammika có nghe trọn bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta hay không?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ông cận-sự-nam Dhammika đang nằm nghe chúng con đang tụng bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta thì ông nói rằng:*

“Xin quý Ngài chờ một lát!”

Nghe ông cận-sự-nam nói như vậy, chúng con ngừng tụng kinh. Khi ấy, các con của ông than khóc. Chúng con bàn bạc với nhau rằng:

“Bây giờ không phải lúc tụng kinh” nên chúng con đứng dậy trở về đây.

Nghe chư tỳ-khuru bạch như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Ông cận-sự-nam Dhammika không phải nói với các con đâu. Thật ra khi ấy, chư-thiên từ 6 cõi trời dục-giới, mỗi cõi trời đem mỗi chiếc xe trời khải khoản mời ông tái-sinh lên cõi trời của họ. Ông cận-sự-nam không muốn quý vị chư-thiên quấy rầy, làm trở ngại việc nghe bài kinh của ông, nên ông cận-sự-nam nói ngăn cản các nhóm chư-thiên ấy.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu đúng như vậy thì sau khi ông cận-sự-nam Dhammika chết, đạ-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-trời dục-giới nào? Bạch Ngài.*

- *Này chư tỳ-khuru! Sau khi ông cận-sự-nam Dhammika chết, đạ-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh*

làm vị thiên-nam Dhammika trên cõi trời Tusitā (Đâu-suất-đà-thiên) hưởng mọi an-lạc trên cõi trời dục-giới ấy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi trong cõi người, ông cận-sự-nam Dhammika được hưởng sự an-lạc trong gia đình bà con bè bạn. Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam Dhammika cũng được hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời Tusitā (Đâu-suất-đà-thiên) nữa.

Đức-Phật dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Đứng vậy, người không có dễ dãi quên mình, tạo mọi phước-thiện, dù là người tại gia hoặc bậc xuất gia sống nơi nào cũng được sự an-lạc.*

Đức-Phật thuyết bài kệ rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Người đã tạo mọi phước-thiện, hưởng quả an-lạc trong kiếp hiện-tại, sau khi chết hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai; hưởng quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.*

Người đã tạo mọi đại-thiện-nghiệp, kiếp hiện-tại thấy quả báu trong sạch của đại-thiện-nghiệp của mình vô cùng hoan-hỷ. Sau khi chết, kiếp vị-lai hưởng quả báu an-lạc lại càng hoan-hỷ mà thôi.

Tìm hiểu về đối-tượng lúc lâm chung

Tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, trong bốn loài là thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh dù nhỏ bé như con kiến, dù to lớn như chư phạm-thiên trên các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, vô-sắc-giới phạm-thiên, đến phút giây lâm chung cuối cùng đều có **cận-tử lộ-trình-tâm** (*marañāsannavīthiccitta*) là lộ-trình-tâm cuối cùng **tử** rời **sinh** đối với mỗi kiếp chúng-sinh còn có **vô-minh** và **tham-ái**.

Cận-tử lộ-trình-tâm (*marañāsannavīthicitta*) cuối cùng này rất yếu, nên *javanacitta: tác-hành-tâm* chỉ có 5 sát-na-tâm, đặc biệt có 2 sát-na-tâm là:

- **Cuti** đó là *cuticitta: Tử-tâm* là *quả-tâm* cuối cùng của kiếp hiện-tại làm phận-sự chuyển kiếp **tử** (chết) 1 sát-na-tâm *kết thúc kiếp hiện-tại* cũ, liền tiếp theo sau sát-na-tâm:

- **Paṭisandhi** đó là *paṭisandhicitta: tái-sinh-tâm* là *quả-tâm* nào bắt đầu kiếp sau (kiếp hiện-tại mới bắt đầu) **sinh** chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi, liền tiếp theo sau cũng chính *quả-tâm* ấy chuyển biến trở thành **bhavaṅga-citta: hộ-kiếp-tâm** làm phận sự hộ kiếp, bảo hộ giữ gìn kiếp chúng-sinh ấy cho đến lúc lâm chung sắp chết.

Như vậy, *kiếp hiện-tại tử* (chết), liền *kiếp sau sinh* chỉ có cách nhau 1 sát-na-tâm *sinh rồi diệt* mà thôi, không có khoảng thời gian chờ đợi.

Đối-tượng của cận-tử lộ-trình-tâm

Đối-tượng của *cận-tử lộ-trình-tâm* (*marañāsannavīthicitta*) có 1 trong 3 loại đối-tượng:

- **Kamma**: *Đối-tượng nghiệp* đó là *thiện-nghiệp* hoặc *bất-thiện-nghiệp* (ác-nghiệp).

- **Kammanimitta**: *Đối-tượng hiện-tượng* tạo *thiện-nghiệp* hoặc *bất-thiện-nghiệp* (ác-nghiệp).

- **Gatinimitta**: *Đối-tượng hiện-tượng* sẽ *dắt dẫn tái-sinh* kiếp sau trong cõi *thiện-giới* hoặc cõi *ác-giới*.

Giải giải kamma, kammanimitta, gatinimitta

* **Đối-tượng kamma** đó là *đối-tượng thiện-nghiệp* hoặc *đối-tượng ác-nghiệp* có *cơ hội hiện rõ* trong *cận-tử lộ-trình-tâm* (*marañāsannavīthicitta*) *như thế nào?*

Kamma đó là *cetanācetasika: Tác-ý tâm-sở*.

- Nếu *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với thiện-tâm gọi là *thiện-nghiệp*.

- Nếu *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với bất-thiện-tâm (ác-tâm) gọi là *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)*.

Đối-tượng thiện-nghiệp và đối-tượng bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) thuộc về đối-tượng pháp (dhammāramma) chỉ hiện rõ trong ý-thức-tâm mà thôi.

*** *Đối-tượng kammanimitta:*** *Đối-tượng hiện-tượng tạo thiện-nghiệp, tạo ác-nghiệp có cơ hội hiện rõ trong cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta) như thế nào?*

Đối-tượng kammanimitta có 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là nhân có liên quan tạo thiện-nghiệp, tạo ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý; nên đối-tượng kammanimitta: hiện-tượng tạo thiện-nghiệp, tạo ác-nghiệp này hiện rõ trong 6 môn: nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn nên có 6 loại thức-tâm là nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm, tùy theo mỗi đối-tượng.

Như vậy, người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...* cùng với các pháp hỗ trợ bằng thân, bằng khẩu, bằng ý với đại-thiện-tâm.

Hoặc người ác nào tạo *ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, v.v...* cùng với các pháp hỗ trợ bằng thân, bằng khẩu, bằng ý với bất-thiện-tâm.

Nếu người ấy đến lúc lâm chung gần chết, không có nghiệp nào đặc biệt thì *đối-tượng kammanimitta: hiện-tượng tạo nghiệp này có cơ hội hiện rõ trong cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta).*

* **Đôi-tượng gatinimitta**: Đôi-tượng hiện-tượng sẽ dắt dẫn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới, hoặc cõi ác-giới có cơ hội hiện ra trong cận-tử lộ-trình-tâm (*maranāsannavīthiccita*) như thế nào?

Đôi-tượng gatinimitta đó là 6 đôi-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) sẽ dắt dẫn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới, hoặc cõi ác-giới, người ấy sẽ nhận biết và sẽ thụ hưởng trong kiếp kế-tiếp, nên đôi-tượng *gatinimitta* này sẽ hiện rõ trong 6 môn. Nhưng thật ra, đôi-tượng *gatinimitta* này phần nhiều hiện rõ trong **nhãn-môn** và **y-môn**, trong nhãn-môn cận-tử lộ-trình-tâm và trong y-môn cận-tử lộ-trình-tâm.

- Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí*, *phước-thiện giữ-giới*, *phước-thiện hành-thiền* nào, ... trong thời-kỳ *muñcacetanā* tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm có nhiều năng lực đang khi tạo *phước-thiện* ấy.

- Người ác nào tạo *ác-nghiệp* như sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm, nói-dối, uống rượu, bia và các chất say nào, ... trong thời-kỳ *muñcacetanā* tác-y tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm có nhiều năng lực đang khi tạo *ác-nghiệp* ấy.

Đối với người ấy đến lúc lâm chung, đôi-tượng *gatinimitta* có cơ hội hiện rõ trong cận-tử lộ-trình-tâm (*maranāsannavīthiccita*).

Hoặc người nào tạo *phước-thiện bố-thí*, *phước-thiện giữ-giới*, *phước-thiện hành-thiền* nào, ... trong thời-kỳ *pubbacetanā*, tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo *phước-thiện* ấy, và trong thời-kỳ *apara-cetanā*, tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo *phước-thiện* ấy, người ấy thường niệm tưởng đến *phước-thiện* ấy, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ trong *phước-thiện* ấy.

Hoặc người nào tạo ác-nghiệp như sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm, nói-dối, uống rượu, bia và các chất say, ... trong thời-kỳ *pubbacetanā*, tác-y tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm trước khi tạo ác-nghiệp ấy, và trong thời-kỳ *aparacetanā*, tác-y tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm sau khi đã tạo ác-nghiệp ấy, người ấy mỗi khi nhớ đến ác-nghiệp ấy, phát sinh sân-tâm làm khổ tâm hồi hận, bởi vì không tạo đại-thiện-nghiệp mà tạo ác-nghiệp ấy.

Đối-tượng gatinimitta: *Đối-tượng hiện-tượng* chỉ hiện rõ đối với riêng người ấy trong lúc lâm chung mà thôi, như người nằm ngủ thấy trong **mộng** mà người ấy có cảm giác như thật.

Đối-tượng hiện-tượng gatinimitta này hiện rõ đối với số người trước 1-2 phút trước khi chết, hoặc 1-2 giờ trước khi chết, thậm chí có số người 1-2 ngày trước khi chết.

Đối-tượng gatinimitta có cơ hội hiện rõ trong *cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta)* cuối cùng đối với người lúc lâm chung gần chết.

Như vậy, đối với tất cả chúng-sinh gồm có chúng-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), loài người, chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trên 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ chư phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tướng-thiên), trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên thuộc về phàm-nhân, thậm chí cả 3 bậc Thánh-nhân là *bậc Thánh Nhập-lưu*, *bậc Thánh Nhất-lai*, *bậc Thánh Bất-lai*, đến lúc lâm chung đều có *cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta)* có 1 trong 3 *đối-tượng kamma, kammanimitta, gatinimitta*, bởi vì những hạng chúng-sinh ấy còn tái-sinh kiếp sau.

Tuy nhiên đối với *chư bậc Thánh A-ra-hán* đến lúc lâm chung, cũng có *cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇā-*

sannavīthīcitta) nhưng mà không có 1 trong 3 đối-tượng (*kamma, kammanimitta, gatinimitta*), bởi vì chư bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được mọi vô-minh, mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, kiếp này là kiếp chót. Cho nên, chư bậc Thánh A-ra-hán đến lúc lâm chung, dù có cận-tử lộ-trình-tâm (*marañāsannavīthīcitta*) vẫn có 1 trong 6 đối-tượng tùy theo mỗi bậc Thánh A-ra-hán, các tâm tuần tự sinh rồi diệt đến **cuti** đó là *cuticitta* là quả-tâm cuối cùng của bậc Thánh A-ra-hán **diệt** gọi là ***khandhaparinihbāna***: ngũ-uẩn Niết-bàn nghĩa là ngũ-uẩn tịch diệt rồi không còn ngũ-uẩn nào khác sinh nữa, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Trường hợp ông ***cận sự nam Dhammika*** có cận-tử lộ-trình-tâm (*marañāsannavīthīcitta*) trong lúc lâm chung có ***đối-tượng gatinimitta*** là chiếc xe trời từ cõi trời Tusitā là đối-tượng hiện-tượng dắt dẫn tái-sinh kiếp sau trên cõi trời Tusitā như đã chọn.

* Tích phú hộ Ānanda

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại kinh-thành Sāvattī, đề cập đến ông phú hộ Ānanda trong tích Ānandasetṭhi⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Trong kinh-thành Sāvattī, trước kia phú hộ tên Ānanda có của cải tài sản 400 triệu kahāpaṇa là người keo kiệt bủn xỉn nhất, có người con trai tên Mūlasiri.

Ông phú hộ Ānanda thường ngày dạy con trai rằng:

- *Này con yêu quý! Con chớ nên tưởng rằng: Của cải tài sản 400 triệu kahāpaṇa gọi là nhiều, con không nên để cho hao hụt 1 kahāpaṇa nào, mà phải biết làm cho của cải tài sản càng tăng trưởng nhiều thêm lên.*

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Bālavagga, Ānandasetṭhivattthu.

Ông phú hộ Ānanda không chỉ cho con trai biết 5 hầm của báu lớn được chôn giấu dưới đất cho đến lúc lâm chung.

Sau khi ông phú hộ Ānanda chết, đại-thiện-nghiệp bậc thấp cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai vào lòng người đàn bà thấp hèn trong nhóm một ngàn gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn sống nương nhờ gần cửa kinh-thành Sāvattī.

Biết ông phú hộ Ānanda từ trần, Đức-vua Pasenadi Kosala truyền lệnh cho gọi người con trai của ông phú hộ Ānanda tên *Mūlasiri* đến châu. Đức-vua phong *công tử Mūlasiri* ngôi vị phú hộ, gọi là **phú hộ Mūlasiri**.

Nhóm một ngàn gia đình dòng dõi thấp hèn chỉ sống bằng nghề làm thuê làm mướn mà thôi. Kể từ khi người đàn bà mang thai nhi ấy, nhóm một ngàn gia đình đi làm thì người chủ không trả tiền công, lại cho phần vật thực không đủ ăn no để sống qua ngày.

Nhóm một ngàn gia đình ấy hội họp lại bàn bạc rằng:

Hiện nay, chúng ta đi làm thuê không có đủ vật thực, đời sống đói khổ thế này chưa từng có trước đây. Chắc có “kālakaṇṇī” (người xúi-quẩy) trong nhóm chúng ta. Vậy chúng ta nên chia ra làm 2 nhóm, mỗi nhóm 500 gia đình.

- Nhóm 500 gia đình không có người đàn bà mang thai nhi vẫn làm ăn như thường ngày.

- Nhóm 500 gia đình có người đàn bà mang thai nhi làm ăn đói khổ, nên chia ra làm 2 nhóm, mỗi nhóm 250 gia đình.

- Nhóm 250 gia đình có người đàn bà mang thai nhi làm ăn đói khổ, nên chia ra làm 2 nhóm, mỗi nhóm 125 gia đình.

Cứ chia ra làm 2 như vậy, cuối cùng chỉ còn 2 gia đình. Mọi người biết gia đình người đàn bà mang thai

nhi là gia đình “kālakaṇṇī” (người xúi-quẩy). Họ đuổi gia đình ấy đi nơi khác.

Người đàn bà mang thai nhi ấy phải chịu cảnh đói khổ không có nơi nương tựa cho đến khi sinh đứa trẻ ra đời.

Đứa trẻ ấy mắc phải tật nguyên thật đáng ghê sợ như 2 tay, 2 chân, đôi mắt, mũi, miệng, thân thể, v.v... là đứa bé kỳ dị khác thường đáng ghê sợ. Mặc dù như vậy, người mẹ vẫn không bỏ, cố gắng nuôi nấng đứa con kỳ dị đáng thương ấy. Hằng ngày người mẹ đi làm mướn hoặc đi xin ăn đem về nuôi con, đời sống chịu bao nỗi vất vả. Khi đứa con ấy biết đi, người mẹ dẫn đứa con đi xin ăn nhưng hôm ấy không được gì cả, nên dẫn con trở về, người mẹ đi xin ăn một mình thì có người cho.

Người mẹ bỏ đứa con trai đi xin ăn một mình

Khi đứa con trai lớn có thể đi lại xin ăn được, người mẹ dẫn đứa con trai vào trong thành, trao bát sành trên tay con, rồi dạy dỗ con trai rằng:

- Nay con đáng thương! Mẹ đi xin ăn vất vả cực khổ nuôi con khôn lớn đến nay, bây giờ mẹ không thể nuôi con được nữa. Trong thành này, có cơm cháo mà người ta dành cho người tàn tật, người mồ côi, người ăn xin, ... Con nên đi đến chỗ ấy mà xin ăn nuôi mạng.

Sau khi người mẹ dạy dỗ đứa con trai như vậy, chỉ đường cho đứa con đi, còn người mẹ đi lui đường khác.

Đứa bé trai đi theo con đường ấy qua các ngôi nhà, đến một ngôi nhà lớn của ông phú hộ Mūlasiri, đứa bé nhớ lại tiền-kiếp của mình, nên bước qua cổng đi thẳng vào nhà, những người trong nhà không ai để ý. Khi ấy, những người con của ông phú hộ Mūlasiri nhìn thấy đứa bé kỳ dị ghê sợ, nên hoảng hốt la hét khóc lên, những gia nhân trong nhà phú hộ đến nói với đứa bé kỳ dị ấy rằng:

- *Này đứa bé kālakaṇṇī kỳ dị đáng ghê sợ! Ngươi hãy mau ra khỏi nơi này.*

Những gia nhân trong nhà phú hộ xưa đuổi bắt **đứa bé trai** đem bỏ nơi đồng rác.

Đức-Phật thuyết pháp tế độ phú hộ Mūlasiri

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đi vào kinh-thành Sāvattthī khát thực có Ngài Trưởng-lão Ānanda theo sau, Đức-Thế-Tôn nhìn Ngài Trưởng-lão Ānanda, Ngài Trưởng-lão bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có điều gì? Bạch Ngài.*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda biết rõ về tiền-kiếp của *đứa bé trai này* là ông phú hộ Ānanda trong kinh-thành Sāvattthī, là phụ thân của ông phú hộ Mūlasiri trong ngôi nhà lớn này.

Ngài Trưởng-lão Ānanda nhờ người mời ông phú hộ Mūlasiri và những người trong kinh-thành đến tụ hội.

Khi ấy, Đức-Phật truyền hỏi phú hộ Mūlasiri rằng:

- *Này phú hộ! Con có biết đứa bé trai này là ai hay không?*

Ông phú hộ Mūlasiri kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con không biết. Bạch Ngài.*

- *Này phú hộ! Tiền-kiếp của đứa bé trai này chính là phú hộ Ānanda, là thân phụ của con đó.*

Để cho phú hộ Mūlasiri tin là sự-thật, Đức-Phật truyền bảo đứa bé ấy rằng:

- *Này phú hộ Ānanda! Con nên chỉ 5 hằm của báu lớn cho phú hộ Mūlasiri là con của con ngay bây giờ.*

Vâng theo lời Đức-Phật, đứa bé trai ngoan ngoãn dẫn phú hộ Mūlasiri đến chỗ chôn giấu 5 hằm của báu lớn ấy.

Cho nên, ông phú hộ Mūlasiri tin theo lời Đức-Phật đúng là sự-thật. Khi ấy, ông phú hộ Mūlasiri kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo: xin quy y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy y nương nhờ nơi chư tỳ-khuru Tăng-bảo. Kính xin Đức-Phật công nhận ông phú hộ Mūlasiri là cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời.

Đức-Phật thuyết pháp tế độ ông phú hộ Mūlasiri và dân chúng trong kinh-thành Sāvattthī bằng câu kệ rằng:

*“Puttā matthi dhanamatthi, iti bālo vihaññati.
Attā hi attno natthi, kuto puttā kuto dhanam.”* ⁽¹⁾

- *Này phú hộ Mūlasiri!*

Người si-mê khổ tâm do chấp thủ rằng:

Các con là của ta, tài sản là của ta.

Thật ra, chính ta không phải là nơi nương nhờ của ta.

Thì các con là nơi nương nhờ từ đâu được?

Tài sản là nơi nương nhờ từ đâu được?

Sau khi Đức-Phật thuyết dạy xong bài kệ, chúng-sinh gồm có 84.000 được sự lợi ích chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo khả năng của mỗi chúng-sinh.

Nhận xét về tích phú hộ Ānanda

Ông phú hộ Ānanda là người keo kiệt bủn xỉn trong của cải tài sản của mình, không biết sử dụng của cải để tạo phước-thiện bố-thí. Đến lúc lâm chung thì con, tài sản của ông phú hộ không giúp được gì cả, nên sau khi ông phú hộ Ānanda chết, đại-thiện-nghiệp bậc thấp cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm bé trai trong bụng người đàn bà trong nhóm một ngàn gia đình nghèo thuộc dòng dõi

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Bālavagga, Ānandasetṭhivatthu.

thấp hèn, khiến cho người mẹ và một ngàn gia đình thấp hèn lâm vào cảnh đói khổ, bởi vì ảnh hưởng ác-nghiệp keo kiệt của tiền-kiếp bé trai là ông phú hộ Ānanda.

Cho nên, kiếp hiện-tại là phú hộ, kiếp sau sẽ thuộc về loại chúng-sinh nào hoàn toàn tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

Ví dụ: Kiếp hiện-tại là *ông phú hộ Ānanda*, kiếp sau của *ông phú hộ Ānanda* là đứa bé trai kỳ dị ghê sợ ăn xin. Kiếp hiện-tại là *ông phú hộ Cūlasetṭhi*, kiếp sau của *ông phú hộ Cūlasetṭhi* là loài nga-quỷ đói khát, v.v...

Kiếp hiện-tại là cận-sự-nam Dhammika, kiếp sau của cận-sự-nam Dhammika là vị thiên-nam Dhammika trên cõi trời Tusitā, v.v...

Cho nên, kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh nào và kiếp sau của chúng-sinh ấy hoàn toàn tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

* Kinh Kāmabhogīsutta

Người tại gia sinh sống bằng nghề bắt lương hoặc nghề lương thiện, để tạo ra của cải rồi hưởng thụ của cải ấy trong cuộc sống hằng ngày, có những điều đáng chê trách và đáng khen.

Tìm hiểu bài kinh Kāmabhogīsutta ⁽¹⁾, Đức-Phật dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika có đoạn:

- *Này phú hộ! Có 10 hạng người sống tại gia:*

1- Hạng người tại gia nào làm ra của cải bằng nghề bắt lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh, khi có được của cải rồi, không biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc, và cũng không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

¹ Aṅgattaranikāya, Dasakanipāta, kinh Kāmabhogīsutta.

Hạng người tại gia ấy có 3 điều đáng chê:

- Đáng chê: Làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: Không biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng chê: Không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

2- Hạng người tại gia nào làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh, khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc, nhưng mà không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 2 điều đáng chê, 1 điều đáng khen:

- Đáng chê: Làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: Không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

- Đáng khen: Biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

3- Hạng người tại gia nào làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh, khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc và biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 1 điều đáng chê, 2 điều đáng khen:

- Đáng chê: Làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: Biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng khen: Biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

4- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh, và bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh, khi có được của cải rồi, không biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc và không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 1 điều đáng khen, 3 điều đáng chê:

- Đáng khen: Biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: Làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: Không biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng chê: Không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

5- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh, và bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh, khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc, nhưng mà không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 2 điều đáng khen, 2 điều đáng chê:

- Đáng khen: Tạo ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: Biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng chê: Tạo ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: Không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

6- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh, và bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh, khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc và biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 3 điều đáng khen, 1 điều đáng chê:

- Đáng khen: Biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: Biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng khen: Biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

- Đáng chê: Làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

7- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh, khi có được của cải rồi, không biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc và không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 1 điều đáng khen, 2 điều đáng chê:

- Đáng khen: Biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: Không biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng chê: Không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

8- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh, khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc nhưng mà không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 2 điều đáng khen, 1 điều đáng chê:

- *Đáng khen: Biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.*

- *Đáng khen: Biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.*

- *Đáng chê: Không biết đem của cải tạo phước-thiện bồ-thí.*

9- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; biết đem của cải tạo phước-thiện bồ-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh; nhưng mà có tham-tâm say mê trong ngũ dục, bị ràng buộc trong ngũ dục, không có trí-tuệ biết rõ tội lỗi của ngũ dục, không biết giải thoát khỏi ràng buộc trong ngũ dục.

Hạng người tại gia ấy có 3 điều đáng khen, 1 điều đáng chê:

- *Đáng khen: Tạo ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.*

- *Đáng khen: Biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.*

- *Đáng khen: Biết đem của cải tạo phước-thiện bồ-thí.*

- *Đáng chê: Người ấy có tham-tâm say mê trong ngũ dục, bị ràng buộc trong ngũ dục, không có trí-tuệ biết rõ tội lỗi của ngũ dục, không biết giải thoát khỏi ràng buộc trong ngũ dục.*

10- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; biết đem của cải tạo phước-thiện

bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh; đặc biệt người ấy không có tham-tâm say mê trong ngũ dục, không bị ràng buộc trong ngũ dục, có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp, thấy rõ, biết rõ tội lỗi của ngũ dục nên giải thoát khỏi ràng buộc trong ngũ dục.

Hạng người tại gia ấy có đủ 4 điều đáng khen:

- *Đáng khen: Biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.*

- *Đáng khen: Biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.*

- *Đáng khen: Biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.*

- *Đáng khen: Người ấy không có tham-tâm say mê trong ngũ dục, không bị ràng buộc trong ngũ dục, có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp, thấy rõ, biết rõ tội lỗi của ngũ dục nên giải thoát khỏi ràng buộc trong ngũ dục.*

Như vậy, người tại gia nào được bậc thiện-trí tán dương ca tụng, người tại gia ấy cần phải biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh khác, biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc, biết đem của cải ra tạo phước-thiện bố-thí đến mọi người, không say mê trong ngũ dục, có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp, nên giải thoát khỏi trong ngũ dục.

Bố-thí có phước

Thí-chủ biết sử dụng của cải của mình đem ra phân phát, ban bố đến những người khác, những chúng-sinh khác, xét về hình thức đó là nghĩa cử tốt đẹp trong đời.

Nếu bố-thí để tạo *phước-thiện bố-thí* thì thí-chủ cần phải có đủ 3 chi-pháp

1- *Thí-chủ có tác-ý thiện-tâm trong 3 thời-kỳ:*

- *Tác-ý thiện-tâm hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

- *Tác-ý thiện-tâm hoan-hỷ đang khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

- *Tác-ý thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

2- *Vật-thí hợp pháp không có tai hại.*

3- *Người thọ-thí sử dụng đem lại sự lợi ích thật sự cho kiếp hiện-tại.*

Nếu thí-chủ có tác-ý thiện-tâm hoan-hỷ biết đem của cải ra bố-thí đến người thọ-thí đủ 3 chi-pháp như vậy, thì thí-chủ tạo được **phước-thiện bố-thí** của mình.

Bồ-thí không có phước

Trong bộ *Milindapañhā* (*Đức-vua Milinda vấn đạo*) có đề cập đến 10 vật bồ-thí không có phước mà có tội.

1- *Majjadāna*: Bồ-thí biếu, tặng món quà như rượu, chất say, ma túy, heroin, thuốc phiện, thuốc lá, v.v...

2- *Samajjadāna*: Bồ-thí tổ chức lễ hội vui chơi, ca hát nhảy múa làm say mê, ...

3- *Itthidāna*: Bồ-thí đem kỹ nữ đến cho người khác ăn chơi truy lạc, ...

4- *Usabhadāna*: Bồ-thí bò đực giao cấu với bò cái.

5- *Cittakammadāna*: Bồ-thí những bức tranh ảnh mà người xem dễ phát sinh phiền-não.

6- *Satthadāna*: Bồ-thí các vũ khí để sát sinh.

7- *Visadāna*: Bồ-thí loại thuốc độc sát sinh.

8- *Sankhālikādāna*: Bồ-thí xiềng xích, gông cùm làm khổ chúng-sinh.

9- *Kukkuṭasūkāradāna*: Bồ-thí loài gia súc để làm thịt.

10- *Tulākūtamānakūṭadāna*: Bồ-thí cân (không đủ trọng lượng) bố-thí thược (thược không đủ chiều dài).

Người nào có tác-ý tham-tâm đem những vật bố-thí này làm quà tặng đến cho người khác, làm người thọ-thí phải phạm điều-giới, phát sinh phiền não, tạo ác-nghiệp, còn đại-thiện-nghiệp không phát sinh nên người bố-thí ấy không có phước mà chỉ có tội lỗi mà thôi.

Thật ra, thí-chủ có tác ý tốt như thế nào, nhưng mà sự thật những vật-thí ấy đem lại sự tai hại cho người thọ-thí thì sự bố-thí ấy chắc chắn không phải tạo **phước thiện bố-thí**, chỉ tạo **tội lỗi ác-nghiệp** mà thôi. Vì vậy, thí-chủ phải chịu khổ trong kiếp hiện-tại; sau khi thí-chủ chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình đã tạo.

Xét về vật bố-thí như vàng, bạc, tiền bạc

* Đối với người tại gia thì *vàng, bạc, tiền bạc* là thứ vật dụng rất cần thiết trong cuộc sống, dùng để mua bán trao đổi hàng hóa hằng ngày. Thí-chủ đem vàng, bạc, tiền bạc giúp đỡ những người tại gia với nhau, đó là tạo *phước-thiện bố-thí* của mình.

* Đối với hàng xuất gia là *sa-di, tỳ-khuru* thì *vàng, bạc, tiền bạc* đó là 1 trong các điều-giới của *sa-di, tỳ-khuru* mà Đức-Phật đã chế định là không được phép nhận.

- Trong *sa-di* thập-giới, điều-giới thứ 10, Đức-Phật chế định ban hành rằng:

“*Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.*”

“*Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự nhận vàng, bạc (tiền bạc).*”

Đức-Phật đã chế định ban hành đến cho tất cả *sa-di* cần

phải nghiêm chỉnh thực-hành theo, không được phạm điều-giới, phá giới.

Nếu vị sa-di nào tự mình nhận vàng, bạc, tiền bạc, thì vị sa-di ấy phạm điều-giới thứ 10 của sa-di.

- Trong Bhikkhupātimokkha, tỳ-khuru-giới gồm có 227 điều-giới, trong phần 30 điều-giới nissaggiya pācittiya, điều-giới thứ 18 Đức-Phật chế định ban hành đến chư tỳ-khuru rằng:

- “*Yo pana bhikkhu jātarūpa rajatam uggaṇheyya vā uggaṇhāpeyya vā upanikkhattam vā sādiyeyya, nissaggiyam pācittiyam.*”⁽¹⁾

Tỳ-khuru nào tự mình nhận vàng, bạc (tiền bạc) hoặc sai người nhận vàng, bạc (tiền bạc), hoặc hài lòng hoan-hỷ vàng, bạc (tiền bạc) cất giữ dành cho riêng mình, tỳ-khuru ấy phạm điều-giới pācittiya, cần phải xả bỏ vàng, bạc (tiền bạc) ấy.

Điều-giới thứ 19: *Yo pana bhikkhu nānappakāraṇaṃ rūpiyaṃvohāraṇaṃ samāpajjeyya, nissaggiyam pācittiyam.*

Tỳ-khuru nào dùng tiền bạc (vàng, bạc) mua sắm thứ vật dụng nào, tỳ-khuru ấy phạm giới pācittiya, cần phải xả bỏ thứ vật dụng ấy.”

Điều-giới thứ 20: *Yo pana bhikkhu nānappakāraṇaṃ kayavikayaṃ samāpajjeyya, nissaggiyam pācittiyam.*

Tỳ-khuru nào mua bán, trao đổi, tỳ-khuru ấy phạm giới pācittiya, cần phải xả bỏ thứ vật dụng ấy.

Đức-Phật đã chế định các điều-giới và ban hành đến tất cả tỳ-khuru. Tỳ-khuru cần phải nghiêm chỉnh hành theo, không nên phạm điều-giới, phá giới.

¹ Bhikkhupātimokkhapāli, phần Nissaggiya pācittiya.

Biết cách tạo phước-thiện bố-thí

Thí-chủ dâng tiền bạc *trực tiếp* đến cá nhân vị sa-di, vị tỳ-khuru, đó là điều không hợp pháp, bởi vì làm cho vị sa-di, vị tỳ-khuru phạm điều-giới.

Thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi cá nhân vị sa-di, vị tỳ-khuru nào, có tác-ý thiện-tâm muốn tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường thứ vật dụng cần thiết nào đến vị sa-di, vị tỳ-khuru ấy, nếu thí-chủ không có điều kiện tự mình mua sắm thứ vật dụng cần thiết ấy, thì *trước tiên* thí-chủ có thể gửi số tiền nơi **người hộ tăng** nhờ mua sắm thứ vật dụng cần thiết ấy, rồi thay mặt thí-chủ kính dâng cúng-dường đến vị sa-di, vị tỳ-khuru ấy.

Sau đó, thí-chủ đến bạch với vị sa-di, vị tỳ-khuru ấy biết rằng:

- *Kính bạch sư (Ngài), con có gửi số tiền chừng ấy nơi người hộ tăng “tên A” nhờ mua sắm thứ vật dụng cần thiết kính dâng cúng-dường đến sư (Ngài). Khi nào sư (Ngài) cần thứ vật dụng nào, kính xin sư (Ngài) đến gặp người người hộ tăng “tên A” nhờ tìm thứ vật dụng cần thiết ấy tương xứng với số tiền ấy, rồi người ấy thay mặt con kính dâng cúng-dường đến sư (Ngài).*

Điều này đã được Đức-Phật cho phép trong điều-giới thứ 10 trong phần 30 điều-giới nissaggiya pācittiya.

Nếu thí-chủ nào có tác-ý thiện-tâm trong sạch, muốn tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng đến chư tỳ-khuru-Tăng trong ngôi chùa nào với số tiền lớn, thì thí-chủ ấy đến gặp Ngài trụ trì bạch rõ tác-ý thiện-tâm của mình, Ngài trụ trì có thể nhận số tiền lớn ấy bằng khẩu, rồi chỉ định người hộ tăng, thí-chủ nên trao số tiền lớn ấy cho người hộ tăng ấy lo công việc cúng-dường 4 thứ vật dụng đến chư tỳ-khuru-Tăng. Đó là cách hợp pháp, hợp với điều-giới của tỳ-khuru.

Để giữ gìn bảo tồn Phật-giáo được lâu dài trên cõi người đến 5.000 năm tuổi thọ Phật-giáo, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho tất cả chúng-sinh nhất là chư-thiên và nhân loại, đó là phận-sự của các bậc xuất gia như chư vị sa-di, chư vị tỷ-khưu và các người tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ hỗ trợ chư vị sa-di, chư vị tỷ-khưu học pháp-học Phật-giáo, thực-hành pháp-hành Phật-giáo.

Phước-thiện bố-thí nguyện giải thoát khổ

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí dù nhiều dù ít cũng nên phát nguyện mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, đó là mục đích cứu cánh của các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Cho nên, thí-chủ cần phải hiểu biết rõ 3 thời-kỳ tác-ý:

- ***Pubbacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.

- ***Muñcacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ đang khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.

- ***Aparacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.

Mỗi thời-kỳ tác-ý có tầm quan trọng đặc biệt như sau:

* ***Thời-kỳ muñcacetanā*** trong thời hiện-tại.

- Nếu thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hoan-hỷ đang khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí, thì tạo được ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp*** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

- Nếu thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ hoan-hỷ đang khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí, thì tạo được **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.

* **Thời-kỳ aparacetanā** trong thời vị-lai sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm.

- Nếu thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ (không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nào làm ô-nhiễm), thì tạo được **đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong đại-thiện-tâm trong sạch.

- Nếu thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí, sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy, phát sinh đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nào xen lẫn làm ô-nhiễm, thì tạo được **đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong đại-thiện-tâm không trong sạch.

* Tam-nhân đại-thiện-nghiệp có 2 bậc:

- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

* Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp có 2 bậc:

- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Đại-thiện-nghiệp có 4 bậc có tầm quan trọng phân chia ra 3 hạng người:

- **Người tam-nhân** (tīhetukapuggala) là người có tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) có 3 thiện-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si) từ khi tái-sinh.

- **Người nhị-nhân** (*dvihetukapuggala*) là người có tái-sinh-tâm (*paṭisandhicitta*) chỉ có 2 thiện-nhân (vô-tham và vô-sân, không có vô-si) từ khi tái-sinh.

- **Người vô-nhân** cõi thiện-dục-giới (*sugati ahetukapuggala*) là người có tái-sinh-tâm (*paṭisandhicitta*) không có thiện-nhân nào trong 3 nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si).

Cho nên, thí-chủ cần phải hiểu biết rõ để tự mình chọn hạng người nào trong 3 hạng người.

Lễ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng

Theo truyền thống Phật-giáo, trong các buổi lễ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường 4 thứ vật dụng đến chư tỳ-khưu-Tăng. Một thí-chủ chính (hoặc người đại diện) hướng dẫn đọc từng câu trong bài tác bạch đến chư tỳ-khưu-Tăng được rõ, mọi thí-chủ khác cùng nhau đọc theo. Ví dụ:

Lễ tạo phước-thiện bố-thí dâng những bộ y thường

Y thường (*cīvara*) là những bộ y mà thí-chủ có thể tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng bất cứ thời gian nào, ngày nào, tháng nào, ngôi chùa nào không có quy định nào cả.

Nếu thí-chủ thuận lợi vào ngày nào thì thí-chủ đến hầu đánh lễ Ngài Trưởng-lão, bạch xin Ngài vào ngày ấy, thí-chủ sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường các bộ y và các thứ vật dụng khác đến chư tỳ-khưu-Tăng tại ngôi chùa ấy.

Đến ngày hôm ấy, thí-chủ chính cùng với các thí-chủ khác chuẩn bị sẵn sàng những bộ y và các thứ vật dụng khác làm lễ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường những bộ y và các thứ vật dụng khác, thí-chủ chính (hoặc người đại diện) hướng dẫn đọc từng câu trong bài tác bạch đến

chư tỳ-khuru-Tăng được rõ, mọi thí-chủ khác cùng nhau đọc theo như sau:

*** Lễ dâng những bộ y thường (Cīvaradāna)**

Mayaṃ Bhante, samasaddhā samachandā samacittā saṅgama, Buddha Dhamma Saṃghaṅceva kammaṃ kammaphalaṅca saddahitvā, saṃsāravatṭadukkhato mocanattāya, Nibbānassa sacchikaraṇattāya, imāni saparivārāni cīvaradānāni imasmiṃ Bửu Long ⁽¹⁾ ārāme bhikkhusaṃghassa sakkaccaṃ dema.

Sādhu no Bhante, bhikkhusaṃgho imāni saparivārāni cīvaradānāni paṭiggaṇhātu, amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya, hitāya, sukhāya.

Chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ
Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Nghĩa:

- Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng được rõ:

Tất cả chúng con có đồng đức tin, đồng nguyện vọng, đồng tâm trí, tin nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, có nguyện vọng mong chứng ngộ Niết-bàn để giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi. Cho nên, tất cả chúng con thành kính làm lễ dâng những bộ y cùng với các thứ vật dụng này đến chư tỳ-khuru-Tăng tại ngôi chùa này.

Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng, kính xin quý Ngài có tâm từ tế độ nhận những bộ y cùng với các thứ vật dụng này, để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Lành thay! Lành thay! Lành thay!*

¹ Thay tên ngôi chùa mà thí-chủ đang làm lễ dâng y tẩm mưa.

Những thí-chủ tự tay mình dâng những bộ y cùng những thứ vật dụng đến chư tỳ-khưu-Tăng. Những thí-chủ trở lại chỗ ngồi của mình, mỗi người thành tâm phát nguyện rằng:

Idaṃ me cīvaradānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Mong phước-thiện dâng y thanh cao này, dẫn dắt con chúng đấng đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quá, diệt tận được mọi phiền-não trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Hoặ

Idaṃ me puññaṃ Nibbānassa paccayo hotu.

Mong phước-thiện thanh cao này làm duyên chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Idaṃ no ñātināṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Chúng con xin hồi hướng phần phước-thiện dâng y thanh cao này đến tất cả bà con thân quyến từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, mong quý bà con thân quyến hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bồ-thí thanh cao này, để mong thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna, sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện dâng y thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến, bạn bè cùng với tất cả mọi chúng-sinh khắp mọi cõi-giới. Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bồ-thí thanh cao này, mong tất cả quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

(Xong buổi lễ dâng bộ y thường.)

* Lễ tạo phước-thiện bố-thí dâng y tắm mưa

Y tắm mưa (*vassikasāṭikā*) là những tắm y tắm mưa được Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru dùng để tắm trong 4 tháng mùa mưa kể từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày rằm tháng 10.

Lễ dâng y tắm mưa thuộc về *kāladāna* được Đức-Phật cho phép mỗi vị tỳ-khuru nhận 1 tắm y tắm mưa kể từ ngày 01 tháng 6 cho đến ngày rằm tháng 6. Trong 15 ngày này, mỗi ngôi chùa chỉ có 1 ngày làm lễ nhận những tắm y tắm mưa mà thôi.

Như vậy, nếu thí-chủ nào muốn tạo phước-thiện cúng-dường y tắm mưa đến chư tỳ-khuru-Tăng trong một ngôi chùa nào, thì thí-chủ ấy đến hầu đánh lễ Ngài Trưởng-lão trụ trì, xin làm lễ dâng những tắm y tắm mưa đến chư tỳ-khuru-Tăng trong chùa, vào 1 ngày nào đã định.

Đến ngày hôm ấy, thí-chủ chính cùng với các thí-chủ khác chuẩn bị sẵn sàng những tắm y tắm mưa và các thứ vật dụng khác làm lễ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường những tắm y tắm mưa và các thứ vật dụng khác. Thí-chủ chính (hoặc người đại diện) hướng dẫn đọc từng câu trong bài tác bạch đến chư tỳ-khuru-Tăng được rõ, mọi thí-chủ khác cùng nhau đọc theo như sau:

Lễ dâng y tắm mưa (*Vassikasāṭikādāna*)

Mayaṃ Bhante, samasaddhā samachandā samacittā saṅgama, Buddha Dhamma Saṅghañceva kammaṃ kammaphalañca saddahitvā, saṃsāraṃvaṭṭadukkhato mocanattāya, Nibbānassa sacchikaraṇattāya, imāni saparivārāni vassikasāṭikādānāni, (Bửu-Long) ⁽¹⁾ ārāme bhikkhusaṃghassa sakkaccaṃ dema.

¹ Thay tên ngôi chùa mà thí-chủ đang làm lễ dâng y tắm mưa.

Sādhu no Bhante, bhikkhusaṃgho imāni saparivārāni vassikasāṭīkadānāni paṭiggaṇhātu, amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya, hitāya, sukhāya.

Chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ
Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Nghĩa:

- Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng được rõ:

Tất cả chúng con có đồng đức tin, đồng nguyện vọng, đồng tâm trí, tin nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, có nguyện vọng mong chứng ngộ Niết-bàn để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi. Cho nên, tất cả chúng con thành kính làm lễ dâng những tấm y tấm mưa cùng với các thứ vật dụng này đến chư tỳ-khuru-Tăng trong ngôi chùa Tổ “Bửu-Long”⁽²⁾ này.

Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng, kính xin quý Ngài có tâm từ tế độ nhận những tấm y tấm mưa cùng với các thứ vật dụng này, để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Lành thay! Lành thay! Lành thay!*

Những thí-chủ tự tay mình dâng những tấm y tấm mưa cùng những thứ vật dụng đến chư tỳ-khuru-Tăng. Những thí-chủ trở lại chỗ ngồi của mình, mỗi người thành tâm phát nguyện rằng:

Idaṃ me vassikasāṭīkadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Mong phước-thiện dâng những tấm y tấm mưa thanh cao này, dẫn dắt con chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, diệt tận được mọi phiền não trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Hoặc *Idaṃ me puññaṃ Nibbānassa paccayo hotu.*

Mong phước-thiện thanh cao này làm duyên chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Idaṃ no ñātināṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Chúng con xin hồi hướng phần phước-thiện dâng y tấm mưa thanh cao này đến tất cả bà con thân quyến từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, mong quý bà con thân quyến hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí thanh cao này, để mong thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna, sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện dâng những tấm y tấm mưa thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến, bạn bè cùng với tất cả mọi chúng-sinh khắp mọi cõi-giới. Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí thanh cao này, mong tất cả quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

(Xong buổi lễ dâng những tấm y tấm mưa.)

* Lễ tạo phước-thiện bố-thí dâng y kathina

Y kathina (*kathinacīvara*) là một tấm y để làm lễ thọ kathina được Đức-Phật cho phép chư tỳ-khưu nào sau khi đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa kể từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày rằm tháng 9, không bị đứt hạ, chư tỳ-khưu ấy được phép làm lễ thọ tấm y kathina của thí-chủ.

Lễ dâng y kathina thuộc về *kāladāna* được Đức-Phật cho phép sau khi chư tỳ-khưu-Tăng đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa xong, được phép nhận lễ dâng y

kathina của thí-chủ kể từ 16 tháng 9 cho đến ngày rằm tháng 10 là hết hạn.

Tại mỗi ngôi chùa, chư tỳ-khuru-Tăng chỉ được phép nhận lễ dâng y kathina của thí-chủ trong 1 ngày nào đó mà thôi. Sau khi đã nhận lễ dâng y kathina xong, ngay trong ngày hôm ấy, chư tỳ-khuru-Tăng phải tụ hội tại sīmā, hành tăng-sự làm lễ thọ y kathina. Sau khi chư tỳ-khuru-Tăng làm lễ thọ y kathina xong, mỗi vị tỳ-khuru có 5 quả báu đặc biệt suốt 5 tháng sau đến rằm tháng hai.

Như vậy, nếu thí-chủ nào muốn tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng trong một ngôi chùa nào, thì thí-chủ ấy đến hầu thỉnh lễ Ngài Trưởng-lão trụ trì, xin làm lễ dâng y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng trong chùa, vào 1 ngày nào đã định.

Đến ngày hôm ấy, thí-chủ chính cùng với các thí-chủ khác chuẩn bị sẵn sàng tấm y kathina, các bộ y khác và các thứ vật dụng làm lễ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường tấm y kathina, các bộ y khác và các thứ vật dụng. Thí-chủ chính (hoặc người đại diện) hướng dẫn đọc từng câu trong bài tác bạch đến chư tỳ-khuru-Tăng được rõ, mọi thí-chủ khác cùng nhau đọc theo như sau:

Lễ dâng y kathina (Kathinacīvaradāna)

Mayaṃ Bhante, samasaddhā samachandā samacittā saṅgama, Buddha Dhamma Saṃghaṅceva kammaṃ kammaphalaṅca saddahitvā, saṃsāraṃvaṭṭadukkhato mocanattāya, Nibbānassa sacchikaraṇattāya, imaṃ saparivāraṃ kathinacīvaraṃ (Bửu-Long)⁽¹⁾ ārāme bhikkhu-saṃghassa sakkaccaṃ dema, kathinaṃ attharituṃ.

Sādhu no Bhante, bhikkhusaṃgho imaṃ saparivāraṃ kathinacīvaraṃ paṭiggaṇhātu, paṭiggaṇhitvā iminā

¹ Thay tên ngôi chùa mà thí-chủ đang làm lễ dâng y kathina.

kathinacīvarena kathinaṃ attharatu, amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya, hitāya, sukhāya.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Nghĩa:

- Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng được rõ:

Tất cả chúng con có đồng đức tin, đồng nguyện vọng, đồng tâm trí, tin nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, có nguyện vọng mong chúng ngộ Niết Bàn, để giải thoát khổ từ sinh luân-hồi. Cho nên, tất cả chúng con thành kính làm lễ dâng y kathina, các bộ y khác cùng với các thứ vật dụng này đến chư tỳ-khuru-Tăng đã an cư nhập hạ suốt ba tháng mùa mưa tại ngôi chùa (Bửu Long) ⁽¹⁾ này.

Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng, kính xin quý Ngài có tâm từ tế độ nhận y kathina, các bộ y khác cùng với các thứ vật dụng này; khi quý Ngài nhận xong, xin quý Ngài làm lễ thọ y kathina với tâm y này, để cho chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Lành thay! Lành thay! Lành thay!*

Một thí-chủ đại diện tự tay đem tám y kathina dâng đến chư tỳ-khuru-Tăng, Ngài Trưởng-lão đại diện chư tỳ-khuru-Tăng nhận tám y kathina của thí-chủ để làm lễ thọ y kathina đúng theo luật của Đức-Phật đã ban hành.

Sau khi thí-chủ dâng tám y kathina, các thí-chủ dâng các bộ y khác cùng với những thứ vật dụng đến chư tỳ-khuru-Tăng xong, trở về chỗ ngồi, mỗi người thành tâm phát nguyện rằng:

¹ Thay tên ngôi chùa mà thí-chủ đang làm lễ dâng y kathina.

Idaṃ me kathinacīvaradānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Mong phước-thiện dâng y kathina thanh cao này, dẫn dắt con chúng đấng đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, diệt tận được mọi phiền-não trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Hoặc *Idaṃ me puññaṃ Nibbānassa paccayo hotu.*

Mong phước-thiện thanh cao này làm duyên chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Idaṃ no ñātināṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Chúng con xin hồi hướng phần phước-thiện dâng y kathina thanh cao này đến tất cả bà con thân quyến từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, mong quý bà con thân quyến hoan-hỷ nhận phần phước-thiện dâng y kathina thanh cao này, để mong thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna, sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện dâng y kathina thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến, bạn bè cùng với tất cả mọi chúng-sinh khắp mọi cõi-giới. Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện dâng y kathina thanh cao này, mong tất cả quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

(Xong buổi lễ dâng y kathina.)

* Vật thực (Bhattadāna)

Vật thực (*bhattadāna*) đó là những món ăn thức uống mà thí-chủ đã công phu làm ra, chuẩn bị sẵn sàng để tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng.

Trong ngày lễ tạo phước-thiện cúng-dường vật thực cùng với các vật dụng khác đến chư tỳ-khuru-Tăng, người thí-chủ chính (hoặc người đại diện) hướng dẫn đọc từng câu trong bài tác bạch đến chư tỳ-khuru-Tăng được rõ, mọi thí-chủ khác cùng nhau đọc theo như sau:

Lễ cúng-dường vật thực đến chư tỳ-khuru-Tăng

Mayaṃ Bhante, samasaddhā samachandā samacittā saṅgama, Buddha Dhamma Saṃghaṅceva kammaṃ kammaphalaṅca saddahitvā, saṃsāravatṭadukkhato mocanattāya, Nibbānassa sacchikaraṇattāya, imaṃ saparivāraṃ bhattadānaṃ bhikkhusaṃghassa sakkaccaṃ dema.

Sādhu no Bhante, bhikkhusaṃgho imaṃ saparivāraṃ bhattadānaṃ paṭiggaṇhātu, amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya, hitāya, sukhāya.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Nghĩa:

- Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng được rõ:

Tất cả chúng con có đồng đức-tin, đồng nguyện vọng, đồng tâm trí, tin nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, có nguyện vọng mong chứng ngộ Niết-bàn để giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi. Cho nên, tất cả chúng con thành kính làm lễ dâng những món vật thực cùng với các thứ vật dụng này đến chư tỳ-khuru-Tăng.

Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng, kính xin quý Ngài có tâm từ tế độ nhận những món vật thực cùng với các thứ vật dụng này, để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Lành thay! Lành thay! Lành thay!*

Các thí-chủ tự tay mình dâng những món vật thực cùng với mọi vật dụng đến chư tỳ-khuu-Tăng. Sau khi đã dâng xong, trở lại chỗ ngồi, mỗi người thành tâm phát nguyện:

Idaṃ me bhattadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Mong phước-thiện dâng vật thực thanh cao này, dẫn dắt con chúng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, diệt tận được mọi phiền-não trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Hoặc *Idaṃ me puññaṃ Nibbānassa paccayo hotu.*

Mong phước-thiện thanh cao này làm duyên chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Idaṃ no ñātināṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Chúng con xin hồi hướng phần phước-thiện dâng vật thực thanh cao này đến tất cả bà con thân quyến từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, mong quý bà con thân quyến hoan-hỷ nhận phần phước-thiện dâng vật thực thanh cao này, để mong thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna, sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện dâng vật thực thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến, bạn bè cùng với tất cả mọi chúng-sinh khắp mọi cõi-giới. Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện dâng vật thực thanh cao này, mong tất cả quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

(Xong buổi lễ dâng vật thực.)

* **Vật-thí (Dānavatthu)**

Tất cả các thứ vật dụng mà thí-chủ đem ra bố-thí gọi là dānavatthu.

Những thí-chủ làm lễ tạo phước-thiện bố-thí các thứ vật dụng chung gọi là dānavatthu đến chư tỳ-khuru-Tăng.

Trong ngày lễ tạo phước-thiện cúng-dường các vật dụng khác đến chư tỳ-khuru-Tăng, người thí-chủ chính (hoặc người đại diện) hướng dẫn đọc từng câu trong bài tác bạch đến chư tỳ-khuru-Tăng được rõ, mọi thí-chủ khác cùng nhau đọc theo như sau:

Lễ dâng các thứ vật dụng đến chư tỳ-khuru-Tăng

Mayaṃ Bhante, samasaddhā samachandā samacittā saṅgama, Buddha Dhamma Saṃghaṅceva kammaṃ kammaphalaṅca saddahitvā, saṃsāraṃvaṭṭadukkhato mocanattāya, Nibbānassa sacchikaraṇattāya, imāni dānavatthūni bhikkhusaṃghassa sakkaccaṃ dema.

Sādhu no Bhante, bhikkhusaṃgho imāni dānavatthūni paṭiggaṇhātu, amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya, hitāya, sukhāya.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Nghĩa:

- Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng được rõ:

Tất cả chúng con có đồng đức-tin, đồng nguyện vọng, đồng tâm trí, tin nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, có nguyện vọng mong chứng ngộ Niết-bàn để giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi. Cho nên, tất cả chúng con thành kính làm lễ dâng các thứ vật dụng này đến chư tỳ-khuru-Tăng.

Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng, kính xin quý Ngài có tâm

từ tế độ nhận các thứ vật dụng này, để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Lành thay! Lành thay! Lành thay!*

Những thí chủ tự tay mình dâng các thứ vật dụng đến chư tỳ-khuru-Tăng. Những thí chủ trở lại chỗ ngồi của mình, mỗi người thành tâm phát nguyện rằng:

Idaṃ me dānavatthūni āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Mong phước-thiện dâng các thứ vật dụng thanh cao này, dẫn dắt con chúng đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, diệt tận được mọi phiền-não trầm luân, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Hoặc *Idaṃ me puññaṃ Nibbānassa paccayo hotu.*

Mong phước-thiện thanh cao này làm duyên chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Chúng con xin hồi hướng phần phước-thiện dâng các thứ vật dụng thanh cao này đến tất cả bà con thân quyến từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, mong quý bà con thân quyến hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí thanh cao này, để mong thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna, sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện dâng các thứ vật dụng thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến, bạn bè cùng với tất cả mọi chúng-sinh khắp mọi cõi-giới. Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí thanh cao này,

mong tất cả quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

(Xong buổi lễ dâng các thứ vật dụng.)

*** Lễ dâng chỗ ở (Senāsanadāna)**

Trong 4 quả báu của 4 thứ vật dụng cần thiết của chư vị sa-di, chư vị tỳ-khưu thì quả báu của phước-thiện bồ-đề chỗ ở có tính chất lâu dài theo thời gian tồn tại của chỗ ở ấy.

Chỗ ở lớn nhỏ có nhiều loại như chánh-điện là nơi tôn thờ Đức-Phật, nơi hành tăng-sự của chư tỳ-khưu-Tăng, ... giảng-đường là nơi thuyết pháp, nơi hội họp đàm đạo, ... tăng-xá là chỗ ở chung của chư tỳ-khưu-Tăng, chỗ ở chung của chư vị sa-di, ... cái cốc nhỏ là chỗ ở mỗi người, v.v...

Trong ngày lễ tạo phước-thiện dâng chỗ ở đến chư tỳ-khưu-Tăng, người thí-chủ chính (hoặc người đại diện) hướng dẫn đọc từng câu trong bài tác bạch đến chư tỳ-khưu-Tăng được rõ, mọi thí-chủ khác cùng nhau đọc theo như sau:

Ví dụ: Lễ dâng vihāra (chỗ ở) đến chư tỳ-khưu-Tăng

Mayaṃ Bhante, samasaddhā samachandā samacittā saṅgama, Buddha Dhamma Saṅghaṅceva kammaṃ kammaphalaṅca saddahitvā, saṃsāraṃvaṭṭadukkhato mocanattāya, Nibbānassa sacchikaraṇattāya, imaṃ vihāraṃ kappiyakuṭiṃ kārapetvā āgatānāgataṃ catuddisassa saṅghassa sakkaccaṃ dema, kāyākāyapaṭi-baddhehi phusitvā yathāsukhaṃ paribhuñjatha, amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya, hitāya, sukhāya.

Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Nghĩa:

- Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng được rõ:

Tất cả chúng con có đồng đức tin, đồng nguyện vọng, đồng tâm trí, tin nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, có nguyện vọng mong chúng ngộ Niết-bàn để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi. Cho nên, tất cả chúng con cho xây cất một chỗ ở hợp pháp xong rồi, hôm nay, xin thành kính dâng đến chư tỳ-khuru-Tăng tứ phương đã đến và chưa đến.

Kính xin quý Ngài có tâm từ tế độ nhận chỗ ở này để làm nơi trú ngụ cho thân tâm được an-lạc, để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ: Lành thay! Lành thay! Lành thay!

Mỗi thí-chủ thành tâm phát nguyện bằng lời rằng:

Idaṃ me viḥāradānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Mong phước-thiện dâng chỗ ở thanh cao này, dẫn dắt con chúng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, diệt tận được mọi phiền-nã trăm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam giới.

Hoặc *Idaṃ me puññaṃ Nibbānassa paccayo hotu.*

Mong phước-thiện thanh cao này làm duyên chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Idaṃ no ñātināṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Chúng con xin hồi hướng phần phước-thiện dâng chỗ ở thanh cao này đến tất cả bà con thân quyến từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, mong quý bà con thân quyến hoan-hỷ nhận phần phước-thiện dâng chỗ ở thanh cao này, để mong thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna, sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện dâng chỗ ở thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến, bạn bè cùng với tất cả mọi chúng-sinh khắp mọi cõi-giới. Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí thanh cao này, mong tất cả quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

(Xong buổi lễ dâng chỗ ở.)

* Lễ dâng thuốc trị bệnh (Gilānappaccayabhesajja)

Thuốc trị bệnh (gilānappaccayabhesajja): bệnh-nhân có nhiều bệnh khác nhau, nên thuốc trị bệnh cũng có nhiều loại khác nhau, mỗi bệnh-nhân cần phải có thứ thuốc trị bệnh thích hợp với bệnh nhân ấy thì bệnh nhân mới mau khỏi bệnh được.

Cho nên, chỉ có thầy thuốc mới có khả năng biết khám bệnh và biết cho thuốc trị bệnh thích hợp với bệnh nhân ấy mà thôi.

Đức-Phật có tâm đại-bi ưu ái đặc biệt đối với vị tỳ-khuru bệnh, Đức-Phật dạy chư tỳ-khuru rằng:

- “*Yo bhikkhave maṃ upatṭhaheyya, so gilānaṃ upatṭhaheyya.*”⁽¹⁾

- “*Này chư tỳ-khuru! Vị tỳ-khuru nào muốn phục vụ Như-lai thì vị tỳ-khuru ấy nên phục vụ vị tỳ-khuru bệnh.*”

Như vậy, thí-chủ nào có tâm bi muốn tạo phước-thiện cúng-dường thuốc trị bệnh đến vị tỳ-khuru bệnh thì thí-

¹ Vinayapīṭaka, Mahāvagga, Gilānavatthu.

chủ ấy nên tìm thầy thuốc giỏi đến chữa trị cho vị tỳ-khuru bệnh ấy, rồi trả tiền công thầy thuốc, tiền thuốc. Nếu vị tỳ-khuru bệnh đang điều trị tại bệnh viện, thì thí-chủ đến thăm viếng vị tỳ-khuru bệnh ấy, xin trả chi phí tiền phòng, tiền thuốc cho bệnh viện.

Sau khi thí-chủ đã tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường phục vụ tỳ-khuru bệnh rồi, thí-chủ nên thành tâm phát nguyện bằng lời rằng:

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Mong phước-thiện hỗ-trợ thanh cao này, dẫn dắt con chúng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, diệt tận được mọi phiền-não trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Hoặc *Idaṃ me puññaṃ Nibbānassa paccayo hotu.*

Mong phước-thiện thanh cao này làm duyên chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vì thí-chủ tạo phước-thiện hỗ-trợ phục vụ tỳ-khuru bệnh, cho nên thí-chủ có quả báu rất đặc biệt như khi thí-chủ lâm bệnh thì gặp thầy thuốc giỏi, có thuốc hay chữa trị mau khỏi bệnh, có tuổi thọ, khỏe mạnh, sống lâu.

Thí-chủ hồi hướng phần phước-thiện hỗ-trợ phục vụ tỳ-khuru bệnh thanh cao đến bà con thân quyến rằng:

Idaṃ no ñātināṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Chúng con xin hồi hướng phần phước-thiện hỗ-trợ phục vụ tỳ-khuru bệnh thanh cao này đến tất cả bà con thân quyến từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, mong quý bà con thân quyến hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này, để mong thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānan-

ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna, sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện hỗ-trợ phục vụ tỳ-khuru bệnh thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến, bạn bè cùng với tất cả mọi chúng-sinh khắp mọi cõi-giới. Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này, mong tất cả quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Sau khi đã tạo phước-thiện nào rồi, thí-chủ thành tâm phát nguyện do nhờ phước-thiện này làm duyên dẫn đến thành tựu chứng ngộ Niết-bàn (*Nibbānasampatti*), giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Thật ra, nếu thí-chủ có nguyện vọng cứu cánh Niết-bàn, thì mỗi kiếp của thí-chủ như vị Bồ-tát Thanh-văn-giác cần phải tinh-tấn không ngừng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật được tích lũy ở trong **tâm** sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp cho đến khi được đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (*indriya*) (*tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*). Vị Bồ-tát ấy có duyên lành gặp được Đức-Phật hoặc giáo-pháp của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, vị Bồ-tát ấy là hành-giả vốn có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ hỗ-trợ, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Đến khi **bậc Thánh A-ra-hán** hết tuổi thọ (chết) gọi là tịch diệt Niết-bàn (*khandhaparinibbāna*), nghĩa là ngũ-uẩn này diệt rồi không có ngũ-uẩn khác sinh, đó là

đạt đến cứu cánh Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh-luân hồi trong tam-giới.

Quả của 8 đại-thiện-tâm trong cõi thiện-dục-giới

Thí-chủ tạo *phước-thiện bố-thí* với *đại-thiện-tâm*.

Đại-thiện-tâm (Mahākusalacitta) có 8 tâm:

1- *Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.*

2- *Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.*

3- *Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.*

4- *Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.*

5- *Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.*

6- *Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.*

7- *Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.*

8- *Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.*

8 đại-thiện-tâm này phân chia theo trí-tuệ có 2 loại:

- 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.

Đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm cho quả có 2 loại quả-tâm:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm.*

- *Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm.*

*** Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm**

Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm theo thứ tự mỗi tâm hoàn toàn giống như thứ tự mỗi đại-thiện-tâm, chỉ có khác loại tâm mà thôi như sau:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

8 đại-quả-tâm này phân chia theo trí-tuệ có 2 loại:

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ.

*** Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm**

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm như sau:

1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.

2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay đáng hài lòng.

3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngữi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.

4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.

5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.

6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) đáng hài lòng.

7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) đáng hài lòng.

8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

Tái-sinh-tâm trong 7 cõi thiện-dục-giới

Đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm cho quả có 16 **quả-tâm** là 8 hữu-nhân đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm.

Trong 16 quả-tâm này có **9 quả-tâm** đó là 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ và 1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm làm phẫn-sự tái-sinh kiếp sau có **3 hạng người** trong 7 cõi thiện-dục-giới đó là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.

Ba hạng người trong đời

Ba hạng người hiện hữu trong đời này:

1- **Hạng người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) là hạng người có tái-sinh-tâm (*paṭisandhicitta*) đó là **đại-quả-**

tâm hợp với trí-tuệ có đủ 3 thiện-nhân (vô-tham, vô-sân, và vô-si ‘trí-tuệ’), từ khi đầu thai đầu tiên vào lòng mẹ.

Khi sinh ra đời đã là người tam-nhân (tīhetukapuggala) có trí-tuệ sáng suốt.

- Nếu người tam-nhân này thực-hành pháp-hành thiền-định thì có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông tam-giới (lokiya-abhiññā).

- Nếu người tam-nhân này thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

2- **Hạng người nhị-nhân** (dvihetukapuggala) là hạng người có *tái-sinh-tâm* (paṭisandhicitta) đó là **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** chỉ có 2 thiện-nhân (vô-tham và vô-sân, không có vô-si ‘trí-tuệ’), từ khi đầu thai đầu tiên vào lòng mẹ.

Khi sinh ra đời đã là người nhị-nhân (dvihetukapuggala) không có trí-tuệ.

- Nếu người nhị-nhân này thực-hành pháp-hành thiền-định thì không có khả năng dẫn đến chứng đắc bậc thiền nào cả.

- Nếu người nhị-nhân này thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì không có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

3- **Hạng người vô-nhân** cồi thiện-dục-giới (sugatīhetukapuggala) là hạng người có *tái-sinh-tâm* (paṭisandhicitta) đó là **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp thuộc về thiện-quả

vô-nhân-tâm không có thiện-nhân nào, là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, từ khi đầu thai đầu tiên vào lòng mẹ.

Khi sinh ra đời đã là người vô-nhân cõi dục-giới biết những việc tầm thường trong cuộc sống.

Phước-thiện bố-thí và quả của phước-thiện bố-thí

Phước-thiện bố-thí là 1 trong 10 phước-thiện, thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cần phải trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

1- ***Pubbacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí (có thời gian lâu hoặc mau không nhất định).

2- ***Muñcacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm đang khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí (trong thời hiện-tại).

3- ***Aparacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí (với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm).

Mỗi thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí nào có vai trò quan trọng thành-tựu mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

Năng lực *muñcacetanā*

* Thời-kỳ ***muñcacetanā***: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm đang khi tạo phước-thiện bố-thí nào được thành-tựu đại-thiện-nghiệp như sau:

- Nếu thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí nào trong thời-kỳ ***muñcacetanā***: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ *kammassakatāñāna*: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình, thì thí-chủ ấy tạo phước-thiện bố-thí ấy với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đủ tam-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si 'trí-tuệ'), nên

phước-thiện ấy trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp** (*tihetukakusalakamma*).

- Nếu thí-chủ nào tạo *phước-thiện bố-thí* nào trong thời-kỳ **muñcetanā**: *tác-y tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* không hợp với *trí-tuệ kammassakatāñāna*: *trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình*, thì thí-chủ ấy tạo *phước-thiện bố-thí* ấy với **đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ** chỉ có *nhị-nhân* (vô-tham và vô-sân, không có vô-si), nên phước-thiện bố-thí ấy trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** (*dvihetukakusalakamma*).

Năng lực *pubbacetanā* và *aparacetanā*

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp và **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** phân loại theo năng lực *tác-y* trong thời-kỳ **pubbacetanā**: *tác-y tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* trước khi tạo *phước-thiện bố-thí* ấy và trong thời-kỳ **aparacetanā**: *tác-y tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* sau khi đã tạo *phước-thiện bố-thí* ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, nên mỗi loại *đại-thiện-nghiệp* có 2 bậc:

- **Ukkatṭhakusala**: *Đại-thiện-nghiệp* bậc cao.
- **Omakakusala**: *Đại-thiện-nghiệp* bậc thấp.

1- **Ukkatṭhakusalakamma**: *Đại-thiện-nghiệp* bậc cao như thế nào?

Thí-chủ nào tạo *phước-thiện bố-thí* nào trong thời-kỳ **pubbacetanā**: *tác-y tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* trong sạch trước khi tạo *phước-thiện bố-thí* ấy, không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn; và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: *tác-y tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* trong sạch sau khi đã tạo *phước-thiện bố-thí* ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí

nhiều năm, không có *tham-ái*, *ngã-mạn*, *tà-kiến* phát sinh xen lẫn, *phước-thiện bố-thí* ấy của thí chủ trở thành **đại-thiện-nghiệp bậc cao** (*ukkaṭṭhakusalakamma*) nên có 2 loại *đại-thiện-nghiệp bậc cao* là:

- *Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* (*tihetukaukkaṭṭhakusalakamma*).

- *Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* (*dvihetukaukkaṭṭha-kusalakamma*).

2- **Omakakusalakamma**: *Đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?*

Thí-chủ nào tạo *phước-thiện bố-thí* nào trong thời-kỳ **pubbacetanā**: *tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy*, bởi vì có *tham-ái*, *ngã-mạn*, *tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho *đại-thiện-tâm* bị ô nhiễm; và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: *tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm*, bởi vì có *tham-ái*, *ngã-mạn*, *tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho *đại-thiện-tâm* bị ô nhiễm, vì vậy, *phước-thiện bố-thí* ấy của thí chủ trở thành **omakakusalakamma**: *đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, nên *đại-thiện-nghiệp bậc thấp* có 2 loại là:

- *Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* (*tihetuka-omakakusalakamma*).

- *Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* (*dvihetuka-omakakusalakamma*).

Tuy nhiên, trong 2 thời-kỳ *tác-y* (*cetanā*), thời-kỳ **pubbacetanā**: *tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy* và thời-kỳ **aparacetanā**: *tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm*

sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, để quyết-định phước-thiện ấy trở thành đại-thiện-nghiệp bậc cao (*ukkaṭṭhakusalakamma*) hoặc đại-thiện-nghiệp bậc thấp (*omakakusalakamma*); thì thời-kỳ *aparacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi có vai trò quan trọng để quyết-định phước-thiện bố-thí ấy trở thành **đại-thiện-nghiệp bậc cao** (*ukkaṭṭhakusalakamma*) hoặc **đại-thiện-nghiệp bậc thấp** (*omakakusalakamma*) hơn là thời-kỳ *pubbacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, bởi vì chưa thành-tựu phước-thiện ấy.

Thật vậy, dù cho thời-kỳ *pubbacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nhưng nếu thời-kỳ *aparacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bố-thí ấy vẫn trở thành **đại-thiện-nghiệp bậc cao** (*ukkaṭṭhakusalakamma*).

Dù cho thời-kỳ *pubbacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, nhưng nếu thời-kỳ *aparacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-

*thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bố-thí ấy trở thành **đại-thiện-nghiệp bậc thấp** (omakakusalakamma).*

Cho nên, thời-kỳ *aparacetanā*: *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm có tầm quan trọng quyết-định đại-thiện-nghiệp ấy trở thành loại **đại-thiện-nghiệp bậc cao** (ukkaṭṭhakusalakamma) hoặc loại **đại-thiện-nghiệp bậc thấp** (omakakusalakamma).*

Phân loại đại-thiện-nghiệp theo ukkaṭṭhakusalakamma và omakakusalakamma

Phân loại *tihetukakusalakamma* và *dvihetukakusalakamma* theo *ukkaṭṭhakusalakamma* và *omakakusalakamma* có 4 bậc như sau:

* **Tihetukakusalakamma** có 2 bậc:

- 1- *Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- 2- *Tihetuka-omakakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

* **Dvihetukakusalakamma** có 2 bậc:

- 1- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- 2- *Dvihetuka-omakakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, mỗi đại-thiện-nghiệp có tầm quan trọng cho quả trong **thời-kỳ tái-sinh***

kiếp sau (*paṭisandhikāla*) làm người hoặc làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới, và cho quả trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (*pavattikāla*) **kiếp hiện-tại**, của loài người hoặc của chư vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp gồm có 4 bậc như sau:

1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao (*tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*).

2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp (*tihetuka-omakakusalakamma*).

3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao (*dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*).

4- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp (*dvihetuka-omakakusalakamma*).

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, mỗi bậc đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) đầu thai làm người, có **3 hạng người**: hạng người tam-nhân, hạng người nhị-nhân, hạng người vô-nhân cõi thiện-giới trong đời này, hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới, cũng có 3 hạng chư-thiên.

Mỗi hạng người, mỗi hạng thiên-nam, thiên-nữ có khả năng khác nhau do quả của mỗi bậc đại-thiện-nghiệp.

1- Hạng người tam-nhân (Tihetukapuggala)

Tiền-kiếp của người tam-nhân

* *Tiền-kiếp của người tam-nhân ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành người tam-nhân như vậy?*

* *Tiền-kiếp của người tam-nhân nào là người có giới hạnh trong sạch trọn vẹn, đã từng tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, hoặc tạo phước-thiện nào trong 10 phước-thiện puññakriyāvatthu đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:*

1- *Tiền-kiếp của người tam-nhân ấy trong thời-kỳ pubbacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

2- *Tiền-kiếp của người tam-nhân ấy trong thời-kỳ muñcacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ kammassakatāñāna, đang khi tạo phước-thiện ấy có đủ 3 thiện-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si), nên phước-thiện ấy trở thành tam-nhân đại-thiện-nghiệp (tihetukakusalakamma) (thời gian trong lúc hiện-tại).*

3- *Tiền-kiếp của người tam-nhân ấy trong thời-kỳ aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm phát sinh vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên phước-thiện ấy trở thành tam-*

nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao (*tihetuka-ukkaṭṭhakusala-kamma*).

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (Paṭisandhikāla)

* Sau khi tiền-kiếp của người *tam-nhân* ấy chết, **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) cùng với **3 sắc-pháp**: sắc-thân (*kāyarūpa*), sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính (*bhāvarūpa*), sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm (*hadaya-vatthurūpa*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, người *tam-nhân* ấy vốn có trí-tuệ.

Nếu người *tam-nhân* ấy có giới-hạnh trong sạch là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định thì có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thân-thông tam-giới (*lokiya-abhiññā*).

Nếu người *tam-nhân* ấy có giới-hạnh trong sạch là hành-giả đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 pháp-chủ (*indriya*): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ, có duyên lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (Pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)* kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại có 16 quả-tâm đó là:

- Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 quả-tâm.
- Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm.

*** Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm**

Hữu-nhân đại-quả-tâm đó là đại-quả-tâm có 8 tâm mà mỗi tâm tương xứng với mỗi tâm trong 8 đại-thiện-tâm như sau:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

*** Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm**

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm:

1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với **thọ xả**, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.

2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với **thọ xả**, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay đáng hài lòng.

3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với **thọ xả**, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.

4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với **thọ xả**, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.

5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.

6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với **thọ xả**, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ xả**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) rất tốt, đáng hài lòng.

Như vậy, **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhiccitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người tam-nhân** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân** trên 1 trong 6 cõi trời dục-giới.

Và **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện-tại, gồm có **16 quả-tâm** là 8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm tiếp

xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân trong cõi trời dục-giới ấy.

Các bậc tam-nhân

* Ví dụ: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã từng tạo 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng suốt thời gian 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất đã được đầy đủ trọn vẹn.

* Tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* là *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu cuti*: chuyển kiếp (chết) từ cõi trời Tusitā (Đâu-suất-đà-thiên), sau khi chết, **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm thứ nhất** đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động** gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng mẫu-hậu *Mahāmāyādevī*, Chánh-cung-hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana, vào canh chót đêm rằm tháng 6 (âm-lịch).

Tròn đủ 10 tháng sau, đứng vào ngày rằm tháng 4, **Đức-Bồ-tát Siddhattha** đản-sinh tại khu vườn Lumbinī (nay thuộc về nước Nepal).

Đức-Bồ-tát Siddhattha có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, đó là quả báu của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Siddhattha.

- **Đức-Bồ-tát Siddhattha** trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu **Đức-Phật Gotama** vào ngày

rằm tháng 4, tròn đúng 35 tuổi, tại cội cây Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā (nay gọi là Buddhagayā, India).

- **Đức-Phật Gotama** thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm. **Đức-Phật Gotama** tịch diệt Niết-bàn vào ngày rằm tháng 4, tròn đúng 80 tuổi, tại khu rừng Kusinārā nước Ấn-Độ (India).

* *Kiếp chót của chư Bồ-tát Độc-Giác chắc chắn là hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala), để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn.*

* *Chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác chắc chắn là hạng người tam-nhân, để trở thành các bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi tuần tự sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Kiếp hiện-tại của người tam-nhân phàm-nhân

* *Sau khi người tam-nhân còn là phàm-nhân chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Trong kiếp hiện-tại, người tam-nhân nào còn là phàm-nhân (chưa phải bậc Thánh-nhân) đã tạo nghiệp nào rồi, sau khi người tam-nhân ấy chết, nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau như sau:

- *Trong kiếp hiện-tại, người tam-nhân nào là hành-giả phàm-nhân thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết thì chắc chắn chỉ có **thiện-nghiệp trong bậc thiền thiện-tâm cao nhất** mới có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có bậc thiền quả-tâm cao nhất đó là đệ-tử-thiền vô-sắc-giới quả-tâm gọi là **phi-tướng-phi-phi-**

tuồng-xứ-thiên quả-tâm gọi là **vô-sắc-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên **Phi-tuồng-phi-phi-tuồng-xứ-thiên tột đỉnh**, chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới tột đỉnh này có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất trong tam-giới.

Còn lại **sắc-giới thiện-nghiệp** trong 5 **bậc thiên sắc-giới thiện-tâm** và **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong 3 **bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp** đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (*ahosikamma*) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

- Trong kiếp hiện-tại, người **tam-nhân** nào còn là **phàm-nhân** tạo **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao**.

Sau khi người tam-nhân ấy chết, nếu **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong **đại-thiện-tâm hợp** với **trí-tuệ** có cơ hội cho quả **trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhikāla*) thì có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng **người tam-nhân** trong cõi người, hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam tam-nhân** hoặc **vị thiên-nữ tam-nhân** trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

- Trong kiếp hiện-tại, người **tam-nhân** nào còn là **phàm-nhân** tạo **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao**.

Sau khi người tam-nhân ấy chết, nếu **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong **đại-thiện-tâm không hợp** với **trí-tuệ** có cơ hội cho quả **trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhikāla*) thì có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng **người nhị-nhân** trong cõi người, hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam nhị-nhân** hoặc **vị thiên-nữ nhị-nhân** trong cõi trời dục-giới,

hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

- Trong kiếp hiện-tại, người tam-nhân nào còn là phạm-nhân thất-niệm (để-duôi) không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, phạm điều-giới nào, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy.

Sau khi người tam-nhân ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có 1 quả-tâm là **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của ác-nghiệp gọi là **ác-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới.

Ví dụ: * Trường-hợp **tỳ-khuru Devadatta vốn là người tam-nhân** đã chứng đắc các **bậc thiền sắc-giới**, chứng đắc các **phép thần-thông**, nhưng về sau tỳ-khuru Devadatta để duôi, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi đã tạo **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** đó là ác-nghiệp chia rẽ chư tỳ-khuru-tăng và làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật.

Sau khi tỳ-khuru Devadatta chết, chính **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội chia rẽ chư tỳ-khuru-tăng** có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi **địa-ngục Avīci**, bị hành hạ thiêu đốt suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Đức-Phật Gotama thọ ký rằng:

“Từ kiếp trái đất này rồi trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, hậu-kiếp của tỳ-khuru Devadatta thoát ra khỏi cõi địa-ngục, có tam-nhân đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, khi sinh ra đời, lúc

trở thành đi xuất gia, rồi sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là Aṭṭhissara⁽¹⁾.

* Trường-hợp **Đức-vua Ajātasattu** vốn là hạng **người tam-nhân** dễ dãi, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, **tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** giết Đức-phụ-vương Bimbisāra.

Về sau, **Đức-vua Ajātasattu** biết ăn năn hối lỗi, ngự đến hầu đánh lễ Đức-Phật, khi ấy, Đức-Phật thuyết bài *kinh Sāmaññaphalasutta* để tế độ Đức-vua Ajātasattu. Sau khi nghe *bài kinh ấy xong*, Đức-vua Ajātasattu phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, *phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo; Đức-vua Ajātasattu kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời.* Khi ấy, Đức-vua Ajātasattu thành tâm sám hối về tội lỗi giết Đức Phụ-vương của mình, kính xin Đức-Phật chứng minh.

Đức-Phật truyền dạy: Nếu *Đức-vua Ajātasattu* không phạm **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** giết Đức Phụ-vương thì sau khi nghe bài *kinh Sāmaññaphalasutta* xong, Đức-vua có khả năng trở thành bậc **Thánh Nhập-lưu**, nhưng *Đức-vua Ajātasattu* đã phạm **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** giết Đức Phụ-vương, ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy ngăn cản nên không thể trở thành bậc Thánh nhập-lưu được.

Từ đó về sau, *Đức-vua Ajātasattu* có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, hết lòng phụng sự Tam-bảo.

Thật vậy, sau khi *Đức-Phật Gotama* đã tịch diệt Niết-bàn, khoảng 3 tháng 4 ngày, Ngài *Đại-trưởng-lão*

¹ Bộ Dhammapadattṭhakkathā, tích Devadattavattu.

Mahākassapa chủ trì trong kỳ kết tập **Tam-tạng Pāli** và **Chú-giải Pāli** lần thứ nhất gồm có 500 vị Thánh *A-ra-hán* tại động Sattapaṇṇi gần kinh-thành Rājagaha.

Đức-vua *Ajātasattu* đã hộ độ 500 vị Thánh *A-ra-hán* trong kỳ kết tập **Tam-tạng Pāli** và **Chú-giải Pāli** lần thứ nhất suốt 7 tháng mới hoàn thành trọn bộ **Tam-tạng Pāli** và **Chú-giải Pāli**.

Đức-vua *Ajātasattu* là cận-sự-nam phàm-nhân có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, phụng sự Tam-bảo cho đến trọn đời.

Sau khi Đức-vua *Ajātasattu* băng hà, đáng lẽ **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** (giết Đức Phụ-vương) cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi **đại-địa-ngục Avīci**, nhưng nhờ có **đại-thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo** và các **đại-thiện-nghiệp** khác nhất là **đại-thiện-nghiệp** hộ độ 500 bậc Thánh *A-ra-hán* trong thời-kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất, có Ngài **đại-trưởng-lão Mahākassapa** chủ trì, nhờ các **đại-thiện-nghiệp** ấy có khả năng làm giảm bớt tiềm năng cho quả của **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội**, nên chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi **tiểu-địa-ngục Lohakumbhī** (núi đồng sôi), chịu khổ trong cõi **tiểu-địa-ngục** núi đồng sôi ấy suốt 60.000 năm.

Đức-Phật đã từng thọ ký được tóm lược như sau:

Sau khi Đức-vua *Ajātasattu* băng hà, **ác-nghiệp vô-gián trọng-tội** giết Đức Phụ-vương cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi **tiểu-địa-ngục Lohakumbhī** (núi đồng sôi) từ miệng chìm xuống đến đáy núi khoảng thời gian suốt 30.000 năm, rồi từ đáy núi nổi lên đến miệng núi khoảng thời gian suốt 30.000 năm, mới mãn quả của **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** ấy.

Do nhờ tam-nhân đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người. Hậu-kiếp của Đức-vua Ajātasattu đi xuất gia, rồi sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Độc-Giác Vjittāvi⁽¹⁾.

2- Hạng người nhị-nhân (Dvihetukapuggala)

Tiền-kiếp của người nhị-nhân

* Tiền-kiếp của người nhị-nhân ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành **người nhị-nhân** như vậy?

* Tiền-kiếp của người nhị-nhân nào là người có giới hạnh trong sạch trọn vẹn, đã từng tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, hoặc tạo **phước-thiện** nào trong 10 phước-thiện puññakriyāvattu đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:

1- Tiền-kiếp của người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).

2- Tiền-kiếp của người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với **đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ** kammassakatāñña, đang khi tạo phước-thiện ấy chỉ có 2 thiện-nhân (vô-tham và vô-sân, không có vô-si), nên phước-thiện ấy trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** (dvihetukakusalakamma) (thời gian trong lúc hiện-tại).

3- Tiền-kiếp của người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm

¹ Dī. Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, đoạn cuối Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy thì đại-thiện-tâm phát sinh vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên phước-thiện ấy trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (*dvihetuka-ukkatṭhakusalakamma*).

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*Paṭisandhikāla*)

* Sau khi tiền-kiếp của người **nhị-nhân** ấy chết, **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ⁽¹⁾ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) cùng với **3 sắc-pháp**: sắc-thân (*kāyarūpa*), sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính (*bhāvarūpa*), sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm (*hadayavatthurūpa*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người nhị-nhân** (*dvihetukapuggala*) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, người **nhị-nhân** ấy vốn không có trí-tuệ.

Nếu người **nhị-nhân** ấy có giới-hạnh trong sạch là hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định thì không có khả năng dẫn đến chứng đắc bậc thiền nào cả.

Nếu người **nhị-nhân** ấy có giới-hạnh trong sạch là hành-giả đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (*indriya*): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-

¹ Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả tương đương với nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) và thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện-tại.

chủ, niệ-m-pháp-chủ, địn-h-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ, dù có duyên lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì cũng không có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (Pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, có 12 quả-tâm đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ có 4 quả-tâm.*

- *Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm.*

*** Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ có 4 tâm**

Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ có 4 đại-quả-tâm như sau:

1- *Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.*

2- *Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.*

3- *Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.*

4- *Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.*

*** Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm**

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.

1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt.

2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay.

3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm.

4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon.

5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc.

6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt.

7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt.

8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

Như vậy, **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có 4 **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người nhị-nhân** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân** trên 1 trong 6 cõi trời dục-giới.

Và **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện-tại, gồm có 12 **quả-tâm** là 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm tiếp xúc biết các đối-tượng đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người nhị-

nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân trong cõi trời dục-giới ấy.

Kiếp hiện-tại của người nhị-nhân

* *Sau khi người nhị-nhân chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Trong kiếp hiện-tại, người nhị-nhân nào đã tạo nghiệp nào rồi, sau khi người nhị-nhân ấy chết, nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau như sau:

- Trong kiếp hiện-tại, người nhị-nhân nào tạo ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao***.

Sau khi người nhị-nhân ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người tam-nhân*** trong cõi người, hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

- Trong kiếp hiện-tại, người nhị-nhân nào tạo ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao***.

Sau khi người nhị-nhân ấy chết, nếu ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người nhị-nhân*** trong cõi người, hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

- Trong kiếp hiện-tại, người *nhị-nhân* nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, phạm điều-giới nào, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy.

Sau khi người *nhị-nhân* ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) thì có 1 quả-tâm là ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả* là quả của ác-nghiệp gọi là ***ác-giới tái-sinh-tâm*** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 4 cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*), chịu khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới.

3- Hạng người vô-nhân cõi thiện-giới (Sugati ahetuka-puggala)

Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới

* *Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành người vô-nhân cõi thiện-giới như vậy?*

* *Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới nào là người có giới hạnh trong sạch, đã từng tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, hoặc tạo **phước-thiện** nào đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:*

1- *Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo **phước-thiện** ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

2- *Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với **đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ** *kammassakatañāna*, đang khi tạo **phước-thiện** ấy chỉ có 2 thiện-nhân*

(vô-tham và vô-sân, không có vô-si), nên phước-thiện ấy trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** (dvihetukakusalakamma) (thời gian trong lúc hiện-tại).

3- Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy thì đại-thiện-tâm không trong sạch phát sinh, bởi vì có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên phước-thiện ấy trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** (dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma).

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (Paṭisandhikāla)

* Sau khi tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết, **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) cùng với **3 sắc-pháp**: sắc-thân (kāyarūpa), sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính (bhāvarūpa), sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm (hadayavatthurūpa) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người vô-nhân cõi thiện-giới** (sugati ahetukapuggala) đui mù, câm điếc, tật nguyên, si mê, ... từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, người vô-nhân cõi thiện-giới ấy đui mù, câm điếc, tật nguyên, si mê, ... chỉ biết tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

* Tuy nhiên, thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla) thì **tái-sinh tâm** (paṭisandhicitta) chỉ có **1 sát-na-tâm** sinh rồi diệt mà thôi, tiếp theo trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh

(*pavattikāla*) *kiếp hiện-tại*, nếu thai-nhi bị đui mù, câm điếc, tật nguyên gì do ác-nghiệp nào cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh thì không thể gọi người ấy là hạng **người vô-nhân cõi thiện-giới**, bởi vì có những đấng bé có năng khiếu đặc biệt.

b-Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (Pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại*, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm* không hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện-tại có 8 quả-tâm đó là:

*** Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm**

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*.

1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp, thấy đối-tượng sắc tầm thường*.

2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nghe đối-tượng thanh tầm thường*.

3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp, ngửi đối-tượng hương tầm thường*.

4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nếm đối-tượng vị tầm thường*.

5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp, xúc-giác đối-tượng xúc vừa*.

6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) rất tầm thường*.

7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) rất tầm thường*.

8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tâm thường.

Như vậy, **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người vô-nhân cõi thiện-giới** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam vô-nhân, vị thiên-nữ vô-nhân** loài bhummattḥadevatā: chư-thiên ở mặt đất thuộc về cõi trời tứ Đại-thiên-vương.

Và **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, có **8 quả-tâm** là 8 thiện-quả vô-nhân-tâm tiếp xúc biết các đối-tượng tâm thường trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy, hoặc của vị thiên-nam vô-nhân hoặc vị thiên-nữ vô-nhân trong nhóm chư-thiên ở mặt đất ấy.

Kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới

* Sau khi người vô-nhân cõi thiện-giới chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?

Tuy kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới không tạo đại-thiện-nghiệp đặc biệt nào hoặc ác-nghiệp đặc biệt nào, nhưng vô số tiền-kiếp quá-khứ đã từng tạo vô số đại-thiện-nghiệp và vô số ác-nghiệp được lưu trữ ở trong **tâm** của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy.

Cho nên, sau khi người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết, nếu nghiệp quá-khứ nào có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) thì có **quả-tâm** của

ngiệp quá-khứ ấy gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau như sau:

- Sau khi người vô-nhân cõi thiện-giới chết, nếu có đại-thiện-ngiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ trong kiếp quá-khứ của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam tam-nhân** hoặc **vị thiên-nữ tam-nhân** trên cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ.

- Sau khi người vô-nhân cõi thiện-giới chết, nếu có đại-thiện-ngiệp trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ trong kiếp quá-khứ của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng **người nhị-nhân** (*dvihetukapuggala*), hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam nhị-nhân**, **vị thiên-nữ nhị-nhân** trên cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ.

- Sau khi người vô-nhân cõi thiện-giới chết, nếu có ác-ngiệp trong ác-tâm trong kiếp quá-khứ của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của ác-ngiệp thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh*), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-ngiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

* Trường-hợp những thai-nhi chết trong bụng mẹ, những đứa trẻ sơ sinh vừa sinh ra đời rồi chết, ... kiếp hiện-tại chưa tạo nghiệp mới nào, những trường-hợp ấy sau khi chết, nếu có nghiệp quá-khứ nào của thai-nhi, của đứa trẻ sơ sinh có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) thì có **quả-tâm** của nghiệp quá-khứ ấy gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới nào tương xứng với **quả-tâm** của nghiệp quá-khứ ấy, cho đến hết tuổi thọ.

Cho nên, tất cả mọi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ nói chung, mỗi người nói riêng đều tùy thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của riêng mình. Mỗi chúng-sinh từ vô-thủy trải qua vô số kiếp trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài cho đến kiếp hiện-tại đã tạo *vô số đại-thiện-nghiệp và vô số ác-nghiệp* dù nặng dù nhẹ đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong **tâm** của mỗi chúng-sinh không hề bị mất mát một mảy may nào cả.

- Nếu đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội thì đại-thiện-nghiệp ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) và cho quả an-lạc trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh* (*pavattikāla*) *kiếp hiện-tại*.

- Nếu ác-nghiệp nào có cơ hội thì ác-nghiệp ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) và cho quả khổ trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh* (*pavattikāla*) *kiếp hiện-tại*.

Cơ hội đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả

Tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới nói chung, mỗi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu nói riêng, đã từng tạo mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp dù nặng, dù nhẹ cũng đều được lưu trữ ở trong tâm của mỗi chúng-

sinh, từ kiếp này sang kiếp kia, từ vô thủy trải qua vô số kiếp, trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài cho đến kiếp hiện-tại.

* Nếu **đại-thiện-nghiệp** nào gặp trường hợp **thuận-duyên** (*sampatti*) thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy*; nhưng nếu gặp **nghịch-duyên** (*vipatti*) thì **đại-thiện-nghiệp** ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả của **đại-thiện-nghiệp** ấy, chờ cơ hội thuận-duyên khác.

* Nếu **ác-nghiệp** nào gặp trường hợp **nghịch-duyên** (*vippatti*) thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy*; nhưng nếu gặp **thuận-duyên** (*sampatti*) thì ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả của ác-nghiệp ấy, chờ cơ hội nghịch-duyên.

Nghiệp cho quả theo 4 sampatti, 4 vipatti

* Mỗi **đại-thiện-nghiệp** cho *quả tốt, quả an-lạc theo 4 sampatti*.

* **Sampatti**: Thuận-duyên có 4 pháp ⁽¹⁾

1- *Gatisampatti*: Cõi-giới thuận-duyên là cõi thiện-giới.

2- *Upadhisampatti*: Thân-thể thuận-duyên là thân-thể khỏe mạnh, có đầy đủ các bộ phận, không bị tật nguyền.

3- *Kālasampatti*: Thời-gian thuận-duyên là thời gian có đầy đủ sung túc mọi nhu cầu cần thiết.

4- *Payogasampatti*: Tinh-tấn thuận-duyên là sự tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp.

Nếu **đại-thiện-nghiệp** nào gặp trường hợp **sampatti**: thuận-duyên thì **đại-thiện-nghiệp** ấy có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc*, nếu **đại-thiện-nghiệp** ấy gặp trường hợp

¹ Áng.Tikanipāta, Aṭṭhakathā, Nidānasuttavaṇṇanā.

vipatti: *ngịch-duyên* thì *đại-thiện-nghiệp* ấy không có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc*.

Mỗi **ác-nghiệp** cho *quả xấu, quả khổ* theo 4 **vipatti**.

* **Vipatti:** Ngịch-duyên có 4 pháp

1- *Gativipatti:* Cõi-giới *ngịch-duyên* là 4 cõi ác-giới.

2- *Upadhivipatti:* *Thân-thể* *ngịch-duyên* là thân thể bị tật nguyền.

3- *Kālavipatti:* *Thời-gian* *ngịch-duyên* là thời gian gặp nạn đói, nạn dịch bệnh, v.v...

4- *Payogavipatti:* *Tinh-tấn* *ngịch-duyên* là tinh-tấn tạo mọi ác-pháp.

Nếu *ác-nghiệp* nào gặp trường hợp **vipatti:** *ngịch-duyên* thì *ác-nghiệp* ấy có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ*, nếu *ác-nghiệp* ấy gặp trường hợp **sampatti:** *thuận-duyên* thì *ác-nghiệp* ấy không có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ*.

Trong bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa* phân chia:

- *Ác-nghiệp* có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ* theo 4 **vipatti:** *ngịch-duyên*.

- *Ác-nghiệp* không có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ* theo 4 **sampatti:** *thuận-duyên*.

- *Đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc* theo 4 **sampatti:** *thuận-duyên*.

- *Đại-thiện-nghiệp* không có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc* theo 4 **vipatti:** *ngịch-duyên*.

Những cơ hội như sau:

1- *Ác-nghiệp* nào gặp *gativipatti* thì có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ* của *ác-nghiệp* ấy.

2- *Ác-nghiệp* nào gặp *upadhivipatti* thì có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ* của *ác-nghiệp* ấy.

3- Ác-nghiệp nào gặp *kālavipatti* thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

4- Ác-nghiệp nào gặp *payogavipatti* thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

5- Ác-nghiệp nào gặp *gatisampatti* thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

6- Ác-nghiệp nào gặp *upadhisampatti* thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

7- Ác-nghiệp nào gặp *kālasampatti* thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

8- Ác-nghiệp nào gặp *payogasampatti* thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

9- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *gatisampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

10- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *upadhisampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

11- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *kālasampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

12- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *payogasampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

13- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *gativipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

14- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *upadhivipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

15- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *kālavipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

16- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *payogavipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

Giải giải 16 trường-hợp

1- *Ác-nghiệp nào gặp gativipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Chúng-sinh nào đã tạo ác-nghiệp nào, sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) trong cõi ác-giới (*gativipatti*) thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

2- *Ác-nghiệp nào gặp upadhivipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Đại-thiện-nghiệp cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) đầu thai làm người trong gia đình thấp hèn nghèo khổ, tiếp theo trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, ác-nghiệp cho quả xấu nên thai nhi bị tật nguyên từ trong bụng mẹ.

Khi thai nhi sinh ra đời có thân hình tật nguyên xấu xí, đến lúc trưởng thành, đứa bé có thân hình tật nguyên xấu xí (*upadhivipatti*), nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp, đứa bé chịu bao nhiêu nỗi khổ bệnh hoạn, ốm đau, thiếu thốn đói khổ trong cuộc sống.

3- *Ác-nghiệp nào gặp kālavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào sinh ra trong thời-kỳ gặp nạn đói (*kālavipatti*), nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ đối với người ấy, chịu cảnh thiếu ăn đói khổ.

4- *Ác-nghiệp nào gặp payogavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào tinh-tấn tạo ác-nghiệp (*payogavipatti*), nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ đối với người ấy phải chịu quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

5- *Ác-nghiệp gặp gatisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã từng tạo ác-nghiệp nào, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả, mà đại-thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới (*gatisampatti*), nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy, đối với vị thiên-nam ấy.

6- *Ác-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã từng tạo ác-nghiệp nào, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả mà đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) đầu thai làm người, thai nhi là con gái trong gia đình nghèo tại làng quê.

Khi sinh ra đời, lúc lớn lên trở thành cô gái rất xinh đẹp tuyệt trần (*upadhisampatti*).

Một hôm, Đức-vua ngự đi du lãm, nhìn thấy cô gái ấy, Đức-vua đem lòng yêu mến, nên rước về cung rồi tấn phong cô gái xinh đẹp tuyệt trần ấy lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua.

Như vậy, vì thân hình xinh đẹp tuyệt trần (*upadhisampatti*), nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy.

7- *Ác-nghiệp nào gặp kālasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào sinh ra trong thời-kỳ sung túc, có đầy đủ mọi thứ nhu cầu cần thiết trong cuộc sống (*kālasampatti*), nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy đối với người ấy.

8- *Ác-nghiệp nào gặp payogasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã từng tạo ác-nghiệp nào, về sau, người ấy tránh xa mọi ác-nghiệp ấy, cố gắng tinh-tấn tạo mọi *đại-thiện-nghiệp (payogasampatti)*, nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy đối với người ấy.

9- *Đại-thiện-nghiệp nào gặp gatisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp* nào, sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* hóa-sinh làm vị *thiên-nam* trên cõi trời *dục-giới (gatisampatti)*, nên *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy đối với vị *thiên-nam* ấy.

10- *Đại-thiện-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp* nào, sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* đầu thai vào lòng *Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua*.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *Thái-tử khôi-ngô tuấn-tú (upadhisampatti)* của *Đức-vua*, nên *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả *Thái-tử* lên ngôi làm vua hưởng mọi an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy.

11- *Đại-thiện-nghiệp nào gặp kālasampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?*

Đại-thiện-nghiệp nào cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm người trong *thời-kỳ đầu kiếp trái đất (kālasampatti)*, nên *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy, có vật thực đồ ăn thức uống đầy đủ tự nhiên.

12- *Đại-thiện-nghiệp* nào gặp *payogasampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Người nào có sự tinh-tấn tạo mọi *thiện-pháp (payoga-sampatti)*, nên *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy đối với người ấy.

13- *Đại-thiện-nghiệp* nào gặp *gativipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Người nào đã từng tạo *đại-thiện-nghiệp* nào, sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp* ấy không có cơ hội cho quả, mà ác-nghiệp khác có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong cõi ác-giới (*gativipatti*), nên *đại-thiện-nghiệp* ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy đối với chúng-sinh ấy.

14- *Đại-thiện-nghiệp* nào gặp *upadhivipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Người nào sinh làm *vị hoàng-tử tât-nguyên (upadhivipatti)* của Đức-vua nên *đại-thiện-nghiệp* ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* đối với *vị hoàng-tử*, nên không được chức *vị cao cả* nào trong triều đình.

15- Đại-thiện-nghiệp nào gặp kālāvīpatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Nếu người nào sinh ra trong thời-kỳ gặp nạn đói (*kālāvīpatti*) thì đại-thiện-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy đối với người ấy.

16- Đại-thiện-nghiệp nào gặp payogavīpatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Nếu người nào có sự tinh-tân tạo ác-nghiệp (*payogavīpatti*) thì đại-thiện-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy đối với người ấy.

- Đại-thiện-nghiệp nào nếu gặp 1 trong 4 sampatti, thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy, nhưng mà nếu gặp 1 trong 4 vipatti thì đại-thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

- Ác-nghiệp nào nếu gặp 1 trong 4 vipatti thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy, nhưng mà nếu gặp 1 trong 4 sampatti thì ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Ác-nghiệp và thiện-nghiệp cho quả trong các cõi-giới

- Tất cả chúng-sinh trong **4 cõi ác-giới** là cõi địa-ngục, loài a-su-ra, loài nga-quỷ, loài súc-sinh phần nhiều **ác-nghiệp** có cơ hội cho quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới mong thoát khỏi cõi ác-giới ấy. Còn mọi **đại-thiện-nghiệp** ít có cơ hội cho quả an-lạc.

Tuy nhiên, có một số loài súc-sinh như *voi báu, ngựa báu, con chó, con mèo tinh khôn, con chim nói tiếng người, ...* Các con súc vật ấy tuy *ác-nghiệp* cho quả tái-sinh làm loài súc-sinh, nhưng trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp hiện-tại, *đại-thiện-nghiệp* của chúng trong kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả an-lạc, nên các con súc vật ấy được mọi người *thương yêu, được chăm lo săn sóc nuôi dưỡng đặc biệt.*

- Tất cả mọi người trong *cõi người Nam-thiện-bộ-châu* (quả địa cầu mà chúng ta đang sinh sống), khi thì *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc đối với số người; khi thì *ác-nghiệp* có cơ hội cho quả xấu, quả khổ đối với số người, cho đến hết tuổi thọ.

- Chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trên *6 cõi trời dục-giới*, chỉ có *đại-thiện-nghiệp* cho quả tốt, quả an-lạc đối với vị thiên-nam, vị thiên-nữ mà thôi. Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy. Còn ác-nghiệp không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ đối với vị thiên-nam, vị thiên-nữ.

- Chư phạm-thiên trên *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tướng-thiên) chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả an-lạc mà thôi, chư phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

- Chư phạm-thiên trên *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* chỉ có *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả an-lạc mà thôi, chư phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.

Đoạn-Kết

Đức-Phật dạy về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

“*Kammassako ’mhi kammadāyādo kammayoni, kamma-bandhu, kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi*”.⁽¹⁾

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp’, ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Như vậy, chỉ có **nghiệp** là của riêng mình mà thôi. Ngoài **thiện-nghiệp** và **ác-nghiệp** ra, trong đời này không có gì là **của riêng** của mình cả.

Thật vậy, tất cả của cải tài sản trong đời đều là **của chung** của mọi người, nếu tiền-kiếp của người nào đã từng tạo phước-thiện bố-thí thì kiếp hiện-tại này của người ấy được hưởng **quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp bố-thí**, nên giàu sang phú quý, có **quyền sở hữu tạm thời** phần của cải tài sản ấy trong đời.

Nếu người giàu có ấy là bậc thiện-trí có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết sử dụng phần **của cải tài sản tạm thời** thuộc về quyền sở hữu của mình đem ra tạo **phước-thiện bố-thí** cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có giới-đức trong sạch, thì biến **của cải tài sản tạm thời thuộc về của**

¹ Ang. Pañcakanipāta, Abhiṇhapaccavekkhitabāṭhānasutta.

chung trở thành *đại-thiện-nghiệp bố-thí* thuộc về **của riêng mình** vĩnh viễn đối với thí-chủ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Thật ra, khi người nào chết, tất cả của cải tài sản quý báu của người ấy đều bị bỏ lại, người ấy không đem theo được một thứ gì cả. Sau khi người ấy chết, chỉ có **nghiệp** của người ấy theo cho quả tái-sinh kiếp sau mà thôi.

- Sau khi người ấy chết, nếu **ác-nghiệp** có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh trong cõi *ác-giới* đó là cõi *địa-ngục*, hoặc cõi *a-su-ra*, hoặc loài *ngạ-quỷ*, hoặc loài *súc-sinh*, chịu khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy. Ví dụ:

* Ông phú hộ *Cūlasetṭhi* là người keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bố-thí, phạm điều-giới, tạo ác-nghiệp. Sau khi ông phú hộ *Cūlasetṭhi* chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau sinh làm **loài ngạ-quỷ** chịu cảnh đói khổ.

* Ông phú hộ *Todeyya* là người keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bố-thí, phạm điều-giới, tạo ác-nghiệp. Sau khi ông phú hộ *Todeyya* chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau sinh làm **con chó** trong nhà của ông. **Con chó ấy** được *công tử Subha* là con trai của ông phú hộ *Todeyya*, thương yêu nuôi dưỡng.⁽¹⁾

* Ông phú hộ *Ānanda* là người keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bố-thí. Sau khi phú hộ *Ānanda* chết, đại-thiện-nghiệp bậc thấp cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai vào một gia đình nghèo khổ thấp hèn trong nhóm một ngàn gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn gần cửa kinh-thành *Sāvattī*.

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IV: *Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*, Tích công tử *Subha*, cùng soạn-giã.

Khi sinh ra đời, đứa bé có thân hình xấu xí kỳ dị đáng ghê sợ, đi xin ăn, chịu cảnh khổ đói khát.

Trong đời này, sở dĩ người nào được giàu sang phú quý, có nhiều của cải tài sản lớn trong kiếp hiện-tại là do nhờ quả-báo của phước-thiện trong kiếp quá-khứ. Trong kiếp hiện-tại, nếu người ấy chỉ biết hưởng quả-báo an-lạc trong của cải tài sản ấy mà không biết đem tiền của ra tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc có giới-hạnh trong sạch, thì sau khi người ấy chết, tất cả của cải tài sản lớn ấy không đem lại lợi ích gì cho kiếp sau của người ấy cả.

Đối với bậc thiện-trí thì coi trọng việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến những bậc có giới-đức trong sạch, bởi vì đó là cơ hội tốt đối với con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, còn tất cả chúng-sinh khác trong các cõi-giới khác không có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường như con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Cho nên, mỗi khi bậc thiện-trí có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc có giới-đức trong sạch, thì bậc thiện-trí phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ tự thốt lên lời hoan-hỷ rằng:

“Lābhā vata me! Suladdham vata me!

Yo’ham maccheramalapariyutthitāya pajāya vigatamalamaccherena cetasā viharāmi, muttacāgo, payatapāṇī vossaggarato yācayogo dānasamvibhāgarato.”⁽¹⁾

“Lợi ích cho ta biết dường nào! Ta được sinh làm người, gặp được Phật-giáo, thật là một điều diễm phúc!

Phần đông những người bị ô nhiễm bởi phiền-não tham, sân, tâm keo kiệt trong của cải tài sản của mình, nên không tạo phước-thiện bố-thí.

¹ Visuddhimagga, Cāgānussatikathā.

Còn ta sống với đại-thiện-tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền-nã tham, sân, tâm không keo kiệt trong của cải tài sản của mình, tự do tạo phước-thiện bồ-thí với đôi bàn tay cung-kính vật-thứ đến người thọ-thí, hoan-hỷ đem phần của cải tài sản ra tạo phước-thiện bồ-thí đến người thọ-thí một cách cung-kính.”

Trong đời này, người nào giàu sang phú quý, đó là quả-báu của phước-thiện bồ-thí mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ. Ví dụ:

* Ông phú hộ Anāthapiṇḍika hằng ngày hoan-hỷ đem của cải ra tạo phước-thiện bồ-thí phân phát đến những nghèo khổ, ... Khi ông phú hộ Anāthapiṇḍika lần đầu tiên đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật Gotama, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, xuất kho vàng ra mua đất, xây dựng ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī, rồi làm lễ kính dâng cúng dường đến chư tỳ-khuru-Tăng từ tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika hoan-hỷ tạo phước-thiện bồ-thí cúng dường các thứ vật dụng đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng cho đến trọn đời. Sau khi ông phú hộ Anāthapiṇḍika chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời Đâu-suất-đà-thiên.

* Bà đại thí-chủ Visākhā vốn là tiểu thư của ông đại phú hộ Dhanañcaya, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu lúc 7 tuổi. Khi tiểu-thư Visākhā trưởng thành kết hôn với công tử của ông phú hộ Migāra trong kinh-thành Sāvattthī.

Bà đại thí-chủ Visākhā xây dựng ngôi chùa Pubbārāma

tại hướng Đông gần cửa thành Sāvattthī, rồi làm lễ kính dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Bà đại thí-chủ Visākhā hoan-hỷ tạo phước-thiện bố thí cúng dường các thứ vật dụng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng cho đến trọn đời. Sau khi *bà đại thí-chủ Visākhā* chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời Hóa-lạc-thiên.

* Bậc thiện-trí có **chánh-kiến sở-nghiệp** (*kammasakatāsammādiṭṭhi*) tin nghiệp và quả của nghiệp, hoàn toàn không tin vào **số-mệnh** vốn không có thật. Bậc thiện-trí tin rằng:

Tất cả mọi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình (sabbe sattā kammassakā). Mỗi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ đều có nghiệp là của riêng mình, chỉ tùy thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mình mà thôi.

Thật vậy, nếu mỗi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, trong bốn loài đó là *loài thai-sinh, loài noãn-sinh, loài thấp-sinh, loài hóa-sinh*, mỗi loài chúng-sinh đều có **mỗi số-mệnh**, thì *ai* có khả năng an bài **mỗi số-mệnh** của mỗi chúng-sinh lớn nhỏ như vậy được???

Patthanā

*Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loka sattā sumaṅgalā.
Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḥhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.*

Lời cầu nguyện

*Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Mong cầu chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.
Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư nguyện cầu với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.*

*Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmim
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.
Nguyện cầu chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Nguyện cầu chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc
Việt-Nam thân yêu.*

*PL. 2564 / DL. 2020
Rừng Núi Viên-Không
xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.*

*Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāli* và *Aṭṭhakathāpāli*.
- *Suttantapiṭakapāli* và *Aṭṭhakathāpāli*.
- *Abhidhammapiṭakapāli* và *Aṭṭhakathāpāli*.
- Bộ *Abhidhammatthasaṅgaha* của Ngài Đại-Trưởng-Lão *Anuruddha*.
- Bộ *Visuddhimagga* và bộ *Visuddhimaggamahāṭīkā*.
- Toàn bộ sách giáo khoa “*Paramatthajotika*” của Ngài Đại-Trưởng-Lão *Saddhammajotika*.
- Toàn bộ sách *Ledi* của Ngài Đại-Trưởng-Lão *Ledi Sayadaw*, v.v...

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIÊN-TUỆ (Tái Bản)
- 8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC
- Hạnh Phúc An Lành: THIÊN ÁC
- GƯƠNG BẠC XUẤT-GIA
- TÌM HIỂU PHƯỚC BỒ-THÍ (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: HIỂU NGHĨA
- Hạnh Phúc An Lành: NHẬN NẠI
- Hạnh Phúc An Lành: GIÁO-PHÁP
- Hạnh Phúc An Lành: TÂM TỬ
- PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiên-Tuệ: ĐỐI-TƯỢNG TƯ OAI-NGHI
- CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ
- Ý NGHĨA ĐÊM RẪM THÁNG TƯ
- BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH
- LỄ DÂNG Y KATHINA
- ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ
- NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: 10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẠC THƯỜNG
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển I: TAM-BẢO (Tái Bản)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển II: QUY-Y TAM- BẢO (Tái Bản)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển III: PHÁP-HÀNH-GIỚI (Tái Bản)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển IV: NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển V: PHƯỚC-THIỆN
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển VI: PHÁP HẠNH BA-LA- MẬT 1
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển VII: PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 2
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển VIII: PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 3
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển IX: PHÁP-HÀNH THIÊN-ĐỊNH
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển X: PHÁP-HÀNH THIÊN-TUỆ
- VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG
- NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI
- KINH CHUYỂN-PHÁP-LUÂN
- VÒNG TỬ SINH LUÂN-HỒI
- PHÁP NHẬN-NẠI
- TÂM TỬ
- NGÀY RẪM THÁNG TƯ TRONG PHẬT-GIÁO

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khuru Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v ... cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ.

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web “trungtamhotong.org”. Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web “trungtamhotong.org”, vào mục “thư viện”, tìm đến soạn giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn “**Mở trong iBooks**”, sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô “Mục lục”, chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang “Mục lục”. Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hết như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v. ... không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Xin chân thành cảm ơn quý độc giả.

TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỒ-THÍ

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 24-3782 2845 – FAX: 24-3782 2841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Phó Giám đốc phụ trách
ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG

81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: +84 (0) 28 3503 2387 / DĐ: +84 (0) 778 608 925

*Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh,
phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 1172-2020/CXBIPH/01-35/TG
Mã ISBN: 978-604-61-6972-7
QĐXB: 145/QĐ-NXBTG Ngày 20 tháng 4 năm 2020
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2020*

Giá: 80.000Đ

Đức Phật dạy:

*“Với thiện tâm hoan-hỷ,
Bồ-thí vật hài lòng,
Thường được vật hài lòng.
Bồ-thí vật quý báu,
Thường được vật quý báu.
Bồ-thí vật tốt lành,
Thường được vật tốt lành.
Bồ-thí vật quý nhất,
Thường được vật quý nhất.
Người bồ-thí các vật,
Hài lòng hoặc cao quý,
Tốt lành hoặc quý nhất.
Họ sinh ở nơi nào,
Thường được sự sống lâu,
An-lạc và cao quý.”*

ISBN 978-604-61-6972-7



9 786046 169727